BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Ngữ văn

TẬP MỘT

9

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

NGUYỄN KHẮC PHI (Tổng Chủ biên) – NGUYỄN VĂN LONG (Chủ biên phần Văn)
NGUYỄN MINH THUYẾT (Chủ biên phần Tiếng Việt) – TRẦN ĐÌNH SỬ (Chủ biên phần Tập làm văn)
DIỆP QUANG BAN – HỒNG DÂN – BÙI MẠNH HÙNG – LÊ QUANG HƯNG
LÃ NHÂM THÌN – ĐỖ NGỌC THỐNG – TRỊNH THỊ THU TIẾT – PHÙNG VĂN TỬU

Ngữ văn 9

TẬP MỘT

(Tái bản lần thứ mười lăm)

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

Hãy bảo quản, giữ gìn sách giáo khoa để dành tặng cho các em học sinh lớp sau !

Bản quyền thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam – Bộ Giáo dục và Đào tạo.

01–2020/CXBIPH/333–869/GD

Mã số : 2H912T0

LỜI NÓI ĐẦU

So với chương trình các lớp 6, 7 và 8, chương trình Ngữ văn lớp 9 phong phú hơn nhiều. Trước hết là do thời lượng lớn. Nếu ở ba lớp dưới, cả năm học, môn Ngữ văn chỉ có 140 tiết thì ở lớp 9 có đến 175 tiết, nhiều hơn bất cứ môn nào khác. Điều đó nhắc các em phải dành cho môn học này một sự quan tâm thích đáng.

Trong ba phân môn, Văn học chiếm đến 81 tiết, tức gần một nửa số thời gian. Các em sẽ tiếp tục học văn học trung đại với một số đoạn trích văn xuôi và tiểu thuyết có nội dung phong phú hơn trong *Truyền kì mạn lục*, *Vũ trung tuỳ bút*, hồi thứ mười bốn của *Hoàng Lê nhất thống chí* và lần đầu tiên được học thể loại truyện thơ qua hai tác phẩm tiêu biểu là *Truyện Kiều* và *Truyện Lục Vân Tiên*. Đại bộ phận số giờ văn học trong chương trình lớp 9 hiện nay đều dành cho các tác phẩm hiện đại : văn học Việt Nam cũng như văn học nước ngoài ; thơ, văn xuôi cũng như kịch ; văn chương nghị luận cũng như văn bản nhật dụng. Điều đó sẽ đem lại cho các em những bài học phong phú về nhiều mặt, tạo điều kiện thuận lợi cho việc hệ thống hoá kiến thức, ôn tập cuối cấp cũng như cung cấp ngữ liệu thích hợp cho các phân môn Tiếng Việt và Tập làm văn.

Phần Tiếng Việt có khá nhiều vấn đề mới, trong đó hầu hết đều có khả năng áp dụng rộng rãi vào việc phân tích tác phẩm, viết văn hoặc trong giao tiếp hằng ngày như *Các phương châm hội thoại, Xưng hô trong hội thoại, Nghĩa tường minh và hàm ý,...* Bài *Liên kết câu và liên kết đoạn văn* có thể giúp các em củng cố, nâng cao những kiến thức đã học ở phần Tập làm văn.

Phần Tập làm văn, bên cạnh việc hướng dẫn cho các em viết những văn bản hành chính thông dụng như *Biên bản, Hợp đồng, Thư (điện) chúc mừng và thăm hỏi*, sẽ đi sâu hơn vào ba kiểu văn bản *thuyết minh*, *tự sự* và *nghị luận*, giúp các em biết sử dụng một số biện pháp nghệ thuật và yếu tố miêu tả trong văn bản thuyết minh, yếu tố miêu tả và nghị luận, đối thoại, độc thoại và độc thoại nội tâm trong văn bản tự sự, phép phân tích và tổng hợp trong văn bản nghị luận. Về văn bản nghị luận, các em sẽ được tìm hiểu sâu hơn về hai hình thức thường gặp nhất là *nghị luận xã hội*, một hình thức trước đây chưa được chú ý đúng mức

trong nhà trường và *nghị luận văn học* với hai dạng cụ thể là *nghị luận về tác phẩm truyện* (*hoặc đoạn trích*) và *nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ*.

Hi vọng rằng các em học sinh lớp 9 đã hiểu thế nào là *tích hợp*, đã quan tâm đúng mức đến việc vận dụng kiến thức của phân môn này vào phân môn khác. Đây là lớp cuối cấp, bên cạnh việc thực hiện hướng *tích hợp ngang* giữa các phân môn, các em còn phải chú ý đặc biệt đến hướng *tích hợp dọc*, tức là biết vận dụng tổng hợp tất cả những kiến thức đã học được ở những lớp dưới vào các tiết học *Tổng kết, Ôn tập* (chiếm một tỉ trọng khá lớn trong chương trình Ngữ văn lớp 9).

Chúc các em học tốt môn Ngữ văn ở lớp cuối cấp và đạt được kết quả cao ở môn này.

TM. Nhóm biên soạn

Tổng Chủ biên

NGUYỄN KHẮC PHI

BÀI 1

Kết quả cần đạt

- *Thấy được những vẻ đẹp trong phong cách Hồ Chí Minh – sự kết hợp hài hoà giữa truyền thống và hiện đại, dân tộc và nhân loại, vĩ đại và bình dị – để càng thêm kính yêu Bác, tự nguyện học tập theo gương Bác.*
- *Nắm được các phương châm hội thoại về lượng và về chất để vận dụng trong giao tiếp.*
- *Biết sử dụng một số biện pháp nghệ thuật trong văn bản thuyết minh.*

VĂN BẢN

PHONG CÁCH[1] HỒ CHÍ MINH

Trong cuộc đời đầy truân chuyên[2] của mình, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tiếp xúc với văn hoá nhiều nước, nhiều vùng trên thế giới, cả ở phương Đông và phương Tây. Trên những con tàu vượt trùng dương, Người đã ghé lại nhiều hải cảng, đã thăm các nước châu Phi, châu Á, châu Mĩ. Người đã từng sống dài ngày ở Pháp, ở Anh. Người nói và viết thạo nhiều thứ tiếng ngoại quốc : Pháp, Anh, Hoa, Nga... và Người đã làm nhiều nghề. Có thể nói ít có vị lãnh tụ nào lại am hiểu nhiều về các dân tộc và nhân dân thế giới, văn hoá thế giới sâu sắc như Chủ tịch Hồ Chí Minh. Đến đâu Người cũng học hỏi, tìm hiểu văn hoá, nghệ thuật đến một mức khá uyên thâm[3]. Người cũng chịu ảnh hưởng của tất cả các nền văn hoá, đã tiếp thu mọi cái đẹp và cái hay đồng thời với việc phê phán những tiêu cực của chủ nghĩa tư bản. Nhưng điều kì lạ là tất cả những ảnh hưởng quốc tế đó đã nhào nặn với cái gốc văn hoá dân tộc không gì lay chuyển được ở Người, để trở thành một nhân cách rất Việt Nam, một lối sống rất bình dị, rất Việt Nam, rất phương Đông, nhưng cũng đồng thời rất mới, rất hiện đại [...].

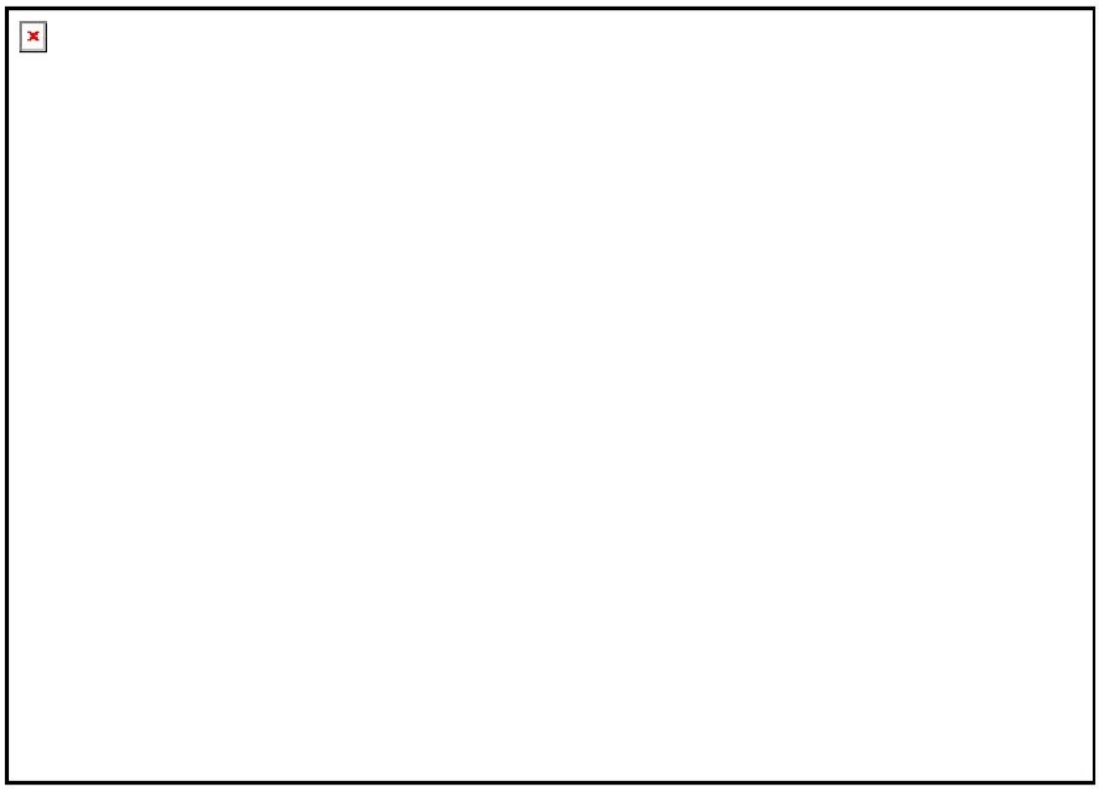

Nhà sàn của Bác Hồ tại Phủ Chủ tịch, Hà Nội

Lần đầu tiên trong lịch sử Việt Nam và có lẽ cả thế giới, có một vị Chủ tịch nước lấy chiếc nhà sàn nhỏ bằng gỗ bên cạnh chiếc ao làm "cung điện" của mình. Quả như một câu chuyện thần thoại, như câu chuyện về một vị tiên, một con người siêu phàm[4] nào đó trong cổ tích. Chiếc nhà sàn đó cũng chỉ vẻn vẹn có vài phòng tiếp khách, họp Bộ Chính trị[5], làm việc và ngủ, với những đồ đạc rất mộc mạc đơn sơ. Và chủ nhân chiếc nhà sàn này cũng trang phục hết sức giản dị, với bộ quần áo bà ba nâu, chiếc áo trấn thủ[6], đôi dép lốp[7] thô sơ như của các chiến sĩ Trường Sơn đã được một tác giả phương Tây ca ngợi như một vật thần kì. Hằng ngày, việc ăn uống của Người cũng rất đạm bạc, với những món ăn dân tộc không chút cầu kì, như cá kho, rau luộc, dưa ghém, cà muối, cháo hoa.

Và Người sống ở đó, một mình, với một tư trang ít ỏi, một chiếc va li con với vài bộ áo quần, vài vật kỉ niệm của cuộc đời dài. Tôi dám chắc không có một vị lãnh tụ, một vị tổng thống hay một vị vua hiền nào ngày trước lại sống đến mức giản dị và tiết chế[8] như vậy. Bất giác ta nghĩ đến các vị hiền triết[9] ngày xưa

như Nguyễn Trãi ở Côn Sơn hay Nguyễn Bỉnh Khiêm sống ở quê nhà với những thú quê thuần đức[10] :

Thu ăn măng trúc, đông ăn giá
Xuân tắm hồ sen, hạ tắm ao...

Nếp sống giản dị và thanh đạm của Bác Hồ, cũng như các vị danh nho[11] xưa, hoàn toàn không phải là một cách tự thần thánh hoá, tự làm cho khác đời, hơn đời, mà đây là lối sống thanh cao, một cách di dưỡng tinh thần[12], một quan niệm thẩm mĩ về cuộc sống, có khả năng đem lại hạnh phúc thanh cao cho tâm hồn và thể xác.

(Lê Anh Trà, *Phong cách Hồ Chí Minh, cái vĩ đại gắn với cái giản dị*, trong *Hồ Chí Minh và văn hoá Việt Nam*, Viện Văn hoá xuất bản, Hà Nội, 1990)

Chú thích

(1) *Phong cách* : ở đây dùng với nghĩa là lối sống, cách sinh hoạt, làm việc, ứng xử,... tạo nên cái riêng của một người hay một tầng lớp người nào đó.

(2) *Truân chuyên* : gian nan, vất vả.

(3) *Uyên thâm* : có trình độ kiến thức rất sâu (*uyên* : vực sâu, sâu ; *thâm* : sâu).

(4) *Siêu phàm* : vượt lên trên người thường hoặc những điều thường thấy (*siêu* : cao vượt lên ; *phàm* : bình thường, tầm thường).

(5) *Bộ Chính trị* : ở đây chỉ cơ quan lãnh đạo cấp cao nhất của Đảng Cộng sản Việt Nam.

(6) *Áo trấn thủ* : áo bông ngắn đến thắt lưng, không có tay, may chần, mặc bó sát vào người, dùng trang bị cho bộ đội trong kháng chiến chống Pháp.

(7) *Dép lốp* : dép cao su, tận dụng lốp ô tô cũ làm đế dép.

(8) *Tiết chế* : hạn chế, giữ cho không vượt quá mức.

(9) *Hiền triết* : người có tài năng, đức độ, hiểu biết sâu rộng, được người đời tôn vinh.

(10) *Thuần đức* : đạo đức hoàn toàn trong sáng.

(11) *Danh nho* : nhà nho nổi tiếng.

(12) *Di dưỡng tinh thần* : bồi bổ cho sảng khoái về tinh thần, giữ cho tinh thần vui khoẻ.

ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN

1. Vốn tri thức văn hoá nhân loại của Chủ tịch Hồ Chí Minh sâu rộng như thế nào ? Vì sao Người lại có được vốn tri thức sâu rộng như vậy ?

2. Lối sống rất bình dị, rất Việt Nam, rất phương Đông của Bác Hồ được biểu hiện như thế nào ?

3. Vì sao có thể nói lối sống của Bác là sự kết hợp giữa giản dị và thanh cao ?

4. Nêu cảm nhận của em về những nét đẹp trong phong cách Hồ Chí Minh.

> ***Ghi nhớ***
>
> *Vẻ đẹp của phong cách Hồ Chí Minh là sự kết hợp hài hoà giữa truyền thống văn hoá dân tộc và tinh hoa văn hoá nhân loại, giữa thanh cao và giản dị.*

LUYỆN TẬP

Tìm đọc và kể lại những câu chuyện về lối sống giản dị mà cao đẹp của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

CÁC PHƯƠNG CHÂM HỘI THOẠI

I – PHƯƠNG CHÂM VỀ LƯỢNG

1. Đọc đoạn đối thoại sau và trả lời câu hỏi.

An : – *Cậu có biết bơi không ?*

Ba : – *Biết chứ, thậm chí còn bơi giỏi nữa.*

An : – *Cậu học bơi ở đâu vậy ?*

Ba : – *Dĩ nhiên là ở dưới nước chứ còn ở đâu.*

Khi An hỏi "học bơi ở đâu" mà Ba trả lời "ở dưới nước" thì câu trả lời có đáp ứng điều mà An muốn biết không ? Cần trả lời như thế nào ? Từ đó có thể rút ra bài học gì về giao tiếp ?

2. Đọc truyện cười sau và trả lời câu hỏi.

LỢN CƯỚI, ÁO MỚI

Có anh tính hay khoe của. Một hôm, may được cái áo mới, liền đem ra mặc, rồi đứng hóng ở cửa, đợi có ai đi qua người ta khen. Đứng mãi từ sáng đến chiều chả thấy ai hỏi cả, anh ta tức lắm.

Đang tức tối, chợt thấy một anh, tính cũng hay khoe, tất tưởi chạy đến hỏi to :

– Bác có thấy con lợn cưới của tôi chạy qua đây không ?

Anh kia liền giơ ngay vạt áo ra, bảo :

– Từ lúc tôi mặc cái áo mới này, tôi chẳng thấy con lợn nào chạy qua đây cả !

(Theo *Truyện cười dân gian Việt Nam*)

Vì sao truyện này lại gây cười ? Lẽ ra anh có "lợn cưới" và anh có "áo mới" phải hỏi và trả lời thế nào để người nghe đủ biết được điều cần hỏi và cần trả lời ? Như vậy, cần phải tuân thủ yêu cầu gì khi giao tiếp ?

> ***Ghi nhớ***
>
> *Khi giao tiếp, cần nói cho có nội dung ; nội dung của lời nói phải đáp ứng đúng yêu cầu của cuộc giao tiếp, không thiếu, không thừa (phương châm về lượng).*

II – PHƯƠNG CHÂM VỀ CHẤT

Đọc truyện cười sau và trả lời câu hỏi.

QUẢ BÍ KHỔNG LỒ

Hai anh chàng đi qua một khu vườn trồng bí. Một anh thấy quả bí to, kêu lên :

– Chà, quả bí kia to thật !

Anh bạn có tính hay nói khoác, cười mà bảo rằng :

– Thế thì đã lấy gì làm to. Tôi đã từng thấy những quả bí to hơn nhiều. Có một lần, tôi tận mắt trông thấy một quả bí to bằng cả cái nhà đằng kia kìa.

Anh kia nói ngay :

– Thế thì đã lấy gì làm lạ. Tôi còn nhớ, một bận tôi trông thấy một cái nồi đồng to bằng cả cái đình làng ta.

Anh nói khoác ngạc nhiên hỏi :

– Cái nồi ấy dùng để làm gì mà to vậy ?

Anh kia giải thích :

– Cái nồi ấy dùng để luộc quả bí anh vừa nói ấy mà.

Anh nói khoác biết bạn chế nhạo mình bèn nói lảng sang chuyện khác.

(Theo *Truyện cười dân gian Việt Nam*)

Truyện cười này phê phán điều gì ? Như vậy trong giao tiếp có điều gì cần tránh ?

> ***Ghi nhớ***
>
> *Khi giao tiếp, đừng nói những điều mà mình không tin là đúng hay không có bằng chứng xác thực (phương châm về chất).*

III – LUYỆN TẬP

1. Vận dụng phương châm về lượng để phân tích lỗi trong những câu sau :

a) *Trâu là một loài gia súc nuôi ở nhà.*

b) *Én là một loài chim có hai cánh.*

2. Chọn từ ngữ thích hợp điền vào chỗ trống[(a)] :

a) *Nói có căn cứ chắc chắn là* / .../

b) *Nói sai sự thật một cách cố ý, nhằm che giấu điều gì đó là* / .../

(a) Đối với các bài tập điền chữ cái, dấu thanh, tiếng, từ ngữ,... vào chỗ trống trong *Ngữ văn 9,* học sinh chép lại và làm vào vở bài tập.

c) *Nói một cách hú hoạ, không có căn cứ là /.../*

d) *Nói nhảm nhí, vu vơ là /.../*

e) *Nói khoác lác, làm ra vẻ tài giỏi hoặc nói những chuyện bông đùa, khoác lác cho vui là /.../*

(***nói trạng ; nói nhăng nói cuội ; nói có sách, mách có chứng ; nói dối ; nói mò***)

Các từ ngữ trên đều chỉ những cách nói liên quan đến một phương châm hội thoại đã học. Cho biết đó là phương châm hội thoại nào.

3. Đọc truyện cười sau và cho biết phương châm hội thoại nào đã không được tuân thủ.

CÓ NUÔI ĐƯỢC KHÔNG ?

Một anh, vợ có thai mới hơn bảy tháng mà đã sinh con. Anh ta sợ nuôi không được, gặp ai cũng hỏi.

Một người bạn an ủi :

– Không can gì mà sợ. Bà tôi sinh ra bố tôi cũng để non trước hai tháng đấy !

Anh kia giật mình hỏi lại :

– Thế à ? Rồi có nuôi được không ?

(Theo *Truyện cười dân gian Việt Nam*)

4. Vận dụng những phương châm hội thoại đã học để giải thích vì sao người nói đôi khi phải dùng những cách diễn đạt như :

a) *như tôi được biết, tôi tin rằng, nếu tôi không lầm thì, tôi nghe nói, theo tôi nghĩ, hình như là,...*

b) *như tôi đã trình bày, như mọi người đều biết.*

5. Giải thích nghĩa của các thành ngữ sau và cho biết những thành ngữ này có liên quan đến phương châm hội thoại nào : *ăn đơm nói đặt, ăn ốc nói mò, ăn không nói có, cãi chày cãi cối, khua môi múa mép, nói dơi nói chuột, hứa hươu hứa vượn.*

SỬ DỤNG MỘT SỐ BIỆN PHÁP NGHỆ THUẬT TRONG VĂN BẢN THUYẾT MINH

I – TÌM HIỂU VIỆC SỬ DỤNG MỘT SỐ BIỆN PHÁP NGHỆ THUẬT TRONG VĂN BẢN THUYẾT MINH

1. Ôn tập văn bản thuyết minh

Văn bản thuyết minh có những tính chất gì ? Nó được viết ra nhằm mục đích gì ? Cho biết các phương pháp thuyết minh thường dùng.

2. Viết văn bản thuyết minh có sử dụng một số biện pháp nghệ thuật

Đọc văn bản sau và cho biết : Văn bản này thuyết minh đặc điểm của đối tượng nào ? Văn bản có cung cấp được tri thức khách quan về đối tượng không ? Văn bản đã vận dụng phương pháp thuyết minh nào là chủ yếu ? Đồng thời, để cho sinh động, tác giả còn vận dụng biện pháp nghệ thuật nào ?

HẠ LONG – ĐÁ VÀ NƯỚC

Sự kì lạ của Hạ Long là vô tận. Tạo hoá đã biết dùng đúng chất liệu hay nhất cho cuộc sáng tạo của mình : Nước. Chính Nước làm cho Đá sống dậy, làm cho Đá vốn bất động và vô tri bỗng trở nên linh hoạt, có thể động đến vô tận, và có tri giác, có tâm hồn.

Nước tạo nên sự di chuyển. Và di chuyển theo mọi cách. Có thể để mặc cho con thuyền của ta mỏng như lá tre tự nó bập bềnh lên xuống theo con triều ; có thể thả trôi theo chiều gió, theo các dòng chảy quanh co phức tạp giữa các đảo ; cũng có thể thong thả khua khẽ mái chèo mà lướt đi, trượt nhẹ và êm trên sóng ; có thể nhanh tay hơn một chút để tạo một cảm giác xê dịch thanh thoát ; có thể bơi nhanh hơn bằng thuyền buồm, nhanh hơn nữa bằng thuyền máy, cũng như bay trên các ngọn sóng lượn vun vút giữa các đảo trên ca nô cao tốc ; có thể thả sức phóng nhanh hàng giờ, hàng buổi, hàng ngày khắp các trận đồ bát quái Đá trộn với Nước này ; mà cũng có thể, như một người bộ hành tuỳ hứng, lúc đi lúc dừng, lúc nhanh lúc chậm, lúc tiến lúc lùi, thẳng tắp hay quanh co, lao ra những quãng trống hay len lỏi qua các khe hẹp giữa các đảo đá... Và cái thập loại chúng sinh Đá chen chúc khắp vịnh Hạ Long kia, già đi, trẻ lại, trang nghiêm hơn hay bỗng nhiên nhí nhảnh, tinh nghịch hơn, buồn hơn hay vui hơn,... hoá thân không

ngừng là tuỳ theo góc độ và tốc độ di chuyển của ta trên mặt nước quanh chúng, hoặc độ xa gần và hướng ta tiến đến chúng hay rời xa chúng ; còn tuỳ theo cả hướng ánh sáng rọi vào chúng, hoặc đột nhiên khiến cho mái đầu một nhân vật Đá trẻ trung ta chừng đã quen lắm bỗng bạc xoá lên, và rõ ràng trước mắt ta là một bậc tiên ông không còn có tuổi. Ánh sáng hắt lên từ mặt nước lung linh chảy khiến những con người bằng đá vây quanh ta trên mặt vịnh càng lung linh, xao động, như đang đi lại, đang tụ lại cùng nhau, hay đang toả ra. Hoặc cũng rất có thể, khi đêm đã xuống, dưới ánh sao chi chít trên bầu trời và chi chít xao động dưới cả mặt nước bí ẩn nữa, sẽ có cuộc tụ họp của cái thế giới người bằng đá sống động đó, biết đâu !...

[...] Để rồi, khi chân trời đằng đông vừa ửng tím nhạt, rồi từ từ chuyển sang hồng... thì tất cả bọn người đá ấy lại hối hả trở về vị trí của họ. Mà vẫn còn nóng hổi hơi thở cuộc sống đêm chưa muốn dứt.

Hạ Long vậy đó, cho ta một bài học, sơ đẳng mà cao sâu : Trên thế gian này, chẳng có gì là vô tri cả. Cho đến cả Đá. Ở đây Tạo hoá đã chọn Đá làm một trong hai nguyên liệu chủ yếu và duy nhất của Người để bày nên bản phác thảo của Sự sống. Chính là Người có ý tứ sâu xa đấy : Người chọn lấy cái vẫn được coi là trơ lì, vô tri nhất để thể hiện cái hồn riu rít của sự sống. Thiên nhiên bao giờ cũng thông minh đến bất ngờ ; nó tạo nên thế giới bằng những nghịch lí đến lạ lùng...

(*Theo* Nguyên Ngọc, *Hạ Long – Đá và Nước*,
Ban quản lí vịnh Hạ Long, 2002)

Ghi nhớ

- *Muốn cho văn bản thuyết minh được sinh động, hấp dẫn, người ta vận dụng thêm một số biện pháp nghệ thuật như kể chuyện, tự thuật, đối thoại theo lối ẩn dụ, nhân hoá hoặc các hình thức vè, diễn ca,...*
- *Các biện pháp nghệ thuật cần được sử dụng thích hợp, góp phần làm nổi bật đặc điểm của đối tượng thuyết minh và gây hứng thú cho người đọc.*

II – LUYỆN TẬP

1. Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi.

NGỌC HOÀNG XỬ TỘI RUỒI XANH

Do loài người phát đơn kiện, Ngọc Hoàng Thượng đế mở phiên toà công khai xử tội loài ruồi. Ngọc Hoàng truyền cho vệ sĩ Nhện điệu Ruồi xanh lên điện, đập bàn thị uy :

– Ruồi kia, loài người kiện mi làm hại chúng sinh, mau mau khai ra tên họ, chủng loại và nơi ở !

Ruồi sợ hãi quỳ thưa trước vành móng ngựa :

– Con là Ruồi xanh, thuộc họ côn trùng hai cánh, mắt lưới. Họ hàng con rất đông, gồm Ruồi trâu, Ruồi vàng, Ruồi giấm... Nơi ở là nhà vệ sinh, chuồng lợn, chuồng trâu, nhà ăn, quán vỉa hè..., bất kì chỗ nào có thức ăn mà không đậy điệm con đều lấy làm nơi sinh sống.

Ngọc Hoàng yêu cầu Thiên Tào tra sổ xác nhận rồi cho đọc cáo trạng : "Bị cáo Ruồi bị cáo buộc hai tội. Một là ruồi sống nơi dơ bẩn, mang nhiều vi trùng gieo rắc bệnh tật. Bên ngoài ruồi mang 6 triệu vi khuẩn, trong ruột chứa đến 28 triệu vi khuẩn. Chúng gieo rắc bệnh tả, kiết lị, thương hàn, viêm gan B. Hai là ruồi sinh đẻ nhanh quá mức, vô kế hoạch. Một đôi ruồi, trong một mùa từ tháng 4 đến tháng 8, nếu đều mẹ tròn con vuông sẽ đẻ ra 19 triệu tỉ con ruồi, ảnh hưởng xấu tới môi trường sinh thái".

Một luật sư bào chữa nói : "Ruồi tuy tội nhiều nhưng nó cũng có nét đặc biệt : mắt ruồi như mắt lưới, một mắt chứa hàng triệu mắt nhỏ ; chân ruồi có thể tiết ra chất dính làm cho nó đậu được trên mặt kính mà không trượt chân. Nếu con người biết bắt chước mắt ruồi mà làm máy chụp ảnh, mô phỏng chân ruồi mà làm giày leo núi thì cũng hay. Đó là những tình tiết giảm nhẹ tội cho ruồi".

Ngọc Hoàng cân nhắc, tuyên phạt Ruồi khổ sai chung thân ; truyền cho chim chóc, cóc, nhái, thằn lằn, kiến, nhện ra sức giết bớt ruồi, không cho đẻ nhiều. Ngọc Hoàng lại nói với loài người : "Ruồi có tội mà con người cũng có lỗi. Con người phải thường xuyên đậy điệm thức ăn, làm vệ sinh môi trường ; nhà vệ sinh, chuồng trại phải xây theo lối mới thì mới ngăn chặn ruồi sinh sôi và hạn chế tác hại của ruồi được".

Lời tuyên án của Ngọc Hoàng làm cho các loài vật phấn khởi, còn con người thì trầm ngâm nghĩ ngợi.

(Tường Lan)

Câu hỏi :

a) Văn bản có tính chất thuyết minh không ? Tính chất ấy thể hiện ở những điểm nào ? Những phương pháp thuyết minh nào đã được sử dụng ?

b) Văn bản thuyết minh này có nét gì đặc biệt ? Tác giả đã sử dụng biện pháp nghệ thuật nào ?

c) Các biện pháp nghệ thuật ở đây có tác dụng gây hứng thú và làm nổi bật nội dung cần thuyết minh hay không ?

2. Đọc đoạn văn sau và nêu nhận xét về biện pháp nghệ thuật được sử dụng để thuyết minh.

Bà tôi thường kể cho tôi nghe rằng chim cú kêu là có ma tới. Tôi hỏi vì sao thì bà giải thích : "Thế cháu không nghe tiếng cú kêu thường vọng từ bãi tha ma đến hay sao ?". Sau này học môn Sinh học tôi mới biết là không phải như vậy. Chim cú là loài chim ăn thịt, thường ăn thịt lũ chuột đồng, kẻ phá hoại mùa màng. Chim cú là giống vật có lợi, là bạn của nhà nông. Sở dĩ chim cú thường lui tới bãi tha ma là vì ở đó có lũ chuột đồng đào hang. Bây giờ mỗi lần nghe tiếng chim cú, tôi chẳng những không sợ mà còn vui vì biết rằng người bạn của nhà nông đang hoạt động.

LUYỆN TẬP SỬ DỤNG MỘT SỐ BIỆN PHÁP NGHỆ THUẬT TRONG VĂN BẢN THUYẾT MINH

I – CHUẨN BỊ Ở NHÀ

Cho đề bài : *Thuyết minh một trong các đồ dùng sau : cái quạt, cái bút, cái kéo, chiếc nón.*

1. Yêu cầu của luyện tập :

– Về nội dung thuyết minh : nêu được công dụng, cấu tạo, chủng loại, lịch sử của cái quạt (cái bút, cái kéo, chiếc nón).

– Về hình thức thuyết minh : vận dụng một số biện pháp nghệ thuật để làm cho bài viết sinh động, hấp dẫn như kể chuyện, tự thuật, hỏi - đáp theo lối nhân hoá,...

2. Yêu cầu chuẩn bị :

– Xác định đề bài cụ thể.

– Lập dàn ý chi tiết và viết phần Mở bài.

II – LUYỆN TẬP TRÊN LỚP

Trình bày dàn ý, đọc phần Mở bài, thảo luận.

ĐỌC THÊM

HỌ NHÀ KIM

Trong các dụng cụ của con người, có lẽ chúng tôi thuộc loại bé nhất. Tuy bé nhưng nhà ai cũng cần đến. Các bạn có biết chúng tôi là ai không ? Chúng tôi là cái kim khâu, bằng kim loại, bề ngang độ nửa mi-li-mét, bề dài khoảng hai, ba xăng-ti-mét, một đầu nhọn, một đầu tù, có lỗ tròn để xâu chỉ. Kim phải cứng mới dùng được. Khi đứt cúc, sứt chỉ, thế nào cũng phải có tôi thì mới xong.

Tôi có từ lúc nào, không rõ lắm, nhưng chắc chắn là từ rất xưa. Từ khi con người biết trồng bông dệt vải may áo, chắc là phải cần đến kim để khâu áo. Làm ra cây kim lúc đầu hẳn là rất khó khăn, cho nên bây giờ mới có câu tục ngữ *Có công mài sắt, có ngày nên kim*.

Họ nhà Kim chúng tôi rất đông. Ngoài kim khâu vải may áo, còn có loại kim dùng để thêu thùa, lại có kim khâu trong phẫu thuật, kim khâu giày, kim đóng sách,... Công dụng của kim là đưa chỉ mềm luồn qua các vật dày, mỏng để kết chúng lại. Thiếu chúng tôi thì nhiều ngành sản xuất gặp khó khăn đấy ! Nghe nói từ cuối thế kỉ XVIII, một người Anh đã sáng chế ra máy khâu, nhưng máy khâu vẫn cứ phải có kim thì mới khâu được !

Cùng họ Kim chúng tôi còn có cây kim châm cứu. Nó bé mà dài, làm bằng bạc, dùng để châm vào huyệt nhằm chữa bệnh. Những cây kim của ông Nguyễn Tài Thu đã nổi tiếng thế giới !

Họ Kim lại còn có kim tiêm. Vẫn thân hình bé nhỏ, cứng cáp, có đầu nhọn, nhưng trong ruột lại rỗng, kim tiêm dùng để đưa thuốc chữa bệnh vào trong cơ thể con người. Khi ốm nặng, cần tiêm mà không có kim tiêm sạch thì nguy !

Chúng tôi bé thật đấy, nhưng không tầm thường chút nào ! Chúng tôi làm được những việc mà những kẻ to xác không làm được. Như vậy có phải là rất đáng tự hào không ?

(Văn Hùng)

BÀI 2

Kết quả cần đạt

- *Hiểu được nguy cơ chiến tranh hạt nhân và cuộc chạy đua vũ trang đang đe doạ toàn bộ sự sống trên trái đất và nhiệm vụ cấp bách của toàn thể nhân loại là ngăn chặn nguy cơ đó, là đấu tranh cho một thế giới hoà bình. Thấy được nghệ thuật nghị luận của tác giả : chứng cứ cụ thể, xác thực, cách so sánh rõ ràng, giàu sức thuyết phục, lập luận chặt chẽ.*
- *Nắm được các phương châm hội thoại quan hệ, cách thức, lịch sự để vận dụng trong giao tiếp.*
- *Hiểu và có kĩ năng sử dụng yếu tố miêu tả trong văn bản thuyết minh.*

VĂN BẢN

ĐẤU TRANH CHO MỘT THẾ GIỚI HOÀ BÌNH

[...] Chúng ta đang ở đâu ? Hôm nay ngày 8 – 8 – 1986, hơn 50 000 đầu đạn hạt nhân đã được bố trí trên khắp hành tinh. Nói nôm na ra, điều đó có nghĩa là mỗi người, không trừ trẻ con, đang ngồi trên một thùng 4 tấn thuốc nổ : tất cả chỗ đó nổ tung lên sẽ làm biến hết thảy, không phải là một lần mà là mười hai lần, mọi dấu vết của sự sống trên trái đất. Nguy cơ ghê gớm đó đang đè nặng lên chúng ta như thanh gươm Đa-mô-clét(1), về lí thuyết có thể tiêu diệt tất cả các hành tinh đang xoay quanh mặt trời, cộng thêm bốn hành tinh nữa, và phá huỷ thế thăng bằng của hệ mặt trời. Không có một ngành khoa học hay công nghiệp nào có được những tiến bộ nhanh ghê gớm như ngành công nghiệp hạt nhân kể từ khi nó ra đời cách đây 41 năm, không có một đứa con nào của tài năng con người lại có một tầm quan trọng quyết định đến như vậy đối với vận mệnh thế giới.

Niềm an ủi duy nhất trước tất cả những suy diễn kinh khủng đó là nhận thức được rằng việc bảo tồn sự sống trên trái đất ít tốn kém hơn là "dịch hạch"[2] hạt nhân. Chỉ do sự tồn tại của nó không thôi, cái cảnh tận thế tiềm tàng trong các bệ phóng cái chết cũng đã làm tất cả chúng ta mất đi khả năng sống tốt đẹp hơn.

Năm 1981, UNICEF[3] đã định ra một chương trình để giải quyết những vấn đề cấp bách cho 500 triệu trẻ em nghèo khổ nhất trên thế giới. Chương trình này dự kiến cứu trợ về y tế, giáo dục sơ cấp, cải thiện điều kiện vệ sinh và tiếp tế thực phẩm, nước uống. Nhưng tất cả đã tỏ ra là một giấc mơ không thể thực hiện được, vì tốn kém 100 tỉ đô la. Tuy nhiên, số tiền này cũng chỉ gần bằng những chi phí bỏ ra cho 100 máy bay ném bom chiến lược B.1B của Mĩ và cho dưới 7 000 tên lửa vượt đại châu.

Và đây là một ví dụ khác trong lĩnh vực y tế : Giá của 10 chiếc tàu sân bay[4] mang vũ khí hạt nhân kiểu tàu Ni-mít, trong số 15 chiếc mà Hoa Kì dự định đóng từ nay đến năm 2000, cũng đủ để thực hiện một chương trình phòng bệnh trong cũng 14 năm đó và sẽ bảo vệ cho hơn 1 tỉ người khỏi bệnh sốt rét và cứu hơn 14 triệu trẻ em, riêng cho châu Phi mà thôi.

Một ví dụ trong lĩnh vực tiếp tế thực phẩm : Theo tính toán của FAO[5], năm 1985, người ta thấy trên thế giới có gần 575 triệu người thiếu dinh dưỡng. Số lượng ca-lo trung bình cần thiết cho những người đó chỉ tốn kém không bằng 149 tên lửa MX... Chỉ cần 27 tên lửa MX là đủ trả tiền nông cụ cần thiết cho các nước nghèo để họ có được thực phẩm trong bốn năm tới.

Một ví dụ trong lĩnh vực giáo dục : Chỉ hai chiếc tàu ngầm mang vũ khí hạt nhân là đủ tiền xoá nạn mù chữ cho toàn thế giới.

[...]

Một nhà tiểu thuyết lớn của thời đại chúng ta đã đặt ra câu hỏi : Phải chăng trái đất chúng ta chính là địa ngục của các hành tinh khác ? Có lẽ sự việc giản đơn hơn nhiều : Nó chỉ là một cái làng nhỏ mà thánh thần đã bỏ quên ở ngoại vi vũ trụ.

Tuy nhiên, ý nghĩ dai dẳng cho rằng trái đất là nơi độc nhất có phép màu của sự sống trong hệ mặt trời, ý nghĩ đó đã đẩy chúng ta tới kết luận này, không thể khác được : Chạy đua vũ trang là đi ngược lại lí trí.

Không những đi ngược lại lí trí con người mà còn đi ngược lại cả lí trí tự nhiên nữa [...]. Từ khi mới nhen nhúm sự sống trên trái đất, đã phải trải qua 380 triệu năm con bướm mới bay được, rồi 180 triệu năm nữa bông hồng mới nở, chỉ để làm đẹp mà thôi. Cũng đã phải trải qua bốn kỉ địa chất[6], con người mới hát được hay hơn chim và mới chết vì yêu. Trong thời đại hoàng kim này của khoa học, trí tuệ con người chẳng có gì để tự hào vì đã phát minh ra một biện pháp, chỉ cần bấm nút một cái là đưa cả quá trình vĩ đại và tốn kém đó của hàng bao nhiêu triệu năm trở lại điểm xuất phát của nó.

Chúng ta đến đây để cố gắng chống lại việc đó, đem tiếng nói của chúng ta tham gia vào bản đồng ca của những người đòi hỏi một thế giới không có vũ khí và một cuộc sống hoà bình, công bằng. Nhưng dù cho tai hoạ có xảy ra thì sự có mặt của chúng ta ở đây cũng không phải là vô ích. [...]

Tôi rất khiêm tốn nhưng cũng rất kiên quyết đề nghị mở ra một nhà băng lưu trữ trí nhớ có thể tồn tại được sau thảm hoạ hạt nhân. Để cho nhân loại tương lai biết rằng sự sống đã từng tồn tại ở đây, bị chi phối bởi đau khổ và bất công nhưng cũng đã từng biết đến tình yêu và biết hình dung ra hạnh phúc. Để cho nhân loại tương lai hiểu điều đó và làm sao cho ở mọi thời đại, người ta đều biết đến tên những thủ phạm đã gây ra những lo sợ, đau khổ cho chúng ta, đã giả điếc làm ngơ trước những lời khẩn cầu hoà bình, những lời kêu gọi làm cho cuộc sống tốt đẹp hơn, để mọi người biết rằng bằng những phát minh dã man nào, nhân danh những lợi ích ti tiện nào, cuộc sống đó đã bị xoá bỏ khỏi vũ trụ này.

(G.G. Mác-két(★), *Thanh gươm Đa-mô-clét*
bản dịch của N.V., báo *Văn nghệ*, ngày 27 – 9 – 1986)

Chú thích

(★) Ga-bri-en Gác-xi-a Mác-két (1928 – 2014), nhà văn Cô-lôm-bi-a, tác giả của nhiều tiểu thuyết và tập truyện ngắn theo khuynh hướng hiện thực huyền ảo, nổi tiếng nhất là tiểu thuyết *Trăm năm cô đơn* (1967). Mác-két được nhận giải thưởng Nô-ben về văn học năm 1982.

Tháng 8 năm 1986, nguyên thủ sáu nước Ấn Độ, Mê-hi-cô, Thuỵ Điển, Ác-hen-ti-na, Hi Lạp, Tan-da-ni-a họp lần thứ hai tại Mê-hi-cô, đã ra một bản tuyên bố kêu gọi chấm dứt chạy đua vũ trang, thủ tiêu vũ khí hạt nhân để bảo đảm an ninh và hoà bình thế giới. Nhà văn Mác-két được mời tham dự cuộc gặp gỡ này. Văn bản trên trích từ tham luận của ông. Tên văn bản là do người biên soạn đặt.

(1) *Thanh gươm Đa-mô-clét* (một điển tích lấy từ thần thoại Hi Lạp) : Đa-mô-clét treo thanh gươm ngay phía trên đầu bằng sợi lông đuôi ngựa. Điển tích này chỉ mối nguy cơ đe doạ trực tiếp sự sống của con người.

(2) *Dịch hạch* : bệnh truyền nhiễm rất nguy hiểm, do một loại vi khuẩn từ bọ chét của chuột đã mắc bệnh truyền sang người ; khi thành dịch lây lan rất nhanh, đe doạ tính mạng nhiều người. *"Dịch hạch" hạt nhân* (cách nói ẩn dụ) : vũ khí hạt nhân đe doạ loài người như nguy cơ bệnh dịch hạch.

(3) *UNICEF* (viết tắt của United Nations International Children's Emergency Fund) : tên thường gọi là Quỹ Nhi đồng Liên hợp quốc.

(4) *Tàu sân bay* : tàu chiến loại lớn chuyên dùng để chở máy bay, có sân bay để cho máy bay lên xuống.

(5) *FAO* (viết tắt của Food and Agriculture Organization) : Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp thuộc Liên hợp quốc.

(6) *Kỉ địa chất* : đơn vị thời gian địa chất, bậc dưới của *đại*, dài từ hàng triệu đến hàng chục triệu năm.

ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN

1. Hãy nêu hệ thống luận điểm, luận cứ của văn bản.

2. Trong phần đầu văn bản, nguy cơ chiến tranh hạt nhân đe doạ loài người và toàn bộ sự sống trên trái đất đã được tác giả chỉ ra rất cụ thể bằng cách lập luận như thế nào ?

3. Sự tốn kém và tính chất vô lí của cuộc chạy đua vũ trang hạt nhân đã được tác giả chỉ ra bằng những chứng cứ nào ?

4. Vì sao có thể nói : Chiến tranh hạt nhân "không những đi ngược lại lí trí con người mà còn đi ngược lại cả lí trí tự nhiên nữa" ? Em có suy nghĩ gì trước lời cảnh báo của nhà văn Mác-két về nguy cơ huỷ diệt sự sống và nền văn minh trên trái đất một khi chiến tranh hạt nhân nổ ra ?

5*. Theo em, vì sao văn bản này lại được đặt tên là *Đấu tranh cho một thế giới hoà bình* ? Hãy thử đặt nhan đề khác cho văn bản.

Ghi nhớ

• *Nguy cơ chiến tranh hạt nhân đang đe doạ toàn thể loài người và sự sống trên trái đất. Cuộc chạy đua vũ trang vô cùng tốn kém đã cướp đi của thế giới nhiều điều kiện để phát triển, để loại trừ nạn đói, nạn thất học và khắc phục nhiều bệnh tật cho hàng trăm triệu con người. Đấu tranh cho hoà bình, ngăn chặn và xoá bỏ nguy cơ chiến tranh hạt nhân là nhiệm vụ thiết thân và cấp bách của toàn thể loài người.*

• *Bài viết của Mác-két đã đề cập vấn đề cấp thiết nói trên với sức thuyết phục cao bởi lập luận chặt chẽ, chứng cứ phong phú, xác thực, cụ thể và còn bởi nhiệt tình của tác giả.*

LUYỆN TẬP

Phát biểu cảm nghĩ của em sau khi đọc văn bản *Đấu tranh cho một thế giới hoà bình* của nhà văn G.G. Mác-két.

CÁC PHƯƠNG CHÂM HỘI THOẠI (tiếp theo)

I – PHƯƠNG CHÂM QUAN HỆ

Trong tiếng Việt có thành ngữ *ông nói gà, bà nói vịt*. Thành ngữ này dùng để chỉ tình huống hội thoại như thế nào ? Thử tưởng tượng điều gì sẽ xảy ra nếu xuất hiện những tình huống hội thoại như vậy. Qua đó có thể rút ra bài học gì trong giao tiếp ?

Ghi nhớ

Khi giao tiếp, cần nói đúng vào đề tài giao tiếp, tránh nói lạc đề (phương châm quan hệ).

II – PHƯƠNG CHÂM CÁCH THỨC

1. Trong tiếng Việt có những thành ngữ như : *dây cà ra dây muống, lúng búng như ngậm hột thị*. Hai thành ngữ này dùng để chỉ những cách nói như

thế nào ? Những cách nói đó ảnh hưởng đến giao tiếp ra sao ? Qua đó có thể rút ra bài học gì trong giao tiếp ?

2. Có thể hiểu câu sau đây theo mấy cách ? (*Chú ý* : cách hiểu tuỳ thuộc vào việc xác định tổ hợp từ *của ông ấy* bổ nghĩa cho từ ngữ nào.)

Tôi đồng ý với những nhận định về truyện ngắn của ông ấy.

Để người nghe không hiểu lầm, phải nói như thế nào ? Như vậy, trong giao tiếp cần phải tuân thủ điều gì ?

> ***Ghi nhớ***
>
> *Khi giao tiếp, cần chú ý nói ngắn gọn, rành mạch ; tránh cách nói mơ hồ (phương châm cách thức).*

III – PHƯƠNG CHÂM LỊCH SỰ

Đọc truyện sau và trả lời câu hỏi.

NGƯỜI ĂN XIN

Một người ăn xin đã già. Đôi mắt ông đỏ hoe, nước mắt ông giàn giụa, đôi môi tái nhợt, áo quần tả tơi. Ông chìa tay xin tôi.

Tôi lục hết túi nọ đến túi kia, không có lấy một xu, không có cả khăn tay, chẳng có gì hết. Ông vẫn đợi tôi. Tôi chẳng biết làm thế nào. Bàn tay tôi run run nắm chặt lấy bàn tay run rẩy của ông :

– Xin ông đừng giận cháu ! Cháu không có gì cho ông cả.

Ông nhìn tôi chăm chăm, đôi môi nở nụ cười :

– Cháu ơi, cảm ơn cháu ! Như vậy là cháu đã cho lão rồi.

Khi ấy tôi chợt hiểu ra : cả tôi nữa, tôi cũng vừa nhận được một cái gì đó của ông.

(*Theo* Tuốc-ghê-nhép)

Vì sao người ăn xin và cậu bé trong truyện đều cảm thấy mình đã nhận được từ người kia một cái gì đó ? Có thể rút ra bài học gì từ câu chuyện này ?

Ghi nhớ

Khi giao tiếp, cần tế nhị và tôn trọng người khác (phương châm lịch sự).

IV – LUYỆN TẬP

1. Trong kho tàng tục ngữ, ca dao Việt Nam có nhiều câu như :

a) *Lời chào cao hơn mâm cỗ.*

b) *Lời nói chẳng mất tiền mua,*
Lựa lời mà nói cho vừa lòng nhau.

c) *Kim vàng ai nỡ uốn câu,*
Người khôn ai nỡ nói nhau nặng lời.

Qua những câu tục ngữ, ca dao đó, cha ông khuyên dạy chúng ta điều gì ? Hãy tìm thêm một số câu tục ngữ, ca dao có nội dung tương tự.

2. Phép tu từ từ vựng nào đã học (so sánh, ẩn dụ, nhân hoá, hoán dụ, điệp ngữ, nói quá, nói giảm nói tránh) có liên quan trực tiếp tới phương châm lịch sự ? Cho ví dụ.

3. Chọn từ ngữ thích hợp với mỗi chỗ trống :

a) *Nói dịu nhẹ như khen, nhưng thật ra là mỉa mai, chê trách là /.../*

b) *Nói trước lời mà người khác chưa kịp nói là /.../*

c) *Nói nhằm châm chọc điều không hay của người khác một cách cố ý là /.../*

d) *Nói chen vào chuyện của người trên khi không được hỏi đến là /.../*

e) *Nói rành mạch, cặn kẽ, có trước có sau là /.../*

(***nói móc, nói ra đầu ra đũa, nói leo, nói mát, nói hớt***)

Cho biết mỗi từ ngữ trên chỉ cách nói liên quan đến phương châm hội thoại nào.

4. Vận dụng những phương châm hội thoại đã học để giải thích vì sao người nói đôi khi phải dùng những cách nói như :

a) *nhân tiện đây xin hỏi ;*

b) *cực chẳng đã tôi phải nói ; tôi nói điều này có gì không phải anh bỏ qua cho ; biết là làm anh không vui, nhưng... ; xin lỗi, có thể anh không hài lòng nhưng tôi cũng phải thành thực mà nói là... ;*

c) *đừng nói leo ; đừng ngắt lời như thế ; đừng nói cái giọng đó với tôi.*

5. Giải thích nghĩa của các thành ngữ sau và cho biết mỗi thành ngữ liên quan đến phương châm hội thoại nào : *nói băm nói bổ ; nói như đấm vào tai ; điều nặng tiếng nhẹ ; nửa úp nửa mở ; mồm loa mép giải ; đánh trống lảng ; nói như dùi đục chấm mắm cáy.*

SỬ DỤNG YẾU TỐ MIÊU TẢ TRONG VĂN BẢN THUYẾT MINH

I – TÌM HIỂU YẾU TỐ MIÊU TẢ TRONG VĂN BẢN THUYẾT MINH

1. Đọc văn bản sau :

CÂY CHUỐI TRONG ĐỜI SỐNG VIỆT NAM

Đi khắp Việt Nam, nơi đâu ta cũng gặp những cây chuối thân mềm vươn lên như những trụ cột nhẵn bóng, toả ra vòm tán lá xanh mướt che rợp từ vườn tược đến núi rừng. Hầu như ở nông thôn, nhà nào cũng trồng chuối. Cây chuối rất ưa nước nên người ta thường trồng bên ao hồ để nhanh tươi tốt, còn bên những khe suối hay thung lũng, chuối mọc thành rừng bạt ngàn vô tận. Chuối phát triển rất nhanh, chuối mẹ đẻ chuối con, chuối con đẻ chuối cháu, cứ phải gọi là "con đàn cháu lũ".

Người phụ nữ nào mà chẳng liên quan tới cây chuối khi họ phải làm vườn, chăn nuôi và nội trợ, bởi cây chuối là thức ăn thức dụng từ thân đến lá, từ gốc đến hoa, quả ! Có lẽ trong các loài cây thì cây chuối là loài mang sẵn trong nó nhiều nhất các món ăn truyền lại của tổ tiên người Việt – Mường tự xa xưa cho tới ngày nay.

Quả chuối là một món ăn ngon. Nào chuối hương, chuối ngự, nào chuối sứ, chuối mường, loại chuối nào khi quả đã chín cũng đều cho ta vị ngọt ngào và hương thơm hấp dẫn. Có một loại chuối được người ta rất chuộng, đấy là chuối trứng cuốc – không phải là quả tròn như trứng cuốc mà khi chín vỏ chuối có

những vệt lốm đốm như vỏ trứng cuốc. Mỗi cây chuối đều cho một buồng chuối. Có buồng chuối trăm quả, cũng có buồng chuối cả nghìn quả. Không thiếu những buồng chuối dài từ ngọn cây uốn trĩu xuống tận gốc cây. Quả chuối chín ăn vào không chỉ no, không chỉ ngon mà còn là một chất dưỡng da làm cho da dẻ mịn màng. Nếu chuối chín là một món quà sáng trưa chiều tối của con người thì chuối xanh lại là một món ăn thông dụng trong các bữa ăn hằng ngày. Chuối xanh có vị chát, để sống cắt lát ăn cặp với thịt lợn luộc chấm tôm chua khiến miếng thịt ngon gấp bội phần, nó cũng là món ăn cặp rất tuyệt vời với các món tái hay món gỏi. Chuối xanh nấu với các loại thực phẩm có vị tanh như cá, ốc, lươn, chạch có sức khử tanh rất tốt, nó không chỉ làm cho thực phẩm ngon hơn mà chính nó cũng có cái ngon cái bổ riêng không thay thế được. Người ta có thể chế biến ra nhiều món ăn từ quả chuối như chuối ép, mứt chuối, kẹo chuối, bánh chuối,... Nhưng có một điều quan trọng là quả chuối đã trở thành phẩm vật thờ cúng từ ngàn đời trên mâm ngũ quả. Đấy là "chuối thờ". Chuối thờ bao giờ cũng dùng nguyên nải. Ngày lễ, tết thường thờ chuối xanh già, còn ngày rằm hoặc giỗ kị có thể thờ chuối chín.

(*Theo* Nguyễn Trọng Tạo, tạp chí *Tia sáng*)

2. Suy nghĩ và thực hiện các yêu cầu sau :

a) Giải thích nhan đề văn bản.

b) Tìm những câu trong văn bản thuyết minh về đặc điểm tiêu biểu của cây chuối.

c) Chỉ ra những câu văn có yếu tố miêu tả cây chuối và cho biết tác dụng của yếu tố miêu tả đó.

d) Theo yêu cầu chung của văn bản thuyết minh, văn bản này có thể bổ sung những gì ? Em hãy cho biết thêm công dụng của thân cây chuối, lá chuối (tươi và khô), nõn chuối, bắp chuối,...

Ghi nhớ

Để thuyết minh cho cụ thể, sinh động, hấp dẫn, bài thuyết minh có thể kết hợp sử dụng yếu tố miêu tả. Yếu tố miêu tả có tác dụng làm cho đối tượng thuyết minh được nổi bật, gây ấn tượng.

II – LUYỆN TẬP

1. Bổ sung yếu tố miêu tả vào các chi tiết thuyết minh sau :

– Thân cây chuối có hình dáng...

– Lá chuối tươi...

– Lá chuối khô...

– Nõn chuối...

– Bắp chuối...

– Quả chuối...

2. Chỉ ra yếu tố miêu tả trong đoạn văn sau :

Một lần đến thăm Trường Cao đẳng Mĩ thuật Công nghiệp Hà Nội, Bác Hồ gợi ý nên phát triển đồ sứ dân tộc. Bác nói người Việt thường dùng chén chứ không dùng tách. Tách là loại chén uống nước của Tây, nó có tai. Chén của ta không có tai. Khi mời ai uống trà thì bưng hai tay mà mời. Bác vừa cười vừa làm động tác. Có uống cũng nâng hai tay xoa xoa rồi mới uống, mà uống rất nóng. Đấy, dân tộc đấy. Bác nói tiếp, cái chén còn rất tiện lợi, do không có tai nên khi xếp chồng rất gọn, không vướng, khi rửa cũng dễ sạch.

(*Theo* Phạm Côn Sơn, *Làng nghề truyền thống Việt Nam*)

3. Đọc văn bản sau và chỉ ra những câu miêu tả ở trong đó.

TRÒ CHƠI NGÀY XUÂN

Những ngày đầu năm, khắp làng bản Việt Nam rộn ràng tiếng trống hội xuân thúc giục lòng người. Vào dịp này, bên cạnh hoạt động lễ nghi mang ý nghĩa tín ngưỡng, còn có nhiều hội vui, diễn xướng sân khấu và các trò chơi truyền thống, đậm đà bản sắc văn hoá dân tộc.

Qua sông Hồng, sông Đuống, ngược lên phía bắc là đến với vùng Kinh Bắc cổ kính, quê hương của các làn điệu quan họ mượt mà. **Tục chơi quan họ** ở các làng quê của Bắc Ninh, Bắc Giang thường gắn với hội làng, hội chùa. Liền anh, liền chị ở các làng đi lại thăm hỏi, tặng quà rồi hát với nhau đến tận nửa đêm. Bên cạnh những canh hát trong nhà còn có các canh hát ngoài trời mà hội Lim là một ví dụ. Hội mở vào ngày 13 tháng giêng âm lịch. Quan họ các nơi có thể

đến hát tự do trên đồi Lim. Những nhóm quan họ nam và nữ trong trang phục dân tộc đi tìm nhau trong ngày hội, mời nhau xơi trầu và nhận lời hát kết nghĩa giữa các làng. Hát trên đồi và hát cả dưới thuyền. Những con thuyền thúng nhỏ mang theo các làn điệu dân ca điểm thêm cho không khí ngày xuân nét thơ mộng, trữ tình.

Múa lân có từ lâu đời và rất thịnh hành ở các tỉnh phía nam. Múa lân diễn ra vào những ngày Tết để chúc năm mới an khang, thịnh vượng. Các đoàn lân có khi đông tới trăm người, họ là thành viên của một câu lạc bộ hay một lò võ trong vùng. Lân được trang trí công phu, râu ngũ sắc, lông mày bạc, mắt lộ to, thân mình có các hoạ tiết đẹp. Múa lân rất sôi động với các động tác khoẻ khoắn, bài bản : lân chào ra mắt, lân chúc phúc, leo cột,... Bên cạnh có ông Địa vui nhộn chạy quanh. Thông thường múa lân còn kèm theo cả biểu diễn võ thuật.

Một trò chơi truyền thống được phổ biến trong các lễ hội là **kéo co**, được tổ chức ở sân đình hay bãi cỏ rộng giữa làng. Những người tham gia chia làm hai phe, đứng thành một hàng đối nhau, cùng nắm sợi dây thừng, dây chão hay một cây sào tre hoặc người đứng sau ôm lưng người đứng trước, còn hai người đứng đầu hàng của hai phe thì nắm tay nhau cho chắc, lấy dấu vạch vôi ở giữa làm mốc được, thua. Bên nào kéo được đối phương sang qua vạch mốc về phía mình là bên đó thắng. Kéo co thu hút nhiều người, tạo không khí hào hứng, sôi động, rèn luyện sức khoẻ, tính kỉ luật, ý thức tập thể ở mỗi người. Chính vì vậy, kéo co được đông đảo thanh niên, thiếu niên ưa thích.

Cờ người là trò chơi độc đáo của người Việt Nam, mang tính trí tuệ và thể hiện nét văn hoá truyền thống Á Đông. Bàn cờ là sân bãi rộng, mỗi phe có 16 người mặc đồng phục đỏ hoặc xanh, cầm trên tay hay đeo trước ngực biển kí hiệu quân cờ. Hai tướng (tướng ông, tướng bà) của từng bên đều mặc trang phục thời xưa lộng lẫy có cờ đuôi nheo đeo chéo sau lưng và được che lọng. Khi muốn đi một nước cờ, người đấu gõ một tiếng trống báo cho người chạy cờ tới nghe lệnh. Người này sẽ truyền đạt lại lệnh để quân cờ di chuyển. Có thể người đấu cờ cầm lá cờ nhỏ, định đi quân nào thì trực tiếp phất cờ vào quân đó rồi dẫn đến vị trí mới.

Được tiến hành trong những kì hội làng ngày xuân, **thi nấu cơm** lại cho thấy sự khéo léo, tháo vát của các chàng trai, cô gái. Tục thi này bắt nguồn từ quá trình chống chọi với thiên tai, địch hoạ, vừa lao động, hành quân đánh giặc, vừa cơm nước gọn gàng, do đó đòi hỏi mỗi người tính tự lực và óc sáng tạo. Có nhiều hình

thức thi tài : thổi cơm bồng con, thổi cơm trong lúc hành lễ, khênh kiệu chạy, thổi cơm trên thuyền. Với khoảng thời gian nhất định trong điều kiện không bình thường, người thi phải vo gạo, nhóm bếp, giữ lửa đến khi cơm chín ngon mà không bị cháy, khê. Sau đó, nồi cơm của các thí sinh được những bô lão có uy tín trong làng chấm điểm. Ở một số vùng còn có hát đối đáp, giao duyên trong hội thi, tạo không khí náo nhiệt, vui vẻ.

Hoạt động **đua thuyền** thể hiện sinh hoạt văn hoá sông nước cổ truyền của người Việt Nam trải dài từ các tỉnh phía bắc đến khu vực đồng bằng sông Cửu Long nhằm vui chơi, giải trí, rèn sức và kĩ năng chèo thuyền để cúng thuỷ thần hoặc tưởng nhớ các anh hùng giỏi thuỷ chiến... Tuỳ theo từng nơi, mỗi thuyền đua có khoảng chừng chục tay bơi là nam giới đại diện các phường, xóm, làng. Sau hiệu lệnh, những con thuyền lao vun vút trong tiếng hò reo cổ vũ và chiêng, trống rộn rã đôi bờ sông. Nhiều làng chài ven biển ở phía nam còn có hội thi bơi thúng với mỗi chiếc thuyền thúng bằng nan có một người đua...

Lướt qua một vài hình thức chơi ngày xuân, có thể thấy khả năng sáng tạo, tính cách và bản sắc dân tộc thể hiện thật sâu đậm và rõ nét. Chơi đấy mà cũng là một cách học, một cách rèn luyện thật bổ ích.

(*Theo* Hồng Việt, báo *Nhân dân*, số Xuân Nhâm Ngọ, 2002)

LUYỆN TẬP SỬ DỤNG YẾU TỐ MIÊU TẢ TRONG VĂN BẢN THUYẾT MINH

I – CHUẨN BỊ Ở NHÀ

Cho đề bài : *Con trâu ở làng quê Việt Nam.*

1. Tìm hiểu đề : Giải thích đề bài và cho biết đề yêu cầu trình bày vấn đề gì. Theo em, với đề bài này, cần phải trình bày những ý gì ?

2. Tham khảo văn bản thuyết minh khoa học sau và cho biết em có thể sử dụng được những ý gì cho bài thuyết minh của mình.

Trâu là động vật thuộc họ Bò (Bovidae), phân bộ Nhai lại (Ruminantia), nhóm Sừng rỗng (Cavicornes), bộ Guốc chẵn (Actiodactyla), lớp Thú có vú (Mammalia).

Trâu Việt Nam (Bubalus bubalis) có nguồn gốc từ trâu rừng thuần hoá, thuộc nhóm trâu đầm lầy. Lông màu xám, xám đen, thân hình vạm vỡ, thấp, ngắn, bụng to, mông dốc, bầu vú nhỏ, sừng hình lưỡi liềm. Có 2 đai màu trắng : dưới cổ và chỗ đầu xương ức. Trâu cái nặng trung bình 350 – 400kg (300 – 600kg), trâu đực : 400 – 450kg (350 – 700kg).

Trâu 3 tuổi có thể đẻ lứa đầu. Trâu đẻ có mùa vụ. Một đời trâu cái thường cho 5 – 6 nghé, nghé sơ sinh nặng 22 – 25kg. Đôi răng cửa giữa cố định bắt đầu mọc lúc 3 tuổi và trâu kết thúc sinh trưởng khi hết 6 tuổi (8 răng cửa).

Trâu nuôi chủ yếu để kéo cày : lực kéo trung bình trên ruộng 70 – 75kg, bằng 0,36 – 0,40 mã lực. Trâu loại A một ngày cày 3 – 4 sào, loại B : 2 – 3 sào và loại C : 1,5 – 2 sào Bắc Bộ ; kéo xe : ở đường xấu tải trọng 400 – 500kg, đường tốt 700 – 800kg và trên đường nhựa với bánh xe hơi kéo trên 1 tấn ; kéo gỗ : trên đường đồi núi, thường một trâu kéo 0,5 – 1,3m^3 với đoạn đường 3 – 5km.

Khả năng cho thịt : trâu cái có tỉ lệ thịt xẻ 42%, trâu thiến : 45% và trâu đực 2 tuổi : 48%. Khả năng cho sữa : 400 – 500kg sữa trong một chu kì vắt. Mỡ sữa : 9 – 10%. Khả năng cho phân : trong 24 giờ, trâu 2 răng thải ra 10kg phân, trâu 4 răng : 12 – 15kg và trâu trưởng thành : 20 – 25kg...

(Theo *Từ điển Bách khoa Nông nghiệp*, Hà Nội, 1991)

II – LUYỆN TẬP TRÊN LỚP

1. Hãy vận dụng yếu tố miêu tả trong việc giới thiệu :

– Con trâu ở làng quê Việt Nam (hình ảnh con trâu trên đồng ruộng, làng quê Việt Nam).

– Con trâu trong việc làm ruộng (sớm hôm gắn bó với người nông dân).

– Con trâu trong một số lễ hội.

– Con trâu với tuổi thơ ở nông thôn.

2. Viết một đoạn văn thuyết minh có sử dụng yếu tố miêu tả với một trong các ý nêu ở trên. (Chú ý sử dụng những câu tục ngữ, ca dao về con trâu cho thích hợp và sinh động.)

ĐỌC THÊM

DỪA SÁP

Giồng Cây Xanh – một vùng ven thị trấn Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh – là nơi duy nhất trên nước ta trồng loại dừa độc nhất vô nhị có cái tên nghe ngồ ngộ là dừa sáp. Và loại dừa này dùng để ăn chứ không để uống...

Từ lâu, dừa sáp là đặc sản nổi tiếng của huyện Cầu Kè. Theo những người cao niên trong làng thì dừa sáp được trồng vào giữa thế kỉ XX do sư cả chùa Chợ đến Cam-pu-chia mua về. Nhìn bề ngoài thì cây dừa sáp cũng giống như cây dừa ta. Sở dĩ dừa được gắn với tên sáp là vì cơm của nó vừa mềm, vừa xốp lại dẻo như bột đã được nhào sệt, đồng thời lại có màu đùng đục của sáp. Đặc biệt là cơm dừa chiếm trọn gần cả gáo. Các bạn nhiều nơi thiệt thòi vì còn ít, hoặc chưa bao giờ được nếm, thậm chí chỉ chiêm ngưỡng thôi, loại dừa có một không hai này.

Thời gian trước, người ta thưởng thức dừa bằng cách nạo cơm dừa, bỏ vào li đã có sẵn đá rồi sau đó cho sữa bò vào. Ngày nay, người ta bỏ cơm dừa vào máy xay sinh tố có chứa sữa và đá ở trong đó. Vị lạnh của đá đã được xay nhuyễn làm cho vị thơm ngon của dừa trộn sữa toát ra hết rồi lan toả khắp miệng để lại dư vị tuyệt vời trên đầu lưỡi. Có lẽ nhờ hương vị của li dừa tuyệt hảo mà mỗi trái dừa sáp có giá cao gấp 10 lần dừa thường.

Bình thường thì mỗi trái dừa sáp là 10 000 đồng. Vào những dịp lễ hội lớn như tiết Thanh minh, lễ cúng chùa Ông Bổn vào ngày rằm tháng 7 âm lịch, lễ Vu lan là khách từ các nơi nườm nượp đổ về, ai cũng muốn thưởng thức đặc sản của quê hương Cầu Kè và đồng thời mua về làm quà cho người thân, khiến cho dừa sáp vọt lên với giá 25 000 đồng.

Hiện tại, cả Giồng Cây Xanh cũng chỉ có được khoảng 700 cây dừa sáp. Cặp dừa giống mà vị sư cả đem về trồng ở trong sân chùa hơn 50 năm qua giờ đã trở thành thuỷ tổ của loại dừa sáp. Người dân ở nơi đây đã cố nhân giống loại dừa siêu ngon này khắp nơi nhưng lạ thay nó chỉ chịu cho sáp ở các nơi như Tam Ngãi, Phong Phú, Phong Thạnh..., có nghĩa là nó chỉ "mến" vùng đất quanh thị trấn Cầu Kè, còn nếu trồng chệch qua phần đất khác thì dừa sẽ không cho sáp. Trước đây thường mỗi buồng dừa có khoảng 12 trái thì có đến hơn phân nửa là dừa sáp nhưng hiện thì chỉ được 3 – 4 trái có sáp, có khi còn không có trái nào.

Lí giải hiện tượng này, Chi cục Bảo vệ thực vật tỉnh Trà Vinh cho biết, do dừa sáp trồng cùng vùng với dừa thường nên dẫn đến tình trạng hoa của dừa sáp thụ phấn của dừa thường. Để khắc phục, cần phải có vùng đất riêng để trồng nó. Nhưng có được một "giang sơn" cho dừa sáp là điều mà các nhà khoa học còn phải "đau đầu".

(Thanh Thuý, báo *Thiếu niên Tiền phong*, số 80, 2004)

BÀI 3

Kết quả cần đạt

- *Hiểu được tầm quan trọng của vấn đề bảo vệ, chăm sóc trẻ em trong bối cảnh thế giới hiện nay và sự quan tâm của cộng đồng quốc tế đối với vấn đề này.*
- *Nắm được mối quan hệ giữa phương châm hội thoại với tình huống giao tiếp : phương châm hội thoại cần được vận dụng phù hợp với tình huống giao tiếp.*

  Hiểu được tiếng Việt có một hệ thống từ ngữ xưng hô rất phong phú, tinh tế, giàu sắc thái biểu cảm ; biết sử dụng từ ngữ xưng hô một cách thích hợp trong giao tiếp.
- *Làm tốt bài tập làm văn số 1, biết sử dụng một số biện pháp nghệ thuật và yếu tố miêu tả để làm cho bài văn thuyết minh hấp dẫn, sinh động.*

VĂN BẢN

TUYÊN BỐ THẾ GIỚI VỀ SỰ SỐNG CÒN, QUYỀN ĐƯỢC BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN CỦA TRẺ EM

1. Chúng tôi tham dự Hội nghị cấp cao thế giới về trẻ em[(1)] để cùng nhau cam kết và ra lời kêu gọi khẩn thiết với toàn thể nhân loại : Hãy bảo đảm cho tất cả trẻ em một tương lai tốt đẹp hơn.

2. Tất cả trẻ em trên thế giới đều trong trắng, dễ bị tổn thương và còn phụ thuộc. Đồng thời chúng hiểu biết, ham hoạt động và đầy ước vọng. Tuổi chúng phải được sống trong vui tươi, thanh bình, được chơi, được học và phát triển. Tương lai của chúng phải được hình thành trong sự hoà hợp và tương trợ. Chúng phải được trưởng thành khi được mở rộng tầm nhìn, thu nhận thêm những kinh nghiệm mới.

Sự thách thức

3. Tuy nhiên, thực tế cuộc sống thời thơ ấu của nhiều trẻ em lại không như vậy.

4. Hằng ngày có vô số trẻ em khắp nơi trên thế giới bị phó mặc cho những hiểm hoạ[2] làm kìm hãm sự tăng trưởng và phát triển của các cháu đó. Chúng phải chịu bao nhiêu nỗi bất hạnh do bị trở thành nạn nhân của chiến tranh và bạo lực, của nạn phân biệt chủng tộc, chế độ a-pác-thai[3], của sự xâm lược, chiếm đóng và thôn tính[4] của nước ngoài. Có những cháu trở thành người tị nạn[5], sống tha hương do bị cưỡng bức phải từ bỏ gia đình, cội rễ. Có những cháu khác lại chịu cảnh tàn tật hoặc trở thành nạn nhân của sự lãng quên, ruồng bỏ, đối xử tàn nhẫn và bóc lột.

5. Mỗi ngày, có hàng triệu trẻ em phải chịu đựng những thảm hoạ của đói nghèo và khủng hoảng kinh tế, của nạn đói, tình trạng vô gia cư, dịch bệnh, mù chữ, môi trường xuống cấp. Ở nhiều nước đang phát triển, đặc biệt là những nước kém phát triển nhất, trẻ em đang phải chịu tác động nặng nề của nợ nước ngoài, của tình hình kinh tế không giữ được mức độ tăng trưởng đều đặn hoặc không có khả năng tăng trưởng.

6. Mỗi ngày có tới 40 000 trẻ em chết do suy dinh dưỡng và bệnh tật, kể cả hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải (AIDS), hoặc do thiếu nước sạch, thiếu vệ sinh và do tác động của vấn đề ma tuý.

7. Đó là những sự thách thức mà chúng tôi, với tư cách những nhà lãnh đạo chính trị, phải đáp ứng.

Cơ hội

8. Liên kết lại, các nước chúng ta có đủ các phương tiện và kiến thức để bảo vệ sinh mệnh của trẻ em, loại trừ được một phần rất lớn những nỗi khổ đau của các em, thúc đẩy sự phát triển đầy đủ tiềm năng con người ở trẻ em và làm cho các em nhận thức được nhu cầu, các quyền của mình cũng như nắm được các cơ hội phục vụ được lợi ích của mình. Công ước[6] về quyền của trẻ em tạo ra một

cơ hội mới để cho quyền và phúc lợi trẻ em được thực sự tôn trọng ở khắp nơi trên thế giới.

9. Những cải thiện gần đây của bầu không khí chính trị quốc tế có thể tạo điều kiện dễ dàng cho việc thực hiện nhiệm vụ đó. Dựa vào sự hợp tác và đoàn kết quốc tế, hiện nay đã có khả năng đạt được những kết quả cụ thể trên nhiều lĩnh vực : khôi phục sự tăng trưởng và phát triển kinh tế, bảo vệ môi trường, ngăn không để cho các bệnh thường gây tử vong và tàn tật lan rộng và đạt được sự công bằng hơn nữa về xã hội và kinh tế. Những biến chuyển nhằm đạt tới giải trừ quân bị[7] hiện nay cũng nói lên rằng một số tài nguyên to lớn có thể sẽ được chuyển sang phục vụ các mục đích phi quân sự. Tăng cường phúc lợi trẻ em phải là một ưu tiên cao khi tái phân bổ các nguồn tài nguyên đó.

Nhiệm vụ

10. Tăng cường sức khoẻ và chế độ dinh dưỡng của trẻ em là trách nhiệm hàng đầu, đồng thời cũng là một nhiệm vụ mà các giải pháp đã nằm trong tầm tay của chúng ta. Sinh mệnh của hàng vạn trẻ em trai và gái có thể được cứu vãn mỗi ngày, vì ta có thể ngăn ngừa được các nguyên nhân dẫn đến tử vong ở các em. Tỉ lệ tử vong của trẻ em nói chung và tỉ lệ tử vong của trẻ sơ sinh nói riêng ở nhiều nơi trên thế giới hiện nay đến mức không thể chấp nhận được, tuy nhiên có thể hạ thấp rất nhiều tỉ lệ đó với những biện pháp đã được biết tới và cũng dễ dàng đạt được.

11. Trẻ em bị tàn tật và trẻ em có hoàn cảnh sống đặc biệt khó khăn cần phải được quan tâm chăm sóc nhiều hơn và được hỗ trợ mạnh mẽ hơn.

12. Tăng cường vai trò của phụ nữ nói chung và phải đảm bảo quyền bình đẳng giữa nam và nữ vì lợi ích của trẻ em toàn cầu. Ngay từ đầu, các em gái đã phải được đối xử bình đẳng và có cơ hội đồng đều như các em trai.

13. Hiện nay, có hơn 100 triệu trẻ em vẫn chưa trải qua giáo dục cơ sở, trong đó các em nữ chiếm đến 2/3. Bảo đảm sao cho trẻ em được học hết bậc giáo dục cơ sở và không để cho một em nào mù chữ sẽ là một trong những đóng góp quan trọng nhất đối với sự phát triển của trẻ em trên toàn thế giới.

14. Hiện nay, có nửa triệu bà mẹ chết vì những nguyên nhân có liên quan tới sinh đẻ. Mọi biện pháp có thể áp dụng được để bảo đảm an toàn khi mang thai và sinh đẻ cần được đẩy mạnh. Cần nhấn mạnh trách nhiệm về mặt kế hoạch hoá gia đình và quãng cách sinh nở. Gia đình là cộng đồng nền móng và

môi trường tự nhiên để trẻ em lớn khôn và phát triển tốt cho nên cần được bảo vệ và giúp đỡ đầy đủ.

15. Cần tạo cho trẻ em cơ hội tìm biết được nguồn gốc lai lịch của mình và nhận thức được giá trị của bản thân trong một môi trường mà các em cảm thấy là nơi nương tựa an toàn, thông qua gia đình hoặc những người khác trông nom các em tạo ra. Phải chuẩn bị để các em có thể sống một cuộc sống có trách nhiệm trong một xã hội tự do. Cần khuyến khích trẻ em ngay từ lúc còn nhỏ tham gia vào sinh hoạt văn hoá xã hội.

16. Các điều kiện kinh tế sẽ tiếp tục có ảnh hưởng to lớn đến số phận của trẻ em, đặc biệt là ở các nước đang phát triển. Vì tương lai của tất cả trẻ em, cần cấp bách bảo đảm hoặc khôi phục lại sự tăng trưởng và phát triển đều đặn nền kinh tế ở tất cả các nước, đồng thời tiếp tục khẩn trương tìm ra một giải pháp nhanh chóng, rộng lớn và lâu bền cho vấn đề nợ nước ngoài của các nước đang phát triển đang có nợ.

17. Các nhiệm vụ đó đòi hỏi tất cả các nước cần phải có những nỗ lực liên tục và phối hợp với nhau trong hành động của từng nước cũng như trong hợp tác quốc tế.

(Trích *Tuyên bố của Hội nghị cấp cao thế giới về trẻ em,*
trong *Việt Nam và các văn kiện quốc tế về quyền trẻ em,*
NXB Chính trị quốc gia – Uỷ ban Bảo vệ
và chăm sóc trẻ em Việt Nam, Hà Nội, 1997)

Chú thích

(1) Hội nghị cấp cao thế giới về trẻ em họp tại trụ sở Liên hợp quốc ở Niu Oóc ngày 30 – 9 – 1990.

(2) *Hiểm hoạ* : tình trạng nguy hiểm có thể dẫn đến tai hoạ nghiêm trọng.

(3) *Chế độ a-pác-thai* : chế độ phân biệt chủng tộc cực đoan và tàn bạo tồn tại từ năm 1652 ở Nam Phi. Giới cầm quyền da trắng ở Nam Phi đã ban hành 70 đạo luật về phân biệt chủng tộc, theo đó người da đen và da màu phải sống, làm việc trong những khu riêng biệt, cách biệt hoàn toàn với người da trắng, bị tước hết mọi quyền công dân. Người da trắng chỉ chiếm 1/5 dân số nhưng lại nắm gần 9/10 đất trồng trọt, 3/4 tổng thu nhập và toàn bộ hầm mỏ, xí nghiệp, ngân hàng.

Ngày 7 – 6 – 1991, chính quyền Nam Phi buộc phải huỷ bỏ chính sách phân biệt chủng tộc.

(4) *Thôn tính* : xâm chiếm đất đai của nước khác, sáp nhập vào lãnh thổ nước mình.

(5) *Tị nạn* : lánh đi ở nơi khác để tránh những nguy hiểm, đe doạ do chiến tranh hoặc tình hình chính trị gây ra cho mình.

(6) *Công ước* : điều ước do nhiều nước cùng kí kết để quy định các nguyên tắc, thể lệ cho từng vấn đề trong quan hệ quốc tế.

(7) *Giải trừ quân bị* : giảm bớt hoặc hạn chế vũ khí và lực lượng vũ trang của các nước.

ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN

1. Văn bản này (gồm 17 mục) được bố cục thành mấy phần ? Phân tích tính hợp lí, chặt chẽ của bố cục văn bản.

2. Ở phần "Sự thách thức", bản *Tuyên bố* đã nêu lên thực tế cuộc sống của trẻ em trên thế giới ra sao ? Nhận thức, tình cảm của em khi đọc phần này như thế nào ?

3. Qua phần "Cơ hội", em thấy việc bảo vệ, chăm sóc trẻ em trong bối cảnh thế giới hiện nay có những điều kiện thuận lợi gì ?

4. Ở phần "Nhiệm vụ", bản *Tuyên bố* đã nêu lên khá nhiều điểm mà từng quốc gia và cả cộng đồng quốc tế cần phải nỗ lực phối hợp hành động. Hãy phân tích tính chất toàn diện của nội dung phần này.

5. Qua bản *Tuyên bố,* em nhận thức như thế nào về tầm quan trọng của vấn đề bảo vệ, chăm sóc trẻ em, về sự quan tâm của cộng đồng quốc tế đối với vấn đề này ?

Ghi nhớ

Bảo vệ quyền lợi, chăm lo đến sự phát triển của trẻ em là một trong những vấn đề quan trọng, cấp bách, có ý nghĩa toàn cầu. Bản ***Tuyên bố của Hội nghị cấp cao thế giới về trẻ em*** *ngày 30 – 9 – 1990 đã khẳng định điều ấy và cam kết thực hiện những nhiệm vụ có tính toàn diện vì sự sống còn, phát triển của trẻ em, vì tương lai của toàn nhân loại.*

LUYỆN TẬP

Phát biểu ý kiến về sự quan tâm, chăm sóc của chính quyền địa phương, của các tổ chức xã hội nơi em ở hiện nay đối với trẻ em.

CÁC PHƯƠNG CHÂM HỘI THOẠI (tiếp theo)

I – QUAN HỆ GIỮA PHƯƠNG CHÂM HỘI THOẠI VỚI TÌNH HUỐNG GIAO TIẾP

Đọc truyện cười sau và trả lời câu hỏi.

CHÀO HỎI

Anh chàng nọ ở nhà vợ tại một vùng quê, được người nhà dặn là phải luôn chào hỏi mọi người xung quanh.

Một hôm, anh ta ra đường và thấy một người đang đốn cành trên một cây cao, liền ra dấu gọi.

Người kia dừng việc, lật đật trèo xuống, hỏi :

– Có chuyện gì thế ?

– Có gì đâu ! Bác làm việc vất vả lắm phải không ?

(Theo *Truyện cười dân gian Việt Nam*)

Nhân vật chàng rể có tuân thủ đúng phương châm lịch sự không ? Vì sao em nhận xét như vậy ? Có thể rút ra bài học gì qua câu chuyện này ?

> ***Ghi nhớ***
>
> *Việc vận dụng các phương châm hội thoại cần phù hợp với đặc điểm của tình huống giao tiếp. (Nói với ai ? Nói khi nào ? Nói ở đâu ? Nói để làm gì ?)*

II – NHỮNG TRƯỜNG HỢP KHÔNG TUÂN THỦ PHƯƠNG CHÂM HỘI THOẠI

1. Đọc lại những ví dụ đã được phân tích khi học về các phương châm hội thoại (phương châm về lượng, phương châm về chất, phương châm quan hệ, phương châm cách thức, phương châm lịch sự) và cho biết trong những tình huống nào, phương châm hội thoại không được tuân thủ.

2. Đọc đoạn đối thoại sau, chú ý những từ ngữ in đậm và trả lời câu hỏi.

An : – *Cậu có biết chiếc máy bay đầu tiên được chế tạo vào* ***năm nào*** *không ?*

Ba : – *Đâu khoảng* ***đầu thế kỉ XX.***

Câu trả lời của Ba có đáp ứng nhu cầu thông tin đúng như An mong muốn hay không ? Có phương châm hội thoại nào đã không được tuân thủ ? Vì sao người nói không tuân thủ phương châm hội thoại ấy ?

3. Khi bác sĩ nói với một người mắc bệnh nan y về tình trạng sức khoẻ của bệnh nhân đó thì phương châm hội thoại nào có thể không được tuân thủ ? Vì sao bác sĩ phải làm như vậy ? Hãy tìm những tình huống giao tiếp khác mà phương châm đó cũng không được tuân thủ.

4. Khi nói "*Tiền bạc chỉ là tiền bạc*" thì có phải người nói không tuân thủ phương châm về lượng hay không ? Phải hiểu ý nghĩa của câu này như thế nào ?

Ghi nhớ

Việc không tuân thủ các phương châm hội thoại có thể bắt nguồn từ những nguyên nhân sau :

– Người nói vô ý, vụng về, thiếu văn hoá giao tiếp ;

– Người nói phải ưu tiên cho một phương châm hội thoại hoặc một yêu cầu khác quan trọng hơn ;

– Người nói muốn gây một sự chú ý, để người nghe hiểu câu nói theo một hàm ý nào đó.

III – LUYỆN TẬP

1. Đọc mẩu chuyện sau và trả lời câu hỏi.

Một cậu bé năm tuổi chơi quả bóng nhựa trong phòng đọc sách của bố. Quả bóng văng vào ngăn dưới của một kệ sách. Cậu bé tìm mãi không ra, bèn hỏi bố. Ông bố đáp :

– Quả bóng nằm ngay dưới cuốn "Tuyển tập truyện ngắn Nam Cao" kia kìa.

Câu trả lời của ông bố không tuân thủ phương châm hội thoại nào ? Phân tích để làm rõ sự vi phạm ấy.

2. Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi.

Bốn người hăm hở đến nhà lão Miệng. Đến nơi họ không chào hỏi gì cả, cậu Chân, cậu Tay nói thẳng với lão :

– Chúng tôi hôm nay đến không phải để thăm hỏi, trò chuyện gì với ông, mà để nói cho ông biết : Từ nay chúng tôi không làm để nuôi ông nữa. Lâu nay, chúng tôi đã cực khổ, vất vả vì ông nhiều rồi.

(*Chân, Tay, Tai, Mắt, Miệng*)

Thái độ và lời nói của Chân, Tay, Tai, Mắt đã vi phạm phương châm nào trong giao tiếp ? Việc không tuân thủ phương châm ấy có lí do chính đáng không ? Vì sao ?

XƯNG HÔ TRONG HỘI THOẠI

I – TỪ NGỮ XƯNG HÔ VÀ VIỆC SỬ DỤNG TỪ NGỮ XƯNG HÔ

1. Hãy nêu một số từ ngữ dùng để xưng hô trong tiếng Việt và cho biết cách dùng những từ ngữ đó.

2. Đọc các đoạn trích sau (trích từ tác phẩm *Dế Mèn phiêu lưu kí* của Tô Hoài) và thực hiện yêu cầu nêu ở dưới.

a) *Dế Choắt nhìn tôi mà rằng :*

– Anh đã nghĩ thương em như thế thì hay là anh đào giúp cho em một cái ngách sang bên nhà anh, phòng khi tắt lửa tối đèn có đứa nào đến bắt nạt thì em chạy sang...

Chưa nghe hết câu, tôi đã hếch răng lên, xì một hơi rõ dài. Rồi, với bộ điệu khinh khỉnh, tôi mắng :

– Hức ! Thông ngách sang nhà ta ? Dễ nghe nhỉ ! Chú mày hôi như cú mèo thế này, ta nào chịu được. Thôi, im cái điệu hát mưa dầm sùi sụt ấy đi. Đào tổ nông thì cho chết !

Tôi về, không một chút bận tâm.

b) *Choắt không dậy được nữa, nằm thoi thóp. Thấy thế, tôi hốt hoảng quỳ xuống, nâng đầu Choắt lên mà than rằng :*

– Nào tôi đâu biết cơ sự lại ra nông nỗi này ! Tôi hối lắm ! Tôi hối hận lắm. Anh mà chết là chỉ tại cái tội ngông cuồng dại dột của tôi. Tôi biết làm thế nào bây giờ ?

Tôi không ngờ Dế Choắt nói với tôi một câu như thế này :

– Thôi, tôi ốm yếu quá rồi, chết cũng được. Nhưng trước khi nhắm mắt, tôi khuyên anh : ở đời mà có thói hung hăng bậy bạ, có óc mà không biết nghĩ, sớm muộn rồi cũng mang vạ vào mình đấy.

Xác định các từ ngữ xưng hô trong hai đoạn trích trên. Phân tích sự thay đổi về cách xưng hô của Dế Mèn và Dế Choắt trong đoạn trích (a) và đoạn trích (b). Giải thích sự thay đổi đó.

Ghi nhớ

- *Tiếng Việt có một hệ thống từ ngữ xưng hô rất phong phú, tinh tế và giàu sắc thái biểu cảm.*
- *Người nói cần căn cứ vào đối tượng và các đặc điểm khác của tình huống giao tiếp để xưng hô cho thích hợp.*

II – LUYỆN TẬP

1. Có lần, một giáo sư Việt Nam nhận được thư mời dự đám cưới của một nữ học viên người châu Âu đang học tiếng Việt. Trong thư có dòng chữ :

Ngày mai, chúng ta làm lễ thành hôn, mời thầy đến dự.

Lời mời trên có sự nhầm lẫn trong cách dùng từ như thế nào ? Vì sao có sự nhầm lẫn đó ?

2. Trong các văn bản khoa học, nhiều khi tác giả của văn bản chỉ là một người nhưng vẫn xưng *chúng tôi* chứ không xưng *tôi*. Giải thích vì sao.

3. Đọc đoạn trích sau :

Đứa bé nghe tiếng rao, bỗng dưng cất tiếng nói : "Mẹ ra mời sứ giả vào đây.". Sứ giả vào, đứa bé bảo : "Ông về tâu với vua sắm cho ta một con ngựa sắt, một cái roi sắt và một tấm áo giáp sắt, ta sẽ phá tan lũ giặc này.".

(*Thánh Gióng*)

Phân tích từ xưng hô mà cậu bé dùng để nói với mẹ mình và với sứ giả. Cách xưng hô như vậy nhằm thể hiện điều gì ?

4. Phân tích cách dùng từ xưng hô và thái độ của người nói trong câu chuyện sau :

Chuyện kể, một danh tướng có lần đi ngang qua trường học cũ của mình, liền ghé vào thăm. Ông gặp lại người thầy từng dạy mình hồi nhỏ và kính cẩn thưa :

– Thưa thầy, thầy còn nhớ con không ? Con là...

Người thầy giáo già hoảng hốt :

– Thưa ngài, ngài là...

– Thưa thầy, với thầy, con vẫn là đứa học trò cũ. Con có được những thành công hôm nay là nhờ sự giáo dục của thầy ngày nào...

5. Đọc đoạn trích sau :

Đọc bản "Tuyên ngôn Độc lập" đến nửa chừng, Bác dừng lại và bỗng dưng hỏi :

– Tôi nói, đồng bào nghe rõ không ?

Một triệu con người cùng đáp, tiếng dậy vang như sấm :

– Co... o... ó... !

Từ giây phút đó, Bác cùng với cả biển người đã hoà làm một...

(Võ Nguyên Giáp kể, Hữu Mai ghi,
Những năm tháng không thể nào quên)

Phân tích tác động của việc dùng từ xưng hô trong câu nói của Bác. (Chú ý so sánh : Trước năm 1945, người đứng đầu nhà nước có xưng hô với người dân của mình như vậy không ?)

6. Đọc đoạn trích sau, chú ý những từ ngữ in đậm.

Gõ đầu roi xuống đất, cai lệ thét bằng giọng khàn khàn của người hút nhiều xái cũ :

*– **Thằng kia ! Ông** tưởng **mày** chết đêm qua, còn sống đấy à ? Nộp tiền sưu ! Mau !*

Hoảng quá, anh Dậu vội để bát cháo xuống phản và lăn đùng ra đó, không nói được câu gì. Người nhà lí trưởng cười một cách mỉa mai :

– Anh ta lại sắp phải gió như đêm qua đấy !

Rồi hắn chỉ luôn vào mặt chị Dậu :

*– **Chị** khất tiền sưu đến chiều mai phải không ? Đấy ! **Chị** hãy nói với ông cai, để ông ấy ra đình kêu với quan cho ! Chứ ông lí tôi thì không có quyền dám cho **chị** khất một giờ nào nữa !*

Chị Dậu run run :

*– **Nhà cháu** đã túng lại phải đóng cả suất sưu của chú nó nữa, nên mới lôi thôi như thế. Chứ **cháu** có dám bỏ bễ tiền sưu của nhà nước đâu ? **Hai ông** làm phúc nói với ông lí cho **cháu** khất...*

Cai lệ không để cho chị được nói hết câu, trợn ngược hai mắt, hắn quát :

*– **Mày** định nói cho cha **mày** nghe đấy à ? Sưu của nhà nước mà dám mở mồm xin khất !*

Chị Dậu vẫn thiết tha :

*– Khốn nạn ! **Nhà cháu** đã không có, dẫu **ông** chửi mắng cũng đến thế thôi. Xin **ông** trông lại !*

Cai lệ vẫn giọng hầm hè :

*– Nếu không có tiền nộp sưu cho **ông** bây giờ, thì **ông** sẽ dỡ cả nhà **mày** đi, chửi mắng thôi à !*

Rồi hắn quay ra bảo anh người nhà lí trưởng :

– Không hơi đâu mà nói với nó, trói cổ thằng chồng nó lại, điệu ra đình kia !

Người nhà lí trưởng hình như không dám hành hạ một người ốm nặng, sợ hoặc xảy ra sự gì, hắn cứ lóng ngóng, ngơ ngác, muốn nói mà không dám nói. Đùng đùng, cai lệ giật phắt cái thừng trong tay anh này và chạy sầm sập đến chỗ anh Dậu.

Chị Dậu xám mặt, vội vàng đặt con xuống đất, chạy đến đỡ lấy tay hắn :

*– **Cháu** van **ông, nhà cháu** vừa mới tỉnh được một lúc, **ông** tha cho !*

– Tha này ! Tha này !

Vừa nói hắn vừa bịch luôn vào ngực chị Dậu mấy bịch rồi lại sấn đến để trói anh Dậu.

Hình như tức quá không thể chịu được, chị Dậu liều mạng cự lại :

*– Chồng **tôi** đau ốm, **ông** không được phép hành hạ !*

Cai lệ tát vào mặt chị một cái đánh bốp, rồi hắn cứ nhảy vào cạnh anh Dậu.

Chị Dậu nghiến hai hàm răng :

*– **Mày** trói ngay chồng **bà** đi, **bà** cho **mày** xem !*

(Ngô Tất Tố, *Tắt đèn*)

Các từ ngữ xưng hô trong đoạn trích trên được ai dùng và dùng với ai ? Phân tích vị thế xã hội, thái độ, tính cách của từng nhân vật qua cách xưng hô của họ. Nhận xét sự thay đổi cách xưng hô của chị Dậu và giải thích lí do của sự thay đổi đó.

VIẾT BÀI TẬP LÀM VĂN SỐ 1 – VĂN THUYẾT MINH

I – ĐỀ BÀI THAM KHẢO

Đề 1. Cây lúa Việt Nam.

Đề 2. Cây ... ở quê em. (Đây là dạng đề chưa hoàn tất, dành để giáo viên và học sinh lựa chọn, bổ sung. Nên chọn đối tượng thuyết minh cụ thể cho sát với thực tế mỗi địa phương.)

Đề 3. Một loài động vật hay vật nuôi ở quê em.

Đề 4. Một nét đặc sắc trong di tích, thắng cảnh quê em. (Nên chọn đối tượng thuyết minh cụ thể cho sát với thực tế mỗi địa phương.)

II – YÊU CẦU

1. Điều tra, tìm hiểu để nắm bắt đúng đặc điểm cơ bản của đối tượng thuyết minh.

2. Biết kết hợp phương pháp thuyết minh với một số biện pháp nghệ thuật và miêu tả trong bài viết.

BÀI 4

Kết quả cần đạt

- *Qua **Chuyện người con gái Nam Xương**, thấy được đức tính truyền thống và số phận oan trái của người phụ nữ Việt Nam dưới chế độ phong kiến, những thành công về nghệ thuật kể chuyện của tác giả.*
- *Nắm được cách dẫn trực tiếp và cách dẫn gián tiếp lời của một người hoặc một nhân vật.*

  Hiểu được một trong những cách quan trọng để phát triển từ vựng tiếng Việt là phát triển nghĩa của từ ngữ trên cơ sở nghĩa gốc của chúng.
- *Nắm được các tình huống và cách thức tóm tắt một văn bản tự sự.*

VĂN BẢN

CHUYỆN NGƯỜI CON GÁI NAM XƯƠNG

(Trích *Truyền kì mạn lục*[1])

Vũ Thị Thiết, người con gái quê ở Nam Xương[2], tính đã thuỳ mị, nết na, lại thêm tư dung[3] tốt đẹp. Trong làng có chàng Trương Sinh, mến vì dung hạnh[4], xin với mẹ đem trăm lạng vàng cưới về. Song Trương có tính đa nghi, đối với vợ phòng ngừa quá sức. Nàng cũng giữ gìn khuôn phép, không từng để lúc nào vợ chồng phải đến thất hoà[5]. Cuộc sum vầy chưa được bao lâu thì xảy ra việc triều đình bắt lính đi đánh giặc Chiêm. Trương tuy con nhà hào phú[6] nhưng không có học, nên tên phải ghi trong sổ lính đi vào loại đầu. Buổi ra đi mẹ chàng có dặn rằng :

– Nay con phải tạm ra tòng quân, xa lìa dưới gối. Tuy hội công danh từ xưa ít gặp, nhưng trong chỗ binh cách[7] phải biết giữ mình làm trọng, gặp khó nên lui, lường sức mà tiến, đừng nên tham miếng mồi thơm để lỡ mắc vào cạm bẫy. Quan cao tước lớn nhường để người ta. Có như thế, mẹ ở nhà mới khỏi lo lắng vì con được.

Chàng quỳ xuống đất vâng lời dạy. Nàng rót chén rượu đầy tiễn chồng mà rằng :

– Chàng đi chuyến này, thiếp chẳng dám mong đeo được ấn phong hầu, mặc áo gấm[8] trở về quê cũ, chỉ xin ngày về mang theo được hai chữ bình yên, thế là đủ rồi. Chỉ e việc quân khó liệu, thế giặc khôn lường. Giặc cuồng còn lẩn lút, quân triều còn gian lao, rồi thế chẻ tre chưa có, mà mùa dưa chín quá kì[9], khiến cho tiện thiếp[10] băn khoăn, mẹ hiền lo lắng. Nhìn trăng soi thành cũ, lại sửa soạn áo rét, gửi người ải xa, trông liễu rủ bãi hoang, lại thổn thức tâm tình, thương người đất thú[11] ! Dù có thư tín nghìn hàng, cũng sợ không có cánh hồng bay bổng.

Nàng nói đến đây, mọi người đều ứa hai hàng lệ. Rồi đó, tiệc tiễn vừa tàn, áo chàng đành rứt. Ngước mắt cảnh vật vẫn còn như cũ, mà lòng người đã nhuộm mối tình muôn dặm quan san[12] !

Bấy giờ, nàng đương có mang, sau khi xa chồng vừa đầy tuần[13] thì sinh ra một đứa con trai, đặt tên là Đản. Ngày qua tháng lại, thoắt đã nửa năm, mỗi khi thấy bướm lượn đầy vườn, mây che kín núi, thì nỗi buồn góc bể chân trời không thể nào ngăn được. Bà mẹ cũng vì nhớ con mà dần sinh ốm. Nàng hết sức thuốc thang lễ bái thần phật và lấy lời ngọt ngào khôn khéo khuyên lơn. Song bệnh tình mỗi ngày một trầm trọng, bà biết không sống được, bèn trối[14] lại với nàng rằng :

– Ngắn dài có số, tươi héo bởi trời. Mẹ không phải không muốn đợi chồng con về, mà không gắng ăn miếng cơm miếng cháo đặng cùng vui sum họp. Song, lòng tham vô cùng mà vận trời khó tránh. Nước hết chuông rền[15], số cùng khí kiệt[16]. Một tấm thân tàn, nguy trong sớm tối, việc sống chết không khỏi phiền đến con. Chồng con nơi xa xôi chưa biết sống chết thế nào, không thể về đền ơn được. Sau này, trời xét lòng lành, ban cho phúc đức, giống dòng tươi tốt, con cháu đông đàn, xanh kia quyết chẳng phụ con, cũng như con đã chẳng phụ mẹ.

Bà cụ nói xong thì mất. Nàng hết lời thương xót, phàm việc ma chay tế lễ, lo liệu như đối với cha mẹ đẻ mình.

Qua năm sau, giặc ngoan cố đã chịu trói, việc quân kết thúc. Trương Sinh về tới nhà, được biết mẹ đã qua đời, con vừa học nói. Chàng hỏi mồ mẹ, rồi bế đứa con nhỏ đi thăm ; đứa trẻ không chịu, ra đến đồng, nó quấy khóc. Sinh dỗ dành :

– Nín đi con, đừng khóc. Cha về, bà đã mất, lòng cha buồn khổ lắm rồi.

Đứa con ngây thơ nói :

– Ô hay ! Thế ra ông cũng là cha tôi ư ? Ông lại biết nói, chứ không như cha tôi trước kia chỉ nín thin thít.

Chàng ngạc nhiên gạn hỏi. Đứa con nhỏ nói :

– Trước đây, thường có một người đàn ông, đêm nào cũng đến, mẹ Đản đi cũng đi, mẹ Đản ngồi cũng ngồi, nhưng chẳng bao giờ bế Đản cả.

Tính chàng hay ghen, nghe con nói vậy, đinh ninh là vợ hư, mối nghi ngờ ngày càng sâu, không có gì gỡ ra được.

Về đến nhà, chàng la um lên cho hả giận. Vợ chàng khóc mà rằng :

– Thiếp vốn con kẻ khó, được nương tựa nhà giàu. Sum họp chưa thoả tình chăn gối, chia phôi vì động việc lửa binh. Cách biệt ba năm giữ gìn một tiết[17]. Tô son điểm phấn từng đã nguôi lòng, ngõ liễu tường hoa[18] chưa hề bén gót. Đâu có sự mất nết hư thân như lời chàng nói. Dám xin bày tỏ để cởi mối nghi ngờ. Mong chàng đừng một mực nghi oan cho thiếp.

Chàng vẫn không tin. Nhưng nàng hỏi chuyện kia do ai nói ra, thì lại giấu không kể lời con nói ; chỉ lấy chuyện bóng gió này nọ mà mắng nhiếc nàng, và đánh đuổi đi. Họ hàng làng xóm bênh vực và biện bạch cho nàng, cũng chẳng ăn thua gì cả. Nàng bất đắc dĩ nói :

– Thiếp sở dĩ nương tựa vào chàng vì có cái thú vui nghi gia nghi thất[19]. Nay đã bình rơi trâm gãy, mây tạnh mưa tan, sen rũ trong ao, liễu tàn trước gió ; khóc tuyết bông hoa rụng cuống, kêu xuân cái én lìa đàn, nước thẳm buồm xa, đâu còn có thể lại lên núi Vọng Phu kia nữa[20].

Đoạn rồi nàng tắm gội chay sạch, ra bến Hoàng Giang ngửa mặt lên trời mà than rằng :

– Kẻ bạc mệnh này duyên phận hẩm hiu, chồng con rẫy bỏ, điều đâu bay buộc, tiếng chịu nhuốc nhơ, thần sông có linh, xin ngài chứng giám. Thiếp nếu đoan trang giữ tiết, trinh bạch gìn lòng, vào nước xin làm ngọc Mị Nương[21], xuống đất xin làm cỏ Ngu mĩ[22]. Nhược bằng lòng chim dạ cá[23], lừa chồng

dối con, dưới xin làm mồi cho cá tôm, trên xin làm cơm cho diều quạ, và xin chịu khắp mọi người phỉ nhổ.

Nói xong nàng gieo mình xuống sông mà chết. Chàng tuy giận là nàng thất tiết, nhưng thấy nàng tự tận[24] cũng động lòng thương, tìm vớt thây nàng, nhưng chẳng thấy tăm hơi đâu cả. Một đêm phòng không vắng vẻ, chàng ngồi buồn dưới ngọn đèn khuya, chợt đứa con nói rằng :

– Cha Đản lại đến kia kìa !

Chàng hỏi đâu. Nó chỉ bóng chàng ở trên vách :

– Đây này !

Thì ra, ngày thường, ở một mình, nàng hay đùa con, trỏ bóng mình mà bảo là cha Đản. Bấy giờ chàng mới tỉnh ngộ, thấu nỗi oan của vợ, nhưng việc trót đã qua rồi !

Cùng làng với nàng, có người tên là Phan Lang, khi trước làm đầu mục[25] ở bến đò Hoàng Giang, một đêm chiêm bao thấy người con gái áo xanh đến kêu xin tha mạng. Sáng dậy, Phan Lang thấy có người phường chài đem vào biếu một con rùa mai xanh, sực nghĩ đến chuyện mộng, bèn đem thả con rùa ấy. Cuối đời Khai Đại[26] nhà Hồ, quân Minh mượn tiếng đưa Trần Thiêm Bình[27] về nước, phạm vào cửa ải Chi Lăng, nhân dân trong nước, nhiều người sợ hãi phải chạy trốn ra ngoài bể, không may đắm thuyền đều chết đuối cả. Thây Phan Lang dạt vào một cái động rùa ở hải đảo, có người đàn bà là Linh Phi trông thấy nói rằng :

– Đây là vị ân nhân cứu sống ta thuở xưa.

Linh Phi bèn lấy khăn dấu mà lau, lấy thuốc thần mà đổ, một chốc Phan Lang liền tỉnh lại. Phan trông thấy cung gấm đền dao[28] thật nguy nga lộng lẫy, mà chưa biết mình đã lọt vào cung nước của rùa thần. Linh Phi bấy giờ mình mặc áo gấm dát ngọc, chân đi giày có vân nạm vàng, cười bảo Phan Lang rằng :

– Tôi là Linh Phi trong động rùa, vợ vua biển Nam Hải, nhớ hồi còn nhỏ đi chơi ở bến sông bị người phường chài bắt được, ngẫu nhiên báo mộng, quả được nhờ ơn. Gặp gỡ ngày nay, há chẳng phải lòng trời xui khiến cho tôi có dịp đền ơn trả nghĩa ?

Phi bèn đặt yến ở gác Triêu Dương để thết đãi Phan Lang. Dự tiệc hôm ấy có vô số những mĩ nhân, quần áo thướt tha, mái tóc búi xễ. Trong số đó, có một người mặt chỉ hơi điểm qua một chút son phấn trông rất giống Vũ Nương. Phan có ý nhìn trộm, nhưng không dám nhận. Tiệc xong, người đàn bà ấy nói với Phan Lang rằng :

– Tôi với ông vốn người cùng làng, cách mặt chưa bao, đã quên nhau rồi ư ?

Bấy giờ Phan mới nhận đích người ấy là Vũ Nương và gạn hỏi duyên cớ. Nàng nói :

– Tôi ngày trước không may bị người vu oan, phải gieo mình xuống sông tự tử. Các nàng tiên trong cung nước thương tôi vô tội, rẽ một đường nước cho tôi thoát chết, nếu không thì đã vùi vào bụng cá, còn đâu mà gặp ông.

Phan nói :

– Nương tử[29] nghĩa khác Tào Nga[30], hờn không Tinh Vệ[31] mà phải ôm mối hận gieo mình xuống nước. Nay thóc cũ không còn, thóc mới vừa gặt[32], há lại không tưởng nhớ đến quê hương ư ?

Vũ Nương nói :

– Tôi bị chồng ruồng rẫy, thà già ở chốn làng mây cung nước, chứ còn mặt mũi nào về nhìn thấy người ta nữa !

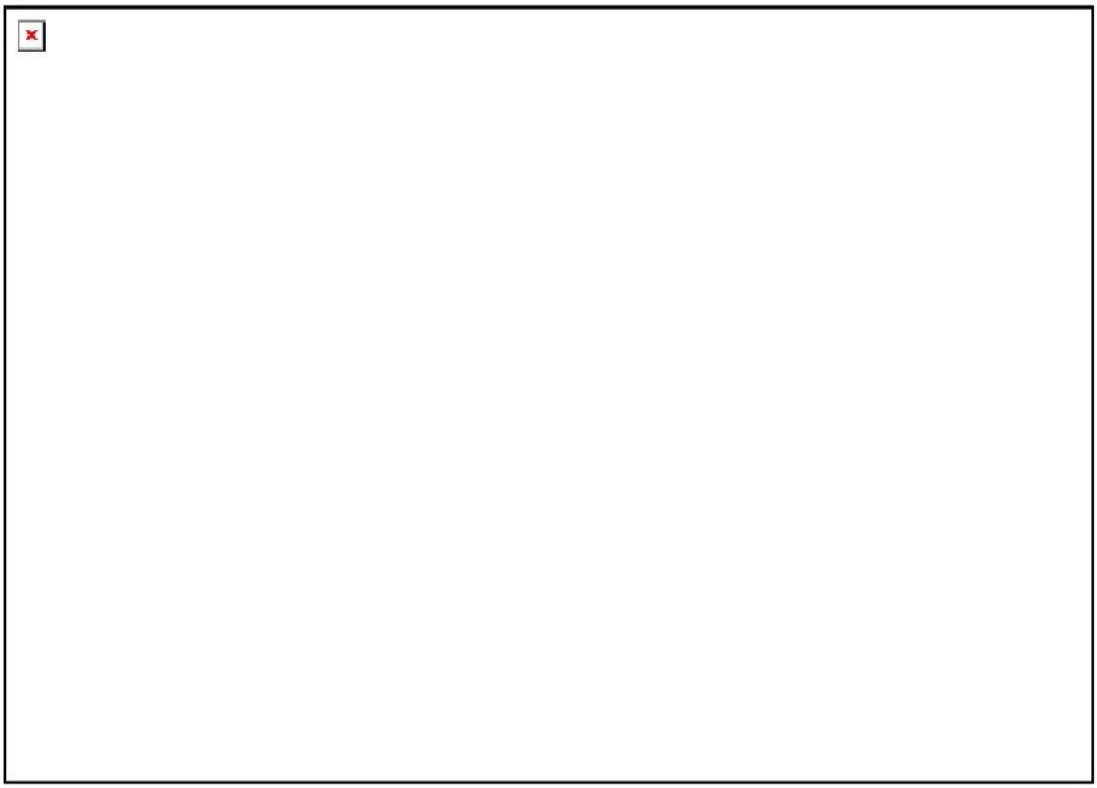

Đền thờ Vũ Nương bên sông Hoàng Giang
(xã Chân Lí, huyện Lí Nhân, tỉnh Hà Nam)

Phan nói :

– Nhà cửa tiên nhân[33] của nương tử, cây cối thành rừng, phần mộ tiên nhân của nương tử, cỏ gai rợp mắt. Nương tử dù không nghĩ đến, nhưng tiên nhân còn mong đợi nương tử thì sao ?

Nghe đến đấy, Vũ Nương ứa nước mắt khóc, rồi quả quyết đổi giọng mà rằng :

– Có lẽ không thể gửi hình ẩn bóng ở đây được mãi, để mang tiếng xấu xa. Vả chăng, ngựa Hồ gầm gió bắc, chim Việt đậu cành nam[34]. Cảm vì nỗi ấy, tôi tất phải tìm về có ngày.

Hôm sau, Linh Phi lấy một cái túi bằng lụa tía, đựng mười hạt minh châu, sai sứ giả Xích Hỗn[35] đưa Phan ra khỏi nước. Vũ Nương nhân đó cũng đưa gửi một chiếc hoa vàng mà dặn :

– Nhờ nói hộ với chàng Trương, nếu còn nhớ chút tình xưa nghĩa cũ, xin lập một đàn giải oan ở bến sông, đốt cây đèn thần chiếu xuống nước, tôi sẽ trở về.

Lúc đến nhà, Phan đem chuyện kể lại với họ Trương. Ban đầu Trương không tin. Nhưng khi nhận được chiếc hoa vàng, chàng mới sợ hãi mà nói :

– Đây quả là vật dùng mà vợ tôi mang lúc ra đi.

Chàng bèn theo lời, lập một đàn tràng ba ngày đêm ở bến Hoàng Giang. Rồi quả thấy Vũ Nương ngồi trên một chiếc kiệu hoa đứng ở giữa dòng, theo sau có đến năm mươi chiếc xe cờ tán, võng lọng, rực rỡ đầy sông, lúc ẩn, lúc hiện.

Chàng vội gọi, nàng vẫn ở giữa dòng mà nói vọng vào :

– Thiếp cảm ơn đức của Linh Phi, đã thề sống chết cũng không bỏ. Đa tạ tình chàng, thiếp chẳng thể trở về nhân gian được nữa.

Rồi trong chốc lát, bóng nàng loang loáng mờ nhạt dần mà biến đi mất.

(Nguyễn Dữ (*), *Truyền kì mạn lục*,
bản dịch của Trúc Khê Ngô Văn Triện,
NXB Văn hoá, Hà Nội, 1962)

Chú thích

(*) Nguyễn Dữ – có sách phiên âm là Nguyễn Tự (chưa rõ năm sinh, năm mất), người huyện Trường Tân, nay là huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương. Ông là học trò của Tuyết Giang Phu Tử Nguyễn Bỉnh Khiêm. Ông sống ở thế kỉ XVI,

là thời kì triều đình nhà Lê đã bắt đầu khủng hoảng, các tập đoàn phong kiến Lê, Mạc, Trịnh tranh giành quyền bính, gây ra các cuộc nội chiến kéo dài. Ông học rộng, tài cao, nhưng chỉ làm quan có một năm rồi xin nghỉ về nhà nuôi mẹ già và viết sách, sống ẩn dật như nhiều trí thức đương thời khác.

(1) *Truyền kì mạn lục* (Ghi chép tản mạn những chuyện kì lạ được lưu truyền) : tác phẩm viết bằng chữ Hán, có chịu ảnh hưởng của truyện truyền kì Trung Quốc – một thể truyện thường có yếu tố kì lạ, hoang đường – nhưng cũng khai thác các truyện cổ dân gian và các truyền thuyết lịch sử, dã sử của Việt Nam. Nhân vật chính thường là những người phụ nữ đức hạnh, khao khát một cuộc sống yên bình, hạnh phúc, nhưng các thế lực bạo tàn và cả lễ giáo khắc nghiệt lại xô đẩy họ vào những cảnh ngộ éo le, oan khuất, bất hạnh. Một loại nhân vật khác là những người trí thức có tâm huyết, bất mãn với thời cuộc, không chịu trói mình trong vòng danh lợi chật hẹp. *Chuyện người con gái Nam Xương* là một trong hai mươi truyện của tác phẩm này.

(2) *Nam Xương* : nay thuộc huyện Lí Nhân, tỉnh Hà Nam.

(3) *Tư dung* : dáng vẻ và nhan sắc.

(4) *Dung hạnh* : nhan sắc và đức hạnh.

(5) *Thất hoà* : mất sự hoà thuận (*thất* : để mất).

(6) *Hào phú* : nhà giàu và có thế lực.

(7) *Binh cách* : việc quân sự, việc chiến tranh. *Chỗ binh cách* : nơi chiến trận.

(8) *Đeo ấn phong hầu, mặc áo gấm* : ý nói được làm quan to, được ban ấn (con dấu vua ban) và áo may bằng gấm quý.

(9) *Mùa dưa chín quá kì* : ngày xưa, người đi lính thú, cứ đến mùa dưa chín thì được thay phiên để về nhà. Câu này ý nói sợ rằng kì hạn đã qua mà chồng vẫn chẳng được về.

(10) *Tiện thiếp* : cách xưng hô khiêm tốn của người phụ nữ ngày xưa.

(11) *Đất thú* : nơi xa xôi ngoài biên ải.

(12) *Quan san* : chỉ nơi xa xôi (*quan* : cửa ải, *san* hay *sơn* : núi).

(13) *Tuần* : đơn vị tính thời gian xưa. Tuần gồm 10 ngày. Một tháng có 3 tuần : thượng, trung và hạ tuần.

(14) *Trối* : dặn dò lần cuối khi sắp chết.

(15) *Nước hết chuông rền* : người xưa dùng đồng hồ nước để đo thời gian. Khi nước chảy nhỏ giọt hết cũng tức là lúc chuông báo sáng để bắt đầu một ngày mới. Ở đây ý nói thời gian qua nhanh, đời người đã đến lúc kết thúc.

(16) *Số cùng khí kiệt* : số mệnh đã hết, sức lực đã cạn.

(17) *Một tiết* : ý nói giữ trọn lòng chung thuỷ với chồng (*tiết* : danh dự và phẩm giá con người).

(18) *Ngõ liễu tường hoa* : chỉ nơi có những chuyện quan hệ trai gái không đứng đắn.

(19) *Nghi gia nghi thất* : nên cửa nên nhà, ý nói thành vợ thành chồng, cùng gây dựng hạnh phúc gia đình.

(20) Cả đoạn *"Nay đã bình rơi trâm gãy... núi Vọng Phu kia nữa"* : ý nói nỗi thất vọng của Vũ Nương khi bị Trương Sinh hắt hủi, tình vợ chồng gắn bó lâu nay đã tan vỡ.

(21) *Ngọc Mị Nương* : theo tích ngọc trai giếng nước trong truyền thuyết *Mị Châu – Trọng Thuỷ,* ý nói đến chết vẫn giữ lòng trong sáng.

(22) *Cỏ Ngu mĩ*: tích về nàng Ngu Cơ, vợ Hạng Vũ. Khi Hạng Vũ thua trận, thế cùng, chạy đến Cai Hạ, nàng rút gươm tự vẫn. Tương truyền hồn Ngu Cơ hoá thành hai khóm cỏ trên mộ, ngày đêm cứ quấn quýt vào nhau, người ta gọi là cỏ Ngu mĩ nhân, ý nói đến chết vẫn giữ lòng chung thuỷ.

(23) *Lòng chim dạ cá* : ở đây ý nói thay lòng đổi dạ, không chung thuỷ.

(24) *Tự tận* : tự kết liễu đời mình, đồng nghĩa với *tự vẫn*, *tự sát*.

(25) *Đầu mục* : chức quan cai trị nhỏ ở địa phương.

(26) *Khai Đại* : niên hiệu thứ hai của Hồ Hán Thương (1403 – 1407).

(27) *Trần Thiêm Bình* : tên đại Việt gian đời nhà Hồ, theo giặc Minh.

(28) *Đền dao* : đền bằng ngọc dao, ý nói cung điện, đền đài thật sang trọng.

(29) *Nương tử*: từ dùng để chỉ hoặc gọi người phụ nữ một cách tôn kính.

(30), (31) *Tào Nga* : một cô gái đời Hán nhảy xuống sông vớt xác cha không được đã tự tử luôn, khi xác nổi lên, người ta thấy nàng ôm được thây cha. *Tinh Vệ* : con gái vua Viêm Đế chết đuối, hoá thành chim Tinh Vệ ngậm đá toan lấp biển. Cả

hai điển tích đều muốn nói : Vũ Nương chết vì bị nghi oan, khác cái chết của hai người con gái nói trên, có ý khuyên nàng nghĩ đến quê hương, gia đình, chồng con.

(32) *Thóc cũ không còn, thóc mới vừa gặt* : ý nói đã tròn một năm, mùa này đã tiếp mùa khác.

(33) *Tiên nhân* : người đời trước mình, chỉ cha ông, tổ tiên. Từ *tiên nhân* ở câu sau lại có ý chỉ Trương Sinh.

(34) *Ngựa Hồ gầm gió bắc, chim Việt đậu cành nam* : đất Hồ ở phương bắc lắm ngựa quý, đất Việt ở phương nam (Trung Quốc) lắm chim lạ. Dù ở đâu thì ngựa Hồ mỗi khi thấy gió bắc lại hí lên, chim Việt vẫn nhớ khí hậu ấm áp phương nam nên vẫn tìm đến cành cây phía nam để đậu. Ý nói vẫn nhớ nước cũ, quê cũ.

(35) *Xích Hỗn* : tên của sứ giả được Linh Phi sai đưa Phan Lang ra khỏi thuỷ cung trở về cõi trần (*xích* : đỏ, *hỗn* : một loại cá quả).

ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN

1. Tìm bố cục của truyện.

2. Nhân vật Vũ Nương được miêu tả trong những hoàn cảnh nào ? Ở từng hoàn cảnh, Vũ Nương đã bộc lộ những đức tính gì ?

3. Vì sao Vũ Nương phải chịu nỗi oan khuất ? Từ đó em cảm nhận được điều gì về thân phận của người phụ nữ dưới chế độ phong kiến ?

4. Hãy nêu nhận xét về cách dẫn dắt tình tiết câu chuyện, những lời trần thuật và những lời đối thoại trong truyện.

5. Tìm những yếu tố kì ảo trong truyện. Đưa những yếu tố kì ảo vào một câu chuyện quen thuộc, tác giả nhằm thể hiện điều gì ?

Ghi nhớ

Qua câu chuyện về cuộc đời và cái chết thương tâm của Vũ Nương, ***Chuyện người con gái Nam Xương*** *thể hiện niềm cảm thương đối với số phận oan nghiệt của người phụ nữ Việt Nam dưới chế độ phong kiến, đồng thời khẳng định vẻ đẹp truyền thống của họ. Tác phẩm là một áng văn hay, thành công về nghệ thuật dựng truyện, miêu tả nhân vật, kết hợp tự sự với trữ tình.*

LUYỆN TẬP

Hãy kể lại *Chuyện người con gái Nam Xương* theo cách của em.

ĐỌC THÊM

LẠI BÀI VIẾNG VŨ THỊ [a]

Nghi ngút đầu ghềnh[b] toả khói hương,
Miếu ai như miếu vợ chàng Trương.
Bóng đèn dầu nhẫn[c] đừng nghe trẻ,
Cung nước[d] chi cho luỵ đến nàng.
Chứng quả[e] đã đôi vầng nhật nguyệt,
Giải oan chẳng lọ[g] mấy đàn tràng[h].
Qua đây bàn bạc mà chơi vậy,
Khá trách chàng Trương khéo phũ phàng[i].

(Lê Thánh Tông[k], trong *Hồng Đức quốc âm thi tập*,
NXB Văn hoá, Hà Nội, 1962)

(a) Bài thơ này là bài thứ hai trong hai bài thơ viếng Vũ Nương trích từ *Hồng Đức quốc âm thi tập*. Tập thơ Nôm này có khoảng 300 bài, không đề rõ tên tác giả từng bài, riêng hai bài thơ viếng Vũ Nương được ghi rõ là của Lê Thánh Tông.

(b) *Ghềnh* : chỗ nước chảy xiết, đá lởm chởm nằm chắn ngang và nhô cao bên bờ sông hoặc biển.

(c) *Nhẫn* : đến, cho đến ; ở đây ý nói đến sự nghi ngờ của Trương Sinh khi nghe đứa trẻ ngây thơ thuật chuyện bóng người xuất hiện mỗi tối khi lên đèn. Chữ này có bản chép là *lẫn* với nghĩa là nhầm lẫn.

(d) *Cung nước* : thuỷ cung, chỉ sông nước Hoàng Giang, nơi Vũ Nương tự tử.

(e) *Chứng quả* : soi xét cho tấm lòng thành thực.

(g) *Lọ* : cần gì, *chẳng lọ* : chẳng cần gì.

(h) *Đàn tràng* : đài cao dựng lên để làm lễ giải oan.

(i) *Phũ phàng* : tàn nhẫn, không một chút thương cảm.

(k) Lê Thánh Tông (1442 – 1497) : ông vua đã dựng lên một vương triều thịnh vượng nhất trong lịch sử chế độ phong kiến Việt Nam. Nhà vua đồng thời còn là tác giả của nhiều tác phẩm chữ Hán, chữ Nôm rất có giá trị, là người sáng lập hội Tao đàn (1495 – 1497), xướng hoạ nhiều bài thơ mừng đất nước thái bình, thịnh vượng và cổ động phong trào sáng tác văn học thời đó.

CÁCH DẪN TRỰC TIẾP VÀ CÁCH DẪN GIÁN TIẾP

I – CÁCH DẪN TRỰC TIẾP

Đọc các đoạn trích sau (trích từ truyện ngắn *Lặng lẽ Sa Pa* của Nguyễn Thành Long) và trả lời câu hỏi.

a) *Cháu ở liền trong trạm hàng tháng. Bác lái xe bao lần dừng, bóp còi toe toe, mặc, cháu gan lì nhất định không xuống. Ấy thế là một hôm, bác lái phải thân hành lên trạm cháu. Cháu nói : "**Đấy, bác cũng chẳng "thèm" người là gì ?**".*

b) *Hoạ sĩ nghĩ thầm : "**Khách tới bất ngờ, chắc cu cậu chưa kịp quét tước dọn dẹp, chưa kịp gấp chăn chẳng hạn**".*

1. Trong đoạn trích (a), bộ phận in đậm là lời nói hay ý nghĩ của nhân vật ? Nó được ngăn cách với bộ phận đứng trước bằng những dấu gì ?

2. Trong đoạn trích (b), bộ phận in đậm là lời nói hay ý nghĩ của nhân vật ? Nó được ngăn cách với bộ phận đứng trước bằng những dấu gì ?

3. Trong cả hai đoạn trích, có thể thay đổi vị trí giữa bộ phận in đậm với bộ phận đứng trước nó được không ? Nếu được thì hai bộ phận ấy ngăn cách với nhau bằng những dấu gì ?

II – CÁCH DẪN GIÁN TIẾP

Đọc các đoạn trích sau và trả lời câu hỏi.

a) *Lão tìm lời lẽ giảng giải cho con trai hiểu. Lão khuyên nó **hãy dằn lòng bỏ đám này, để dùi giắng lại ít lâu, xem có đám nào khá mà nhẹ tiền hơn sẽ liệu ; chẳng lấy đứa này thì lấy đứa khác ; làng này đã chết hết con gái đâu mà sợ**.*

(Nam Cao, *Lão Hạc*)

b) *Nhưng chớ hiểu lầm rằng **Bác sống khắc khổ theo lối nhà tu hành, thanh tao theo kiểu nhà hiền triết ẩn dật**.*

(Phạm Văn Đồng, *Chủ tịch Hồ Chí Minh,*
tinh hoa và khí phách của dân tộc, lương tâm của thời đại)

1. Trong đoạn trích (a), bộ phận in đậm là lời nói hay ý nghĩ ? Nó có được ngăn cách với bộ phận đứng trước bằng dấu gì không ?

2. Trong đoạn trích (b), bộ phận in đậm là lời nói hay ý nghĩ ? Giữa bộ phận in đậm và bộ phận đứng trước có từ gì ? Có thể thay từ đó bằng từ gì ?

Ghi nhớ

Có hai cách dẫn lời nói hay ý nghĩ (lời nói bên trong) của một người, một nhân vật :

*– **Dẫn trực tiếp**, tức là nhắc lại nguyên văn lời nói hay ý nghĩ của người hoặc nhân vật ; lời dẫn trực tiếp được đặt trong dấu ngoặc kép.*

*– **Dẫn gián tiếp**, tức là thuật lại lời nói hay ý nghĩ của người hoặc nhân vật, có điều chỉnh cho thích hợp ; lời dẫn gián tiếp không đặt trong dấu ngoặc kép.*

III – LUYỆN TẬP

1. Tìm lời dẫn trong những đoạn trích sau (trích từ truyện ngắn *Lão Hạc* của Nam Cao). Cho biết đó là lời nói hay ý nghĩ được dẫn, là lời dẫn trực tiếp hay lời dẫn gián tiếp.

a) *Nó cứ làm in như nó trách tôi ; nó kêu ư ử, nhìn tôi, như muốn bảo tôi rằng : "A ! Lão già tệ lắm ! Tôi ăn ở với lão như thế mà lão xử với tôi như thế này à ?".*

b) *Sau khi thằng con đi, lão tự bảo rằng : "Cái vườn là của con ta. Hồi còn mồ ma mẹ nó, mẹ nó cố thắt lưng buộc bụng, dè sẻn mãi, mới để ra được năm mươi đồng bạc tậu. Hồi ấy, mọi thức còn rẻ cả...".*

2. Viết một đoạn văn nghị luận có nội dung liên quan đến một trong ba ý kiến dưới đây. Trích dẫn ý kiến đó theo hai cách : dẫn trực tiếp và dẫn gián tiếp.

a) *Chúng ta phải ghi nhớ công lao của các vị anh hùng dân tộc, vì các vị ấy là tiêu biểu của một dân tộc anh hùng.*

(Hồ Chí Minh, *Báo cáo Chính trị tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng*)

b) *Giản dị trong đời sống, trong quan hệ với mọi người, trong tác phong, Hồ Chủ tịch cũng rất giản dị trong lời nói và bài viết, vì muốn cho quần chúng nhân dân hiểu được, nhớ được, làm được.*

(Phạm Văn Đồng, *Chủ tịch Hồ Chí Minh, tinh hoa và khí phách của dân tộc, lương tâm của thời đại*)

c) *Người Việt Nam ngày nay có lí do đầy đủ và vững chắc để tự hào với tiếng nói của mình.*

(Đặng Thai Mai, *Tiếng Việt, một biểu hiện hùng hồn của sức sống dân tộc*)

3. Hãy thuật lại lời nhân vật Vũ Nương trong đoạn trích sau đây theo cách dẫn gián tiếp.

Hôm sau, Linh Phi lấy một cái túi bằng lụa tía, đựng mười hạt minh châu, sai sứ giả Xích Hỗn đưa Phan ra khỏi nước. Vũ Nương nhân đó cũng đưa gửi một chiếc hoa vàng mà dặn :

– Nhờ nói hộ với chàng Trương, nếu còn nhớ chút tình xưa nghĩa cũ, xin lập một đàn giải oan ở bến sông, đốt cây đèn thần chiếu xuống nước, tôi sẽ trở về.

(Nguyễn Dữ, *Chuyện người con gái Nam Xương*)

SỰ PHÁT TRIỂN CỦA TỪ VỰNG

I – SỰ BIẾN ĐỔI VÀ PHÁT TRIỂN NGHĨA CỦA TỪ NGỮ

1. Trong bài thơ *Vào nhà ngục Quảng Đông cảm tác* của Phan Bội Châu (*Ngữ văn 8*, tập một) có câu *Bủa tay ôm chặt bồ kinh tế*. Cho biết từ *kinh tế* trong bài thơ này có nghĩa gì. Ngày nay chúng ta có hiểu từ này theo nghĩa như Phan Bội Châu đã dùng hay không ? Qua đó em rút ra nhận xét gì về nghĩa của từ ?

2. Đọc kĩ các câu sau (trích từ *Truyện Kiều* của Nguyễn Du), chú ý những từ in đậm :

a) – *Gần xa nô nức yến anh,*
Chị em sắm sửa bộ hành chơi ***xuân****.*
Dập dìu tài tử giai nhân,
Ngựa xe như nước áo quần như nêm.

– *Ngày **xuân** em hãy còn dài,*
Xót tình máu mủ thay lời nước non.

b) – *Được lời như cởi tấm lòng,*
*Giở kim thoa với khăn hồng trao **tay**.*

– *Cũng nhà hành viện xưa nay,*
*Cũng phường bán thịt cũng **tay** buôn người.*

Tra từ điển tiếng Việt (chẳng hạn *Từ điển tiếng Việt*, Viện Ngôn ngữ học, Hoàng Phê chủ biên, 2002) để biết nghĩa của từ *xuân*, từ *tay* trong các câu trên và cho biết nghĩa nào là nghĩa gốc, nghĩa nào là nghĩa chuyển. Trong trường hợp có nghĩa chuyển thì nghĩa chuyển đó được hình thành theo phương thức chuyển nghĩa nào ?

Ghi nhớ

• *Cùng với sự phát triển của xã hội, từ vựng của ngôn ngữ cũng không ngừng phát triển. Một trong những cách phát triển từ vựng tiếng Việt là phát triển nghĩa của từ ngữ trên cơ sở nghĩa gốc của chúng.*

• *Có hai phương thức chủ yếu phát triển nghĩa của từ ngữ : phương thức ẩn dụ và phương thức hoán dụ.*

II – LUYỆN TẬP

1. Từ *chân* trong các câu sau là từ nhiều nghĩa. Hãy xác định :

– Ở câu nào, từ *chân* dùng với nghĩa gốc.

– Ở câu nào, từ *chân* được dùng với nghĩa chuyển theo phương thức ẩn dụ.

– Ở câu nào, từ *chân* được dùng với nghĩa chuyển theo phương thức hoán dụ.

a) *Đề huề lưng túi gió trăng,*
*Sau **chân** theo một vài thằng con con.*

(Nguyễn Du, *Truyện Kiều*)

b) *Năm em học sinh lớp 9A có* ***chân*** *trong đội tuyển của trường đi dự "Hội khoẻ Phù Đổng".*

c) *Dù ai nói ngả nói nghiêng,*
Thì ta vẫn vững như kiềng ba ***chân****.*

(*Ca dao*)

d) *Buồn trông nội cỏ rầu rầu,*
Chân *mây mặt đất một màu xanh xanh.*

(Nguyễn Du, *Truyện Kiều*)

2. *Từ điển tiếng Việt* (Sđd) định nghĩa từ *trà* như sau :

Trà : búp hoặc lá cây chè đã sao, đã chế biến, để pha nước uống. *Pha trà. Ấm trà ngon. Hết tuần trà.*

Dựa vào định nghĩa trên, hãy nêu nhận xét về nghĩa của từ *trà* trong những cách dùng như : *trà a-ti-sô, trà hà thủ ô, trà sâm, trà linh chi, trà tâm sen, trà khổ qua (mướp đắng).*

3. *Từ điển tiếng Việt* (Sđd) nêu nghĩa gốc của từ *đồng hồ* như sau :

Đồng hồ : dụng cụ đo giờ phút một cách chính xác. *Đồng hồ đeo tay. Đồng hồ báo thức.*

Dựa vào những cách dùng như : *đồng hồ điện, đồng hồ nước, đồng hồ xăng,...* hãy nêu nghĩa chuyển của từ *đồng hồ.*

4. Hãy tìm ví dụ để chứng minh rằng các từ *hội chứng, ngân hàng, sốt, vua* là những từ nhiều nghĩa.

5. Đọc hai câu thơ sau :

Ngày ngày mặt trời đi qua trên lăng
Thấy một mặt trời trong lăng rất đỏ.

(Viễn Phương, *Viếng lăng Bác*)

Từ *mặt trời* trong câu thơ thứ hai được sử dụng theo phép tu từ từ vựng nào ? Có thể coi đây là hiện tượng một nghĩa gốc của từ phát triển thành nhiều nghĩa được không ? Vì sao ?

LUYỆN TẬP TÓM TẮT VĂN BẢN TỰ SỰ

I – SỰ CẦN THIẾT CỦA VIỆC TÓM TẮT VĂN BẢN TỰ SỰ

1. Tìm hiểu các tình huống sau :

a) Tuần trước do bị ốm, em không được cùng các bạn trong lớp xem bộ phim *Chiếc lá cuối cùng* (dựa theo truyện ngắn cùng tên của nhà văn O Hen-ri). Em muốn nhờ bạn kể lại bộ phim đó một cách vắn tắt.

b) Để nắm chắc nội dung *Chuyện người con gái Nam Xương*, cô giáo yêu cầu tất cả học sinh phải đọc và tóm tắt được văn bản ấy trước khi học trên lớp.

c) Trong buổi sinh hoạt câu lạc bộ văn học, em được phân công giới thiệu một tác phẩm văn học mà mình yêu thích. Công việc cần làm trước khi phân tích giá trị nội dung và nghệ thuật là phải tóm tắt văn bản.

2. Suy nghĩ và thực hiện các yêu cầu sau :

a) Trong cả ba tình huống trên, người ta đều phải tóm tắt văn bản. Hãy rút ra nhận xét về sự cần thiết phải tóm tắt văn bản tự sự.

b) Hãy tìm hiểu và nêu lên các tình huống khác trong cuộc sống mà em thấy cần phải vận dụng kĩ năng tóm tắt văn bản tự sự.

II – THỰC HÀNH TÓM TẮT MỘT VĂN BẢN TỰ SỰ

1. Để tóm tắt *Chuyện người con gái Nam Xương*, có bạn nêu các nhân vật và sự việc chính sau đây :

– Chàng Trương Sinh phải đầu quân đi lính, để lại mẹ già và người vợ trẻ là Vũ Thị Thiết (Vũ Nương) ở nhà.

– Mẹ Trương Sinh ốm chết, Vũ Nương lo ma chay chu tất.

– Giặc tan, Trương Sinh trở về nhà, nghe lời con nhỏ, nghi vợ không chung thuỷ.

– Vũ Nương bị oan, bèn gieo mình xuống sông Hoàng Giang tự vẫn.

– Phan Lang là người cùng làng với Vũ Nương, do cứu mạng thần rùa Linh Phi, vợ vua Nam Hải, nên khi chạy nạn, chết đuối ở biển đã được Linh Phi cứu sống để trả ơn.

– Phan Lang gặp lại Vũ Nương trong động của Linh Phi. Hai người nhận ra nhau. Phan Lang được trở về trần gian, Vũ Nương gửi chiếc hoa vàng cùng lời nhắn Trương Sinh.

– Trương Sinh nghe Phan Lang kể, biết vợ bị oan, bèn lập đàn giải oan trên bến Hoàng Giang. Vũ Nương trở về, ngồi trên một chiếc kiệu hoa đứng ở giữa dòng, lúc ẩn, lúc hiện.

Hãy cho biết :

a) Các sự việc chính đã được nêu đầy đủ chưa ? Có thiếu sự việc nào quan trọng không ? Nếu có thì đó là sự việc gì ? Tại sao đó lại là sự việc quan trọng cần phải nêu ?

b) Các sự việc nêu trên đã hợp lí chưa ? Có gì cần thay đổi không ?

2. Trên cơ sở đã bổ sung đầy đủ và sắp xếp hợp lí các sự việc, nhân vật, hãy viết một văn bản tóm tắt *Chuyện người con gái Nam Xương* trong khoảng 20 dòng.

3. Nếu phải tóm tắt tác phẩm này một cách ngắn gọn hơn, em sẽ tóm tắt như thế nào để với số dòng ít nhất mà người đọc vẫn hiểu được nội dung chính của văn bản ?

Ghi nhớ

Tóm tắt một văn bản tự sự là cách làm giúp người đọc và người nghe nắm được nội dung chính của văn bản đó. Văn bản tóm tắt phải nêu được một cách ngắn gọn nhưng đầy đủ các nhân vật và sự việc chính, phù hợp với văn bản được tóm tắt.

III – LUYỆN TẬP

1. Viết văn bản tóm tắt một văn bản tự sự đã học trong chương trình Ngữ văn lớp 8 (*Lão Hạc, Chiếc lá cuối cùng,...*) và một văn bản sẽ học ở bài 5 *Ngữ văn 9* (*Chuyện cũ trong phủ chúa Trịnh* hoặc *Hoàng Lê nhất thống chí*).

2. Kể tóm tắt trước lớp một câu chuyện xảy ra trong cuộc sống mà em đã được nghe hoặc đã chứng kiến.

BÀI 5

Kết quả cần đạt

- *Qua **Chuyện cũ trong phủ chúa Trịnh**, thấy được cuộc sống xa hoa của vua chúa, sự nhũng nhiễu của quan lại thời Lê – Trịnh và giá trị nghệ thuật của một bài tuỳ bút cổ.*

  *Qua đoạn trích **Hoàng Lê nhất thống chí**, cảm nhận được vẻ đẹp hào hùng của người anh hùng dân tộc Nguyễn Huệ trong chiến công đại phá quân Thanh, sự thảm bại của bọn xâm lược và số phận bi thảm của lũ vua quan phản nước hại dân ; hiểu được giá trị nghệ thuật của lối văn trần thuật kết hợp với miêu tả chân thực, sinh động.*

- *Hiểu được việc tạo từ ngữ mới và mượn từ ngữ của tiếng nước ngoài cũng là những cách quan trọng để phát triển từ vựng tiếng Việt.*

- *Nhận ra ưu điểm, nhược điểm trong bài tập làm văn số 1 và biết sửa các lỗi về diễn đạt và chính tả.*

VĂN BẢN

CHUYỆN CŨ TRONG PHỦ CHÚA TRỊNH

(Trích *Vũ trung tuỳ bút*[1])

Khoảng năm Giáp Ngọ, Ất Mùi (1774 – 1775), trong nước vô sự, Thịnh Vương (Trịnh Sâm) thích chơi đèn đuốc, thường ngự[2] ở các li cung[3] trên Tây Hồ, núi Tử Trầm, núi Dũng Thuý. Việc xây dựng đình đài cứ liên miên. Mỗi tháng ba bốn lần, Vương ra cung Thuỵ Liên trên bờ Tây Hồ, binh lính dàn hầu vòng quanh bốn mặt hồ, các nội thần[4] thì đều bịt khăn, mặc áo đàn bà, bày bách hoá chung quanh bờ hồ để bán.

Thuyền ngự đi đến đâu thì các quan hỗ tụng đại thần[5] tuỳ ý ghé vào bờ mua bán các thứ như ở cửa hàng trong chợ. Cũng có lúc cho bọn nhạc công ngồi trên gác chuông chùa Trấn Quốc[6], hay dưới bóng cây bến đá nào đó, hoà vài khúc nhạc.

Buổi ấy, bao nhiêu những loài trân cầm dị thú(7), cổ mộc quái thạch(8), chậu hoa cây cảnh ở chốn dân gian, Chúa đều sức(9) thu lấy, không thiếu một thứ gì. Có khi lấy cả cây đa to, cành lá rườm rà, từ bên bắc chở qua sông đem về. Nó giống như một cây cổ thụ mọc trên đầu non hốc đá, rễ dài đến vài trượng(10), phải một cơ binh(11) mới khiêng nổi, lại bốn người đi kèm, đều cầm gươm, đánh thanh la đốc thúc quân lính khiêng đi cho đều tay. Trong phủ, tuỳ chỗ, điểm xuyết bày vẽ ra hình núi non bộ trông như bến bể đầu non. Mỗi khi đêm thanh cảnh vắng, tiếng chim kêu vượn hót ran khắp bốn bề, hoặc nửa đêm ồn ào như trận mưa sa gió táp, vỡ tổ tan đàn, kẻ thức giả(12) biết đó là triệu bất tường(13). Bọn hoạn quan cung giám lại thường nhờ gió bẻ măng, ra ngoài doạ dẫm. Họ dò xem nhà nào có chậu hoa cây cảnh, chim tốt khướu hay, thì biên ngay hai chữ "phụng thủ"(14) vào. Đêm đến, các cậu trèo qua tường thành lẻn ra, sai tay chân đem lính đến lấy phăng đi, rồi buộc cho tội đem giấu vật cung phụng để doạ lấy tiền. Hòn đá hoặc cây cối gì to lớn quá, thậm chí phải phá nhà huỷ tường để khiêng ra. Các nhà giàu bị họ vu cho là giấu vật cung phụng, thường phải bỏ của ra kêu van chí chết, có khi phải đập bỏ núi non bộ, hoặc phá bỏ cây cảnh để tránh khỏi tai vạ. Nhà ta ở phường Hà Khẩu(15), huyện Thọ Xương(16), trước nhà tiền đường(17) có trồng một cây lê, cao vài mươi trượng, lúc nở hoa, trắng xoá thơm lừng ; trước nhà trung đường(18) cũng trồng hai cây lựu trắng, lựu đỏ, lúc ra quả trông rất đẹp, bà cung nhân(19) ta sai chặt đi cũng vì cớ ấy.

(Phạm Đình Hổ(*), *Vũ trung tuỳ bút*,
bản dịch của Đông Châu Nguyễn Hữu Tiến,
NXB Văn học, Hà Nội, 1972)

Chú thích

(*) Phạm Đình Hổ (1768 – 1839) tên chữ là Tùng Niên hoặc Bỉnh Trực, hiệu Đông Dã Tiều, tục gọi là Chiêu Hổ, người làng Đan Loan, huyện Đường An, tỉnh Hải Dương (nay là xã Nhân Quyền, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương). Ông sống vào thời buổi đất nước loạn lạc nên muốn ẩn cư. Đến thời Minh Mạng nhà Nguyễn, vua vời ông ra làm quan. Ông đã mấy lần từ chức, rồi lại bị triệu ra. Phạm Đình Hổ để lại nhiều công trình biên soạn, khảo cứu có giá trị thuộc đủ các lĩnh vực : văn học, triết học, lịch sử, địa lí,... tất cả đều bằng chữ Hán.

(1) *Vũ trung tuỳ bút* (Tuỳ bút viết trong những ngày mưa) là một tác phẩm đặc sắc của Phạm Đình Hổ, được viết khoảng đầu đời Nguyễn (đầu thế kỉ XIX).

Tác phẩm gồm 88 mẩu chuyện nhỏ, viết theo thể tuỳ bút, hiểu theo nghĩa là ghi chép tuỳ hứng, tản mạn, không cần hệ thống, kết cấu gì. Ông bàn về các thứ lễ nghi, phong tục, tập quán,... ghi chép những việc xảy ra trong xã hội lúc đó, viết về một số nhân vật, di tích lịch sử, khảo cứu về địa dư, chủ yếu là vùng Hải Dương quê ông. Tất cả những nội dung ấy đều được trình bày một cách giản dị, sinh động và rất hấp dẫn. Tác phẩm chẳng những có giá trị văn chương đặc sắc mà còn cung cấp những tài liệu quý về sử học, địa lí, xã hội học.

(2) *Ngự* : tiếng dùng dành riêng cho vua chúa (ví dụ *ngự bút* là chữ của vua chúa viết, *thuyền ngự* là thuyền của vua chúa), ở đây có nghĩa là chúa thường đến ở.

(3) *Li cung* : chỗ vua chúa ở khi đi ra ngoài kinh thành.

(4) *Nội thần* : các quan hầu cận trong cung vua, phủ chúa, thường là quan hoạn.

(5) *Hổ tụng đại thần* : quan đại thần theo hầu và bảo vệ vua chúa.

(6) *Chùa Trấn Quốc* : ngôi chùa cổ ở Hồ Tây, Hà Nội.

(7) *Trân cầm dị thú* : chim quý, thú lạ (*trân* : quý, *dị* : lạ).

(8) *Cổ mộc quái thạch* : cây sống lâu năm, phiến đá có hình thù kì lạ.

(9) *Sức* : lệnh bằng văn bản.

(10) *Trượng* : đơn vị đo độ dài xưa (khoảng 3,33 m).

(11) *Cơ binh* : đơn vị tổ chức quân đội đối với bộ binh và thuỷ binh thời phong kiến, số lượng thay đổi trong khoảng từ 200 đến 800 người.

(12) *Kẻ thức giả* : người có học vấn, có kiến thức.

(13) *Triệu bất tường* : dấu hiệu không lành, điềm gở.

(14) *Phụng thủ* : lấy để dâng lên vua chúa.

(15) *Phường Hà Khẩu* : khu vực phố Hàng Buồm, Hà Nội bây giờ.

(16) *Huyện Thọ Xương* : nay thuộc quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

(17), (18) *Nhà tiền đường, nhà trung đường* : nhà trước, nhà giữa.

(19) *Cung nhân* : chỉ chung những người phụ nữ hầu hạ trong cung vua, còn có nghĩa là chức vua phong cho vợ các quan tứ phẩm, ở đây dùng với nghĩa thứ hai, chỉ bà mẹ của tác giả.

ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN

1. Thói ăn chơi xa xỉ của chúa Trịnh và các quan lại hầu cận được miêu tả thông qua những chi tiết nào ? Hãy nhận xét về lời văn ghi chép sự việc của tác giả. Tại sao kết thúc đoạn văn miêu tả này, tác giả lại nói : "... kẻ thức giả biết đó là triệu bất tường" ?

2. Bọn quan lại hầu cận trong phủ chúa đã nhũng nhiễu dân bằng những thủ đoạn nào ? Tìm hiểu ý nghĩa đoạn văn cuối bài : "Nhà ta ở phường Hà Khẩu... cũng vì cớ ấy".

3*. Theo em, thể văn *tuỳ bút* trong bài có gì khác so với thể *truyện* mà các em đã học ở bài trước ?

> ***Ghi nhớ***
>
> ***Chuyện cũ trong phủ chúa Trịnh*** *phản ánh đời sống xa hoa của vua chúa và sự nhũng nhiễu của bọn quan lại thời Lê – Trịnh bằng một lối văn ghi chép sự việc cụ thể, chân thực, sinh động.*

LUYỆN TẬP

Căn cứ vào bài *Chuyện cũ trong phủ chúa Trịnh* và cả bài đọc thêm dưới đây, hãy viết một đoạn văn ngắn trình bày những điều em nhận thức được về tình trạng đất nước ta vào thời vua Lê – chúa Trịnh cuối thế kỉ XVIII.

ĐỌC THÊM

Hồi loạn năm Canh Thân, Tân Dậu[(a)], tỉnh Hải Dương ta chịu hại về việc binh đao đến mười tám năm, ruộng đất hầu thành rừng rậm. Giống gấu chó, lợn lòi sinh tụ đầy cả ngoài đồng. Những người dân sống sót phải đi bóc vỏ cây, bắt chuột mà ăn. Mỗi một mẫu ruộng chỉ bán được một cái bánh nướng. Tổng Minh Luân ta có một bà cụ goá mà giàu, người làng bầu cụ làm hậu thần. Vì tiền của bà cụ chất như núi, nên tục gọi là "bà Hậu Núi". Gặp năm mất mùa, nhà hết cả thóc ăn, bà mang năm bao bạc đi đổi thóc không được, phải chết đói ở

(a) *Năm Canh Thân, Tân Dậu* : năm 1740, 1741.

bên xóm chùa Bình Đê. Bấy giờ làng ta bỏ hoang rậm rạp ngập mắt. Đến khi loạn lạc đã yên, người làng mới từ chốn kinh đô lục tục kéo về, chặt tranh phá cỏ, đi tìm nhận lấy nền nhà cũ, thu nhặt những xương tàn đem chôn. Nay ở phía nam đầu làng vẫn còn có một khu nghĩa trang, hằng năm cứ đến rằm tháng bảy, người làng đem cỗ bàn ra cúng viếng.

Các cụ nhà nho làng ta ngày xưa, như ông nho sinh Phạm Diên Bá, thường nói chuyện với ta rằng : Đương lúc loạn lạc, ông đi đường về tỉnh Đông, có vào nghỉ nhà hàng cơm bên đường, thấy mùi thịt rất tanh, trên mặt nước bát canh thịt nổi sao lên như hình bán nguyệt. Hỏi người hàng cơm thì họ nói đó là thịt lợn lòi. Khi ăn đến nửa chừng, thấy có con rận chết ở trên mặt bát mới biết là thịt người, vội vàng chạy ra móc cổ thổ ra. Ôi ! Đời xưa bảo rằng "thú ăn thịt người" cũng chưa đến nỗi quá tệ như thế !

(Phạm Đình Hổ, bài *Võ Thái Phi*, trong *Vũ trung tuỳ bút*, Sđd)

VĂN BẢN

HOÀNG LÊ NHẤT THỐNG CHÍ [1]

HỒI THỨ MƯỜI BỐN

Đánh Ngọc Hồi, quân Thanh bị thua trận
Bỏ Thăng Long, Chiêu Thống trốn ra ngoài

(Đoạn đầu của hồi này nói về việc Tôn Sĩ Nghị kéo quân vào Thăng Long, thấy dễ dàng, cho là vô sự, không đề phòng gì cả. Điều đó làm cho vua tôi Lê Chiêu Thống, vốn đã biết rất rõ tài cầm quân của Nguyễn Huệ, rất lo lắng.)

Nhắc lại, Ngô Văn Sở sau khi đem các đạo quân rút lui, tức tốc sai Nguyễn Văn Tuyết chạy trạm[2] vào Nam cáo cấp[3]. Một mặt, chặn ngang đất Trường Yên[4] làm giới hạn, đóng thuỷ quân ở hải phận Biện Sơn, quân bộ thì chia giữ vùng núi Tam Điệp[5], hai mặt thuỷ bộ liên lạc với nhau, ngăn hẳn miền Nam với miền Bắc. Vì thế, việc ở bốn trấn[6] Đàng Ngoài không hề thấu đến hai xứ Thanh, Nghệ. Vì vậy việc quân Thanh đến Thăng Long và việc vua Lê thụ phong[7] ngày 22 tháng 11, từ Thanh Hoá trở vào, không một người nào được biết. Ngày 20

tháng ấy, Sở lui về Tam Điệp, thì ngày 24 Tuyết đã vào đến thành Phú Xuân[8]. Bắc Bình Vương[9] tiếp được tin báo, giận lắm, liền họp các tướng sĩ, định thân chinh cầm quân đi ngay. Nhưng các người đến họp đều nói :

– Chúa công với vua Tây Sơn có sự hiềm khích, đối với ngôi chí tôn[10], lòng tôn phò[11] của mọi người chưa thật vững bền, nay nghe quân Thanh sang đánh, càng dễ sinh ra ngờ vực hai lòng. Vậy xin trước hết hãy chính vị hiệu[12], ban lệnh ân xá khắp trong ngoài, để yên kẻ phản trắc và giữ lấy lòng người, rồi sau sẽ cất quân ra đánh dẹp cõi Bắc cũng chưa là muộn.

Bắc Bình Vương lấy làm phải, bèn cho đắp đàn ở trên núi Bân[13], tế cáo trời đất cùng các thần sông, thần núi, chế ra áo cổn mũ miện[14], lên ngôi hoàng đế, đổi năm thứ 11 niên hiệu Thái Đức của vua Tây Sơn Nguyễn Nhạc[15] làm năm đầu niên hiệu Quang Trung. Lễ xong, hạ lệnh xuất quân, hôm ấy nhằm vào ngày 25 tháng chạp năm Mậu Thân (1788)[16].

Vua Quang Trung tự mình đốc suất đại binh, cả thuỷ lẫn bộ cùng ra đi. Ngày 29 đến Nghệ An, vua Quang Trung cho vời người cống sĩ[17] ở huyện La Sơn là Nguyễn Thiếp vào dinh và hỏi :

– Quân Thanh sang đánh, tôi sắp đem binh ra chống cự. Mưu đánh và giữ, cơ được hay thua, tiên sinh nghĩ như thế nào ?

Thiếp nói :

– Bây giờ trong nước trống không, lòng người tan rã. Quân Thanh ở xa tới đây, không biết tình hình quân ta yếu hay mạnh, không hiểu rõ thế nên đánh nên giữ ra sao. Chúa công đi ra chuyến này, không quá mười ngày, quân Thanh sẽ bị dẹp tan.

Vua Quang Trung mừng lắm, liền sai đại tướng là Hám Hổ Hầu kén lính ở Nghệ An, cứ ba suất đinh thì lấy một người, chưa mấy lúc, đã được hơn một vạn quân tinh nhuệ. Rồi nhà vua cho mở cuộc duyệt binh lớn ở doanh trấn, đem số thân quân[18] ở Thuận Hoá, Quảng Nam chia làm bốn doanh[19] tiền, hậu, tả, hữu, còn số lính mới tuyển ở Nghệ An thì làm trung quân.

Vua Quang Trung cưỡi voi ra doanh yên ủi quân lính, truyền cho tất cả đều ngồi mà nghe lệnh, rồi dụ[20] họ rằng :

– Quân Thanh sang xâm lấn nước ta, hiện ở Thăng Long, các ngươi đã biết chưa ? Trong khoảng vũ trụ, đất nào sao ấy, đều đã phân biệt rõ ràng[21], phương Nam, phương Bắc chia nhau mà cai trị. Người phương Bắc[22] không phải nòi giống nước ta, bụng dạ ắt khác. Từ đời nhà Hán đến nay, chúng đã mấy phen cướp bóc nước ta, giết hại nhân dân, vơ vét của cải, người mình không thể chịu nổi, ai cũng muốn đuổi chúng đi. Đời Hán có Trưng Nữ Vương, đời Tống có Đinh Tiên Hoàng, Lê Đại Hành, đời Nguyên có Trần Hưng Đạo, đời Minh có Lê Thái Tổ, các ngài không nỡ ngồi nhìn chúng làm điều tàn bạo, nên đã thuận lòng người, dấy nghĩa quân, đều chỉ đánh một trận là thắng và đuổi được chúng về phương Bắc. Ở các thời ấy, Bắc, Nam riêng phận, bờ cõi lặng yên, các vua truyền ngôi lâu dài. Từ đời nhà Đinh tới đây, dân ta không đến nỗi khổ như hồi nội thuộc[23] xưa kia. Mọi việc lợi, hại, được, mất ấy đều là chuyện cũ rành rành của các triều đại trước. Nay người Thanh lại sang, mưu đồ lấy nước Nam ta đặt làm quận huyện, không biết trông gương mấy đời Tống, Nguyên, Minh ngày xưa. Vì vậy ta phải kéo quân ra đánh đuổi chúng. Các ngươi đều là những kẻ có lương tri, lương năng[24], hãy nên cùng ta đồng tâm hiệp lực, để dựng nên công lớn. Chớ có quen theo thói cũ, ăn ở hai lòng, nếu như việc phát giác ra, sẽ bị giết chết ngay tức khắc, không tha một ai, chớ bảo là ta không nói trước !

Các quân lính đều nói : "Xin vâng lệnh, không dám hai lòng !".

Hôm sau, vua Quang Trung hạ lệnh tiến quân. Các quân đều nghiêm chỉnh đội ngũ mà đi. Khi đến núi Tam Điệp, Sở và Lân ra đón, đều mang gươm trên lưng mà xin chịu tội.

Vua Quang Trung nói :

– Các ngươi đem thân thờ ta, đã làm đến chức tướng soái. Ta giao cho toàn hạt cả 11 thừa tuyên, lại cho tuỳ tiện làm việc. Vậy mà giặc đến không đánh nổi một trận, mới nghe tiếng đã chạy trước. Binh pháp dạy rằng : "Quân thua chém tướng". Tội của các ngươi đều đáng chết một vạn lần. Song ta nghĩ các ngươi đều là hạng võ dũng[25], chỉ biết gặp giặc là đánh, đến như việc tuỳ cơ ứng biến thì không có tài. Cho nên ta để Ngô Thì Nhậm ở lại đấy làm việc với các ngươi, chính là lo về điều đó. Bắc Hà mới yên, lòng người chưa phục, Thăng Long lại là nơi bị đánh cả bốn mặt, không có sông núi để nương tựa. Năm trước ta ra đánh đất ấy, chúa Trịnh quả nhiên không thể chống nổi, đó là chứng cớ rõ ràng. Các ngươi đóng quân trơ trọi ở đấy, quân Thanh kéo sang, người trong kinh kì làm

nội ứng cho chúng, thì các ngươi làm sao mà cử động được ? Các ngươi đã biết nín nhịn để tránh mũi nhọn của chúng, chia ra chặn giữ các nơi hiểm yếu, bên trong thì kích thích lòng quân, bên ngoài thì làm cho giặc kiêu căng, kế ấy là rất đúng. Khi mới nghe nói, ta đã đoán là do Ngô Thì Nhậm chủ mưu, sau hỏi Văn Tuyết thì quả đúng như vậy.

Thì Nhậm bèn lạy hai lạy để tạ ơn. Vua Quang Trung lại nói :

– Lần này ta ra, thân hành cầm quân, phương lược[26] tiến đánh đã có tính sẵn. Chẳng qua mươi ngày có thể đuổi được người Thanh. Nhưng nghĩ chúng là nước lớn gấp mười nước mình, sau khi bị thua một trận, ắt lấy làm thẹn mà lo mưu báo thù. Như thế thì việc binh đao không bao giờ dứt, không phải là phúc cho dân, nỡ nào mà làm như vậy. Đến lúc ấy chỉ có người khéo lời lẽ mới dẹp nổi việc binh đao, không phải Ngô Thì Nhậm thì không ai làm được. Chờ mười năm nữa, cho ta được yên ổn mà nuôi dưỡng lực lượng, bấy giờ nước giàu quân mạnh, thì ta có sợ gì chúng ?

Bọn Sở, Lân đều lạy tạ và nói :

– Chúa thượng thật là lo xa, chúng tôi ngu dại không thể nghĩ tới chỗ đó. Hiện nay phương lược tiến đánh ra sao, xin chúa thượng nhất nhất chỉ rõ để chúng tôi tuân theo mà làm.

Vua Quang Trung bèn sai mở tiệc khao quân, chia quân sĩ ra làm năm đạo, hôm đó là ngày 30 tháng chạp. Rồi nhà vua bảo kín với các tướng rằng :

– Ta với các ngươi hãy tạm sửa lễ cúng Tết trước đã. Đến tối 30 Tết lập tức lên đường, hẹn đến ngày mồng 7 năm mới thì vào thành Thăng Long mở tiệc ăn mừng. Các ngươi nhớ lấy, đừng cho là ta nói khoác !

[...]

Cả năm đạo quân đều lạy vâng mệnh lệnh, đúng ngày, gióng trống lên đường ra Bắc.

Khi quân ra đến sông Gián, nghĩa binh trấn thủ ở đó tan vỡ chạy trước. Lúc đến sông Thanh Quyết, toán quân Thanh đi do thám từ đằng xa trông thấy bóng cũng chạy nốt. Vua Quang Trung liền thúc quân đuổi theo, tới huyện Phú Xuyên thì bắt sống được hết, không để tên nào trốn thoát. Bởi vậy, không hề có ai chạy

về báo tin, nên những đạo quân Thanh đóng ở Hà Hồi và Ngọc Hồi đều không biết gì cả.

Nửa đêm ngày mồng 3 tháng giêng, năm Kỉ Dậu (1789), vua Quang Trung tới làng Hà Hồi, huyện Thượng Phúc, lặng lẽ vây kín làng ấy, rồi bắc loa truyền gọi, tiếng quân lính luân phiên nhau dạ ran để hưởng ứng, nghe như có hơn vài vạn người. Trong đồn lúc ấy mới biết, ai nấy rụng rời sợ hãi, liền xin ra hàng, lương thực khí giới đều bị quân Nam lấy hết.

Vua Quang Trung lại truyền lấy sáu chục tấm ván, cứ ghép liền ba tấm làm một bức, bên ngoài lấy rơm dấp nước phủ kín, tất cả là hai mươi bức. Đoạn kén hạng lính khoẻ mạnh, cứ mười người khênh một bức, lưng giắt dao ngắn, hai mươi người khác đều cầm binh khí theo sau, dàn thành trận chữ "nhất"[27], vua Quang Trung cưỡi voi đi đốc thúc, mờ sáng ngày mồng 5 tiến sát đồn Ngọc Hồi. Quân Thanh nổ súng bắn ra, chẳng trúng người nào cả. Nhân có gió bắc, quân Thanh bèn dùng ống phun khói lửa ra, khói toả mù trời, cách gang tấc không thấy gì, hòng làm cho quân Nam rối loạn. Không ngờ trong chốc lát trời bỗng trở gió nam, thành ra quân Thanh lại tự làm hại mình.

Vua Quang Trung liền gấp rút sai đội khiêng ván vừa che vừa xông thẳng lên trước. Khi gươm giáo của hai bên đã chạm nhau thì quăng ván xuống đất, ai nấy cầm dao ngắn chém bừa, những người cầm binh khí theo sau cũng nhất tề xông tới mà đánh.

Quân Thanh chống không nổi, bỏ chạy tán loạn, giày xéo lên nhau mà chết. Tên Thái thú Điền Châu là Sầm Nghi Đống tự thắt cổ chết. Quân Tây Sơn thừa thế chém giết lung tung, thây nằm đầy đồng, máu chảy thành suối, quân Thanh đại bại.

Trước đó, vua Quang Trung đã sai một toán quân theo bờ đê Yên Duyên kéo lên, mở cờ gióng trống để làm nghi binh ở phía đông. Đến lúc ấy, quân Thanh chạy về trông thấy, càng thêm hoảng sợ, bèn tìm lối tắt theo đường Vịnh Kiều mà trốn. Chợt lại thấy quân voi từ Đại Áng tới, quân Thanh đều hết hồn hết vía, vội trốn xuống đầm Mực, làng Quỳnh Đô[28], quân Tây Sơn lùa voi cho giày đạp, chết đến hàng vạn người.

Giữa trưa hôm ấy, vua Quang Trung tiến binh đến Thăng Long, rồi kéo vào thành.

[...]

Lại nói, Tôn Sĩ Nghị và vua Lê ở Thăng Long, tuyệt nhiên không nghe tin cấp báo gì cả. Cho nên trong ngày Tết mọi người chỉ chăm chú vào việc yến tiệc vui mừng, không hề lo chi đến việc bất trắc[29]. Nào hay, cuộc vui chưa tàn, cơ trời đã đổi. Ngày mồng 4 bỗng thấy quân ở đồn Ngọc Hồi chạy về cáo cấp. Thật là : "Tướng ở trên trời xuống, quân chui dưới đất lên".

[...]

Tôn Sĩ Nghị sợ mất mật, ngựa không kịp đóng yên, người không kịp mặc áo giáp, dẫn bọn lính kị mã của mình chuồn trước qua cầu phao, rồi nhằm hướng bắc mà chạy. Quân sĩ các doanh nghe tin, đều hoảng hồn, tan tác bỏ chạy, tranh nhau qua cầu sang sông, xô đẩy nhau rơi xuống mà chết rất nhiều. Lát sau cầu lại bị đứt, quân lính đều rơi xuống nước, đến nỗi nước sông Nhị Hà vì thế mà tắc nghẽn không chảy được nữa.

Vua Lê ở trong điện, nghe tin có việc biến ấy, vội vã cùng bọn Lê Quýnh, Trịnh Hiến đưa thái hậu ra ngoài. Cả bọn chạy đến bến sông thì thấy cầu phao đã đứt, thuyền bè cũng không, bèn gấp rút chạy đến Nghi Tàm, thình lình gặp được chiếc thuyền đánh cá, vội cướp lấy rồi chèo sang bờ bắc. Trưa ngày mồng 6, vua Lê và những người tuỳ tòng chạy đến núi Tam Tằng, nghe nói Tôn Sĩ Nghị đã đi khỏi đó. Bấy giờ quân Thanh chạy về nước, trên đường đông nghịt như chợ, đêm ngày đi gấp, không dám nghỉ ngơi. Vua đưa thái hậu cùng đi với họ đến đồn Hoà Lạc thì gặp một người thổ hào[30]. Hồi trước vua Lê chạy ra ngoài, người ấy đã được biết mặt ; lúc đó thấy vua, người ấy bất giác rơi lệ, nhân tiện mời vua vào trại trong núi tạm nghỉ. Bấy giờ, vua Lê và những người tuỳ tòng luôn mấy ngày không ăn, ai nấy đều đã mệt lử. Người thổ hào kia liền giết gà làm cơm thết đãi. Vua sai bưng một mâm lên mời thái hậu, còn mình thì cùng ăn với bọn Quýnh, Hiến ở mâm dưới.

Ăn vừa xong, chợt nghe tin quân Tây Sơn đã đuổi đến nơi. Vua cuống quýt bảo người thổ hào rằng :

– Muôn đội hậu tình[31], không có gì để báo đáp, chỉ có trời cao đất dày chứng giám tấc lòng thành của ông mà ban phúc cho thôi. Bây giờ quân giặc gần tới, trước mắt đây có con đường sống nào có thể chạy gấp lên cửa ải, xin tính kế ngay cho.

Người thổ hào vội vã sai con đưa đường, theo lối tắt trong núi mà đi. Trời nhá nhem tối thì nhà vua đến cửa ải, theo kịp chỗ nghỉ của Tôn Sĩ Nghị. Một lát, các viên quan khác cũng lục tục theo đến, cùng nhìn nhau than thở, oán giận chảy nước mắt. Tôn Sĩ Nghị cũng lấy làm xấu hổ.

(Ngô gia văn phái(*), *Hoàng Lê nhất thống chí*,
bản dịch của Nguyễn Đức Vân – Kiều Thu Hoạch,
NXB Văn học, Hà Nội, 1987)

Chú thích

(*) *Ngô gia văn phái* : một nhóm tác giả thuộc dòng họ Ngô Thì, ở làng Tả Thanh Oai, huyện Thanh Oai, tỉnh Hà Tây (nay thuộc Hà Nội), trong đó hai tác giả chính là Ngô Thì Chí (1753 – 1788), làm quan thời Lê Chiêu Thống, và Ngô Thì Du (1772 – 1840), làm quan dưới triều nhà Nguyễn.

(1) *Hoàng Lê nhất thống chí* : tác phẩm viết bằng chữ Hán ghi chép về sự thống nhất của vương triều nhà Lê vào thời điểm Tây Sơn diệt Trịnh, trả lại Bắc Hà cho vua Lê (*chí* là một lối văn ghi chép sự vật, sự việc). Cũng có thể xem *Hoàng Lê nhất thống chí* là một cuốn tiểu thuyết lịch sử viết theo lối chương hồi. Nó không chỉ dừng ở sự nhất thống của vương triều nhà Lê, mà còn được viết tiếp, tái hiện một giai đoạn lịch sử đầy biến động của xã hội phong kiến Việt Nam vào khoảng ba mươi năm cuối của thế kỉ XVIII và mấy năm đầu thế kỉ XIX. Cuốn tiểu thuyết có tất cả 17 hồi, trên đây trích phần lớn hồi mười bốn, viết về sự kiện vua Quang Trung đại phá quân Thanh.

(2) *Chạy trạm* : thời xưa, việc chuyển công văn giấy tờ trên đường dài được thực hiện chỉ bằng người và ngựa. Người ta đặt trên từng quãng đường những trạm để có thể thay người và ngựa chạy tiếp chặng sau, gọi là chạy trạm.

(3) *Cáo cấp* : báo cáo việc khẩn cấp.

(4) *Trường Yên* : nay thuộc tỉnh Ninh Bình.

(5) *Tam Điệp* : dãy núi nằm ở ranh giới hai tỉnh Ninh Bình và Thanh Hoá.

(6) *Trấn* : đơn vị hành chính thời xưa, tương đương với tỉnh, thành hiện nay. Từ thời Lê Thánh Tông đổi là *thừa tuyên*.

(7) *Thụ phong* : ở đây là nhận sắc phong An Nam quốc vương của vua nhà Thanh.

(8) *Phú Xuân* : nơi đóng đô của nhà Tây Sơn lúc đó, nay là thành phố Huế.

(9) *Bắc Bình Vương* : tức Nguyễn Huệ.

(10) *Ngôi chí tôn* : ngôi vị cao nhất, ở đây chỉ ngôi vua của Nguyễn Nhạc.

(11) *Tôn phò* (hay *tôn phù*) : kính trọng và giúp đỡ nhà vua.

(12) *Chính vị hiệu* : làm cho cương vị được rõ ràng.

(13) *Núi Bân* : nay thuộc địa phận xã An Cựu, huyện Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên – Huế.

(14) *Áo cổn, mũ miện* : áo mũ của vua.

(15) *Nguyễn Nhạc* : anh ruột của Nguyễn Huệ, là thủ lĩnh phong trào Tây Sơn, xưng vương năm 1776.

(16) Ở đây trích theo nguyên văn bản dịch của Nguyễn Đức Vân và Kiều Thu Hoạch. Tuy nhiên, theo một số tài liệu lịch sử trong đó có cuốn *Lịch sử Việt Nam*, tập I (NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1971, trang 350) thì vua Quang Trung lên ngôi ngày 25 tháng 11 năm Mậu Thân.

(17) *Cống sĩ*: người đã đỗ hương cống (từ triều Lê trở về trước) hoặc cử nhân (dưới triều Nguyễn) đi thi Hội.

(18) *Thân quân* : quân đội thân cận, tin cậy nhất, tuyển mộ ở quê hương nhà vua.

(19) *Doanh* : đơn vị quân đội xưa, mỗi *doanh* có khoảng 500 quân.

(20) *Dụ* : (vua chúa) truyền lệnh cho bề tôi và dân chúng.

(21) *Đất nào sao ấy đều đã phân biệt rõ ràng* : ngày xưa người ta cho rằng vùng đất nào cũng ứng với một vì sao trên trời, ý nói nước nào cũng có chủ quyền riêng, đó là do trời định sẵn.

(22) *Người phương Bắc* : chỉ bọn phong kiến Trung Quốc xâm lược nước ta.

(23) *Hồi nội thuộc* : thời đất nước ta bị bọn phong kiến Trung Quốc cai trị.

(24) *Lương tri* : khả năng phân biệt được tốt xấu, phải trái về đạo đức, lẽ sống (*lương* : tốt lành ; *tri* : hiểu biết). *Lương năng* : năng lực tốt bẩm sinh của con người.

(25) *Võ dũng* : có sức mạnh nhưng thiếu tài trí, mưu lược.

(26) *Phương lược* : phương hướng chiến lược.

(27) *Dàn thành trận chữ "nhất"* : ý nói dàn hàng ngang.

(28) *Quỳnh Đô* : nay thuộc huyện Thanh Trì, Hà Nội.

(29) *Bất trắc* : ý nói không lường trước được (*bất* : không ; *trắc* : đo).

(30) *Thổ hào* : kẻ có quyền thế ở một địa phương trong xã hội cũ (*thổ* : đất, địa phương ; *hào* : đứng đầu, mạnh thế hơn người).

(31) *Hậu tình* : tình cảm nồng hậu. Ở đây chỉ cách đối xử đầy đặn, thân tình.

ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN

1. Tìm đại ý và bố cục đoạn trích.

2. Qua đoạn trích tác phẩm, em cảm nhận hình ảnh người anh hùng dân tộc Quang Trung – Nguyễn Huệ như thế nào ? Theo em, nguồn cảm hứng nào đã chi phối ngòi bút tác giả khi tạo dựng hình ảnh người anh hùng dân tộc này ?

3. Sự thảm bại của quân tướng nhà Thanh và số phận bi đát của vua tôi Lê Chiêu Thống phản nước, hại dân đã được miêu tả như thế nào ? Ngòi bút tác giả miêu tả hai cuộc tháo chạy của quân tướng nhà Thanh và vua tôi Lê Chiêu Thống có gì khác biệt ? Hãy giải thích vì sao có sự khác biệt đó.

4. Nêu nhận xét về nghệ thuật trần thuật của đoạn trích này.

Ghi nhớ

Với quan điểm lịch sử đúng đắn và niềm tự hào dân tộc, các tác giả ***Hoàng Lê nhất thống chí*** *đã tái hiện chân thực hình ảnh người anh hùng dân tộc Nguyễn Huệ qua chiến công thần tốc đại phá quân Thanh, sự thảm bại của quân tướng nhà Thanh và số phận bi đát của vua tôi Lê Chiêu Thống.*

LUYỆN TẬP

Dựa theo tác phẩm, hãy viết một đoạn văn ngắn miêu tả lại chiến công thần tốc đại phá quân Thanh của vua Quang Trung từ tối 30 Tết đến ngày mồng 5 tháng giêng năm Kỉ Dậu (1789).

SỰ PHÁT TRIỂN CỦA TỪ VỰNG (tiếp theo)

I – TẠO TỪ NGỮ MỚI

1. Hãy cho biết trong thời gian gần đây có những từ ngữ nào mới được cấu tạo trên cơ sở các từ sau : *điện thoại, kinh tế, di động, sở hữu, tri thức, đặc khu, trí tuệ*. Giải thích nghĩa của những từ ngữ mới cấu tạo đó.

Mẫu : *điện thoại di động, sở hữu trí tuệ.*

2. Trong tiếng Việt có những từ được cấu tạo theo mô hình *x + tặc* (như *không tặc, hải tặc,...*). Hãy tìm những từ ngữ mới xuất hiện cấu tạo theo mô hình đó.

> ***Ghi nhớ***
>
> *Tạo từ ngữ mới để làm cho vốn từ ngữ tăng lên cũng là một cách để phát triển từ vựng tiếng Việt.*

II – MƯỢN TỪ NGỮ CỦA TIẾNG NƯỚC NGOÀI

1. Hãy tìm những từ Hán Việt trong hai đoạn trích sau đây :

a) *Thanh minh trong tiết tháng ba,*
Lễ là tảo mộ hội là đạp thanh.
Gần xa nô nức yến anh,
Chị em sắm sửa bộ hành chơi xuân.
Dập dìu tài tử giai nhân,
Ngựa xe như nước áo quần như nêm.

(Nguyễn Du, *Truyện Kiều*)

b) *Kẻ bạc mệnh này duyên phận hẩm hiu, chồng con rẫy bỏ, điều đâu bay buộc, tiếng chịu nhuốc nhơ, thần sông có linh, xin ngài chứng giám. Thiếp nếu đoan trang giữ tiết, trinh bạch gìn lòng, vào nước xin làm ngọc Mị Nương, xuống đất xin làm cỏ Ngu mĩ. Nhược bằng lòng chim dạ cá, lừa chồng dối con, dưới xin làm mồi cho cá tôm, trên xin làm cơm cho diều quạ, và xin chịu khắp mọi người phỉ nhổ.*

(Nguyễn Dữ, *Chuyện người con gái Nam Xương*)

2. Tiếng Việt dùng những từ nào để chỉ những khái niệm sau :

a) Bệnh mất khả năng miễn dịch, gây tử vong ;

b) Nghiên cứu một cách có hệ thống những điều kiện để tiêu thụ hàng hoá, (chẳng hạn nghiên cứu nhu cầu, thị hiếu của khách hàng...).

Những từ này có nguồn gốc từ đâu ?

Ghi nhớ

Mượn từ ngữ của tiếng nước ngoài cũng là một cách để phát triển từ vựng tiếng Việt. Bộ phận từ mượn quan trọng nhất trong tiếng Việt là từ mượn tiếng Hán.

III – LUYỆN TẬP

1. Tìm hai mô hình có khả năng tạo ra những từ ngữ mới như kiểu *x + tặc* ở trên (mục I.2).

2. Tìm năm từ ngữ mới được dùng phổ biến gần đây và giải thích nghĩa của những từ ngữ đó.

3. Dựa vào những kiến thức đã học ở lớp 6 (bài *Từ mượn*, trong *Ngữ văn 6*, tập một, tr. 24) và lớp 7 (bài *Từ Hán Việt*, trong *Ngữ văn 7*, tập một, tr. 69 và 81), hãy chỉ rõ trong những từ sau đây, từ nào mượn của tiếng Hán, từ nào mượn của các ngôn ngữ châu Âu : *mãng xà, xà phòng, biên phòng, ô tô, tham ô, tô thuế, ra-đi-ô, ô xi, cà phê, phê bình, phê phán, ca nô, ca sĩ, nô lệ.*

4. Nêu vắn tắt những cách phát triển từ vựng và thảo luận vấn đề : Từ vựng của một ngôn ngữ có thể không thay đổi được không ?

ĐỌC THÊM

(1) *Tiếng ta phải có những đổi mới, đó là điều tất yếu, vì đời sống tư tưởng và tình cảm ngày nay, nhất là trong lĩnh vực khoa học và kĩ thuật có nhiều cái mới. Tiếng ta phải phát triển. Tất cả vấn đề là làm sao đảm bảo sự phát triển này diễn ra một cách vững chắc trên cơ sở vốn cũ của tiếng ta, làm cho tiếng ta ngày thêm giàu, nhưng vẫn giữ được phong cách, bản sắc, tinh hoa của nó. Như vậy tức là giữ gìn sự trong sáng của tiếng ta.*

(*Theo* Phạm Văn Đồng, *Giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt*, trong sách cùng tên, NXB Giáo dục, Hà Nội, 1977)

(2) *Khi bàn về việc mượn tiếng nước ngoài, đặc biệt là tiếng Hán, Chủ tịch Hồ Chí Minh có nói rõ phạm vi những từ cần mượn. Về điểm này chúng tôi thấy trong những lời dạy của Người có hai ý quan trọng :*

Một là, ta chỉ mượn tiếng nước ngoài khi "chữ ta không có sẵn". Như thế tức là khi có những sự vật, những khái niệm mới cần được gọi tên, được biểu đạt, nhưng trong tiếng Việt còn thiếu những từ cần thiết và thích hợp, thì chúng ta phải mượn tiếng nước ngoài, như một số thuật ngữ khoa học chẳng hạn. Trong bài nói chuyện với các văn nghệ sĩ năm 1960, Thủ tướng Phạm Văn Đồng đã nói : "Về các môn khoa học khác : khoa học, kĩ thuật, kinh tế học, triết học, thì tiếng ta còn nghèo, phải dùng chữ nước ngoài, nhưng chỉ nên dùng danh từ gì thật cần thiết và tiếng ta không có".

Hai là, ta chỉ mượn những từ "khó dịch đúng" sang tiếng ta hoặc trong tiếng ta "không có chữ gì dịch". Chúng tôi hiểu những từ "khó dịch đúng" là những từ khi chuyển sang tiếng Việt không giữ được nguyên vẹn ý nghĩa hoặc màu sắc tu từ của chúng.

Căn cứ vào những ý kiến này, chúng tôi cho rằng chúng ta cần mượn và dùng những nhóm từ gốc Hán sau đây :

a) Những từ gốc Hán được mượn bằng cách dịch âm và giữ nguyên ý nghĩa khi trong tiếng Việt chưa có các từ tương ứng với chúng. Ví dụ : độc lập, du kích, đặc biệt, v.v...

b) Những từ gốc Hán có quan hệ đồng nghĩa với từ Việt, nhưng khác với từ Việt về màu sắc biểu cảm hoặc phong cách. Chúng không thể hoàn toàn thay thế nhau được. Ví dụ : chết – hi sinh, tạ thế ; để – sinh ; v.v...

c) Những từ gốc Hán có quan hệ đồng nghĩa với từ Việt, nhưng khác với từ Việt về màu sắc ý nghĩa và cách dùng. Chúng không thể thay thế nhau trong mọi trường hợp. Ví dụ : phi – bay, niệm – đọc, v.v...

Việc mượn và dùng những từ gốc Hán thuộc ba nhóm trên đây đúng mức, đúng chỗ là cần thiết, vì nó làm cho tiếng nói của ta giàu có, tế nhị chứ không đơn điệu, nghèo nàn. Cho nên, chỉ mượn "những chữ ta không có sẵn và khó dịch đúng" là một nguyên tắc chính trong khi vay mượn tiếng nước ngoài.

(*Theo* Hoàng Văn Hành, *Tìm hiểu những ý kiến của Hồ Chủ tịch về việc mượn và dùng từ gốc Hán*, trong *Giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt*, Sđd)

TRẢ BÀI TẬP LÀM VĂN SỐ 1

1. Bài làm có phù hợp với yêu cầu thuyết minh là có tri thức khách quan, xác thực, được trình bày có thứ tự, lớp lang hay không ?

2. Bài làm có kết hợp phương pháp thuyết minh với một số biện pháp nghệ thuật và miêu tả không ? Sự kết hợp ấy có thích hợp và hấp dẫn không ?

3. Lời văn biểu đạt có chính xác, gọn gàng và sinh động không ?

4. Hãy sửa lại những lỗi về chính tả, về dùng từ, đặt câu và cách thuyết minh, lập luận, giải thích, miêu tả.

BÀI 6

Kết quả cần đạt

• *Nắm được những nét chủ yếu về cuộc đời và sự nghiệp văn học của Nguyễn Du. Trên cơ sở hiểu nội dung cốt truyện, thấy được những giá trị cơ bản của* ***Truyện Kiều****.*

Thấy được nghệ thuật miêu tả nhân vật của Nguyễn Du : sử dụng bút pháp nghệ thuật ước lệ mà vẫn gợi tả được vẻ đẹp và tính cách riêng của chị em Thuý Kiều. Hiểu được một phương diện cảm hứng nhân văn trong ***Truyện Kiều*** *: sự trân trọng sắc đẹp, tài năng, phẩm cách con người.*

Thấy được tài miêu tả thiên nhiên của Nguyễn Du : cảnh ngày xuân trong sáng, tươi đẹp qua bút pháp tả và gợi ; từ ngữ, hình ảnh giàu chất tạo hình ; tả cảnh mà nói lên được tâm trạng.

• *Nắm được khái niệm và những đặc điểm cơ bản của* ***thuật ngữ*** *; từ đó nâng cao năng lực sử dụng thuật ngữ, đặc biệt trong các văn bản khoa học, công nghệ.*

• *Hiểu được vai trò của yếu tố miêu tả trong văn bản tự sự.*

"TRUYỆN KIỀU" CỦA NGUYỄN DU

I – NGUYỄN DU

1. Nguyễn Du (1765 – 1820) tên chữ là Tố Như, hiệu là Thanh Hiên ; quê ở làng Tiên Điền, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh ; sinh trưởng trong một gia đình đại quý tộc, nhiều đời làm quan và có truyền thống về văn học. Cha là Nguyễn Nghiễm, đỗ tiến sĩ, từng giữ chức Tể tướng. Anh cùng cha khác mẹ là Nguyễn Khản cũng từng làm quan to dưới triều Lê – Trịnh.

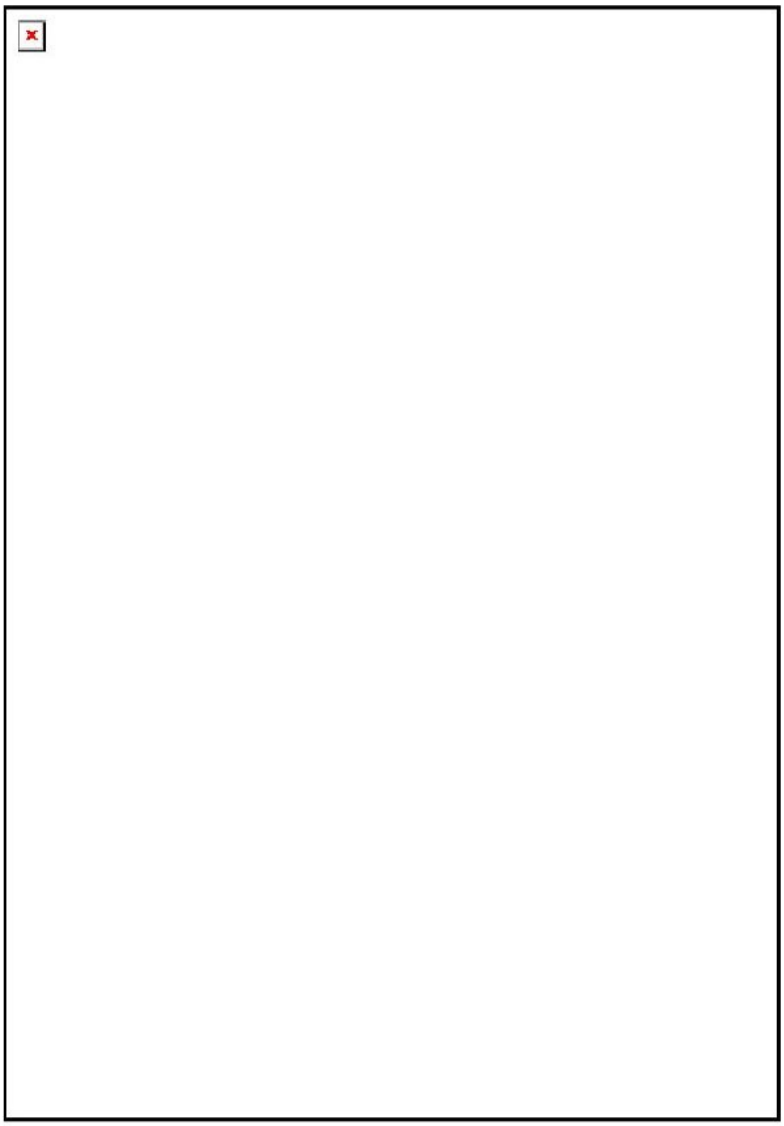

Tượng đài Nguyễn Du tại Khu lưu niệm Nguyễn Du ở Hà Tĩnh

Cuộc đời Nguyễn Du gắn bó sâu sắc với những biến cố lịch sử của giai đoạn cuối thế kỉ XVIII – đầu thế kỉ XIX. Đây là giai đoạn lịch sử đầy biến động, với hai đặc điểm nổi bật : chế độ phong kiến Việt Nam khủng hoảng trầm trọng, bão táp phong trào nông dân khởi nghĩa nổi lên khắp nơi, đỉnh cao là khởi nghĩa Tây Sơn đánh đổ các tập đoàn phong kiến Lê, Trịnh, Nguyễn, quét sạch hai mươi vạn quân Thanh xâm lược.

Trong hoàn cảnh ấy, Nguyễn Du đã sống phiêu bạt nhiều năm trên đất Bắc (1786 – 1796) rồi về ở ẩn tại quê nội Hà Tĩnh (1796 – 1802). Sau khi đánh bại Tây Sơn, Nguyễn Ánh lên ngôi (1802), Nguyễn Du ra làm quan bất đắc dĩ với triều Nguyễn. Năm 1813 – 1814, ông được cử làm chánh sứ sang Trung Quốc. Năm 1820, dưới triều Minh Mạng, Nguyễn Du lại được lệnh làm chánh sứ sang Trung Quốc lần thứ hai, nhưng chưa kịp đi thì bị bệnh, mất tại Huế.

2. Nguyễn Du là người có kiến thức sâu rộng, am hiểu văn hoá dân tộc và văn chương Trung Quốc. Cuộc đời từng trải, đi nhiều, tiếp xúc nhiều đã tạo cho Nguyễn Du một vốn sống phong phú và niềm thông cảm sâu sắc với những đau khổ của nhân dân. Nguyễn Du là một thiên tài văn học, một nhà nhân đạo chủ nghĩa lớn.

3. Sự nghiệp văn học của Nguyễn Du gồm những tác phẩm có giá trị lớn bằng chữ Hán và chữ Nôm. Thơ chữ Hán có ba tập, gồm 243 bài. Sáng tác chữ Nôm xuất sắc nhất là *Đoạn trường tân thanh*, thường gọi là *Truyện Kiều*.

II – TRUYỆN KIỀU

Truyện Kiều là tác phẩm tiêu biểu nhất của thể loại truyện Nôm[(1)] trong văn học trung đại Việt Nam. Viết *Truyện Kiều*, Nguyễn Du có dựa theo cốt truyện *Kim Vân Kiều truyện* của Thanh Tâm Tài Nhân (Trung Quốc). Tuy nhiên, phần sáng tạo của Nguyễn Du là hết sức lớn. Chính điều này mới làm nên giá trị của kiệt tác *Truyện Kiều*.

1. Tóm tắt tác phẩm

Phần thứ nhất : Gặp gỡ và đính ước

Thuý Kiều là một thiếu nữ tài sắc vẹn toàn, con gái đầu lòng một gia đình trung lưu lương thiện, sống trong cảnh "êm đềm trướng rủ màn che" bên cạnh cha mẹ và hai em là Thuý Vân, Vương Quan. Trong buổi du xuân nhân tiết Thanh minh, Thuý Kiều gặp chàng Kim Trọng "phong tư tài mạo tót vời". Giữa

hai người chớm nở một mối tình đẹp. Kim Trọng đến ở trọ cạnh nhà Thuý Kiều. Nhân trả chiếc thoa rơi, Kim Trọng đã gặp Kiều bày tỏ tâm tình. Hai người chủ động, tự do đính ước với nhau.

Phần thứ hai : Gia biến và lưu lạc

Trong khi Kim Trọng về quê chịu tang chú, gia đình Kiều bị mắc oan, Kiều nhờ Vân trả nghĩa cho Kim Trọng còn nàng thì bán mình chuộc cha. Thuý Kiều bị bọn buôn người là Mã Giám Sinh, Tú Bà, Sở Khanh lừa gạt, đẩy vào lầu xanh. Sau đó nàng được Thúc Sinh, một khách làng chơi hào phóng, cứu vớt khỏi cuộc đời kĩ nữ. Nhưng rồi Kiều bị vợ cả của Thúc Sinh là Hoạn Thư ghen tuông, đày đoạ. Thuý Kiều phải trốn đến nương nhờ nơi cửa Phật. Sư Giác Duyên vô tình gửi nàng cho Bạc Bà – kẻ buôn người như Tú Bà, nên Kiều lần thứ hai rơi vào lầu xanh. Ở đây, Thuý Kiều gặp Từ Hải, một anh hùng "đội trời đạp đất". Từ Hải lấy Kiều, giúp nàng báo ân báo oán. Do mắc lừa quan Tổng đốc trọng thần Hồ Tôn Hiến, Từ Hải bị giết, Thuý Kiều phải hầu đàn, hầu rượu Hồ Tôn Hiến rồi bị ép gả cho viên thổ quan. Đau đớn, tủi nhục, Kiều trẫm mình ở sông Tiền Đường. Nhưng nàng được sư Giác Duyên cứu và lần thứ hai Kiều nương nhờ cửa Phật.

Phần thứ ba : Đoàn tụ

Sau nửa năm về Liêu Dương chịu tang chú, Kim Trọng trở lại tìm Kiều. Hay tin gia đình Kiều bị tai biến và nàng phải bán mình chuộc cha, chàng đau đớn vô cùng. Tuy kết duyên với Thuý Vân nhưng Kim Trọng chẳng thể nào nguôi được mối tình đầu say đắm. Chàng quyết cất công lặn lội đi tìm Thuý Kiều. Nhờ gặp được sư Giác Duyên mà Kim, Kiều tìm được nhau, gia đình đoàn tụ. Chiều ý mọi người, Thuý Kiều nối lại duyên với Kim Trọng nhưng cả hai cùng nguyện ước "duyên đôi lứa cũng là duyên bạn bầy".

2. Giá trị nội dung và nghệ thuật

– Về nội dung : *Truyện Kiều* có hai giá trị lớn là *giá trị hiện thực* và *giá trị nhân đạo*. *Truyện Kiều* là bức tranh hiện thực về một xã hội bất công, tàn bạo, là tiếng nói thương cảm trước số phận bi kịch của con người, tiếng nói lên án, tố cáo những thế lực xấu xa, tiếng nói khẳng định, đề cao tài năng, nhân phẩm và những khát vọng chân chính của con người như khát vọng về quyền sống, khát vọng tự do, công lí, khát vọng tình yêu, hạnh phúc...

– Về nghệ thuật : Tác phẩm là sự kết tinh thành tựu nghệ thuật văn học dân tộc trên các phương diện ngôn ngữ, thể loại. Với *Truyện Kiều,* ngôn ngữ văn học dân tộc và thể thơ lục bát đã đạt tới đỉnh cao rực rỡ. Với *Truyện Kiều*, nghệ thuật tự sự đã có bước phát triển vượt bậc, từ nghệ thuật dẫn chuyện đến nghệ thuật miêu tả thiên nhiên, khắc hoạ tính cách và miêu tả tâm lí con người.

Kiệt tác *Truyện Kiều* hàng trăm năm nay đã được lưu truyền rộng rãi và có sức chinh phục lớn đối với mọi tầng lớp độc giả. Tác phẩm đã được dịch ra nhiều thứ tiếng và được giới thiệu ở nhiều nước trên thế giới.

Chú thích

(1) *Truyện Nôm* : loại truyện thơ viết bằng chữ Nôm. Truyện Nôm có khi được viết bằng thể thơ Đường luật nhưng phổ biến nhất là viết bằng thể thơ lục bát. Có hai loại truyện Nôm : *truyện Nôm bình dân* hầu hết không có tên tác giả, được viết trên cơ sở truyện dân gian ; *truyện Nôm bác học* phần nhiều có tên tác giả, được viết trên cơ sở cốt truyện có sẵn của văn học Trung Quốc hoặc do tác giả sáng tạo ra. Truyện Nôm phát triển mạnh mẽ nhất ở nửa cuối thế kỉ XVIII và thế kỉ XIX.

ĐỌC – HIỂU

1. Nêu những nét chính về thời đại, gia đình, cuộc đời Nguyễn Du đã có ảnh hưởng đến việc sáng tác *Truyện Kiều.*

2. Kể tóm tắt *Truyện Kiều* theo ba phần của tác phẩm.

Ghi nhớ

• *Nguyễn Du là thiên tài văn học, danh nhân văn hoá, nhà nhân đạo chủ nghĩa, có đóng góp to lớn đối với sự phát triển của văn học Việt Nam.*

• ***Truyện Kiều** là kiệt tác văn học, kết tinh giá trị hiện thực, giá trị nhân đạo và thành tựu nghệ thuật tiêu biểu của văn học dân tộc.*

VĂN BẢN

CHỊ EM THUÝ KIỀU

(Trích *Truyện Kiều*)

Đầu lòng hai ả tố nga [1],
Thuý Kiều là chị em là Thuý Vân.
Mai cốt cách tuyết tinh thần,[2]
Mỗi người một vẻ mười phân vẹn mười.
Vân xem trang trọng khác vời,
Khuôn trăng đầy đặn nét ngài nở nang.[3]
Hoa cười ngọc thốt đoan trang[4],
Mây thua nước tóc tuyết nhường màu da.
Kiều càng sắc sảo mặn mà,
So bề tài sắc lại là phần hơn :
Làn thu thuỷ nét xuân sơn[5],
Hoa ghen thua thắm liễu hờn kém xanh.
Một hai nghiêng nước nghiêng thành[6],
Sắc đành đòi một tài đành hoạ hai[7].
Thông minh vốn sẵn tính trời,
Pha nghề thi hoạ đủ mùi ca ngâm.
Cung thương làu bậc ngũ âm[8],
Nghề riêng ăn đứt hồ cầm[9] một trương[10].
Khúc nhà tay lựa nên chương[11],
Một thiên Bạc mệnh lại càng não nhân [12].
Phong lưu rất mực hồng quần[13],
Xuân xanh xấp xỉ tới tuần cập kê.
Êm đềm trướng rủ màn che,
Tường đông ong bướm[14] đi về mặc ai.

(Nguyễn Du, *Truyện Kiều*,
trong Đào Duy Anh, *Từ điển Truyện Kiều*,
NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1974.
Có tham khảo một số bản *Truyện Kiều* khác)

Chú thích

Vị trí đoạn trích : Đoạn trích nằm ở phần mở đầu tác phẩm, giới thiệu gia cảnh của Kiều. Khi giới thiệu những người trong gia đình Kiều, tác giả tập trung tả tài sắc Thuý Vân và Thuý Kiều.

(1) *Tố nga* : chỉ người con gái đẹp.

(2) *Mai cốt cách* : cốt cách của cây mai mảnh dẻ, thanh tao. *Tuyết tinh thần* : tinh thần của tuyết trắng và trong sạch. Câu này ý nói cả hai chị em đều duyên dáng, thanh cao, trong trắng.

(3) *Khuôn trăng đầy đặn* : gương mặt đầy đặn như mặt trăng tròn ; *nét ngài nở nang* (*nét ngài* : nét lông mày) : ý nói lông mày hơi đậm, cốt tả đôi mắt đẹp. Cả câu thơ nhằm gợi tả vẻ đẹp phúc hậu của Thuý Vân. Thành ngữ Việt có câu "mắt phượng mày ngài".

(4) *Đoan trang* : nghiêm trang, đứng đắn (chỉ nói về người phụ nữ).

(5) *Làn thu thuỷ* : làn nước mùa thu ; *nét xuân sơn* : nét núi mùa xuân. Cả câu thơ ý nói mắt đẹp, trong sáng như nước mùa thu, lông mày đẹp, thanh thoát như nét núi mùa xuân.

(6) *Nghiêng nước nghiêng thành* : lấy ý ở một câu chữ Hán, có nghĩa là : ngoảnh lại nhìn một cái thì thành người ta bị xiêu, ngoảnh lại nhìn cái nữa thì nước người ta bị nghiêng ngả. Ý nói sắc đẹp tuyệt vời của người phụ nữ có thể làm cho người ta say mê đến nỗi mất thành, mất nước.

(7) Ý cả câu : về sắc thì chỉ có một mình Kiều là nhất, về tài thì may ra có người thứ hai.

(8) *Làu bậc* : thuộc lòng các cung bậc. *Ngũ âm* : năm nốt trong âm giai của nhạc cổ (cung, thương, dốc, chuỷ, vũ).

(9) *Hồ cầm* : đàn của người Hồ, một thứ đàn giống đàn nhị của Việt Nam, người Trung Quốc thấy xuất hiện ở phương Bắc nên gọi là đàn của người Hồ. Ở ta thường hiểu hồ cầm là đàn tì bà.

(10) *Một trương* : một cây. Sách có câu : *"Cầm nhất trương, kì nhất cục"* (Đàn một cây, cờ một cuộc).

(11) *Nên chương* : thành bài.

(12) *Một thiên Bạc mệnh* : một bản nhạc có tên là *Bạc mệnh* (*bạc mệnh* : phận mỏng, ý nói xấu số) ; *não nhân* : làm cho lòng người sầu não, đau khổ.

(13) *Hồng quần* : quần đỏ, chỉ phụ nữ (ngày xưa phụ nữ nhà quyền quý ở Trung Quốc thường mặc quần đỏ).

(14) *Ong bướm* : chỉ tình yêu nhưng có phần không đứng đắn.

ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN

1. Hãy tìm hiểu kết cấu của đoạn thơ và nhận xét kết cấu ấy có liên quan như thế nào với trình tự miêu tả nhân vật của tác giả.

2. Những hình tượng nghệ thuật nào mang tính ước lệ khi gợi tả vẻ đẹp của Thuý Vân ? Qua những hình tượng ấy, em cảm nhận Thuý Vân có nét riêng về nhan sắc và tính cách như thế nào ?

3. Khi gợi tả nhan sắc của Thuý Kiều, tác giả cũng sử dụng hình tượng nghệ thuật mang tính ước lệ, theo em, có những điểm nào giống và khác so với tả Thuý Vân ?

4. Bên cạnh vẻ đẹp về hình thức, tác giả còn nhấn mạnh những vẻ đẹp nào ở Thuý Kiều ? Những vẻ đẹp ấy cho thấy Thuý Kiều là người như thế nào ?

5*. Người ta thường nói : Sắc đẹp của Thuý Vân "Mây thua nước tóc tuyết nhường màu da", còn sắc đẹp của Thuý Kiều "Hoa ghen thua thắm liễu hờn kém xanh" là sự dự báo số phận của hai người. Theo em có đúng không ? Tại sao lại như vậy ?

(Để trả lời câu hỏi này, cần lưu ý sắc thái biểu cảm khác nhau của các từ *thua*, *nhường* khi nói về Thuý Vân với các từ *ghen*, *hờn* khi nói về Thuý Kiều.)

6*. Trong hai bức chân dung Thuý Vân và Thuý Kiều, em thấy bức chân dung nào nổi bật hơn, vì sao ?

(*Gợi ý* :

– So sánh số câu thơ tả Thuý Vân với số câu thơ tả Thuý Kiều.

– Những vẻ đẹp nào có ở Thuý Kiều mà không có ở Thuý Vân ?

– Tại sao tác giả tả Thuý Vân trước, tả Thuý Kiều sau ?)

Ghi nhớ

Đoạn thơ ***Chị em Thuý Kiều*** *sử dụng bút pháp nghệ thuật ước lệ, lấy vẻ đẹp của thiên nhiên để gợi tả vẻ đẹp của con người, khắc hoạ rõ nét chân dung chị em Thuý Kiều. Ca ngợi vẻ đẹp, tài năng của con người và dự cảm về kiếp người tài hoa bạc mệnh là biểu hiện của cảm hứng nhân văn ở Nguyễn Du.*

LUYỆN TẬP

Học thuộc lòng đoạn thơ.

ĐỌC THÊM

Nói về ở Bắc Kinh, có một vị viên ngoại[a] họ Vương tên Lưỡng Tùng, tự Tử Trinh, tính tình thuần thục trung hậu, gia kế thường thường, không dồi dào cũng không túng kém. Vợ họ Hà, cũng là người hiền năng, sinh được một con trai, tên Vương Quan, học tập nghiệp nho, và hai gái, chị tên Thuý Kiều, em tên Thuý Vân, tuổi đều đang độ thanh xuân. Cả hai chị em đều thạo thơ phú. Riêng Thuý Kiều vẻ người tha thướt phong lưu, tính chuộng hào hoa, lại thích âm luật, rất thạo ngón hồ cầm. Thuý Vân dáng yêu kiều, hiền dịu, thấy Thuý Kiều thạo hồ cầm, thường nhân lúc rảnh can ngăn chị :

– Âm nhạc không phải là công việc khuê phòng, e người ngoài nghe biết, không được nhã !

Thuý Kiều nghe em can, nhưng không cho thế là phải, thường soạn bài ca Bạc mệnh, phả vào hồ cầm, trăm vần thê lương, khiến người nghe thấy đều chau mày rơi lệ.

(Thanh Tâm Tài Nhân, *Kim Vân Kiều truyện*,
NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 1999)

VĂN BẢN

CẢNH NGÀY XUÂN

(Trích *Truyện Kiều*)

Ngày xuân con én đưa thoi[1],
Thiều quang chín chục[2] đã ngoài sáu mươi.
Cỏ non xanh tận chân trời,
Cành lê trắng điểm một vài bông hoa.

(a) Từ "viên ngoại" ở đây không chỉ một chức quan mà là một từ người Trung Quốc xưa thường dùng để gọi những nhà khá giả trong đám thường dân.

Thanh minh[3] trong tiết tháng ba,
Lễ là tảo mộ hội là đạp thanh[4].
Gần xa nô nức yến anh[5],
Chị em sắm sửa bộ hành chơi xuân.
Dập dìu tài tử giai nhân[6],
Ngựa xe như nước áo quần như nêm[7].
Ngổn ngang gò đống kéo lên,
Thoi vàng vó rắc tro tiền giấy bay[8].
Tà tà bóng ngả về tây,
Chị em thơ thẩn dan tay ra về.
Bước dần theo ngọn tiểu khê[9],
Lần xem phong cảnh có bề thanh thanh.
Nao nao dòng nước uốn quanh,
Dịp[10] cầu nho nhỏ cuối ghềnh bắc ngang.

(Nguyễn Du, *Truyện Kiều*, Sđd)

Chú thích

Vị trí đoạn trích : Sau đoạn tả tài sắc chị em Thuý Kiều, đoạn này tả cảnh ngày xuân trong tiết Thanh minh và cảnh du xuân của chị em Kiều.

(1) Ngày xuân có chim én bay đi bay lại như thoi đưa. Câu thơ vừa tả cảnh, vừa ngụ ý ngày xuân qua nhanh quá. Câu thơ này có bản ghi là "Tiết vừa con én đưa thoi" cũng có ý chỉ ngày xuân.

(2) *Thiều quang* : ánh sáng đẹp, tức là nói ánh sáng ngày xuân. Ý cả câu : chín chục ngày xuân, mà nay đã ngoài sáu mươi ngày, tức là đã qua tháng giêng, tháng hai và đã bước sang tháng ba.

(3) *Thanh minh* : tiết vào đầu tháng ba, mùa xuân khí trời mát mẻ, trong trẻo, người ta đi tảo mộ, tức là đi viếng và sửa sang lại phần mộ của người thân.

(4) *Đạp thanh* : giẫm lên cỏ xanh. (Tiết Thanh minh, đi chơi xuân ở chốn đồng quê, giẫm lên cỏ xanh nên gọi là đạp thanh.)

(5) *Yến anh* : chim én, chim oanh về mùa xuân thường ríu rít bay từng đàn, đây ví cảnh từng đoàn người nhộn nhịp đi chơi xuân.

(6) *Tài tử giai nhân* : trai tài gái sắc.

(7) *Áo quần như nêm* : ý nói người đi lại đông đúc, chật như nêm.

(8) *Vàng vó* : thứ đồ hàng mã, giả những thoi vàng hình khối chữ nhật dùng trong việc tang ma hoặc lễ mộ. *Tiền giấy* : loại hàng mã gồm những tờ giấy có in đầy hình đồng tiền kẽm hay tiền đồng, dùng trong việc cúng tế,... xong lễ đốt đi cho người âm phủ dùng. Đây đều là những cổ tục mê tín.

(9) *Tiểu khê* : khe nước nhỏ.

(10) *Dịp* : nhịp.

ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN

1. Bốn câu thơ đầu gợi lên khung cảnh mùa xuân.

– Những chi tiết nào gợi lên đặc điểm riêng của mùa xuân ? (Chú ý những đường nét, hình ảnh, màu sắc, khí trời, cảnh vật.)

– Em có nhận xét gì về cách dùng từ ngữ và bút pháp nghệ thuật của Nguyễn Du khi gợi tả mùa xuân ?

2. Tám câu thơ tiếp gợi lên khung cảnh lễ hội trong tiết Thanh minh.

– Thống kê những từ ghép là tính từ, danh từ, động từ (*gần xa, yến anh, chị em, tài tử, nô nức, dập dìu,...*). Những từ ấy gợi lên không khí và hoạt động của lễ hội như thế nào ?

– Thông qua buổi du xuân của chị em Thuý Kiều, tác giả khắc hoạ hình ảnh một lễ hội truyền thống xa xưa. Em hãy đọc kĩ các chú thích, kết hợp với đoạn thơ để nêu những cảm nhận về lễ hội truyền thống ấy.

3. Sáu câu cuối gợi lên cảnh chị em Kiều du xuân trở về.

– Cảnh vật, không khí mùa xuân trong sáu câu thơ cuối có gì khác với bốn câu thơ đầu ? Vì sao ?

– Những từ ngữ *tà tà, thanh thanh, nao nao* chỉ có tác dụng miêu tả sắc thái cảnh vật hay còn bộc lộ tâm trạng con người ? Vì sao ?

– Cảm nhận của em về khung cảnh thiên nhiên và tâm trạng con người trong sáu câu thơ cuối.

4*. Phân tích những thành công về nghệ thuật miêu tả thiên nhiên của Nguyễn Du trong đoạn trích *Cảnh ngày xuân*.

(*Gợi ý :* Đoạn thơ có kết cấu hợp lí như thế nào ? Cách sử dụng từ ghép, từ láy giàu chất tạo hình. Sự kết hợp giữa bút pháp tả cụ thể, chi tiết và bút pháp gợi có tính chất điểm xuyết, chấm phá,...)

> ***Ghi nhớ***
>
> *Đoạn thơ* ***Cảnh ngày xuân*** *là bức tranh thiên nhiên, lễ hội mùa xuân tươi đẹp, trong sáng được gợi lên qua từ ngữ, bút pháp miêu tả giàu chất tạo hình của Nguyễn Du.*

LUYỆN TẬP

1. Phân tích, so sánh cảnh mùa xuân trong câu thơ cổ Trung Quốc : "Phương thảo liên thiên bích – Lê chi sổ điểm hoa" (Cỏ thơm liền với trời xanh – Trên cành lê có mấy bông hoa) với cảnh mùa xuân trong câu thơ : "Cỏ non xanh tận chân trời – Cành lê trắng điểm một vài bông hoa" để thấy được sự tiếp thu và sáng tạo của Nguyễn Du.

2. Học thuộc lòng đoạn thơ.

THUẬT NGỮ

I – THUẬT NGỮ LÀ GÌ ?

1. So sánh hai cách giải thích sau đây về nghĩa của từ *nước* và từ *muối*.

a) Cách thứ nhất :

– ***Nước*** *là chất lỏng không màu, không mùi, có trong sông, hồ, biển,...*

– ***Muối*** *là tinh thể trắng, vị mặn, thường được tách từ nước biển, dùng để ăn.*

b) Cách thứ hai :

– ***Nước*** *là hợp chất của các nguyên tố hi-đrô và ô xi, có công thức là* H_2O.

– ***Muối*** *là hợp chất mà phân tử gồm có một hay nhiều nguyên tử kim loại liên kết với một hay nhiều gốc a-xít.*

Hãy cho biết cách giải thích nào không thể hiểu được nếu thiếu kiến thức về hoá học.

2. Đọc những định nghĩa sau đây và trả lời câu hỏi.

– ***Thạch nhũ*** *là sản phẩm hình thành trong các hang động do sự nhỏ giọt của dung dịch đá vôi hoà tan trong nước có chứa a-xít các-bô-níc.*

– ***Ba-dơ*** *là hợp chất mà phân tử gồm có một nguyên tử kim loại liên kết với một hay nhiều nhóm hi-đrô-xít.*

– ***Ẩn dụ*** *là gọi tên sự vật, hiện tượng này bằng tên sự vật, hiện tượng khác có nét tương đồng với nó.*

– ***Phân số thập phân*** *là phân số mà mẫu là luỹ thừa của 10.*

a) Em đã học các định nghĩa này ở những bộ môn nào ?

b) Những từ ngữ được định nghĩa (in đậm) chủ yếu được dùng trong loại văn bản nào ?

> ***Ghi nhớ***
>
> ***Thuật ngữ*** *là những từ ngữ biểu thị khái niệm khoa học, công nghệ, thường được dùng trong các văn bản khoa học, công nghệ.*

II – ĐẶC ĐIỂM CỦA THUẬT NGỮ

1. Thử tìm xem những thuật ngữ dẫn trong mục I.2 ở trên còn có nghĩa nào khác không.

2. Cho biết trong hai ví dụ sau, ở ví dụ nào, từ *muối* có sắc thái biểu cảm.

a) ***Muối*** *là một hợp chất có thể hoà tan trong nước.*

b) *Tay nâng chén muối đĩa gừng,*
Gừng cay ***muối*** *mặn xin đừng quên nhau.*

(*Ca dao*)

Ghi nhớ

- *Về nguyên tắc, trong một lĩnh vực khoa học, công nghệ nhất định, mỗi thuật ngữ chỉ biểu thị một khái niệm, và ngược lại, mỗi khái niệm chỉ được biểu thị bằng một thuật ngữ.*
- *Thuật ngữ không có tính biểu cảm.*

III – LUYỆN TẬP

1. Vận dụng kiến thức đã học ở các môn Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí, Toán học, Vật lí, Hoá học, Sinh học để tìm thuật ngữ thích hợp với mỗi chỗ trống. Cho biết mỗi thuật ngữ vừa tìm được thuộc lĩnh vực khoa học nào.

– /.../ là tác dụng đẩy, kéo của vật này lên vật khác.

– /.../ là hiện tượng làm huỷ hoại dần dần lớp đất đá phủ trên mặt đất do các tác nhân : gió, băng hà, nước chảy,...

– /.../ là hiện tượng trong đó có sinh ra chất mới.

– /.../ là tập hợp những từ có ít nhất một nét chung về nghĩa.

– /.../ là nơi có dấu vết cư trú và sinh sống của người xưa.

– /.../ là hiện tượng hạt phấn tiếp xúc với đầu nhuỵ.

– /.../ là lượng nước chảy qua mặt cắt ngang lòng sông ở một điểm nào đó, trong một giây đồng hồ. Đơn vị đo : m^3/s.

– /.../ là lực hút của Trái Đất.

– /.../ là sức ép của khí quyển lên bề mặt Trái Đất.

– /.../ là những chất do một nguyên tố hoá học cấu tạo nên.

– /.../ là thị tộc theo dòng họ người cha, trong đó nam có quyền hơn nữ.

– /.../ là đường thẳng vuông góc với một đoạn thẳng tại điểm giữa của đoạn ấy.

2. Đọc đoạn trích sau đây :

Nếu được làm hạt giống để mùa sau
Nếu lịch sử chọn ta làm điểm tựa
Vui gì hơn làm người lính đi đầu
Trong đêm tối, tim ta làm ngọn lửa !

(Tố Hữu, *Chào xuân 67*)

Trong đoạn trích này, *điểm tựa* có được dùng như một thuật ngữ vật lí hay không ? Ở đây, nó có ý nghĩa gì ?

3. Trong hoá học, thuật ngữ *hỗn hợp* được định nghĩa là "nhiều chất trộn lẫn vào nhau mà không hoá hợp thành một chất khác", còn từ *hỗn hợp* hiểu theo nghĩa thông thường là "gồm có nhiều thành phần trong đó mỗi thành phần vẫn không mất tính chất riêng của mình".

Cho biết trong hai câu sau đây, trường hợp nào *hỗn hợp* được dùng như một thuật ngữ, trường hợp nào *hỗn hợp* được dùng như một từ thông thường.

a) *Nước tự nhiên ở ao, hồ, sông, biển,... là một hỗn hợp.*

b) *Đó là một chương trình biểu diễn hỗn hợp nhiều tiết mục.*

Hãy đặt câu với từ *hỗn hợp* dùng theo nghĩa thông thường.

4. Trong sinh học, cá voi, cá heo được xếp vào lớp thú, vì tuy những động vật này có xương sống, ở dưới nước, bơi bằng vây nhưng không thở bằng mang mà thở bằng phổi.

Căn cứ vào cách xác định của sinh học, hãy định nghĩa thuật ngữ *cá*. Có gì khác nhau giữa nghĩa của thuật ngữ này với nghĩa của từ *cá* theo cách hiểu thông thường của người Việt (thể hiện qua cách gọi *cá voi, cá heo*) ?

5. Trong kinh tế học, thuật ngữ *thị trường* (*thị* : chợ – yếu tố Hán Việt) chỉ nơi thường xuyên tiêu thụ hàng hoá, còn trong quang học (phân ngành vật lí nghiên cứu về ánh sáng và tương tác của ánh sáng với vật chất), thuật ngữ *thị trường* (*thị* : thấy – yếu tố Hán Việt) chỉ phần không gian mà mắt có thể quan sát được.

Hiện tượng đồng âm này có vi phạm nguyên tắc một thuật ngữ – một khái niệm đã nêu ở phần *Ghi nhớ* không ? Vì sao ?

MIÊU TẢ TRONG VĂN BẢN TỰ SỰ

I – TÌM HIỂU YẾU TỐ MIÊU TẢ TRONG VĂN BẢN TỰ SỰ

1. Đọc đoạn trích sau :

Vua Quang Trung lại truyền lấy sáu chục tấm ván, cứ ghép liền ba tấm làm một bức, bên ngoài lấy rơm dấp nước phủ kín, tất cả là hai mươi bức. Đoạn kén hạng lính khoẻ mạnh, cứ mười người khênh một bức, lưng giắt dao ngắn, hai mươi người khác đều cầm binh khí theo sau, dàn thành trận chữ "nhất", vua Quang Trung cưỡi voi đi đốc thúc, mờ sáng ngày mồng 5 tiến sát đồn Ngọc Hồi. Quân Thanh nổ súng bắn ra, chẳng trúng người nào cả. Nhân có gió bắc, quân Thanh bèn dùng ống phun khói lửa ra, khói toả mù trời, cách gang tấc không thấy gì, hòng làm cho quân Nam rối loạn. Không ngờ trong chốc lát trời bỗng trở gió nam, thành ra quân Thanh lại tự làm hại mình.

Vua Quang Trung liền gấp rút sai đội khiêng ván vừa che vừa xông thẳng lên trước. Khi gươm giáo của hai bên đã chạm nhau thì quăng ván xuống đất, ai nấy cầm dao ngắn chém bừa, những người cầm binh khí theo sau cũng nhất tề xông tới mà đánh.

Quân Thanh chống không nổi, bỏ chạy tán loạn, giày xéo lên nhau mà chết. Tên Thái thú Điền Châu là Sầm Nghi Đống tự thắt cổ chết. Quân Tây Sơn thừa thế chém giết lung tung, thây nằm đầy đồng, máu chảy thành suối, quân Thanh đại bại.

(Ngô gia văn phái, *Hoàng Lê nhất thống chí*)

2. Suy nghĩ và trả lời câu hỏi :

a) Đoạn trích kể về trận đánh nào ? Trong trận đánh đó, nhân vật vua Quang Trung làm gì, xuất hiện như thế nào ?

b) Chỉ ra các chi tiết miêu tả trong đoạn trích. Các chi tiết miêu tả ấy nhằm thể hiện những đối tượng nào ?

c) Kể lại nội dung đoạn trích trên, có bạn nêu ra các sự việc sau đây :

– Vua Quang Trung cho ghép ván lại, cứ mười người khiêng một bức, rồi tiến sát đến đồn Ngọc Hồi.

– Quân Thanh bắn ra, không trúng người nào, sau đó phun khói lửa.

– Quân của vua Quang Trung khiêng ván nhất tề xông lên mà đánh.

– Quân Thanh chống đỡ không nổi, tướng nhà Thanh là Sầm Nghi Đống thắt cổ chết. Quân Thanh đại bại.

Nếu chỉ kể sự việc diễn ra như thế thì nhân vật vua Quang Trung có nổi bật không, trận đánh có sinh động không ? Tại sao ? So sánh các sự việc chính mà bạn đó đã nêu với cách miêu tả trong đoạn trích để có thể rút ra nhận xét : Yếu tố miêu tả có vai trò như thế nào đối với văn bản tự sự ?

Ghi nhớ

Trong văn bản tự sự, sự miêu tả cụ thể, chi tiết về cảnh vật, nhân vật và sự việc có tác dụng làm cho câu chuyện trở nên hấp dẫn, gợi cảm, sinh động.

II – LUYỆN TẬP

1. Tìm những yếu tố tả người và tả cảnh trong hai đoạn trích *Truyện Kiều* vừa học (*Chị em Thuý Kiều*, tr. 81 và *Cảnh ngày xuân*, tr. 84). Phân tích giá trị của những yếu tố miêu tả ấy trong việc thể hiện nội dung mỗi đoạn trích.

2. Dựa vào đoạn trích *Cảnh ngày xuân*, hãy viết một đoạn văn kể về việc chị em Thuý Kiều đi chơi trong buổi chiều ngày Thanh minh. Trong khi kể, chú ý vận dụng các yếu tố miêu tả để tả cảnh ngày xuân.

3. Giới thiệu trước lớp về vẻ đẹp của chị em Thuý Kiều bằng lời văn của mình.

BÀI 7

Kết quả cần đạt

• *Qua đoạn trích **Kiều ở lầu Ngưng Bích**, cảm nhận được tâm trạng cô đơn, buồn tủi và tấm lòng thuỷ chung, hiếu thảo của Thuý Kiều. Thấy rõ nghệ thuật khắc hoạ nội tâm nhân vật qua ngôn ngữ độc thoại và nghệ thuật tả cảnh ngụ tình đặc sắc.*

*Qua đoạn trích **Mã Giám Sinh mua Kiều**, thấy được thái độ căm ghét của tác giả đối với bản chất xấu xa của kẻ buôn người và tài năng nghệ thuật trong việc khắc hoạ tính cách nhân vật phản diện.*

• *Nắm được những định hướng chính để trau dồi vốn từ : hiểu rõ nghĩa của từ và cách dùng từ, tăng cường vốn từ mới.*

• *Viết được bài văn tự sự kết hợp với miêu tả cảnh vật, con người và sự việc.*

VĂN BẢN

KIỀU Ở LẦU NGƯNG BÍCH

(Trích *Truyện Kiều*)

Trước lầu Ngưng Bích khoá xuân[1],
Vẻ non xa tấm trăng gần ở chung[2].
Bốn bề bát ngát xa trông,
Cát vàng cồn nọ bụi hồng[3] dặm kia.
Bẽ bàng[4] mây sớm đèn khuya,
Nửa tình nửa cảnh như chia tấm lòng.
Tưởng người dưới nguyệt chén đồng[5],
Tin sương luống những rày trông mai chờ[6].

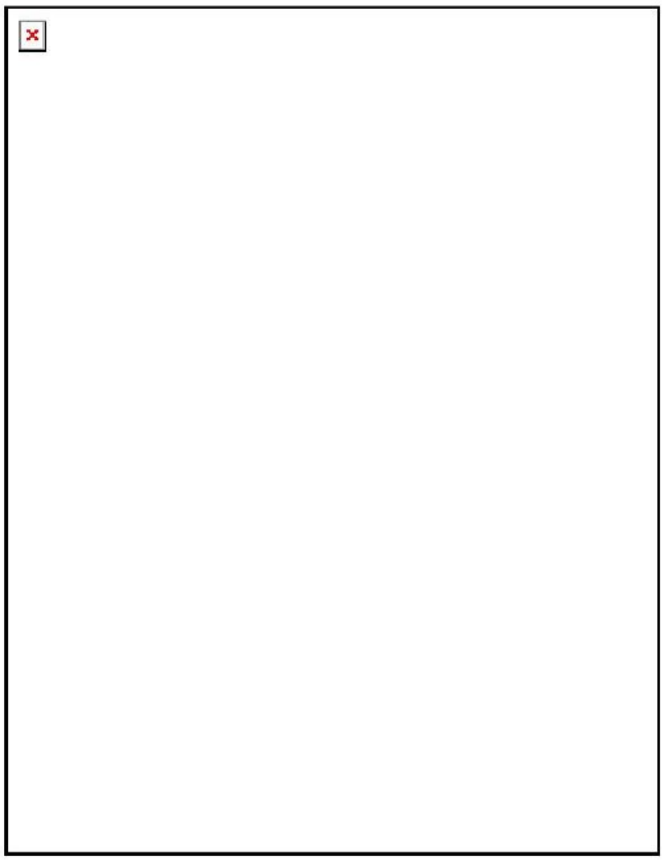

Bên trời góc bể bơ vơ,
Tấm son[7] gột rửa bao giờ cho phai.
Xót người tựa cửa[8] hôm mai,
Quạt nồng ấp lạnh[9] những ai đó giờ ?
Sân Lai[10] cách mấy nắng mưa,
Có khi gốc tử[11] đã vừa người ôm.
Buồn trông cửa bể chiều hôm,
Thuyền ai thấp thoáng cánh buồm xa xa ?
Buồn trông ngọn nước mới sa,
Hoa trôi man mác biết là về đâu ?
Buồn trông nội cỏ rầu rầu,
Chân mây mặt đất một màu xanh xanh.
Buồn trông gió cuốn mặt duềnh[12],
Ầm ầm tiếng sóng kêu quanh ghế ngồi.

(Nguyễn Du, *Truyện Kiều*, Sđd)

Chú thích

Vị trí đoạn trích : Đoạn trích nằm ở phần thứ hai (*Gia biến và lưu lạc*). Sau khi biết mình bị lừa vào chốn lầu xanh, Kiều uất ức định tự vẫn. Tú Bà vờ hứa hẹn đợi Kiều bình phục sẽ gả chồng cho nàng vào nơi tử tế, rồi đưa Kiều ra giam lỏng ở lầu Ngưng Bích, đợi thực hiện âm mưu mới.

(1) *Khoá xuân* : khoá kín tuổi xuân, ý nói cấm cung (con gái nhà quyền quý thời xưa không được ra khỏi phòng ở) ; ở đây nói việc Kiều bị giam lỏng.

(2) Kiều ở trên lầu cao nhìn thấy dãy núi xa và mảnh trăng như ở cùng trong một vòm trời, như cùng trong một bức tranh.

(3) *Bụi hồng* : bụi có sắc đỏ, do gió bốc lên. (Trong văn học cổ, *bụi hồng* còn có nghĩa bóng là cõi trần.)

(4) *Bẽ bàng* : xấu hổ, tủi thẹn.

(5) *Chén đồng* : chén rượu thề nguyền cùng lòng cùng dạ (đồng tâm) với nhau.

(6) Ý nói Kim Trọng không biết Kiều đã bán mình đi xa, tới nay hãy còn mong chờ tin tức nàng, thật là uổng công.

(7) *Tấm son* : tấm lòng son, chỉ tấm lòng thuỷ chung gắn bó.

(8) *Tựa cửa* : ý nói người mẹ tựa cửa trông chờ con.

(9) *Quạt nồng ấp lạnh* : mùa hè, trời nóng nực thì quạt cho cha mẹ ngủ ; mùa đông, trời lạnh giá thì vào nằm trước trong giường (ấp chiếu chăn) để khi cha mẹ ngủ, chỗ nằm đã ấm sẵn. Ý cả câu nói về sự lo lắng không biết ai sẽ phụng dưỡng, chăm sóc cha mẹ.

(10) *Sân Lai* : sân nhà lão Lai Tử, đây chỉ sân nhà cha mẹ Thuý Kiều. Theo *Hiếu tử truyện* : Lão Lai Tử người nước Sở thời Xuân Thu rất có hiếu, tuy đã già mà còn nhảy múa ở ngoài sân cho cha mẹ xem để mua vui cho cha mẹ.

(11) *Gốc tử* : gốc cây tử (cây thị), chỉ cha mẹ. Cả câu ý nói cha mẹ đã già rồi (theo điển cũ nói cây dâu và cây tử là những cây do cha mẹ trồng ở quanh nhà).

(12) *Duềnh* (cũng gọi là *doành*) : vụng (vũng) sông hoặc vụng biển.

ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN

1. Em hãy tìm hiểu cảnh thiên nhiên trong sáu câu thơ đầu :

– Đặc điểm của không gian trước lầu Ngưng Bích (chú ý không gian mở ra theo chiều rộng, chiều xa, chiều cao qua cái nhìn của nhân vật).

– Thời gian qua cảm nhận của Thuý Kiều (chú ý hình ảnh trăng, "mây sớm đèn khuya").

– Qua khung cảnh thiên nhiên có thể thấy Thuý Kiều đang ở trong hoàn cảnh, tâm trạng như thế nào ? Từ ngữ nào góp phần diễn tả hoàn cảnh và tâm trạng ấy ?

2. Tám câu thơ tiếp theo trực tiếp nói lên nỗi nhớ thương của Kiều.

a) Trong cảnh ngộ của mình nàng đã nhớ tới ai ? Nàng nhớ ai trước, ai sau ? Nhớ như thế có hợp lí không, vì sao ?

b) Cùng là nỗi nhớ nhưng cách nhớ khác nhau với những lí do khác nhau nên cách thể hiện cũng khác nhau. Em hãy phân tích nghệ thuật dùng từ ngữ, hình ảnh của tác giả để làm sáng tỏ điều đó.

c) Em có nhận xét gì về tấm lòng Thuý Kiều qua nỗi nhớ thương của nàng ?

3. Tám câu thơ cuối miêu tả cảnh vật qua tâm trạng.

a) Cảnh vật ở đây là thực hay hư ? Mỗi cảnh vật có nét riêng đồng thời lại có nét chung để diễn tả tâm trạng Kiều. Em hãy phân tích và chứng minh điều đó.

b) Em có nhận xét gì về cách dùng điệp ngữ của Nguyễn Du trong tám câu thơ cuối ? Cách dùng điệp ngữ ấy góp phần diễn tả tâm trạng như thế nào ?

Ghi nhớ

Kiều ở lầu Ngưng Bích *là một trong những đoạn miêu tả nội tâm nhân vật thành công nhất trong* ***Truyện Kiều****, đặc biệt là bằng bút pháp tả cảnh ngụ tình. Đoạn thơ cho thấy cảnh ngộ cô đơn, buồn tủi và tấm lòng thuỷ chung, hiếu thảo của Thuý Kiều.*

LUYỆN TẬP

1. Thế nào là nghệ thuật tả cảnh ngụ tình ? Phân tích nghệ thuật tả cảnh ngụ tình trong tám câu thơ cuối ("Buồn trông cửa bể chiều hôm ... Ầm ầm tiếng sóng kêu quanh ghế ngồi").

2. Học thuộc lòng đoạn thơ.

ĐỌC THÊM

Tú Bà sợ phía ngoài người qua lại phức tạp, nên cho Thuý Kiều dời sang ở lầu Ngưng Bích.

Ngôi lầu này, từ phía đông trông ra biển xanh, phía bắc nhìn lên kinh kì, phía nam ngó lại Kim Lăng, phía tây trông ra dãy núi Kì Sơn, Thuý Kiều đối cảnh buồn bã, nhớ lại cái ngày cùng chàng Kim trao lời thề thốt, thân thiết biết chừng nào, mà nay vắng bặt tăm hơi, thê lương biết là dường nào, nhân cầm bút viết ra mười bài *Chẳng cùng nhau* để ghi lại tình thương nhớ...

Thuý Kiều viết xong mấy vần câu ca lại thấy nước mới đầy khe, cỏ gò vương khói, tiếng triều dào dạt, cánh buồm thấp thoáng, bỗng lại nghĩ thành một bài thơ. Thơ rằng :

Bên song nước suối thoảng mùi hoa,
Sương khói mung lung ngọn núi xa.
Gần biển, triều dâng bờ đá ướt,
Cách thành, buồm ngả bóng chiều tà.

Gió nâng vóc liễu trên từng gác,
Sóng giục người đi biệt đất nhà.
Việc cũ can chi mà nhỏ lệ ?
Đốt lò nhấp thử vị hương trà.

(Thanh Tâm Tài Nhân, *Kim Vân Kiều truyện*, Sđd)

VĂN BẢN

(Tự học có hướng dẫn)

MÃ GIÁM SINH MUA KIỀU

(Trích *Truyện Kiều*)

Gần miền có một mụ nào,
Đưa người viễn khách tìm vào vấn danh[1].
Hỏi tên, rằng : "Mã Giám Sinh"[2],
Hỏi quê, rằng : "Huyện Lâm Thanh cũng gần".
Quá niên trạc ngoại tứ tuần[3],
Mày râu nhẵn nhụi áo quần bảnh bao.
Trước thầy sau tớ lao xao,
Nhà băng đưa mối rước vào lầu trang.
Ghế trên ngồi tót sỗ sàng,
Buồng trong mối đã giục nàng kíp ra.
Nỗi mình thêm tức nỗi nhà,
Thềm hoa một bước lệ hoa mấy hàng !
Ngại ngùng dợn gió[4] e sương,
Ngừng[5] hoa bóng thẹn trông gương mặt dày.
Mối càng vén tóc bắt tay,
Nét buồn như cúc điệu gầy như mai[6].
Đắn đo cân sắc cân tài,
Ép cung cầm nguyệt thử bài quạt thơ[7].
Mặn nồng một vẻ một ưa,
Bằng lòng khách mới tuỳ cơ dặt dìu.
Rằng : "Mua ngọc đến Lam Kiều[8],
Sính nghi[9] xin dạy bao nhiêu cho tường?"

Mối rằng : "Giá đáng nghìn vàng,
Dớp nhà[10] nhờ lượng người thương dám nài !"
Cò kè bớt một thêm hai,
Giờ lâu ngã giá vâng[11] ngoài bốn trăm.

(Nguyễn Du, *Truyện Kiều*, Sđd)

Chú thích

Vị trí đoạn trích : Đoạn trích nằm ở đầu phần thứ hai (*Gia biến và lưu lạc*). Sau khi gia đình Kiều bị vu oan, Kiều quyết định bán mình để lấy tiền cứu cha và gia đình khỏi tai hoạ. Đoạn này nói về việc Mã Giám Sinh đến mua Kiều.

(Lưu ý : Sự việc ở đây xảy ra trước việc Kiều bị giam lỏng ở lầu Ngưng Bích, nhưng vì là bài tự học có hướng dẫn nên người biên soạn đặt sau.)

(1) *Viễn khách* : khách ở xa đến. *Vấn danh* : trong tục lệ hôn nhân ngày xưa, khi hai họ đã ưng thuận thì nhà trai phải tiến hành một loạt nghi lễ cho đến khi làm lễ cưới. Một trong những lễ ấy là vấn danh, tức lễ ăn hỏi (vấn danh là hỏi tên). Trong lễ ăn hỏi, nhà gái phải cho biết rõ tên tuổi người con gái. Đây dùng với nghĩa rộng là hỏi xin cưới.

(2) *Mã Giám Sinh* : giám sinh họ Mã. *Giám sinh* là tên gọi học trò ở Quốc tử giám, trường lớn ở kinh đô thời xưa. *Giám sinh* cũng có khi chỉ chức giám sinh người ta mua của triều đình.

(3) *Tứ tuần* : bốn mươi tuổi. Ý câu thơ : người đã đứng tuổi, ngoài bốn mươi.

(4) *Dợn gió* : có cảm giác sợ gió, ngại gió.

(5) *Ngừng* (tiếng cổ) : nhìn, ngắm.

(6) Hai hình ảnh dùng để tả người phụ nữ đẹp lúc buồn rầu.

(7) *Ép cung cầm nguyệt* : ép gảy đàn ; *thử bài quạt thơ* : thử tài làm thơ của Kiều khi yêu cầu nàng đề thơ trên quạt.

(8) *Mua ngọc đến Lam Kiều* : Lam Kiều là tên một cái cầu ở huyện Lam Điền, tỉnh Thiểm Tây, Trung Quốc. Huyện Lam Điền là nơi sản xuất ngọc quý. Câu này ý nói : đến đây cốt để mua được người đẹp.

(9) *Sính nghi* : đồ dẫn cưới. Theo tục lệ cũ, nhà gái buộc nhà trai phải đưa nhiều đồ lễ đến mới cho cưới, đồ lễ ấy gọi là đồ dẫn cưới.

(10) *Dớp nhà* : nhà gặp vận đen, nhà đang mắc gian truân.

(11) Chữ này, Đào Duy Anh trong quyển *Từ điển Truyện Kiều* (in lần thứ hai năm 1989) ở phần mục từ và phần văn bản đều in là *vâng*. Phần lớn các bản Kiều Nôm và các bản quốc ngữ cũng chép là *vâng*. Tuy nhiên, cũng có bản chép là *vàng*.

ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN

1. Phân tích những nét về ngoại hình và tính cách để làm nổi bật bản chất xấu xa của Mã Giám Sinh.

(*Gợi ý* :

– *Về ngoại hình, hành động* : cách ăn mặc, cách nói năng, cử chỉ, thái độ,...

– *Về bản chất, tính cách* : tính chất bất nhân, tính chất con buôn vì tiền, sự giả dối,...)

2. Cảm nhận của em về hình ảnh Thuý Kiều ?

(*Gợi ý* :

– Tình cảnh tội nghiệp.

– Nỗi đau đớn, tái tê.)

3. Tấm lòng nhân đạo của Nguyễn Du thể hiện qua đoạn trích.

(*Gợi ý* :

– Nỗi đau đớn, xót xa trước tình cảnh con người bị hạ thấp, bị chà đạp.

– Sự khinh bỉ, căm phẫn sâu sắc bọn buôn người bất nhân, tàn bạo.)

Ghi nhớ

Bằng việc miêu tả ngoại hình, cử chỉ và ngôn ngữ đối thoại để khắc hoạ tính cách nhân vật, tác giả đã bóc trần bản chất xấu xa, đê tiện của Mã Giám Sinh, qua đó lên án những thế lực tàn bạo chà đạp lên sắc tài và nhân phẩm của người phụ nữ.

TRAU DỒI VỐN TỪ

I – RÈN LUYỆN ĐỂ NẮM VỮNG NGHĨA CỦA TỪ VÀ CÁCH DÙNG TỪ

1. Qua ý kiến sau đây, em hiểu tác giả muốn nói điều gì ?

Trong tiếng ta, một chữ có thể dùng để diễn tả rất nhiều ý ; hoặc ngược lại, một ý nhưng lại có bao nhiêu chữ để diễn tả. Vì vậy, nếu nói tiếng Việt của ta có những khả năng rất lớn để diễn đạt tư tưởng và tình cảm trong nhiều thể văn thì

điều đó hoàn toàn đúng. Không sợ tiếng ta nghèo, chỉ sợ chúng ta không biết dùng tiếng ta.

(Phạm Văn Đồng, *Giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt*, Sđd)

2. Xác định lỗi diễn đạt trong những câu sau :

a) *Việt Nam chúng ta có rất nhiều thắng cảnh đẹp.*

b) *Các nhà khoa học dự đoán những chiếc bình này đã có cách đây khoảng 2500 năm.*

c) *Trong những năm gần đây, nhà trường đã đẩy mạnh quy mô đào tạo để đáp ứng nhu cầu học tập của xã hội.*

Giải thích vì sao có những lỗi này, vì "tiếng ta nghèo" hay vì người viết "không biết dùng tiếng ta". Như vậy để "biết dùng tiếng ta" cần phải làm gì ?

Ghi nhớ

Muốn sử dụng tốt tiếng Việt, trước hết cần trau dồi vốn từ. Rèn luyện để nắm được đầy đủ và chính xác nghĩa của từ và cách dùng từ là việc rất quan trọng để trau dồi vốn từ.

II – RÈN LUYỆN ĐỂ LÀM TĂNG VỐN TỪ

Em hiểu ý kiến sau đây như thế nào ?

Từ lúc chưa có ý thức, cho tới lúc có ý thức, chúng ta đã học chữ của Nguyễn Du. Chắc ai cũng đồng ý với tôi rằng nếu chữ nghĩa "Truyện Kiều" mà xoàng xĩnh thôi thì chắc "Truyện Kiều", dù tư tưởng sâu xa đến đâu cũng chưa thể thành sách của mọi người. Tôi càng phục tài học với sức sáng tạo của Nguyễn Du trong chữ nghĩa, khi tôi đọc đến câu thơ ông viết ông đã "ở trong ruộng bãi để học câu hát hay của người trồng dâu". Đó không phải là một câu nói bóng, mà đó là một tâm sự, một kế hoạch học chữ, hay là nói theo cách nói của chúng ta ngày nay : Nguyễn Du đã đi vào học lời ăn tiếng nói nhân dân, cơ sở sáng tạo ngôn ngữ của nhà thơ thiên tài đã dựa thẳng vào đấy.

Xin kể hai ví dụ. Câu thơ Nguyễn Du có chữ "áy" (cỏ ***áy*** *bóng tà...). Chữ "áy" ấy, tài giỏi đến độ dù ta không hiểu nghĩa, nó cũng hiện lên sự ảm đạm. Cho tới năm trước, có dịp đi Thái Bình, về huyện Thái Ninh, tôi được biết chữ "áy" là tiếng vùng quê đấy. Quê vợ Nguyễn Du ở Thái Bình, Nguyễn Du đã ở lâu đất Thái Bình, "cỏ áy" có nghĩa là cỏ vàng úa. Tiếng "áy" ở Thái Bình đã vào văn chương "Truyện Kiều" và trở thành tuyệt vời.*

Ví dụ nữa, ba chữ "bén duyên tơ" ở "Truyện Kiều". Thông thường, ta hiểu "bén duyên" có thể gần gũi với câu tục ngữ "Lửa gần rơm lâu ngày cũng bén". Nhưng không phải. Trong nghề ươm tơ, lúc tháo con tằm lấy tơ thì người ta ngâm tằm vào nồi nước nóng, rồi đem guồng ra, vớt tơ lên quay vào guồng, lúc sợi tơ bắt đầu quay vào guồng, người nhà nghề gọi là "tơ bén". Nếu chỉ viết "bén duyên" không thì còn có thể ngờ, chứ "bén duyên tơ" thì rõ ràng Nguyễn Du của chúng ta đã nghe, học và sáng tạo trên cơ sở công việc của người hái dâu chăn tằm. Nguyễn Du đã trau dồi ngôn ngữ, đêm ngày mài giũa chữ nghĩa kì khu biết chừng nào !

(*Theo* Tô Hoài, *Mỗi chữ phải là một hạt ngọc*,
trong *Giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt*, Sđd)

Ghi nhớ

Rèn luyện để biết thêm những từ chưa biết, làm tăng vốn từ là việc thường xuyên phải làm để trau dồi vốn từ.

III – LUYỆN TẬP

1. Chọn cách giải thích đúng :

Hậu quả là :

a) kết quả sau cùng.

b) kết quả xấu.

Đoạt là :

a) chiếm được phần thắng.

b) thu được kết quả tốt.

Tinh tú là :

a) phần thuần khiết và quý báu nhất.

b) sao trên trời (nói khái quát).

2. Xác định nghĩa của yếu tố Hán Việt :

a) *Tuyệt* (Hán Việt) có những nghĩa thông dụng nhất như sau :

– dứt, không còn gì ;

– cực kì, nhất.

Cho biết nghĩa của yếu tố *tuyệt* trong mỗi từ sau đây : *tuyệt chủng, tuyệt đỉnh, tuyệt giao, tuyệt mật, tuyệt tác, tuyệt trần, tuyệt tự, tuyệt thực*. Giải thích nghĩa của những từ này.

b) *Đồng* (Hán Việt) có những nghĩa thông dụng nhất như sau :

– cùng nhau, giống nhau ;

– trẻ em ;

– (chất) đồng.

Cho biết nghĩa của yếu tố *đồng* trong mỗi từ ngữ sau đây : *đồng âm, đồng ấu, đồng bào, đồng bộ, đồng chí, đồng dạng, đồng dao, đồng khởi, đồng môn, đồng niên, đồng sự, đồng thoại, trống đồng.* Giải thích nghĩa của những từ ngữ này.

3. Sửa lỗi dùng từ trong những câu sau :

a) *Về khuya, đường phố rất im lặng.*

b) *Trong thời kì đổi mới, Việt Nam đã thành lập quan hệ ngoại giao với hầu hết các nước trên thế giới.*

c) *Những hoạt động từ thiện của ông khiến chúng tôi rất cảm xúc.*

4. Bình luận ý kiến sau đây :

Hãy nghe một thanh niên nông thôn rồi nghe bà mẹ của anh hay ông nội của anh nói chuyện ta sẽ hiểu ai là người có tiếng nói giàu hình ảnh, sắc màu. Chỉ một chuyện cây lúa thôi, mà biết bao là sáng tạo về ngôn ngữ :

*Gió đông là **chồng** lúa chiêm*
*Gió bấc là **duyên** lúa mùa*

*Được mùa lúa, **úa** mùa cau*
*Được mùa cau, **đau** mùa lúa*

*Chiêm **khôn** hơn mùa **dại***
*Mùa **nứt nanh**, chiêm **xanh đầu***

*Lúa chiêm **nép** ở đầu bờ,*
*Hễ nghe tiếng sấm **phất cờ** mà lên.*

Cô kĩ sư nông học ơi, nếu ngày nay cô không nói được tiếng nói như vậy nữa, thì cô có thu được mùa lúa, nhưng đã bỏ mất cả một mùa ngôn ngữ đẹp đẽ của dân tộc đấy. Bởi thế, tôi muốn, đồng thời với việc giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt, phải giữ gìn sự giàu có, muôn vàn giàu có của nó. Trong thói quen, chúng ta hay tự ti ; khẳng định lại một lần nữa sự giàu có của tiếng nói dân tộc, cũng là một điều quan trọng chứ sao.

(Chế Lan Viên, *Làm cho tiếng nói trong sáng, giàu và phát triển*, trong *Giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt*, Sđd)

5. Chủ tịch Hồ Chí Minh có nói tới việc lấy tài liệu để viết như sau :

Muốn có tài liệu thì phải tìm, tức là :

1. ***Nghe*** *: Lắng tai nghe các cán bộ, nghe các chiến sĩ, nghe đồng bào để lấy tài liệu mà viết.*

2. ***Hỏi*** *: Hỏi những người đi xa về, hỏi nhân dân, hỏi bộ đội những việc, những tình hình ở các nơi.*

3. ***Thấy*** *: Mình phải đi đến, xem xét mà thấy.*

4. ***Xem*** *: Xem báo chí, xem sách vở. Xem báo chí trong nước, xem báo chí nước ngoài.*

5. ***Ghi*** *: Những cái gì đã nghe, đã thấy, đã hỏi được, đã đọc được, thì* ***chép*** *lấy để dùng và viết.*

(Hồ Chí Minh, *Cách viết*,
trong *Giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt*, Sđd)

Dựa theo ý kiến trên, hãy nêu cách em sẽ thực hiện để làm tăng vốn từ.

6. Cho các từ ngữ : *phương tiện, cứu giúp, mục đích cuối cùng, viện trợ, yếu điểm, điểm yếu, điểm thiếu sót, khuyết điểm, đề bạt, đề cử, đề đạt, đề xuất, láu lỉnh, láu táu, liến láu, liến thoắng, hoảng hồn, hoảng loạn, hoảng hốt, hoảng sợ.* Hãy chọn từ ngữ thích hợp với mỗi chỗ trống trong những câu sau :

a) *Đồng nghĩa với "nhược điểm" là /.../*

b) *"Cứu cánh" nghĩa là /.../*

c) *Trình ý kiến, nguyện vọng lên cấp trên là /.../*

d) *Nhanh nhẩu mà thiếu chín chắn là /.../*

e) *Hoảng đến mức có những biểu hiện mất trí là /.../*

7. Phân biệt nghĩa của những từ ngữ sau và đặt câu với mỗi từ ngữ đó.

a) *nhuận bút / thù lao ;*

b) *tay trắng / trắng tay ;*

c) *kiểm điểm / kiểm kê ;*

d) *lược khảo / lược thuật.*

8. Trong tiếng Việt, có nhiều từ phức (từ ghép và từ láy) có các yếu tố cấu tạo giống nhau nhưng trật tự các yếu tố thì khác nhau, như từ ghép : *kì lạ – lạ kì*, *nguy hiểm – hiểm nguy, thương xót – xót thương* ; hoặc từ láy : *khắt khe – khe khắt, lừng lẫy – lẫy lừng*. Hãy tìm năm từ ghép và năm từ láy tương tự.

9. Với mỗi yếu tố Hán Việt sau đây, hãy tìm hai từ ghép có yếu tố đó :

bất (không, chẳng), *bí* (kín), *đa* (nhiều), *đề* (nâng, nêu ra), *gia* (thêm vào), *giáo* (dạy bảo), *hồi* (về, trở lại), *khai* (mở, khơi), *quảng* (rộng, rộng rãi), *suy* (sút kém), *thuần* (ròng, không pha tạp), *thủ* (đầu, đầu tiên, người đứng đầu), *thuần* (thật, chân thật, chân chất), *thuần* (dễ bảo, chịu khiến), *thuỷ* (nước), *tư* (riêng), *trữ* (chứa, cất), *trường* (dài), *trọng* (nặng, coi nặng, coi là quý), *vô* (không, không có), *xuất* (đưa ra, cho ra), *yếu* (quan trọng).

ĐỌC THÊM

Đã có không ít nhà văn, nhà thơ nêu cao tấm gương học hỏi, gạn lọc từ ngôn ngữ đời thường của những người lao động chân lấm tay bùn những hạt vàng, làm tăng thêm sức hấp dẫn cho trang sách của mình.

Những năm tháng cuối đời, nhà thơ Nguyễn Bính làm việc ở Ti Văn hoá Nam Hà. Một đêm, ông trằn trọc không ngủ nổi chỉ vì một chữ còn khuyết trong câu thơ nọ. "Hạt mạ, mầm mạ gieo xuống đất, bén rễ rồi trỗi dậy, nhỏm dậy, vươn dậy, nhú thẳng cái thân non bé xíu. Hiện tượng ấy gọi là gì nhỉ ?". Cứ thế nhà thơ suy nghĩ lung lắm. Không biết bao nhiêu lần ông vùng dậy hút thuốc lào, nhưng con chữ mà ông đang lần tìm kia thì vẫn cứ chơi trò ú tim.

Chợt nhà thơ "à" lên một tiếng, như bừng tỉnh. Đây rồi : mạ đã *ngồi*. Con chữ sống động mà một lần ông nghe được từ miệng người nông dân đã "bật mầm" trong tâm trí ông lúc này. Nguyễn Bính đặt bút viết :

Mộng một đêm qua mạ đã ngồi.

Cây lúa được người nông dân bao đời coi như con người : nó sống, nó cử động, nó nằm, nó ngồi, nó lớn rồi nó đứng cái. Nguyễn Bính tỏ ra rất tâm đắc với con chữ vừa tìm ra ấy (dẫn theo Chu Văn, Lời bạt *Tuyển tập Nguyễn Bính*, NXB Văn học, 1986).

[...] Nhà văn Nguyễn Thế Phương trong bài *Nghĩ về viết truyện* có kể : "Một lần tôi đi đường bằng xe đạp. Trước mắt tôi là hai người đàn bà gánh gánh, tôi bóp chuông. Cái chuông xe không kêu. Tôi lánh xe sang bên liền bị người đàn bà gánh

gánh trẻ nhất cười và chế nhạo tôi : Xe anh này chuông *điếc*". Nguyễn Thế Phương phân tích : "Cái chuông *điếc* là cái chuông xe không kêu. Thì ra từ *điếc* không phải chỉ có nghĩa là tai không nghe được. Người điếc là người không nghe được tiếng người. Làm *điếc tai* người ta là làm ồn khiến người ta khó chịu. Rồi đến *củ lạc điếc* là củ lạc lép, không có hột. Đến *cái chuông điếc* thì thật là giỏi". Nguyễn Thế Phương xuýt xoa : "Ngôn ngữ dân gian nước ta phong phú là thế. Tôi ghi trong sổ tay, giật mình lấy làm lạ về sự phong phú của ngôn ngữ dân tộc mình".

Với nhà văn Tô Hoài thì việc học tập ngôn ngữ quần chúng đã trở thành "chủ trương" của ông : "Bao giờ đi thực tế tôi cũng ghi vào sổ những câu hay. Ví dụ nghe người ta nói *đất át,* về nhà tôi ghi *đất át,* nghe người ta nói *cái cuốc ngáp,* tôi ghi *cái cuốc ngáp*"... Hoặc khi Tô Hoài viết "sao mắt cua", thì ông giải thích : "*Sao mắt cua* là tiếng của làng Cát Động. Ngôi sao hiện ra lúc chập tối nó cứ thây lẩy như mắt cua" (dẫn theo *Hỏi chuyện các nhà văn*, NXB Tác phẩm mới, 1977).

[...] Trên đây chỉ là một số dẫn chứng ít ỏi về tinh thần học hỏi quần chúng nhân dân lao động, đặc biệt là thôn dân, của các nhà văn ta.

(*Theo* Phạm Khải, *Nhà văn Việt Nam với ngôn ngữ của thôn dân,*
tạp chí *Ngôn ngữ và Đời sống*, số 4, 1996)

VIẾT BÀI TẬP LÀM VĂN SỐ 2 – VĂN TỰ SỰ

I – ĐỀ BÀI THAM KHẢO

Đề 1. Tưởng tượng 20 năm sau, vào một ngày hè, em về thăm lại trường cũ. Hãy viết thư cho một bạn học hồi ấy kể lại buổi thăm trường đầy xúc động đó.

Đề 2. Kể lại một giấc mơ, trong đó em được gặp lại người thân đã xa cách lâu ngày.

Đề 3. Kể lại một trận chiến đấu ác liệt mà em đã đọc, đã nghe kể hoặc đã xem trên màn ảnh.

Đề 4. Đã có lần em cùng bố, mẹ (hoặc anh, chị) đi thăm mộ người thân trong ngày lễ, tết. Hãy viết bài văn kể về buổi đi thăm đáng nhớ đó.

II – YÊU CẦU

Bài làm cần phải kết hợp sử dụng yếu tố miêu tả.

BÀI 8

Kết quả cần đạt

• *Qua đoạn trích **Thuý Kiều báo ân báo oán**, hiểu được tấm lòng nhân nghĩa, cao thượng của Thuý Kiều và ước mơ công lí trong thời đại Nguyễn Du ; thấy được tài năng nghệ thuật xây dựng nhân vật của tác giả trong việc khắc hoạ tính cách qua ngôn ngữ đối thoại.*

*Nắm được cốt truyện **Truyện Lục Vân Tiên**. Qua đoạn thơ trích, hiểu được khát vọng cứu đời, giúp người của tác giả và phẩm chất của hai nhân vật : Lục Vân Tiên và Kiều Nguyệt Nga ; thấy được đặc trưng phương thức khắc hoạ tính cách nhân vật của Nguyễn Đình Chiểu.*

• *Hiểu được vai trò của yếu tố miêu tả nội tâm trong văn bản tự sự.*

VĂN BẢN

THUÝ KIỀU BÁO ÂN BÁO OÁN

(Trích *Truyện Kiều*)

Cho gươm mời đến Thúc lang,
Mặt như chàm đổ mình dường dễ run[1].
Nàng rằng : "Nghĩa nặng nghìn non,
Lâm Tri người cũ chàng còn nhớ không ?
Sâm Thương[2] chẳng vẹn chữ tòng,
Tại ai há dám phụ lòng cố nhân ?
Gấm trăm cuốn bạc nghìn cân,
Tạ lòng dễ xứng báo ân gọi là.
Vợ chàng quỷ quái tinh ma,
Phen này kẻ cắp bà già gặp nhau.
Kiến bò miệng chén chưa lâu,
Mưu sâu cũng trả nghĩa sâu cho vừa".

[...]
Thoắt trông nàng đã chào thưa :
"Tiểu thư cũng có bây giờ đến đây !
Đàn bà dễ có mấy tay,
Đời xưa mấy mặt đời này mấy gan !
Dễ dàng là thói hồng nhan,
Càng cay nghiệt lắm càng oan trái nhiều."
Hoạn Thư hồn lạc phách xiêu,
Khấu đầu dưới trướng liệu điều kêu ca.
Rằng : "Tôi chút phận đàn bà,
Ghen tuông thì cũng người ta thường tình.
Nghĩ cho khi gác viết kinh(3),
Với khi khỏi cửa dứt tình chẳng theo.
Lòng riêng riêng những kính yêu,
Chồng chung chưa dễ ai chiều cho ai.
Trót lòng gây việc chông gai,
Còn nhờ lượng bể thương bài nào chăng".
Khen cho : "Thật đã nên rằng,
Khôn ngoan đến mực nói năng phải lời.
Tha ra thì cũng may đời,
Làm ra thì cũng ra người nhỏ nhen.
Đã lòng tri quá(4) thì nên".
Truyền quân lệnh xuống trướng tiền tha ngay.

(Nguyễn Du, *Truyện Kiều*, Sđd)

Chú thích

Vị trí đoạn trích : Đoạn trích nằm ở cuối phần thứ hai (*Gia biến và lưu lạc*). Sau khi chịu bao đau khổ, tủi nhục, đoạ đày, Thuý Kiều được Từ Hải cứu thoát khỏi lầu xanh và giúp nàng đền ơn trả oán. Đây là trích đoạn tả cảnh Thuý Kiều báo ân báo oán.

(1) *Dễ run* : người run lên như chim dẽ (có khi viết là *giẽ* hoặc *rẽ*), vì chim dẽ có cái đuôi luôn phay phảy như run.

(2) *Sâm Thương* : sao *Sâm* và sao *Thương*, sao này mọc thì sao kia lặn, vì vậy, thường dùng để so sánh với tình trạng chia cách không bao giờ có thể gặp mặt. Cũng có tài liệu nói *Sâm* là sao *Hôm, Thương* là sao *Mai* và cả hai đều chỉ là sao *Kim*, một hành tinh trong hệ mặt trời.

(3) Gác Quan Âm ở nhà Hoạn Thư, nơi Hoạn Thư để cho Kiều ra đó viết kinh.

(4) *Tri quá* : biết lỗi.

ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN

1. Mười hai câu đầu tả cảnh Thuý Kiều báo ân (trả ơn).

– Qua lời của Kiều nói với Thúc Sinh, em thấy Kiều là người như thế nào ?

– Tại sao khi trả ơn Thúc Sinh, Kiều lại nói với Thúc Sinh về Hoạn Thư ? Có sự khác nhau như thế nào trong ngôn ngữ của Kiều khi nói với Thúc Sinh và khi nói về Hoạn Thư ? (Chú ý những từ Hán Việt, từ ngữ mang tính ước lệ khi nói với Thúc Sinh ; ngôn ngữ nôm na bình dị, những thành ngữ dân gian khi nói về Hoạn Thư.) Vì sao có sự khác nhau ấy ?

2. Những câu thơ còn lại tả cảnh Thuý Kiều báo oán.

– Những lời đầu tiên Kiều nói với Hoạn Thư có giọng điệu như thế nào ? (Chú ý cách xưng hô của Kiều, cách nhắc lại *đời xưa, đời này, mấy mặt, mấy gan, càng..., càng...*).

– Thái độ của Kiều thể hiện qua giọng điệu ấy ?

3. Trước thái độ của Kiều, Hoạn Thư đã xử trí ra sao ? Lời kêu ca của Hoạn Thư thực chất là lí lẽ để gỡ tội. Em hãy tìm hiểu :

– Trình tự lí lẽ của Hoạn Thư.

– Các lí lẽ của Hoạn Thư đã tác động tới Kiều như thế nào ?

– Qua lời đối đáp của Hoạn Thư, em có cảm nhận gì về tính cách của nhân vật này ?

4. Vì sao Thuý Kiều tha bổng Hoạn Thư ? Việc làm ấy của Kiều hợp lí hay không hợp lí, là đúng hay đáng trách ? Lí giải cách lựa chọn của em.

Những lời cuối cùng Kiều nói với Hoạn Thư cho thấy Kiều là người như thế nào ?

5*. Qua đoạn trích, phân tích tính cách Thuý Kiều và Hoạn Thư.

Ghi nhớ

Qua ngôn ngữ đối thoại, Nguyễn Du đã làm nổi bật tính cách nhân vật Thuý Kiều và nhân vật Hoạn Thư. Đoạn trích ***Thuý Kiều báo ân báo oán*** *là sự thể hiện ước mơ công lí chính nghĩa theo quan điểm của quần chúng nhân dân : con người bị áp bức đau khổ vùng lên cầm cán cân công lí ; "ở hiền gặp lành, ở ác gặp ác".*

LUYỆN TẬP

Phân tích những biểu hiện đa dạng nhưng hợp lí, nhất quán trong tính cách của Thuý Kiều và Hoạn Thư.

VĂN BẢN

LỤC VÂN TIÊN CỨU KIỀU NGUYỆT NGA

(Trích *Truyện Lục Vân Tiên*[1])

Vân Tiên ghé lại bên đàng,
Bẻ cây làm gậy nhằm làng xông vô.
Kêu rằng : "Bớ đảng hung đồ,
Chớ quen làm thói hồ đồ[2] hại dân."
Phong Lai[3] mặt đỏ phừng phừng :
"Thằng nào dám tới lẫy lừng[4] vào đây.
Trước gây việc dữ tại mầy[5],
Truyền quân bốn phía phủ vây bịt bùng."
Vân Tiên tả đột hữu xông,[6]
Khác nào Triệu Tử phá vòng Đương Dang.[7]
Lâu la bốn phía vỡ tan,
Đều quăng gươm giáo tìm đàng chạy ngay.
Phong Lai trở chẳng kịp tay,
Bị Tiên một gậy thác rày thân vong.[8]

Dẹp rồi lũ kiến chòm ong,
Hỏi : "Ai than khóc ở trong xe nầy ?"
Thưa rằng : "Tôi thiệt người ngay,
Sa cơ nên mới lầm tay hung đồ.
Trong xe chật hẹp khôn phô,[9]
Cúi đầu trăm lạy cứu cô tôi cùng."
Vân Tiên nghe nói động lòng,
Đáp rằng : "Ta đã trừ dòng lâu la.
Khoan khoan ngồi đó chớ ra,
Nàng là phận gái, ta là phận trai.
Tiểu thơ con gái nhà ai,
Đi đâu nên nỗi mang tai bất kì ?[10]
Chẳng hay tên họ là chi ?
Khuê môn[11] phận gái việc gì đến đây ?

Trước sau chưa hãn dạ nầy,[12]
Hai nàng ai tớ ai thầy nói ra ?"
Thưa rằng : "Tôi Kiều Nguyệt Nga,
Con nầy tì tất[13] tên là Kim Liên.
Quê nhà ở quận Tây Xuyên,
Cha làm tri phủ ở miền Hà Khê.
Sai quân đem bức thơ về,
Rước tôi qua đó định bề nghi gia.
Làm con đâu dám cãi cha,
Ví dầu ngàn dặm đàng xa cũng đành.
Chẳng qua là sự bất bình,[14]
Hay vầy[15] cũng chẳng đăng trình[16] làm chi.
Lâm nguy chẳng gặp giải nguy,
Tiết trăm năm cũng bỏ đi một hồi.[17]
Trước xe quân tử[18] tạm ngồi,
Xin cho tiện thiếp lạy rồi sẽ thưa.
Chút tôi[19] liễu yếu đào thơ,[20]
Giữa đường lâm phải bụi dơ đã phần.[21]
Hà Khê qua đó cũng gần,
Xin theo cùng thiếp đền ân cho chàng.
Gặp đây đương lúc giữa đàng,
Của tiền chẳng có, bạc vàng cũng không.
Gẫm câu báo đức thù công,[22]
Lấy chi cho phỉ[23] tấm lòng cùng ngươi".
Vân Tiên nghe nói liền cười :
"Làm ơn há dễ trông người trả ơn.
Nay đà rõ đặng nguồn cơn,
Nào ai tính thiệt so hơn làm gì.
Nhớ câu kiến nghĩa bất vi,[24]
Làm người thế ấy cũng phi anh hùng".

(Nguyễn Đình Chiểu[*], *Truyện Lục Vân Tiên*,
trong *Nguyễn Đình Chiểu toàn tập*, tập I,
NXB Đại học và THCN, Hà Nội, 1980)

Chú thích

(*) Nguyễn Đình Chiểu (1822 – 1888), tục gọi là Đồ Chiểu, sinh tại quê mẹ ở làng Tân Thới, tỉnh Gia Định (nay thuộc Thành phố Hồ Chí Minh) ; quê cha ở xã Bồ Điền, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên – Huế. Ông thi đỗ tú tài năm 21 tuổi (1843), 6 năm sau (1849), ông bị mù. Không đầu hàng số phận, ông về Gia Định dạy học và bốc thuốc chữa bệnh cho dân. Khi thực dân Pháp xâm lược Nam Kì, Nguyễn Đình Chiểu tích cực tham gia phong trào kháng chiến, cùng các lãnh tụ nghĩa quân bàn bạc việc đánh giặc và sáng tác thơ văn khích lệ tinh thần chiến đấu của nhân dân. Lúc cả Nam Kì đã rơi vào tay giặc, ông về sống tại Ba Tri (Bến Tre), nêu cao tinh thần bất khuất trước kẻ thù, giữ trọn lòng trung thành với Tổ quốc, với nhân dân cho đến lúc mất.

Tượng chân dung Nguyễn Đình Chiểu đặt trong lăng Nguyễn Đình Chiểu ở Bến Tre

Nguyễn Đình Chiểu là một nhà thơ lớn của dân tộc. Ông đã để lại nhiều áng văn chương có giá trị nhằm truyền bá đạo lí làm người như *Truyện Lục Vân Tiên, Dương Từ – Hà Mậu* ; cổ vũ lòng yêu nước, ý chí cứu nước như *Chạy giặc, Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc, Thơ điếu Trương Định*... và truyện thơ dài *Ngư Tiều y thuật vấn đáp*.

(1) *Truyện Lục Vân Tiên* : truyện thơ Nôm của Nguyễn Đình Chiểu, được sáng tác khoảng đầu những năm 50 của thế kỉ XIX, lưu truyền rộng rãi dưới hình thức sinh hoạt văn hoá dân gian như "kể thơ", "nói thơ Vân Tiên", "hát Vân Tiên" ở Nam Kì và Nam Trung Kì. Ảnh hưởng của nó còn lan rộng ra toàn quốc. Truyện được in nhiều lần, bởi thế có nhiều văn bản khác nhau, có khi thêm bớt cả trăm câu thơ. Theo văn bản thường dùng hiện nay, truyện có 2082 câu thơ lục bát. Có thể tóm tắt truyện như sau :

Lục Vân Tiên quê ở quận Đông Thành, khôi ngô tuấn tú, tài kiêm văn võ. Nghe tin triều đình mở khoa thi, Vân Tiên từ giã thầy xuống núi đua tài. Trên đường về nhà thăm cha mẹ, gặp bọn cướp Phong Lai đang hoành hành, chàng đã một mình đánh tan bọn cướp, cứu được Kiều Nguyệt Nga. Cảm ân đức ấy, Nguyệt Nga đã tự nguyện gắn bó suốt đời với Vân Tiên và tự tay vẽ một bức hình chàng giữ luôn bên mình. Còn Vân Tiên tiếp tục hành trình, gặp và kết bạn với Hớn Minh, một sĩ tử khác.

Sau khi về thăm cha mẹ, Vân Tiên cùng tiểu đồng lên đường đi thi, ghé thăm Võ Công, người đã hứa gả con gái là Võ Thể Loan cho chàng. Từ đây, Vân Tiên có thêm người bạn đồng hành là Vương Tử Trực, tới kinh đô lại gặp Trịnh Hâm, Bùi Kiệm. Thấy Vân Tiên tài cao, Hâm, Kiệm sinh lòng đố kị, ghen ghét. Lúc sắp vào trường thi, Vân Tiên nhận được tin mẹ mất, liền bỏ thi trở về quê chịu tang. Dọc đường về, Vân Tiên đau mắt nặng, rồi bị mù cả hai mắt, lại bị Trịnh Hâm lừa đẩy xuống sông. Nhờ giao long dìu đỡ đưa vào bãi, Vân Tiên được gia đình ông Ngư cưu mang. Sau đó chàng lại bị cha con Võ Công hãm hại đem bỏ vào hang núi Thương Tòng. Được Du thần và ông Tiều cứu ra, Vân Tiên may mắn gặp lại Hớn Minh (vì trừng trị cậu công tử con quan ỷ thế làm càn mà Hớn Minh phải bỏ thi, sống lẩn lút trong rừng). Hớn Minh đón bạn về nương náu ở nơi am vắng. Khoa thi năm ấy Tử Trực đỗ thủ khoa, trở lại nhà họ Võ hỏi thăm tin tức Vân Tiên. Võ Công ngỏ ý muốn gả con gái, bị Tử Trực cự tuyệt và mắng thẳng vào mặt, Võ Công hổ thẹn ốm chết.

Nghe tin Lục Vân Tiên đã chết, Kiều Nguyệt Nga thề sẽ thủ tiết suốt đời. Thái sư đương triều hỏi nàng cho con trai không được, đem lòng thù oán, tâu vua bắt Nguyệt Nga đi cống giặc Ô Qua. Thuyền đi tới biên giới, nàng mang theo bức hình Vân Tiên nhảy xuống sông tự tử. Phật Bà Quan Âm đưa nàng dạt vào vườn hoa nhà họ Bùi. Bùi Công nhận nàng làm con nuôi, nhưng Bùi Kiệm lại một hai đòi lấy nàng làm vợ. Nguyệt Nga phải trốn khỏi nhà họ Bùi, vào rừng, nương nhờ một bà lão dệt vải.

Lục Vân Tiên ở với Hớn Minh, được tiên cho thuốc, mắt lại sáng, liền trở về nhà thăm cha, viếng mộ mẹ, thăm cha của Kiều Nguyệt Nga. Đến khoa thi, chàng đỗ Trạng nguyên và được nhà vua cử đi dẹp giặc Ô Qua. Hớn Minh được tiến cử làm phó tướng. Đánh tan giặc, Vân Tiên một mình lạc trong rừng, đến nhà lão bà hỏi thăm đường và gặp lại Nguyệt Nga. Chàng về triều tâu hết sự tình, kẻ gian ác bị trừng trị, người nhân nghĩa được đền đáp, Lục Vân Tiên và Kiều Nguyệt Nga sum vầy hạnh phúc.

Đoạn trích *Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga* nằm ở phần đầu của truyện.

(2) *Hồ đồ* : lơ mơ không rõ, thiếu căn cứ rõ ràng. Ở đây chỉ thói làm càn, không chính đáng.

(3) *Phong Lai* : tên của kẻ cầm đầu bọn cướp.

(4) *Lẫy lừng* : vang dội, lừng danh, khắp nơi đều biết. Ở đây dùng nghĩa cổ, có nghĩa là dữ dội, hung hăng gây sự.

(5) *Mầy* : mày (tiếng miền Nam).

(6) *Tả đột hữu xông (hữu xung)* : đánh vào bên trái, xông thẳng bên phải, ý nói thế chủ động tung hoành khi lâm trận.

(7) *Triệu Tử phá vòng Đương Dang (Đương Dương)* : Triệu Vân, tên chữ là Tử Long, một tướng trẻ có tài của Lưu Bị thời Tam quốc. Khi Lưu Bị bị quân Tào đánh đuổi, chạy đến Đương Dương (nay thuộc tỉnh Hồ Bắc, Trung Quốc), phải bỏ cả vợ con chạy về phía nam. Triệu Vân một mình phá vòng vây của Tào Tháo, bảo vệ A Đẩu, con nhỏ của Lưu Bị.

(8) *Thân vong* : ý nói chết bỏ mạng (*thân* : thân xác, *vong* : mất).

(9*) Khôn phô* : khó nói, khó mà bày tỏ được hết.

(10) *Mang tai bất kì* : bất ngờ, thình lình gặp tai nạn.

(11) *Khuê môn* : cửa phòng của người con gái. *Khuê môn phận gái* : phận đàn bà con gái ở chốn buồng the, không đi ra ngoài – theo luân lí phong kiến ngày xưa.

(12) *Chưa hãn dạ nầy* (tiếng miền Nam) : lòng này chưa tỏ, chưa biết chắc chắn (*hãn* : rõ).

(13) *Tì tất* : đầy tớ gái.

(14) *Sự bất bình* : việc không bình thường, không may xảy ra ngoài ý muốn của mình, ý nói không ngờ bị bọn cướp bắt.

(15) *Hay vầy* (tiếng miền Nam) : biết như thế này.

(16) *Đăng trình* : lên đường đi xa.

(17) Ý cả câu : cái trinh tiết, phẩm giá mà người con gái gìn giữ cả một đời bỗng chốc có thể bị phá hỏng.

(18) *Quân tử*: tiếng người phụ nữ tôn gọi người con trai có tài, có đức thời xưa.

(19) *Chút tôi* : cái tôi nhỏ bé, một cách nói khiêm tốn để chỉ mình khi xưng hô với người khác.

(20) *Liễu yếu đào thơ*: nói thể chất của người con gái mềm mại, yếu ớt.

(21) *Đã phần* : đã là phần của tôi, ý nói giữa đường gặp phải bọn cướp, lâm vào hoàn cảnh xấu.

(22) *Báo đức thù công* : báo trả ơn đức, đền đáp công lao.

(23) *Phỉ* : thoả đáng, xứng đáng, thoả lòng.

(24) *Kiến nghĩa bất vi* : thấy việc nghĩa không làm. Cả hai câu thơ ý nói thấy việc nghĩa mà bỏ qua không làm thì không phải là người anh hùng.

ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN

1. Kiểu kết cấu truyền thống nào đã được sử dụng trong *Truyện Lục Vân Tiên* ? Đối với loại văn chương nhằm tuyên truyền đạo đức thì kiểu kết cấu đó có ý nghĩa gì ?

2. Đọc đoạn trích, em cảm nhận Lục Vân Tiên là một con người như thế nào ? Hãy phân tích những phẩm chất của nhân vật qua hành động đánh cướp và qua cách cư xử với Kiều Nguyệt Nga.

3. Với tư cách là người chịu ơn, Kiều Nguyệt Nga trong đoạn trích này đã bộc lộ những nét đẹp tâm hồn như thế nào ? Hãy phân tích điều đó qua ngôn ngữ, cử chỉ của nàng.

4. Theo em, nhân vật trong đoạn trích này được miêu tả chủ yếu qua ngoại hình, nội tâm hay hành động, cử chỉ ? Điều đó cho thấy *Truyện Lục Vân Tiên* gần với loại truyện nào mà em đã học ?

5. Em có nhận xét gì về ngôn ngữ của tác giả trong đoạn thơ trích ?

Ghi nhớ

Truyện Lục Vân Tiên *là một trong những tác phẩm xuất sắc của Nguyễn Đình Chiểu, được lưu truyền rộng rãi trong nhân dân. Đoạn trích* ***Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga*** *thể hiện khát vọng hành đạo giúp đời của tác giả và khắc hoạ những phẩm chất đẹp đẽ của hai nhân vật : Lục Vân Tiên tài ba, dũng cảm, trọng nghĩa khinh tài ; Kiều Nguyệt Nga hiền hậu, nết na, ân tình.*

LUYỆN TẬP

Hãy phân biệt sắc thái riêng từng lời thoại của mỗi nhân vật trong đoạn trích (Phong Lai, Vân Tiên, Nguyệt Nga), đọc diễn cảm đoạn thơ.

ĐỌC THÊM

KIỀU NGUYỆT NGA ĐI CỐNG GIẶC Ô QUA[a]

(Trích *Truyện Lục Vân Tiên*)

Mười ngày đã tới ải Đồng[b],
Minh mông[c] biển rộng đùng đùng sóng xao.
Đêm nay chẳng biết đêm nào,
Bóng trăng vằng vặc bóng sao mờ mờ.
Trên trời lặng lẽ như tờ,
Nguyệt Nga nhớ nỗi tóc tơ [d] chẳng tròn.
Than rằng : "Nọ nước kìa non,
Cảnh thời thấy đó, người còn về đâu ?"
Quân hầu đều đã ngủ lâu,
Lén ra mở bức rèm châu[e] một mình :
"Vắng người có bóng trăng thanh,
Trăm năm xin gởi chút tình lại đây.
Vân Tiên anh hỡi có hay ?
Thiếp nguyền một tấm lòng ngay với chàng".
Than rồi lấy tượng vai mang,
Nhắm dòng nước chảy vội vàng nhảy ngay.

(Nguyễn Đình Chiểu, *Truyện Lục Vân Tiên*,
trong *Nguyễn Đình Chiểu toàn tập*, Sđd.
Tên đoạn trích do NBS đặt)

(a) *Ô Qua* : theo sách cổ, ở miền Châu Đốc, Hà Tiên (Nam Bộ) trước kia thường có giặc Qua-oa ở ngoài biển vào cướp phá. Quân Miến Điện xưa, còn gọi là Ô Đỗ, cũng hay quấy phá miền Hà Tiên, Châu Đốc. Có thể Nguyễn Đình Chiểu đặt tên giặc Ô Qua là liên hệ tới những danh từ riêng này.

(b) *Ải Đồng* : cửa ải Đồng Quan.

(c) *Minh mông* : mênh mông (phát âm theo tiếng miền Nam).

(d) *Tóc tơ* : kết tóc xe tơ, tức là nói tình nghĩa vợ chồng.

(e) *Rèm châu* : bức rèm có kết hạt ngọc, chỉ chung loại rèm quý.

MIÊU TẢ NỘI TÂM TRONG VĂN BẢN TỰ SỰ

I – TÌM HIỂU YẾU TỐ MIÊU TẢ NỘI TÂM TRONG VĂN BẢN TỰ SỰ

1. Đọc lại đoạn trích *Kiều ở lầu Ngưng Bích*, tr. 93–94 và thực hiện các yêu cầu sau :

a) Tìm những câu thơ tả cảnh và những câu thơ miêu tả tâm trạng của Thuý Kiều.

b) Những câu thơ tả cảnh có mối quan hệ như thế nào với việc thể hiện nội tâm nhân vật ?

c) Miêu tả nội tâm có tác dụng như thế nào đối với việc khắc hoạ nhân vật trong văn bản tự sự ?

2. Đọc đoạn văn sau và nhận xét cách miêu tả nội tâm nhân vật của tác giả.

Mặt lão đột nhiên co rúm lại. Những vết nhăn xô lại với nhau, ép cho nước mắt chảy ra. Cái đầu lão ngoẹo về một bên và cái miệng móm mém của lão mếu như con nít.

(Nam Cao, *Lão Hạc*)

Ghi nhớ

• *Miêu tả nội tâm trong văn bản tự sự là tái hiện những ý nghĩ, cảm xúc và diễn biến tâm trạng của nhân vật. Đó là biện pháp quan trọng để xây dựng nhân vật, làm cho nhân vật sinh động.*

• *Người ta có thể miêu tả nội tâm trực tiếp bằng cách diễn tả những ý nghĩ, cảm xúc, tình cảm của nhân vật ; cũng có thể miêu tả nội tâm gián tiếp bằng cách miêu tả cảnh vật, nét mặt, cử chỉ, trang phục,... của nhân vật.*

II – LUYỆN TẬP

1. Thuật lại đoạn trích *Mã Giám Sinh mua Kiều*, tr. 97–98 bằng văn xuôi, chú ý miêu tả nội tâm của nàng Kiều.

2. Hãy đóng vai nàng Kiều viết đoạn văn kể lại việc báo ân báo oán, trong đó bộc lộ trực tiếp tâm trạng của Kiều lúc gặp lại Hoạn Thư.

3. Ghi lại tâm trạng của em sau khi để xảy ra một chuyện có lỗi đối với bạn.

BÀI 9

Kết quả cần đạt

• *Qua đoạn trích* ***Lục Vân Tiên gặp nạn****, hiểu được sự đối lập thiện – ác và niềm tin của tác giả vào những điều tốt đẹp ở đời. Tìm hiểu, đánh giá nghệ thuật kết cấu và nghệ thuật ngôn từ của đoạn thơ này.*

Biết được một vài tác giả đang sống và sáng tác văn học ở địa phương ; sưu tầm và chép lại một số tác phẩm hay viết về địa phương được sáng tác trong những năm gần đây. Bước đầu có thái độ quý trọng và tự hào đối với văn học địa phương.

• *Củng cố kiến thức về từ vựng đã học từ lớp 6 đến lớp 9 : từ đơn và từ phức ; thành ngữ ; nghĩa của từ ; từ nhiều nghĩa và hiện tượng chuyển nghĩa của từ ; từ đồng âm ; từ đồng nghĩa ; từ trái nghĩa ; cấp độ khái quát của nghĩa từ ngữ ; trường từ vựng.*

• *Thông qua giờ trả bài, củng cố kĩ năng làm bài văn tự sự kết hợp với yếu tố miêu tả ; nhận ra được những ưu điểm, khuyết điểm trong bài làm, biết sửa lỗi về diễn đạt và chính tả.*

VĂN BẢN

LỤC VÂN TIÊN GẶP NẠN

(Trích *Truyện Lục Vân Tiên*)

Đêm khuya lặng lẽ như tờ,
Nghinh ngang[1] sao mọc mịt mờ sương bay.
Trịnh Hâm khi ấy ra tay,
Vân Tiên bị gã xô ngay xuống vời[2].
Trịnh Hâm giả tiếng kêu trời,
Cho người thức dậy lấy lời phui pha[3].
Trong thuyền ai nấy kêu la,
Đều thương họ Lục xót xa tấm lòng.

Vân Tiên mình luỵ[4] giữa dòng,
Giao long[5] dìu đỡ vào trong bãi rày.
Vừa may trời đã sáng ngày,
Ông chài xem thấy vớt ngay lên bờ.
Hối con vầy lửa[6] một giờ,
Ông hơ bụng dạ, mụ hơ mặt mày.
Vân Tiên vừa ấm chơn tay,
Ngẩn ngơ hồn phách như say mới rồi.
Ngỡ thân mình phải nước trôi,
Hay đâu còn hãy đặng ngồi dương gian.
Ngư ông khi ấy hỏi han,
Vân Tiên thưa hết mọi đàng gần xa.
Ngư rằng : "Người ở cùng ta,
Hôm mai hẩm hút[7] với già cho vui".
Tiên rằng : "Ông lấy chi nuôi,
Thân tôi như thể trái mùi[8] trên cây.
Nay đà trôi nổi đến đây,
Không chi báo đáp mình nầy trơ trơ".
Ngư rằng : "Lòng lão chẳng mơ,
Dốc lòng nhơn nghĩa há chờ trả ơn ?
Nước trong rửa ruột sạch trơn,
Một câu danh lợi chi sờn lòng đây.
Rày doi mai vịnh vui vầy,
Ngày kia hứng gió đêm nầy chơi trăng.
Một mình thong thả làm ăn,
Khoẻ quơ chài kéo ; mệt quăng câu dầm.
Nghêu ngao nay chích[9] mai đầm,
Một bầu trời đất vui thầm ai hay.
Kinh luân[10] đã sẵn trong tay,
Thung dung dưới thế vui say trong trời.
Thuyền nan một chiếc ở đời,
Tắm mưa chải gió[11] trong vời Hàn Giang".

(Nguyễn Đình Chiểu, *Truyện Lục Vân Tiên*,
theo *Nguyễn Đình Chiểu toàn tập*, Sđd)

Chú thích

Vị trí đoạn trích : Đoạn này nằm ở phần thứ hai của truyện. Vân Tiên và tiểu đồng đang bơ vơ nơi đất khách quê người thì gặp Trịnh Hâm đi thi trở về. Vốn đã có lòng đố kị, ganh ghét tài năng của Vân Tiên, Trịnh Hâm lợi dụng cơ hội để hãm hại chàng. Hắn lừa tiểu đồng vào rừng trói lại rồi giả bộ đưa Vân Tiên xuống thuyền, hứa sẽ dẫn về quê nhà. Đợi đến đêm khuya vắng vẻ, hắn mới thực hiện hành động tội ác của mình.

(1) *Nghinh ngang* : nghênh ngang. Do cách phát âm của người Nam Bộ, trong đoạn thơ này có nhiều từ như thế, chẳng hạn : *phui pha* (phôi pha), *chơn tay* (chân tay), *đàng* (đường), *nầy* (này), *nhơn nghĩa* (nhân nghĩa),...

(2) *Vời* : khoảng nước rộng ngoài xa trên mặt sông hay mặt biển.

(3) *Phui pha* (phôi pha) : phai nhạt đi, mất vẻ tươi thắm, đẹp đẽ. Dùng từ *phui pha* ý tác giả muốn nói Trịnh Hâm kiếm lời nói lấp liếm, làm cho nhẹ chuyện đi, khiến không ai để ý mà truy cứu nữa.

(4) *Luỵ* : chịu lấy hậu quả việc làm của người khác, ở đây ý nói bị hại.

(5) *Giao long* : con rồng nước, hay gây sóng dữ. Ở vùng sông Cửu Long, cá sấu cũng gọi là giao long. Để cho giao long cứu Vân Tiên, ý tác giả muốn nói : Vân Tiên là người hiền đức mà bị hãm hại, ngay đến giao long là loài hung dữ cũng phải cảm thương mà giúp đỡ.

(6) *Vầy lửa* : đốt lửa, nhóm lửa.

(7) *Hẩm hút* (từ cổ) : chỉ những thức ăn đạm bạc của người nghèo (*hẩm* : hư hỏng, biến chất, biến màu ; *hút* : chỉ gạo không trắng). Ở đây ông Ngư ngỏ ý mời Vân Tiên ở lại nhà mình, cùng chia sẻ rau, cháo...

(8) *Trái mùi* : trái cây quá chín, đã nẫu, ý nói trái cây chín nẫu tất phải rụng, mình bệnh tật nhiều, không biết chết khi nào, sẽ phụ công ơn ông Ngư.

(9) *Chích* : cái hồ, cái đầm.

(10) *Kinh luân* : khi làm tơ, kéo từng mối chia ra gọi là *kinh*, so các sợi mà hợp lại gọi là *luân*, nghĩa bóng chỉ tài sửa sang, sắp đặt, tổ chức, cai trị nước. Ý ông Ngư muốn nói : ông cũng là người có tài kinh luân, nhưng muốn sống ẩn dật với nghề chài lưới, và trong nghề chài lưới ông cũng chẳng thua kém gì những người có tài trị nước.

(11) *Tắm mưa chải gió* : tắm mình bằng mưa, chải đầu bằng gió, ý nói nghề chài lưới quen xông pha mưa gió, sống tự do giữa thiên nhiên.

ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN

1. Tìm chủ đề của đoạn trích.

2. Hãy phân tích tâm địa độc ác của Trịnh Hâm qua hành động hãm hại bạn mình là Lục Vân Tiên. Em có nhận xét gì về giá trị nghệ thuật của đoạn thơ tự sự này ?

3. Đối lập với cái *ác*, cái *thiện* được biểu hiện như thế nào qua đoạn trích ?

(Gợi ý phân tích :

– Cảnh ông Ngư và gia đình cứu vớt Vân Tiên.

– Lời nói của ông Ngư với chàng.

– Cuộc sống lao động của ông Ngư.)

Đoạn thơ nói lên thái độ, tình cảm của tác giả đối với nhân dân lao động như thế nào ?

4. Hãy chọn những câu mà em cho là hay nhất trong đoạn thơ rồi trình bày những cảm nhận của em về cảm xúc của tác giả và ngôn ngữ miêu tả, biểu cảm trong những câu thơ ấy.

Ghi nhớ

Đoạn trích ***Lục Vân Tiên gặp nạn*** *nói lên sự đối lập giữa thiện và ác, giữa nhân cách cao cả và những toan tính thấp hèn, đồng thời thể hiện thái độ quý trọng và niềm tin của tác giả đối với nhân dân lao động. Đây cũng là đoạn thơ giàu cảm xúc, khoáng đạt, ngôn ngữ bình dị, dân dã.*

LUYỆN TẬP

Trong *Truyện Lục Vân Tiên* còn có những nhân vật nào có thể xếp vào cùng một loại với ông Ngư ở đoạn trích này ? Họ có những đặc điểm chung gì ? Tác giả muốn gửi gắm ý tưởng nào thông qua các nhân vật đó ?

CHƯƠNG TRÌNH ĐỊA PHƯƠNG (phần Văn)

I – CHUẨN BỊ Ở NHÀ

1. Tìm đọc các sách, báo, tạp chí văn nghệ địa phương để nắm được những tác giả người địa phương và những tác phẩm viết về địa phương (tỉnh, thành phố quê em hay nơi em đang sinh sống).

2. Bổ sung vào bảng thống kê tác giả văn học địa phương mà em đã lập ở lớp 8 (bài 14) những tác giả có sáng tác được công bố từ năm 1975 đến nay. Bảng thống kê gồm các mục : số thứ tự, họ tên, bút danh, những tác phẩm chính.

3. Sưu tầm một số tác phẩm hay (thuộc bất kì thể loại nào) viết về địa phương mình (kể cả tác phẩm của những tác giả không phải là người ở địa phương).

4. Viết một bài văn ngắn giới thiệu và nêu cảm nghĩ của em về một trong những tác phẩm viết về địa phương mà em sưu tầm được, hoặc viết một bài văn hay một bài thơ về địa phương mình.

II – HOẠT ĐỘNG TRÊN LỚP

1. Tổ trưởng từng tổ tập hợp bảng thống kê các tác giả văn học địa phương của các bạn trong tổ mình và công bố trước lớp. Mỗi học sinh tự bổ sung vào bảng thống kê của mình tên những tác giả, tác phẩm còn thiếu.

2. Mỗi tổ chọn đọc trước lớp một bài viết tốt nhất của một học sinh.

TỔNG KẾT VỀ TỪ VỰNG

I – TỪ ĐƠN VÀ TỪ PHỨC

1. Ôn lại khái niệm từ đơn, từ phức. Phân biệt các loại từ phức.

2. Trong những từ sau, từ nào là từ ghép, từ nào là từ láy ?

ngặt nghèo, nho nhỏ, giam giữ, gật gù, bó buộc, tươi tốt, lạnh lùng, bọt bèo, xa xôi, cỏ cây, đưa đón, nhường nhịn, rơi rụng, mong muốn, lấp lánh.

3. Trong các từ láy sau đây, từ láy nào có sự "giảm nghĩa" và từ láy nào có sự "tăng nghĩa" so với nghĩa của yếu tố gốc ?

trăng trắng, sạch sành sanh, đèm đẹp, sát sàn sạt, nho nhỏ, lành lạnh, nhấp nhô, xôm xốp.

II – THÀNH NGỮ

1. Ôn lại khái niệm thành ngữ.

2. Trong những tổ hợp từ sau đây, tổ hợp nào là thành ngữ, tổ hợp nào là tục ngữ ?

a) *gần mực thì đen, gần đèn thì sáng*

b) *đánh trống bỏ dùi*

c) *chó treo mèo đậy*

d) *được voi đòi tiên*

e) *nước mắt cá sấu*

Giải thích nghĩa của mỗi thành ngữ, tục ngữ đó.

3. Tìm hai thành ngữ có yếu tố chỉ động vật và hai thành ngữ có yếu tố chỉ thực vật. Giải thích ý nghĩa và đặt câu với mỗi thành ngữ tìm được.

4. Tìm hai dẫn chứng về việc sử dụng thành ngữ trong văn chương.

III – NGHĨA CỦA TỪ

1. Ôn lại khái niệm nghĩa của từ.

2. Chọn cách hiểu đúng trong những cách hiểu sau :

a) Nghĩa của từ *mẹ* là "người phụ nữ, có con, nói trong quan hệ với con".

b) Nghĩa của từ *mẹ* khác với nghĩa của từ *bố* ở phần nghĩa "người phụ nữ, có con".

c) Nghĩa của từ *mẹ* không thay đổi trong hai câu : *Mẹ em rất hiền* và *Thất bại là mẹ thành công*.

d) Nghĩa của từ *mẹ* không có phần nào chung với nghĩa của từ *bà*.

3. Cách giải thích nào trong hai cách giải thích sau là đúng ? Vì sao ?

Độ lượng là :

a) đức tính rộng lượng, dễ thông cảm với người có sai lầm và dễ tha thứ.

b) rộng lượng, dễ thông cảm với người có sai lầm và dễ tha thứ.

IV – TỪ NHIỀU NGHĨA VÀ HIỆN TƯỢNG CHUYỂN NGHĨA CỦA TỪ

1. Ôn lại khái niệm từ nhiều nghĩa và hiện tượng chuyển nghĩa của từ.

2. Trong hai câu thơ sau, từ *hoa* trong *thềm hoa*, *lệ hoa* được dùng theo nghĩa gốc hay nghĩa chuyển ? Có thể coi đây là hiện tượng chuyển nghĩa làm xuất hiện từ nhiều nghĩa được không ? Vì sao ?

Nỗi mình thêm tức nỗi nhà,
Thềm hoa một bước lệ hoa mấy hàng !

(Nguyễn Du, *Truyện Kiều*)

V – TỪ ĐỒNG ÂM

1. Ôn lại khái niệm từ đồng âm. Phân biệt hiện tượng từ nhiều nghĩa với hiện tượng từ đồng âm.

2. Trong hai trường hợp (a) và (b) sau đây, trường hợp nào có hiện tượng từ nhiều nghĩa, trường hợp nào có hiện tượng từ đồng âm ? Vì sao ?

a) Từ *lá*, trong :

*Khi chiếc **lá** xa cành*
***Lá** không còn màu xanh*
Mà sao em xa anh
Đời vẫn xanh rời rợi.

(Hồ Ngọc Sơn, *Gửi em dưới quê làng*)

và trong : *Công viên là **lá** phổi của thành phố.*

b) Từ *đường*, trong :

***Đường** ra trận mùa này đẹp lắm.*

(Phạm Tiến Duật, *Trường Sơn Đông, Trường Sơn Tây*)

và trong : *Ngọt như **đường**.*

VI – TỪ ĐỒNG NGHĨA

1. Ôn lại khái niệm từ đồng nghĩa.

2. Chọn cách hiểu đúng trong những cách hiểu sau :

a) *Đồng nghĩa là hiện tượng chỉ có trong một số ngôn ngữ trên thế giới.*

b) *Đồng nghĩa bao giờ cũng là quan hệ nghĩa giữa hai từ, không có quan hệ đồng nghĩa giữa ba hoặc hơn ba từ.*

c) *Các từ đồng nghĩa với nhau bao giờ cũng có nghĩa hoàn toàn giống nhau.*

d) *Các từ đồng nghĩa với nhau có thể không thay thế nhau được trong nhiều trường hợp sử dụng.*

3. Đọc câu sau :

Khi người ta đã ngoài 70 ***xuân*** *thì tuổi tác càng cao, sức khoẻ càng thấp.*

(Hồ Chí Minh, *Di chúc*)

Cho biết dựa trên cơ sở nào, từ *xuân* có thể thay thế cho từ *tuổi*. Việc thay từ trong câu trên có tác dụng diễn đạt như thế nào ?

VII – TỪ TRÁI NGHĨA

1. Ôn lại khái niệm từ trái nghĩa.

2. Cho biết trong các cặp từ sau đây, cặp từ nào có quan hệ trái nghĩa : *ông – bà, xấu – đẹp, xa – gần, voi – chuột, thông minh – lười, chó – mèo, rộng – hẹp, giàu – khổ.*

3*. Cho những cặp từ trái nghĩa sau : *sống – chết, yêu – ghét, chẵn – lẻ, cao – thấp, chiến tranh – hoà bình, già – trẻ, nông – sâu, giàu – nghèo.*

Có thể xếp những cặp từ trái nghĩa này thành hai nhóm : nhóm 1 như *sống – chết* (không sống có nghĩa là đã chết, không chết có nghĩa là còn sống), nhóm 2 như *già – trẻ* (không già không có nghĩa là trẻ, không trẻ không có nghĩa là già). Hãy cho biết mỗi cặp từ trái nghĩa còn lại thuộc nhóm nào.

VIII – CẤP ĐỘ KHÁI QUÁT CỦA NGHĨA TỪ NGỮ

1. Ôn lại khái niệm cấp độ khái quát của nghĩa từ ngữ.

2. Vận dụng kiến thức về các kiểu cấu tạo từ tiếng Việt đã học ở lớp 6 và lớp 7 để điền từ ngữ thích hợp vào các ô trống trong sơ đồ sau. Giải thích nghĩa của những từ ngữ đó theo cách dùng từ ngữ nghĩa rộng để giải thích nghĩa của từ ngữ nghĩa hẹp. Chẳng hạn : *từ đơn* là *từ* có một tiếng. (Để giải thích nghĩa của *từ đơn* phải dùng một cụm từ trong đó có *từ* là từ có nghĩa rộng so với *từ đơn*.)

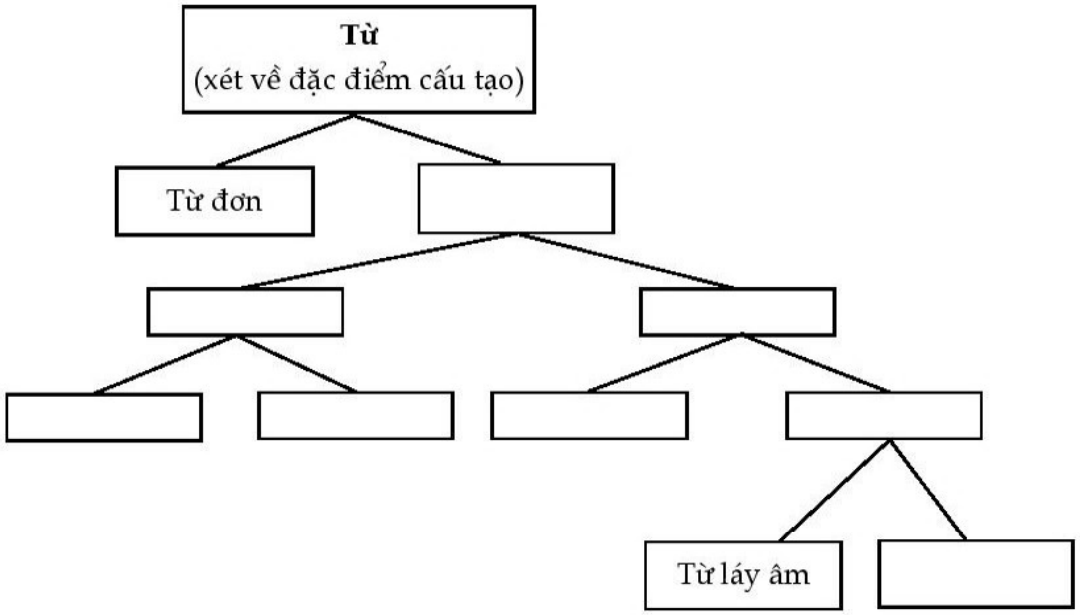

IX – TRƯỜNG TỪ VỰNG

1. Ôn lại khái niệm trường từ vựng.

2. Vận dụng kiến thức về trường từ vựng để phân tích sự độc đáo trong cách dùng từ ở đoạn trích sau :

Chúng lập ra nhà tù nhiều hơn trường học. Chúng thẳng tay chém giết những người yêu nước thương nòi của ta. Chúng tắm các cuộc khởi nghĩa của ta trong những bể máu.

(Hồ Chí Minh, *Tuyên ngôn Độc lập*)

TRẢ BÀI TẬP LÀM VĂN SỐ 2

Bài tập làm văn số 2 tập trung kiểm tra kiến thức và kĩ năng viết bài văn tự sự, trong đó người viết phải biết kết hợp kể chuyện với miêu tả cảnh vật, con người (hình dáng, hành động, nội tâm,...). Sau khi được trả bài, các em đọc lại bài viết của mình một cách cẩn thận và xem xét một số điểm sau :

1. Em đã kể về chuyện gì (sự việc gì) ?

2. Bài viết của em có đủ các phần Mở bài, Thân bài và Kết bài không ? Mỗi phần em nêu những gì, có trùng lặp nhau không ?

3. Trong bài viết của mình, em đã kết hợp kể chuyện với miêu tả như thế nào ? Sự miêu tả ấy đã làm cho câu chuyện sinh động và phong phú hơn ra sao ?

BÀI 10

Kết quả cần đạt

- *Cảm nhận được vẻ đẹp chân thực, giản dị của anh bộ đội thời kháng chiến chống Pháp và tình đồng chí, đồng đội của họ được thể hiện trong bài thơ* ***Đồng chí****. Nắm được đặc sắc nghệ thuật của bài thơ : chi tiết và hình ảnh tự nhiên, bình dị mà cô đọng, giàu sức biểu cảm.*

Cảm nhận được vẻ đẹp hiên ngang, dũng cảm của người lính lái xe Trường Sơn thời chống Mĩ và sự độc đáo của hình ảnh, ngôn ngữ, giọng điệu trong ***Bài thơ về tiểu đội xe không kính.***

Qua ôn tập, kiểm tra, nắm được những kiến thức cơ bản về truyện trung đại (thể loại chủ yếu, tác phẩm tiêu biểu, giá trị nội dung, thành tựu nghệ thuật) và thể hiện được năng lực diễn đạt cần có.

- *Củng cố kiến thức về từ vựng đã học từ lớp 6 đến lớp 9 : sự phát triển của từ vựng, từ mượn, từ Hán Việt, thuật ngữ, biệt ngữ xã hội, trau dồi vốn từ.*
- *Hiểu được vai trò của yếu tố nghị luận trong văn bản tự sự.*

VĂN BẢN

ĐỒNG CHÍ[1]

Quê hương anh nước mặn, đồng chua[2]
Làng tôi nghèo đất cày lên sỏi đá.
Anh với tôi đôi người xa lạ
Tự phương trời chẳng hẹn quen nhau,
Súng bên súng, đầu sát bên đầu,
Đêm rét chung chăn thành đôi tri kỉ [3].
Đồng chí !
Ruộng nương anh gửi bạn thân cày
Gian nhà không, mặc kệ gió lung lay
Giếng nước gốc đa nhớ người ra lính.

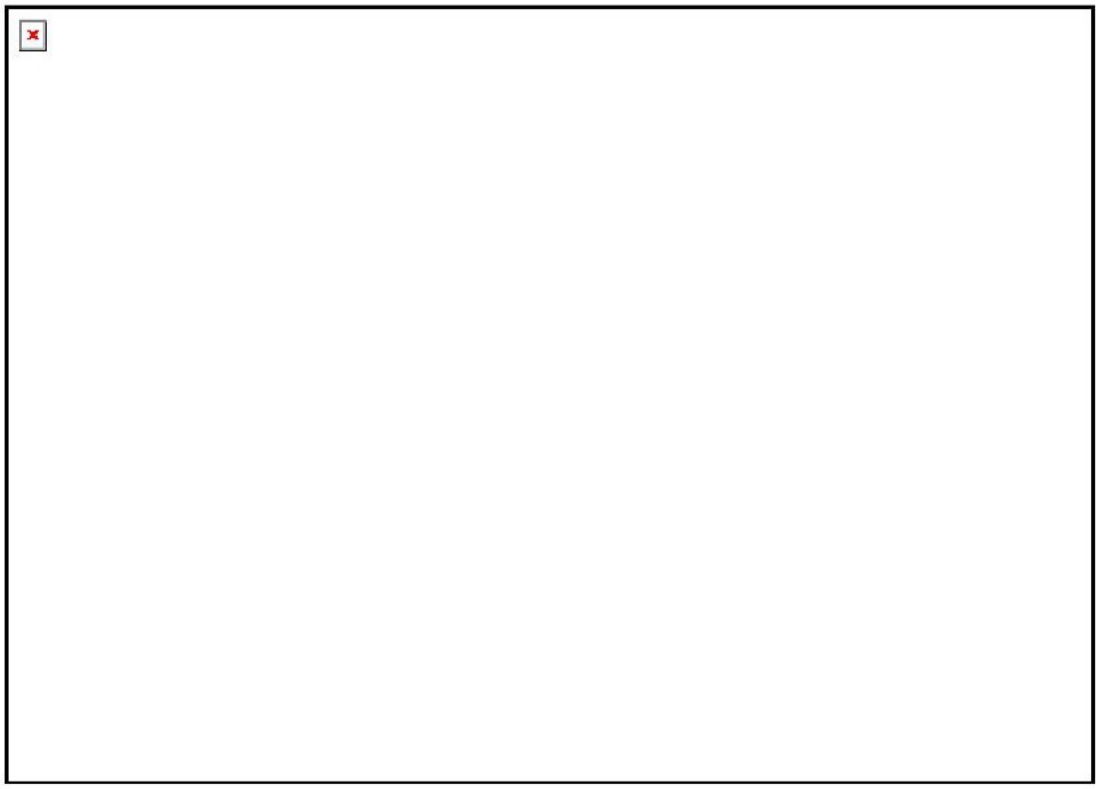

Anh với tôi biết từng cơn ớn lạnh
Sốt run người vừng trán ướt mồ hôi.
Áo anh rách vai
Quần tôi có vài mảnh vá
Miệng cười buốt giá
Chân không giày
Thương nhau tay nắm lấy bàn tay.

Đêm nay rừng hoang sương muối[4]
Đứng cạnh bên nhau chờ giặc tới
Đầu súng trăng treo.

1948

(Chính Hữu[1], *Đầu súng trăng treo,*
NXB Văn học, Hà Nội, 1972)

Chú thích

([1]) Chính Hữu (1926 – 2007), tên khai sinh là Trần Đình Đắc, quê ở huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh. Năm 1946, ông gia nhập Trung đoàn Thủ đô và hoạt động trong quân đội suốt hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mĩ. Chính Hữu làm thơ từ năm 1947 và hầu như chỉ viết về người lính và chiến tranh. Tập thơ *Đầu súng trăng treo* (1966) là tác phẩm chính của ông. Thơ ông không nhiều nhưng có những bài đặc sắc, cảm xúc dồn nén, ngôn ngữ và hình ảnh chọn lọc, hàm súc. Năm 2000, Chính Hữu được Nhà nước tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật.

Bài thơ *Đồng chí* được sáng tác vào đầu năm 1948, sau khi tác giả đã cùng đồng đội tham gia chiến đấu trong chiến dịch Việt Bắc (thu đông 1947) đánh bại cuộc tiến công quy mô lớn của giặc Pháp lên chiến khu Việt Bắc. Bài thơ *Đồng chí* là một trong những tác phẩm tiêu biểu nhất viết về người lính cách mạng của văn học thời kháng chiến chống Pháp (1946 – 1954).

(1) *Đồng chí* : người có cùng chí hướng, lí tưởng. Người cùng ở trong một đoàn thể chính trị hay một tổ chức cách mạng thường gọi nhau là "đồng chí". Từ

sau Cách mạng tháng Tám 1945, "đồng chí" thành từ xưng hô quen thuộc trong các cơ quan, đoàn thể, đơn vị bộ đội.

(2) *Nước mặn đồng chua* : vùng đất nhiễm mặn ở ven biển và vùng đất phèn có độ chua cao, là những vùng đất xấu khó trồng trọt.

(3) *Tri kỉ* : biết mình ; *đôi tri kỉ* : đôi bạn thân thiết (hiểu bạn như hiểu mình).

(4) *Sương muối* : sương giá đọng thành những hạt nhỏ trắng xoá như muối trên cây cỏ hay mặt đất. Ở miền Bắc nước ta về mùa đông, những ngày có sương muối trời rất rét.

ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN

1. Dòng thứ bảy của bài thơ có gì đặc biệt ? Mạch cảm xúc và suy nghĩ trong bài thơ được triển khai như thế nào trước và sau dòng thơ đó ?

2. Sáu dòng đầu bài thơ đã nói về cơ sở hình thành tình đồng chí của những người lính cách mạng. Cơ sở ấy là gì ?

3. Hãy tìm trong bài thơ những chi tiết, hình ảnh biểu hiện tình đồng chí, đồng đội làm nên sức mạnh tinh thần của những người lính cách mạng. Phân tích ý nghĩa, giá trị của những chi tiết, hình ảnh đó.

4. *Đêm nay rừng hoang sương muối*
Đứng cạnh bên nhau chờ giặc tới
Đầu súng trăng treo.

Những câu thơ trên gợi cho em suy nghĩ gì về người lính và cuộc chiến đấu ? Hãy phân tích vẻ đẹp và ý nghĩa của hình ảnh trong những câu thơ ấy.

5. Theo em, vì sao tác giả lại đặt tên cho bài thơ về tình đồng đội của những người lính là *Đồng chí* ?

6. Qua bài thơ này, em có cảm nhận gì về hình ảnh anh bộ đội thời kháng chiến chống Pháp ?

Ghi nhớ

• *Tình đồng chí của những người lính dựa trên cơ sở cùng chung cảnh ngộ và lí tưởng chiến đấu được thể hiện thật tự nhiên, bình dị mà sâu sắc trong mọi hoàn cảnh, nó góp phần quan trọng tạo nên sức mạnh và vẻ đẹp tinh thần của người lính cách mạng.*

• *Bài thơ* ***Đồng chí*** *của Chính Hữu thể hiện hình tượng người lính cách mạng và sự gắn bó keo sơn của họ qua những chi tiết, hình ảnh, ngôn ngữ giản dị, chân thực, cô đọng, giàu sức biểu cảm.*

LUYỆN TẬP

1. Học thuộc lòng bài thơ.

2. Viết một đoạn văn trình bày cảm nhận của em về đoạn cuối bài thơ *Đồng chí* ("Đêm nay... trăng treo").

VĂN BẢN

BÀI THƠ VỀ TIỂU ĐỘI XE KHÔNG KÍNH

Không có kính không phải vì xe không có kính
Bom giật bom rung kính vỡ đi rồi
Ung dung buồng lái ta ngồi,
Nhìn đất, nhìn trời, nhìn thẳng.

Nhìn thấy gió vào xoa mắt đắng
Nhìn thấy con đường chạy thẳng vào tim
Thấy sao trời và đột ngột cánh chim
Như sa như ùa vào buồng lái.

Không có kính, ừ thì có bụi,
Bụi phun tóc trắng như người già
Chưa cần rửa, phì phèo châm điếu thuốc
Nhìn nhau mặt lấm cười ha ha.

Không có kính, ừ thì ướt áo
Mưa tuôn mưa xối như ngoài trời
Chưa cần thay, lái trăm cây số nữa
Mưa ngừng, gió lùa khô mau thôi.

Những chiếc xe từ trong bom rơi
Đã về đây họp thành tiểu đội
Gặp bè bạn suốt dọc đường đi tới
Bắt tay qua cửa kính vỡ rồi.

Bếp Hoàng Cầm[1] ta dựng giữa trời
Chung bát đũa nghĩa là gia đình đấy
Võng mắc chông chênh đường xe chạy
Lại đi, lại đi trời xanh thêm.

Không có kính, rồi xe không có đèn,
Không có mui xe, thùng xe có xước,
Xe vẫn chạy vì miền Nam phía trước :
Chỉ cần trong xe có một trái tim.

1969

(Phạm Tiến Duật[★], *Vầng trăng quầng lửa*,
NXB Văn học, Hà Nội, 1970)

Chú thích

(★) Phạm Tiến Duật (1941 – 2007), quê ở huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ. Sau khi tốt nghiệp Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, năm 1964, Phạm Tiến Duật gia nhập quân đội, hoạt động trên tuyến đường Trường Sơn và trở thành một trong những gương mặt tiêu biểu của thế hệ các nhà thơ trẻ thời chống Mĩ cứu nước. Thơ Phạm Tiến Duật tập trung thể hiện hình ảnh thế hệ trẻ trong cuộc kháng chiến chống Mĩ qua các hình tượng người lính và cô thanh niên xung phong trên tuyến đường Trường Sơn. Thơ ông có giọng điệu sôi nổi, trẻ trung, hồn nhiên, tinh nghịch mà sâu sắc. Năm 2012, ông được Nhà nước tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật.

Bài thơ về tiểu đội xe không kính nằm trong chùm thơ Phạm Tiến Duật được tặng giải Nhất cuộc thi thơ của báo *Văn nghệ* năm 1969 và được đưa vào tập thơ *Vầng trăng quầng lửa* của tác giả.

(1) *Bếp Hoàng Cầm* : kiểu bếp dã chiến của bộ đội ta đặt dưới lòng đất, khi đun khói tản ra để địch không phát hiện được. Bếp này mang tên người sáng tạo ra nó trong thời kháng chiến chống Pháp : Anh hùng nuôi quân Hoàng Cầm.

ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN

1. Nhan đề bài thơ có gì khác lạ ? Một hình ảnh nổi bật trong bài thơ là những chiếc xe không kính. Vì sao có thể nói hình ảnh ấy là độc đáo ?

2. Những chiếc xe không kính đã làm nổi bật hình ảnh người lái xe trên tuyến đường Trường Sơn. Em hãy phân tích hình ảnh người lính lái xe trong bài thơ (*chú ý :* tư thế hiên ngang, tinh thần dũng cảm bất chấp khó khăn nguy hiểm, niềm vui sôi nổi của tuổi trẻ trong tình đồng đội, ý chí chiến đấu vì miền Nam).

3. Em có nhận xét gì về ngôn ngữ, giọng điệu của bài thơ này ? Những yếu tố đó đã góp phần như thế nào trong việc khắc hoạ hình ảnh những người lính lái xe ở Trường Sơn ?

4. Cảm nghĩ của em về thế hệ trẻ thời kháng chiến chống Mĩ qua hình ảnh người lính trong bài thơ ? So sánh hình ảnh người lính ở bài thơ này và ở bài *Đồng chí*.

Ghi nhớ

• *Qua hình ảnh độc đáo : những chiếc xe không kính, bài thơ khắc hoạ nổi bật hình ảnh người lính lái xe ở Trường Sơn trong thời chống Mĩ, với tư thế hiên ngang, tinh thần lạc quan, dũng cảm, bất chấp khó khăn nguy hiểm và ý chí chiến đấu giải phóng miền Nam.*

• *Tác giả đã đưa vào bài thơ chất liệu hiện thực sinh động của cuộc sống ở chiến trường, ngôn ngữ và giọng điệu giàu tính khẩu ngữ, tự nhiên, khoẻ khoắn.*

LUYỆN TẬP

1. Học thuộc lòng bài thơ.

2. Những cảm giác, ấn tượng của người lái xe trong chiếc xe không kính trên đường ra trận đã được tác giả diễn tả rất cụ thể, sinh động. Em hãy phân tích khổ thơ thứ hai để thấy rõ điều ấy.

KIỂM TRA VỀ TRUYỆN TRUNG ĐẠI

Gợi ý câu hỏi ôn tập và kiểm tra

1. Lập bảng thống kê, ghi những kiến thức cần thiết vào từng cột theo mẫu dưới đây :

Số TT	Tên văn bản (đoạn trích, tác phẩm)	Tác giả	Nội dung chủ yếu	Đặc sắc nghệ thuật

2. Phân tích vẻ đẹp và số phận đầy bi kịch của người phụ nữ qua tác phẩm *Chuyện người con gái Nam Xương* và qua các đoạn trích *Truyện Kiều*.

3. Bộ mặt xấu xa, thối nát của giai cấp thống trị, của xã hội phong kiến được thể hiện như thế nào qua các văn bản *Chuyện cũ trong phủ chúa Trịnh, Hoàng Lê nhất thống chí (Hồi thứ mười bốn), Mã Giám Sinh mua Kiều* ?

4. Phân tích hình tượng các nhân vật :

– Nguyễn Huệ (đoạn trích *Hoàng Lê nhất thống chí (Hồi thứ mười bốn)*).

– Lục Vân Tiên (đoạn trích *Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga*).

5. Nêu những nét chính về thời đại, gia đình và cuộc đời Nguyễn Du. Tóm tắt *Truyện Kiều*.

6. Qua các đoạn trích *Chị em Thuý Kiều, Kiều ở lầu Ngưng Bích, Mã Giám Sinh mua Kiều, Thuý Kiều báo ân báo oán*, hãy phân tích giá trị nhân đạo của *Truyện Kiều*.

7. Qua các đoạn trích đã học, hãy phân tích những thành công nghệ thuật của *Truyện Kiều* (nghệ thuật sử dụng ngôn ngữ, nghệ thuật tả cảnh thiên nhiên, nghệ thuật miêu tả nhân vật).

TỔNG KẾT VỀ TỪ VỰNG (tiếp theo)

I – SỰ PHÁT TRIỂN CỦA TỪ VỰNG

1. Ôn lại các cách phát triển của từ vựng. Vận dụng kiến thức đã học để điền nội dung thích hợp vào các ô trống theo sơ đồ sau :

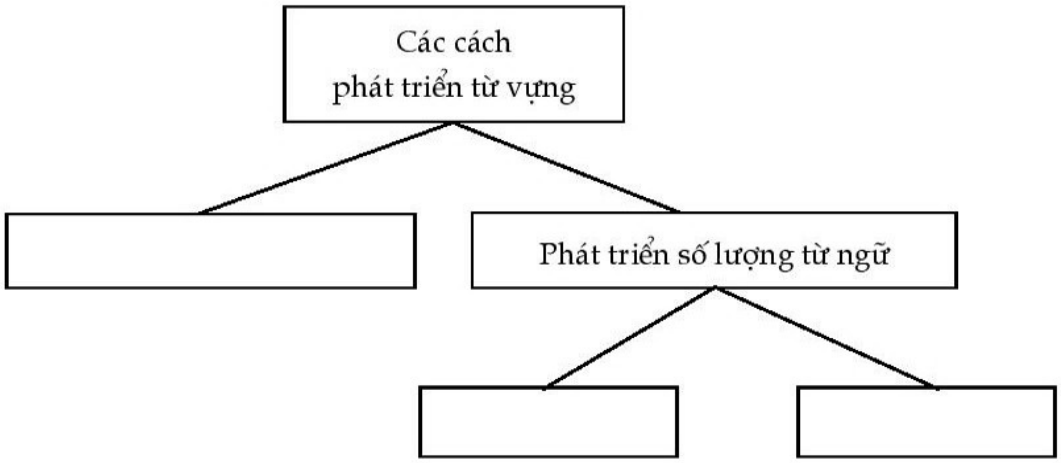

2. Tìm dẫn chứng minh hoạ cho những cách phát triển của từ vựng đã được nêu trong sơ đồ trên.

3. Có thể có ngôn ngữ mà từ vựng chỉ phát triển theo cách phát triển số lượng từ ngữ hay không ? Vì sao ?

II – TỪ MƯỢN

1. Ôn lại khái niệm từ mượn.

2. Chọn nhận định đúng trong những nhận định sau :

a) Chỉ một số ít ngôn ngữ trên thế giới phải vay mượn từ ngữ.

b) Tiếng Việt vay mượn nhiều từ ngữ của các ngôn ngữ khác là do sự ép buộc của nước ngoài.

c) Tiếng Việt vay mượn nhiều từ ngữ của các ngôn ngữ khác là để đáp ứng nhu cầu giao tiếp của người Việt.

d) Ngày nay, vốn từ tiếng Việt rất dồi dào và phong phú, vì vậy không cần vay mượn từ ngữ tiếng nước ngoài nữa.

3*. Theo cảm nhận của em thì những từ mượn như *săm, lốp,* (bếp) *ga, xăng, phanh,...* có gì khác so với những từ mượn như : *a-xít, ra-đi-ô, vi-ta-min,...* ?

III – TỪ HÁN VIỆT

1. Ôn lại khái niệm từ Hán Việt.

2. Chọn quan niệm đúng trong những quan niệm sau :

a) Từ Hán Việt chiếm một tỉ lệ không đáng kể trong vốn từ tiếng Việt.

b) Từ Hán Việt là bộ phận quan trọng của lớp từ mượn gốc Hán.

c) Từ Hán Việt không phải là một bộ phận của vốn từ tiếng Việt.

d) Dùng nhiều từ Hán Việt là việc làm cần phê phán.

IV – THUẬT NGỮ VÀ BIỆT NGỮ XÃ HỘI

1. Ôn lại khái niệm thuật ngữ và biệt ngữ xã hội.

2. Thảo luận về vai trò của thuật ngữ trong đời sống hiện nay.

3. Liệt kê một số từ ngữ là biệt ngữ xã hội.

V – TRAU DỒI VỐN TỪ

1. Ôn lại các hình thức trau dồi vốn từ.

2. Giải thích nghĩa của những từ ngữ sau : *bách khoa toàn thư, bảo hộ mậu dịch, dự thảo, đại sứ quán, hậu duệ, khẩu khí, môi sinh.*

3. Sửa lỗi dùng từ trong những câu sau :

a) *Lĩnh vực kinh doanh béo bổ này đã thu hút sự đầu tư của nhiều công ti lớn trên thế giới.*

b) *Ngày xưa Dương Lễ đối xử đạm bạc với Lưu Bình là để cho Lưu Bình thấy xấu hổ mà quyết chí học hành, lập thân.*

c) *Báo chí đã tấp nập đưa tin về sự kiện SEA Games 22 được tổ chức tại Việt Nam.*

NGHỊ LUẬN TRONG VĂN BẢN TỰ SỰ

I – TÌM HIỂU YẾU TỐ NGHỊ LUẬN TRONG VĂN BẢN TỰ SỰ

1. Đọc các đoạn trích sau :

a) *Chao ôi ! Đối với những người ở quanh ta, nếu ta không cố tìm mà hiểu họ, thì ta chỉ thấy họ gàn dở, ngu ngốc, bần tiện, xấu xa, bỉ ổi... toàn những cớ để cho ta tàn nhẫn ; không bao giờ ta thấy họ là những người đáng thương ; không bao giờ ta thương... Vợ tôi không ác, nhưng thị khổ quá rồi. Một người đau chân có lúc nào quên được cái chân đau của mình để nghĩ đến một cái gì khác đâu ? Khi người ta khổ quá thì người ta chẳng còn nghĩ gì đến ai được nữa. Cái bản tính tốt của người ta bị những nỗi lo lắng, buồn đau, ích kỉ che lấp mất. Tôi biết vậy, nên tôi chỉ buồn chứ không nỡ giận.*

(Nam Cao, *Lão Hạc*)

b)

Thoắt trông nàng đã chào thưa :
"Tiểu thư cũng có bây giờ đến đây !
Đàn bà dễ có mấy tay,
Đời xưa mấy mặt đời này mấy gan !
Dễ dàng là thói hồng nhan,
Càng cay nghiệt lắm càng oan trái nhiều".
Hoạn Thư hồn lạc phách xiêu,
Khấu đầu dưới trướng liệu điều kêu ca.
Rằng : "Tôi chút phận đàn bà,
Ghen tuông thì cũng người ta thường tình.
Nghĩ cho khi gác viết kinh,
Với khi khỏi cửa dứt tình chẳng theo.
Lòng riêng riêng những kính yêu,
Chồng chung chưa dễ ai chiều cho ai.
Trót lòng gây việc chông gai,
Còn nhờ lượng bể thương bài nào chăng".

Khen cho : "Thật đã nên rằng,
Khôn ngoan đến mực nói năng phải lời.
Tha ra thì cũng may đời,
Làm ra thì cũng ra người nhỏ nhen".

(Nguyễn Du, *Truyện Kiều*)

2. Suy nghĩ và thực hiện các yêu cầu sau :

a) Nghị luận là nêu lí lẽ, dẫn chứng để bảo vệ một quan điểm, tư tưởng (luận điểm) nào đó.

Căn cứ vào định nghĩa này, hãy tìm và chỉ ra những câu, chữ thể hiện rõ tính chất nghị luận trong hai đoạn trích trên.

b) Từ việc tìm hiểu hai đoạn trích, hãy trao đổi trong nhóm để hiểu nội dung và vai trò của yếu tố nghị luận trong văn bản tự sự nói chung. Yếu tố nghị luận có thể làm cho văn bản tự sự thêm sâu sắc như thế nào ?

(*Gợi ý* : Để thực hiện các yêu cầu trên, cần chú ý mấy điểm sau :

– Trong mỗi đoạn trích, nhân vật nêu ra những luận điểm gì ?

– Để làm rõ luận điểm đó, người nói đã đưa ra luận cứ gì và lập luận như thế nào ?

– Các câu văn trong văn bản tự sự thường là loại câu gì ? (miêu tả, trần thuật, khẳng định, phủ định, câu ghép có cặp từ hô ứng : *nếu ... thì ; không những ... mà còn ; càng ... càng ; vì thế ... cho nên ...*)

– Các từ ngữ thường được dùng để lập luận trong văn bản tự sự là những từ ngữ nào ? (*tại sao, thật vậy, trước hết, sau cùng, nói chung, tóm lại, tuy nhiên,...*)

Ghi nhớ

Trong văn bản tự sự, để người đọc (người nghe) phải suy nghĩ về một vấn đề nào đó, người viết (người kể) và nhân vật có khi nghị luận bằng cách nêu lên các ý kiến, nhận xét, cùng những lí lẽ và dẫn chứng. Nội dung đó thường được diễn đạt bằng hình thức lập luận, làm cho câu chuyện thêm phần triết lí.

II – LUYỆN TẬP

1. Lời văn trong đoạn trích (a), mục I.1 là lời của ai ? Người ấy đang thuyết phục ai ? Thuyết phục điều gì ?

2. Ở đoạn trích (b), mục I.1, Hoạn Thư đã lập luận như thế nào mà nàng Kiều phải khen rằng : *Khôn ngoan đến mực nói năng phải lời* ? Hãy tóm tắt các nội dung lí lẽ trong lời lập luận của Hoạn Thư để làm sáng tỏ lời khen của nàng Kiều.

BÀI 11

Kết quả cần đạt

- *Thấy và hiểu được sự thống nhất giữa cảm hứng về thiên nhiên, vũ trụ và cảm hứng về lao động của tác giả đã tạo nên những hình ảnh đẹp tráng lệ, giàu màu sắc lãng mạn trong bài thơ* ***Đoàn thuyền đánh cá****.*

  Cảm nhận được những cảm xúc chân thành của nhân vật trữ tình - người cháu - và hình ảnh người bà giàu tình thương, giàu đức hi sinh trong bài thơ ***Bếp lửa****. Thấy được nghệ thuật diễn tả cảm xúc thông qua hồi tưởng kết hợp miêu tả, tự sự, bình luận của tác giả trong bài thơ.*

- *Củng cố kiến thức về từ vựng đã học từ lớp 6 đến lớp 9 : từ tượng thanh và từ tượng hình ; một số phép tu từ từ vựng (so sánh, ẩn dụ, nhân hoá, hoán dụ, nói quá, nói giảm nói tránh, điệp ngữ, chơi chữ).*

- *Hoạt động ngữ văn : nắm được đặc điểm, khả năng miêu tả, biểu hiện phong phú của thể thơ tám chữ ; bước đầu biết làm loại thơ này.*

VĂN BẢN

ĐOÀN THUYỀN ĐÁNH CÁ

Mặt trời xuống biển như hòn lửa[(1)].
Sóng đã cài then, đêm sập cửa[(2)].
Đoàn thuyền đánh cá lại ra khơi,
Câu hát căng buồm cùng gió khơi.

Hát rằng : cá bạc[3] biển Đông lặng,
Cá thu[4] biển Đông như đoàn thoi
Đêm ngày dệt biển muôn luồng sáng.
Đến dệt lưới ta, đoàn cá ơi !

Thuyền ta lái gió với buồm trăng
Lướt giữa mây cao với biển bằng,
Ra đậu dặm xa dò bụng biển,
Dàn đan thế trận lưới vây giăng.

Cá nhụ cá chim cùng cá đé[5],
Cá song[6] lấp lánh đuốc đen hồng,
Cái đuôi em quẫy trăng vàng choé.
Đêm thở : sao lùa nước Hạ Long.

Ta hát bài ca gọi cá vào,
Gõ thuyền đã có nhịp trăng cao.
Biển cho ta cá như lòng mẹ
Nuôi lớn đời ta tự buổi nào.

Sao mờ, kéo lưới kịp trời sáng,
Ta kéo xoăn tay chùm cá nặng.
Vẩy bạc đuôi vàng loé rạng đông,
Lưới xếp buồm lên đón nắng hồng.

Câu hát căng buồm với gió khơi,
Đoàn thuyền chạy đua cùng mặt trời.
Mặt trời đội biển nhô màu mới,
Mắt cá huy hoàng muôn dặm phơi.

Hồng Gai, 4 – 10 – 1958

(Huy Cận[♦], *Tuyển tập Huy Cận*, tập I,
NXB Văn học, Hà Nội, 1986)

Chú thích

(*) Huy Cận (1919 – 2005), tên đầy đủ là Cù Huy Cận, quê ở làng Ân Phú, huyện Vụ Quang (trước đây thuộc huyện Hương Sơn, sau là Đức Thọ), tỉnh Hà Tĩnh. Huy Cận đã nổi tiếng trong phong trào Thơ mới với tập thơ *Lửa thiêng* (1940). Ông tham gia cách mạng từ trước năm 1945 và sau Cách mạng tháng Tám từng giữ nhiều trọng trách trong chính quyền cách mạng, đồng thời là một trong những nhà thơ tiêu biểu của nền thơ hiện đại Việt Nam. Huy Cận đã được Nhà nước trao tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật (năm 1996).

Giữa năm 1958, Huy Cận có chuyến đi thực tế dài ngày ở vùng mỏ Quảng Ninh. Từ chuyến đi thực tế này, hồn thơ Huy Cận mới thực sự nảy nở trở lại và dồi dào trong cảm hứng về thiên nhiên đất nước, về lao động và niềm vui trước cuộc sống mới. Bài *Đoàn thuyền đánh cá* được sáng tác trong thời gian ấy và in trong tập thơ *Trời mỗi ngày lại sáng* (1958).

(1) Ở vùng biển nước ta (trừ vùng tây nam đất nước), từ trên đất liền không thể thấy cảnh mặt trời lặn xuống biển. Hình ảnh mặt trời xuống biển trong câu thơ này chỉ có thể thấy được từ vị trí trên con thuyền ra khơi.

(2) Trong câu thơ này, tác giả dùng một hình ảnh liên tưởng để tả cảnh biển vào đêm : những lượn sóng dài chuyển động được hình dung như cái then cài ngang mà cánh cửa là màn đêm sập xuống.

(3) *Cá bạc* : ở đây là cá bạc má, loài cá biển cùng họ với cá thu, thân và má có vảy nhỏ, màu trắng nhạt.

(4) *Cá thu* : loài cá biển sống ở tầng mặt nước, thân dẹt hình thoi. Từ hình dạng loài cá này mà tác giả liên tưởng, sáng tạo ra hình ảnh "Cá thu biển Đông như đoàn thoi – Đêm ngày dệt biển muôn luồng sáng".

(5) *Cá nhụ, cá chim, cá đé* : chim, thu, nhụ, đé là những loài cá biển ngon nổi tiếng. *Cá nhụ* thân dài và hơi dẹt ; *cá chim* mình dẹt, vây lớn ; *cá đé* còn gọi là cá bẹ, cùng họ với cá trích nhưng lớn hơn.

(6) *Cá song* : cá biển sống ở gần bờ, thân dày và dài, có nhiều vạch dọc thân hoặc các chấm tròn màu đen và hồng. Từ ngoại hình cá song mà tác giả sáng tạo hình ảnh thơ "Cá song lấp lánh đuốc đen hồng".

ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN

1. Bài thơ được triển khai theo trình tự chuyến ra khơi của đoàn thuyền đánh cá. Dựa vào trình tự ấy, em hãy tìm bố cục của bài thơ.

Hãy nêu thời gian và không gian được miêu tả trong bài thơ.

2. Hình ảnh người lao động và công việc của họ được miêu tả trong không gian nào ? Bằng những biện pháp nghệ thuật gì, tác giả đã làm nổi bật vẻ đẹp và sức mạnh của con người lao động trước thiên nhiên, vũ trụ ?

3. Bài thơ có nhiều hình ảnh đẹp tráng lệ, thể hiện sự hài hoà giữa thiên nhiên và con người lao động. Em hãy chọn phân tích một số hình ảnh đặc sắc trong các khổ thơ 1, 3, 4 và 7. Bút pháp xây dựng hình ảnh của tác giả trong bài thơ có đặc điểm gì nổi bật ?

4. Bài thơ có nhiều từ *hát*, cả bài cũng như một khúc ca. Đây là khúc ca gì và tác giả làm thay lời ai ? Em có nhận xét gì về âm hưởng, giọng điệu của bài thơ ? Các yếu tố : thể thơ, vần, nhịp đã góp phần tạo nên âm hưởng của bài thơ như thế nào ?

5. Qua những bức tranh về thiên nhiên và con người lao động trong bài thơ, em có nhận xét gì về cái nhìn và cảm xúc của tác giả trước thiên nhiên đất nước và con người lao động ?

Ghi nhớ

• *Bài thơ* ***Đoàn thuyền đánh cá*** *đã khắc hoạ nhiều hình ảnh đẹp tráng lệ, thể hiện sự hài hoà giữa thiên nhiên và con người lao động, bộc lộ niềm vui, niềm tự hào của nhà thơ trước đất nước và cuộc sống.*

• *Bài thơ có nhiều sáng tạo trong việc xây dựng hình ảnh bằng liên tưởng, tưởng tượng phong phú, độc đáo ; có âm hưởng khoẻ khoắn, hào hùng, lạc quan.*

LUYỆN TẬP

1. Viết một đoạn phân tích khổ thơ đầu hoặc khổ thơ cuối của bài thơ.

2. Học thuộc lòng các khổ thơ 3, 4, 5.

VĂN BẢN

(Tự học có hướng dẫn)

BẾP LỬA

Một bếp lửa chờn vờn sương sớm
Một bếp lửa ấp iu nồng đượm
Cháu thương bà biết mấy nắng mưa.

Lên bốn tuổi cháu đã quen mùi khói
Năm ấy là năm đói mòn đói mỏi
Bố đi đánh xe, khô rạc ngựa gầy
Chỉ nhớ khói hun nhèm mắt cháu
Nghĩ lại đến giờ sống mũi còn cay !

Tám năm ròng cháu cùng bà nhóm lửa
Tu hú kêu trên những cánh đồng xa
Khi tu hú kêu, bà còn nhớ không bà
Bà hay kể chuyện những ngày ở Huế
Tiếng tu hú sao mà tha thiết thế !
Mẹ cùng cha công tác bận không về
Cháu ở cùng bà, bà bảo cháu nghe
Bà dạy cháu làm, bà chăm cháu học.
Nhóm bếp lửa nghĩ thương bà khó nhọc,
Tu hú ơi ! Chẳng đến ở cùng bà
Kêu chi hoài trên những cánh đồng xa ?

Năm giặc đốt làng cháy tàn cháy rụi
Hàng xóm bốn bên trở về lầm lụi
Đỡ đần bà dựng lại túp lều tranh
Vẫn vững lòng, bà dặn cháu đinh ninh[1] :
"Bố ở chiến khu[2], bố còn việc bố,
Mày có viết thư chớ kể này, kể nọ,
Cứ bảo nhà vẫn được bình yên !"

Rồi sớm rồi chiều lại bếp lửa bà nhen
Một ngọn lửa, lòng bà luôn ủ sẵn
Một ngọn lửa chứa niềm tin dai dẳng...

Lận đận đời bà biết mấy nắng mưa
Mấy chục năm rồi, đến tận bây giờ
Bà vẫn giữ thói quen dậy sớm
Nhóm bếp lửa ấp iu nồng đượm
Nhóm niềm yêu thương, khoai sắn ngọt bùi
Nhóm nồi xôi gạo mới sẻ chung vui
Nhóm dậy cả những tâm tình tuổi nhỏ
Ôi kì lạ và thiêng liêng – bếp lửa !

Giờ cháu đã đi xa. Có ngọn khói trăm tàu
Có lửa trăm nhà, niềm vui trăm ngả
Nhưng vẫn chẳng lúc nào quên nhắc nhở :
– Sớm mai này bà nhóm bếp lên chưa ?...

1963

(Bằng Việt[*], trong *Hương cây – Bếp lửa*
NXB Văn học, Hà Nội, 1968)

Chú thích

(*) Bằng Việt tên khai sinh là Nguyễn Việt Bằng, sinh năm 1941, quê ở huyện Thạch Thất, tỉnh Hà Tây (nay thuộc Hà Nội). Bằng Việt làm thơ từ đầu những năm 60 và thuộc thế hệ các nhà thơ trưởng thành trong thời kì kháng chiến chống Mĩ. Hiện nay ông là Chủ tịch Hội liên hiệp Văn học nghệ thuật Hà Nội.

Bài thơ *Bếp lửa* được sáng tác năm 1963, khi tác giả đang là sinh viên học ngành Luật ở nước ngoài. Bài thơ được đưa vào tập *Hương cây – Bếp lửa* (1968), tập thơ đầu tay của Bằng Việt và Lưu Quang Vũ.

(1) *Đinh ninh* : ở đây có nghĩa là nhắc đi nhắc lại cho người khác nắm chắc, nhớ chắc.

(2) *Chiến khu* : vùng căn cứ của lực lượng cách mạng hay lực lượng kháng chiến.

ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN

1. Bài thơ là lời của nhân vật nào, nói về ai và về điều gì ?

Dựa vào mạch tâm trạng của nhân vật trữ tình, em hãy nêu bố cục của bài thơ.

2. Trong hồi tưởng của người cháu, những kỉ niệm nào về bà và tình bà cháu đã được gợi lại ? Em hãy chỉ ra sự kết hợp giữa biểu cảm với miêu tả, tự sự, bình luận trong bài thơ và tác dụng của sự kết hợp ấy.

3. Phân tích hình ảnh bếp lửa trong bài thơ. Hình ảnh bếp lửa được nhắc đến bao nhiêu lần ? Tại sao khi nhắc đến bếp lửa là người cháu nhớ đến bà, và ngược lại, khi nhớ về bà là nhớ ngay đến hình ảnh bếp lửa ? Hình ảnh

ấy mang ý nghĩa gì trong bài thơ này ? Vì sao tác giả lại viết : "Ôi kì lạ và thiêng liêng – bếp lửa !" ?

4. *Rồi sớm rồi chiều lại bếp lửa bà nhen*
Một ngọn lửa, lòng bà luôn ủ sẵn
Một ngọn lửa chứa niềm tin dai dẳng...

Vì sao ở hai câu dưới tác giả dùng từ "ngọn lửa" mà không nhắc lại "bếp lửa" ? "Ngọn lửa" ở đây có ý nghĩa gì ? Em hiểu những câu thơ trên như thế nào ?

5. Cảm nhận của em về tình cảm bà cháu được thể hiện trong bài thơ. Tình cảm ấy được gắn liền với những tình cảm nào khác ?

Ghi nhớ

• *Qua hồi tưởng và suy ngẫm của người cháu đã trưởng thành, bài thơ* ***Bếp lửa*** *gợi lại những kỉ niệm đầy xúc động về người bà và tình bà cháu, đồng thời thể hiện lòng kính yêu trân trọng và biết ơn của người cháu đối với bà và cũng là đối với gia đình, quê hương, đất nước.*

• *Bài thơ đã kết hợp nhuần nhuyễn giữa biểu cảm với miêu tả, tự sự và bình luận. Thành công của bài thơ còn ở sự sáng tạo hình ảnh bếp lửa gắn liền với hình ảnh người bà, làm điểm tựa khơi gợi mọi kỉ niệm, cảm xúc và suy nghĩ về bà và tình bà cháu.*

LUYỆN TẬP

Viết một đoạn văn nêu cảm nghĩ của em về hình ảnh bếp lửa trong bài thơ.

TỔNG KẾT VỀ TỪ VỰNG (tiếp theo)

I – TỪ TƯỢNG THANH VÀ TỪ TƯỢNG HÌNH

1. Ôn lại khái niệm từ tượng thanh và từ tượng hình.

2. Tìm những tên loài vật là từ tượng thanh.

3. Xác định từ tượng hình và giá trị sử dụng của chúng trong đoạn trích sau :

Đám mây lốm đốm, xám như đuôi con sóc nối nhau bay quấn sát ngọn cây, lê thê đi mãi, bây giờ cứ loáng thoáng nhạt dần, thỉnh thoảng đứt quãng, đã lồ lộ đằng xa một bức vách trắng toát.

(Tô Hoài)

II – MỘT SỐ PHÉP TU TỪ TỪ VỰNG

1. Ôn lại các khái niệm : so sánh, ẩn dụ, nhân hoá, hoán dụ, nói quá, nói giảm nói tránh, điệp ngữ, chơi chữ.

2. Vận dụng kiến thức đã học về một số phép tu từ từ vựng để phân tích nét nghệ thuật độc đáo của những câu thơ sau (trích từ *Truyện Kiều* của Nguyễn Du) :

a) *Thà rằng liều một thân con,*
Hoa dù rã cánh lá còn xanh cây.

b) *Trong như tiếng hạc bay qua,*
Đục như tiếng suối mới sa nửa vời.
Tiếng khoan như gió thoảng ngoài,
Tiếng mau sầm sập như trời đổ mưa.

c) *Làn thu thuỷ nét xuân sơn,*
Hoa ghen thua thắm liễu hờn kém xanh.
Một hai nghiêng nước nghiêng thành,
Sắc đành đòi một tài đành hoạ hai.

d) *Gác kinh viện sách đôi nơi,*
Trong gang tấc lại gấp mười quan san.

e) *Có tài mà cậy chi tài,*
Chữ tài liền với chữ tai một vần.

3. Vận dụng kiến thức đã học về một số phép tu từ từ vựng để phân tích nét nghệ thuật độc đáo trong những câu (đoạn) sau :

a) *Còn trời còn nước còn non,*
Còn cô bán rượu anh còn say sưa.

(*Ca dao*)

b) *Gươm mài đá, đá núi cũng mòn,*
Voi uống nước, nước sông phải cạn.

(Nguyễn Trãi, *Bình Ngô đại cáo*)

c) *Tiếng suối trong như tiếng hát xa,*
Trăng lồng cổ thụ bóng lồng hoa.
Cảnh khuya như vẽ người chưa ngủ,
Chưa ngủ vì lo nỗi nước nhà.

(Hồ Chí Minh, *Cảnh khuya*)

d) *Người ngắm trăng soi ngoài cửa sổ,*
Trăng nhòm khe cửa ngắm nhà thơ.

(Hồ Chí Minh, *Ngắm trăng*)

e) *Mặt trời của bắp thì nằm trên đồi*
Mặt trời của mẹ, em nằm trên lưng.

(Nguyễn Khoa Điềm,
Khúc hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ)

TẬP LÀM THƠ TÁM CHỮ

I – NHẬN DIỆN THỂ THƠ TÁM CHỮ

1. Đọc các đoạn thơ sau :

a) *Nào đâu những đêm vàng bên bờ suối*
Ta say mồi đứng uống ánh trăng tan ?
Đâu những ngày mưa chuyển bốn phương ngàn
Ta lặng ngắm giang sơn ta đổi mới ?
Đâu những bình minh cây xanh nắng gội,
Tiếng chim ca giấc ngủ ta tưng bừng ?

Đâu những chiều lênh láng máu sau rừng
Ta đợi chết mảnh mặt trời gay gắt,
Để ta chiếm lấy riêng phần bí mật ?
– Than ôi ! Thời oanh liệt nay còn đâu ?

(Thế Lữ, *Nhớ rừng*)

b) *Mẹ cùng cha công tác bận không về*
Cháu ở cùng bà, bà bảo cháu nghe
Bà dạy cháu làm, bà chăm cháu học.
Nhóm bếp lửa nghĩ thương bà khó nhọc,
Tu hú ơi ! Chẳng đến ở cùng bà
Kêu chi hoài trên những cánh đồng xa ?

(Bằng Việt, *Bếp lửa*)

c) *Yêu biết mấy, những dòng sông bát ngát*
Giữa đôi bờ dào dạt lúa ngô non
Yêu biết mấy, những con đường ca hát
Qua công trường mới dựng mái nhà son !

Yêu biết mấy, những bước đi dáng đứng
Của đời ta chập chững buổi đầu tiên
Tập làm chủ, tập làm người xây dựng
Dám vươn mình cai quản lại thiên nhiên !

(Tố Hữu, *Mùa thu mới*)

2. Suy nghĩ và thực hiện các yêu cầu sau :

a) Nhận xét về số chữ trong mỗi dòng ở các đoạn thơ trên.

b) Tìm những chữ có chức năng gieo vần ở mỗi đoạn. Vận dụng kiến thức về vần chân, vần lưng, vần liền, vần gián cách đã học để nhận xét về cách gieo vần của từng đoạn.

c) Nhận xét về cách ngắt nhịp ở mỗi đoạn thơ trên.

Ghi nhớ

Thơ tám chữ là thể thơ mỗi dòng tám chữ, có cách ngắt nhịp rất đa dạng. Bài thơ theo thể tám chữ có thể gồm nhiều đoạn dài (số câu không hạn định), có thể được chia thành các khổ (thường mỗi khổ bốn dòng) và có nhiều cách gieo vần nhưng phổ biến nhất là vần chân (được gieo liên tiếp hoặc gián cách).

II – LUYỆN TẬP NHẬN DIỆN THỂ THƠ TÁM CHỮ

1. Đoạn thơ sau trích trong bài *Tháp đổ* của Tố Hữu. Hãy điền vào chỗ trống cuối các dòng thơ một trong các từ ngữ ***ca hát, bát ngát, ngày qua, muôn hoa*** sao cho phù hợp.

Hãy cắt đứt những dây đàn /.../
Những sắc tàn vị nhạt của /.../
Nâng đón lấy màu xanh hương /.../
Của ngày mai muôn thuở với /.../.

2. Đoạn thơ sau trích trong bài *Vội vàng* của Xuân Diệu. Hãy điền vào chỗ trống cuối các dòng thơ một trong các từ ***cũng mất, đất trời, tuần hoàn*** sao cho đúng vần.

Xuân đương tới, nghĩa là xuân đương qua,
Xuân còn non, nghĩa là xuân sẽ già,
Mà xuân hết, nghĩa là tôi /.../ ;
Lòng tôi rộng, nhưng lượng trời cứ chật.
Không cho dài thời trẻ của nhân gian,
Nói làm chi rằng xuân vẫn /.../
Nếu tuổi trẻ chẳng hai lần thắm lại !
Còn trời đất nhưng chẳng còn tôi mãi,
Nên bâng khuâng tôi tiếc cả /.../ ;
Mùi tháng năm đều rớm vị chia phôi,
Khắp sông núi vẫn than thầm tiễn biệt...

3. Đoạn thơ sau trong bài *Tựu trường* của Huy Cận đã bị chép sai ở câu thứ ba. Hãy chỉ ra chỗ sai, nói lí do và thử tìm cách sửa lại cho đúng.

Giờ nao nức của một thời trẻ dại
Hỡi ngói nâu, hỡi tường trắng, cửa gương !
Những chàng trai mười lăm tuổi rộn rã,
Rương nho nhỏ với linh hồn bằng ngọc.

4. Hãy làm một bài (hoặc một đoạn thơ) theo thể tám chữ với nội dung và vần, nhịp tự chọn để thực hành trên lớp.

III – THỰC HÀNH LÀM THƠ TÁM CHỮ

1. Tìm những từ thích hợp (đúng thanh, đúng vần) để điền vào chỗ trống trong khổ thơ sau :

Trời trong biếc không qua mây gợn trắng
Gió nồm nam lộng thổi cánh diều xa
Hoa lựu nở đầy một /.../ đỏ nắng
Lũ bướm vàng lơ đãng lướt bay /.../.

(*Theo* Anh Thơ, *Trưa hè*)

2. Khổ thơ sau còn thiếu một câu. Hãy làm thêm câu cuối sao cho đúng vần, hợp với nội dung cảm xúc từ ba câu trước.

Mỗi độ thu về lòng xao xuyến lạ
Nhớ nôn nao tiếng trống buổi tựu trường
Con đường nhỏ tiếng nói cười rộn rã
/.../

3. Mỗi nhóm, tổ cử đại diện đọc và bình trước lớp bài thơ đã chuẩn bị. Cả lớp, dưới sự hướng dẫn của thầy, cô giáo, tham gia nhận xét, đánh giá các bài thơ đã được đọc, bình.

– Bài thơ đó có đúng thể tám chữ không ?

– Bài thơ đã có vần chưa ? Cách gieo vần, ngắt nhịp đúng, sai, đặc sắc như thế nào ?

– Kết cấu bài thơ đó có hợp lí không ? Nội dung cảm xúc có chân thành, sâu sắc không ?

– Chủ đề bài thơ đó có ý nghĩa gì ?

BÀI 12

Kết quả cần đạt

- *Cảm nhận được tình yêu thương con và ước vọng của người mẹ dân tộc Tà-ôi trong cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước qua* ***Khúc hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ*** *ngọt ngào, tha thiết của Nguyễn Khoa Điềm.*

  Qua bài thơ ***Ánh trăng****, hiểu được ý nghĩa của hình ảnh vầng trăng, từ đó thấm thía cảm xúc ân tình với quá khứ gian lao, tình nghĩa của Nguyễn Duy, biết rút ra bài học về cách sống cho mình.*

- *Vận dụng kiến thức đã học về từ vựng để phân tích những hiện tượng ngôn ngữ trong thực tiễn giao tiếp và trong văn chương.*

- *Biết đưa yếu tố nghị luận vào bài văn tự sự một cách hợp lí.*

VĂN BẢN

KHÚC HÁT RU NHỮNG EM BÉ LỚN TRÊN LƯNG MẸ

Em cu Tai ngủ trên lưng mẹ ơi
Em ngủ cho ngoan đừng rời lưng mẹ
Mẹ giã gạo mẹ nuôi bộ đội
Nhịp chày nghiêng giấc ngủ em nghiêng
Mồ hôi mẹ rơi má em nóng hổi
Vai mẹ gầy nhấp nhô làm gối
Lưng đưa nôi và tim hát thành lời :

– Ngủ ngoan a-kay[1] ơi, ngủ ngoan a-kay hỡi
Mẹ thương a-kay, mẹ thương bộ đội

Con mơ cho mẹ hạt gạo trắng ngần
Mai sau con lớn vung chày lún sân...

Em cu Tai ngủ trên lưng mẹ ơi
Em ngủ cho ngoan đừng rời lưng mẹ
Mẹ đang tỉa bắp trên núi Ka-lưi[2]
Lưng núi thì to mà lưng mẹ nhỏ
Em ngủ ngoan em đừng làm mẹ mỏi
Mặt trời của bắp thì nằm trên đồi
Mặt trời của mẹ, em nằm trên lưng

– Ngủ ngoan a-kay ơi, ngủ ngoan a-kay hỡi
Mẹ thương a-kay, mẹ thương làng đói
Con mơ cho mẹ hạt bắp lên đều
Mai sau con lớn phát mười Ka-lưi...

Em cu Tai ngủ trên lưng mẹ ơi
Em ngủ cho ngoan, đừng rời lưng mẹ
Mẹ đang chuyển lán, mẹ đi đạp rừng
Thằng Mĩ đuổi ta phải rời con suối
Anh trai cầm súng, chị gái cầm chông
Mẹ dịu em đi để giành trận cuối
Từ trên lưng mẹ em đến chiến trường
Từ trong đói khổ em vào Trường Sơn

– Ngủ ngoan a-kay ơi, ngủ ngoan a-kay hỡi
Mẹ thương a-kay, mẹ thương đất nước
Con mơ cho mẹ được thấy Bác Hồ
Mai sau con lớn làm người Tự do...

25 – 3 – 1971

(Nguyễn Khoa Điềm[4], *Đất và khát vọng*,
NXB Văn học, Hà Nội, 1984)

Chú thích

(★) Nguyễn Khoa Điềm sinh năm 1943 trong một gia đình trí thức cách mạng, quê ở làng An Cựu, xã Thuỷ An, thành phố Huế. Sau khi tốt nghiệp Trường Đại học Sư phạm Hà Nội năm 1964, Nguyễn Khoa Điềm về quê hương miền Nam tham gia chiến đấu. Ông thuộc thế hệ nhà thơ trưởng thành trong cuộc kháng chiến chống Mĩ của dân tộc. Nguyễn Khoa Điềm là Tổng thư kí Hội Nhà văn Việt Nam khoá V, nguyên Uỷ viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng khoá IX, Trưởng Ban Tư tưởng – Văn hoá Trung ương. Năm 2000, ông được tặng Giải thưởng Nhà nước về văn học nghệ thuật.

Bài thơ *Khúc hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ* được Nguyễn Khoa Điềm sáng tác năm 1971, khi đang công tác ở chiến khu miền tây Thừa Thiên.

(1) *A-kay* : con (tiếng dân tộc Tà-ôi, một dân tộc thiểu số ở vùng núi tây Thừa Thiên).

(2) *Ka-lưi* : tên một ngọn núi ở vùng tây Thừa Thiên.

ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN

1. Bài thơ là lời hát ru những em bé dân tộc Tà-ôi "lớn trên lưng mẹ" ở vùng chiến khu Trị – Thiên khi cuộc kháng chiến chống Mĩ đang diễn ra quyết liệt. Lời hát ru có ba khúc, mỗi khúc có hai khổ và đều mở đầu bằng hai câu : "Em cu Tai... đừng rời lưng mẹ" rồi kết thúc bằng lời ru trực tiếp của người mẹ : "Ngủ ngoan a-kay ơi..." (bốn câu). Từng lời ru trực tiếp của người mẹ được ngắt nhịp đều đặn ở giữa dòng thơ. Theo em, cách lặp đi lặp lại, cách ngắt nhịp như thế có tác dụng tạo nhịp điệu như thế nào cho lời ru, có liên quan gì đến nội dung tình cảm của bài thơ ?

2. Phân tích hình ảnh người mẹ Tà-ôi trong bài thơ. (*Gợi ý* : Qua từng đoạn thơ, người mẹ được miêu tả trong những công việc gì, hoàn cảnh nào ? Tìm những chi tiết, hình ảnh thể hiện sự vất vả, gian khổ của người mẹ ở chiến khu.)

3. Em hiểu như thế nào về hai câu thơ : "Mặt trời của bắp thì nằm trên đồi – Mặt trời của mẹ, em nằm trên lưng" ? Phân tích tình cảm của người mẹ đối với con ở câu thơ thứ hai.

4. Qua các khúc ru, em cảm nhận tình cảm của người mẹ đối với con như thế nào ? Nhận xét về mối liên hệ giữa lời ru trực tiếp của người mẹ với hoàn cảnh, công việc mà mẹ đang làm ở từng đoạn thơ, về sự phát triển của tình cảm và ước vọng của người mẹ qua ba khúc ru.

5. Em thấy tình yêu thương con của người mẹ gắn với những tình cảm gì ? Em hiểu thế nào về những ước mong, ý chí của nhân dân ta trong cuộc kháng chiến chống Mĩ được thể hiện trong các khúc ru ?

Ghi nhớ

Trong gian nan, vất vả của cuộc sống ở chiến khu, người mẹ càng dành cho con tình yêu thương thắm thiết, càng ước mong con mau lớn khôn, khoẻ mạnh, trở thành công dân của một đất nước tự do. Nguyễn Khoa Điềm đã thể hiện tình yêu thương con gắn với lòng yêu nước, với tinh thần chiến đấu của người mẹ miền tây Thừa Thiên qua ***Khúc hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ*** *mang giọng điệu ngọt ngào, trìu mến.*

LUYỆN TẬP

Nhận xét về ý nghĩa của yếu tố miêu tả trong bài thơ đối với việc thể hiện cuộc sống của người dân ở chiến khu Trị – Thiên thời chống Mĩ.

VĂN BẢN

ÁNH TRĂNG

Hồi nhỏ sống với đồng
với sông rồi với bể
hồi chiến tranh ở rừng
vầng trăng thành tri kỉ

Trần trụi với thiên nhiên
hồn nhiên như cây cỏ
ngỡ không bao giờ quên
cái vầng trăng tình nghĩa

Từ hồi về thành phố
quen ánh điện, cửa gương
vầng trăng đi qua ngõ
như người dưng[1] qua đường

Thình lình đèn điện tắt
phòng buyn-đinh[2] tối om
vội bật tung cửa sổ
đột ngột vầng trăng tròn

Ngửa mặt lên nhìn mặt
có cái gì rưng rưng
như là đồng là bể
như là sông là rừng

Trăng cứ tròn vành vạnh
kể chi người vô tình
ánh trăng im phăng phắc
đủ cho ta giật mình.

TP. Hồ Chí Minh, 1978

(Nguyễn Duy[★], *Ánh trăng*,
NXB Tác phẩm mới, Hà Nội, 1984)

Chú thích

(★) Nguyễn Duy tên khai sinh là Nguyễn Duy Nhuệ, sinh năm 1948, quê ở làng Quảng Xá, nay thuộc phường Đông Vệ, thành phố Thanh Hoá. Năm 1966, Nguyễn Duy gia nhập quân đội, vào binh chủng Thông tin, tham gia chiến đấu ở nhiều chiến trường. Sau năm 1975, ông chuyển về làm báo *Văn nghệ giải phóng*. Từ năm 1977, Nguyễn Duy là đại diện thường trú báo *Văn nghệ* tại Thành phố Hồ Chí Minh. Năm 2007, ông được tặng Giải thưởng Nhà nước về văn học nghệ thuật.

Nguyễn Duy đã được trao giải Nhất cuộc thi thơ của báo *Văn nghệ* năm 1972 – 1973. Ông trở thành một gương mặt tiêu biểu trong lớp nhà thơ trẻ thời chống Mĩ cứu nước và tiếp tục bền bỉ sáng tác. Tập thơ *Ánh trăng* của Nguyễn Duy đã được tặng giải A của Hội Nhà văn Việt Nam năm 1984.

(1) *Người dưng* : người không có quan hệ họ hàng, không thân thiết, quen biết gì với người được nói đến.

(2) *Buyn-đinh* (phiên âm từ tiếng Anh) : toà nhà cao, nhiều tầng, hiện đại.

ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN

1. Em có nhận xét gì về bố cục của bài thơ ?

Ánh trăng có sự kết hợp giữa tự sự với trữ tình. Trong dòng diễn biến của thời gian, sự việc, đâu là bước ngoặt để tác giả từ đó bộc lộ cảm xúc, thể hiện chủ đề của tác phẩm ?

2. Hình ảnh vầng trăng trong bài thơ mang nhiều tầng ý nghĩa. Hãy phân tích điều ấy. Khổ thơ nào trong bài thể hiện tập trung nhất ý nghĩa biểu tượng của hình ảnh vầng trăng, chiều sâu tư tưởng mang tính triết lí của tác phẩm ?

3*. Nhận xét về kết cấu, về giọng điệu của bài thơ. Những yếu tố ấy có tác dụng gì đối với việc thể hiện chủ đề và tạo nên sức truyền cảm của tác phẩm ?

4. Xác định thời điểm ra đời của bài thơ *Ánh trăng*, liên hệ với cuộc đời Nguyễn Duy để phát biểu chủ đề bài thơ. Theo cảm nhận của em, chủ đề ấy có liên quan gì đến đạo lí, lẽ sống của dân tộc Việt Nam ta ?

Ghi nhớ

Với giọng điệu tâm tình tự nhiên, hình ảnh giàu tính biểu cảm, ***Ánh trăng*** *của Nguyễn Duy như một lời tự nhắc nhở về những năm tháng gian lao đã qua của cuộc đời người lính gắn bó với thiên nhiên, đất nước bình dị, hiền hậu. Bài thơ có ý nghĩa gợi nhắc, củng cố ở người đọc thái độ sống "uống nước nhớ nguồn", ân nghĩa thuỷ chung cùng quá khứ.*

LUYỆN TẬP

1. Đọc diễn cảm bài thơ.

2. Tưởng tượng mình là nhân vật trữ tình trong *Ánh trăng*, em hãy diễn tả dòng cảm nghĩ trong bài thơ thành một bài tâm sự ngắn.

TỔNG KẾT VỀ TỪ VỰNG (Luyện tập tổng hợp)

1. So sánh hai dị bản của câu ca dao :

– *Râu tôm nấu với ruột bầu*
Chồng chan vợ húp gật đầu khen ngon.

– *Râu tôm nấu với ruột bù*[(a)]
Chồng chan vợ húp gật gù khen ngon.

Cho biết trong trường hợp này, *gật đầu* hay *gật gù* thể hiện thích hợp hơn ý nghĩa cần biểu đạt. Vì sao ?

2. Nhận xét cách hiểu nghĩa từ ngữ của người vợ trong truyện cười sau đây :

Chồng vừa ngồi xem bóng đá vừa nói :

– Đội này chỉ có một chân sút, thành ra mấy lần bỏ lỡ cơ hội ghi bàn.

Vợ nghe thấy thế liền than thở :

– Rõ khổ ! Có một chân thì còn chơi bóng làm gì cơ chứ !

3. Đọc đoạn thơ sau và trả lời câu hỏi.

Áo anh rách vai
Quần tôi có vài mảnh vá
Miệng cười buốt giá
Chân không giày
Thương nhau tay nắm lấy bàn tay.

Đêm nay rừng hoang sương muối
Đứng cạnh bên nhau chờ giặc tới
Đầu súng trăng treo.

(Chính Hữu, *Đồng chí*)

Trong các từ *vai, miệng, chân, tay, đầu* ở đoạn thơ, từ nào được dùng theo nghĩa gốc, từ nào được dùng theo nghĩa chuyển ? Nghĩa chuyển nào được hình

---

(a) *Bù* (từ địa phương) : bầu.

thành theo phương thức ẩn dụ, nghĩa chuyển nào được hình thành theo phương thức hoán dụ ?

4. Vận dụng kiến thức đã học về trường từ vựng để phân tích cái hay trong cách dùng từ ở bài thơ sau :

Áo đỏ em đi giữa phố đông
Cây xanh như cũng ánh theo hồng
Em đi lửa cháy trong bao mắt
Anh đứng thành tro, em biết không ?

(Vũ Quần Phương, *Áo đỏ*)

5. Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi.

Ở đây, người ta gọi tên đất, tên sông không phải bằng những danh từ mĩ lệ, mà cứ theo đặc điểm riêng biệt của nó mà gọi thành tên. Chẳng hạn như gọi rạch Mái Giầm, vì hai bên bờ rạch mọc toàn những cây mái giầm cọng tròn xốp nhẹ, trên chỉ xoà ra độc một cái lá xanh hình chiếc bơi chèo nhỏ ; gọi là kênh Bọ Mắt vì ở đó tụ tập không biết cơ man nào là bọ mắt, đen như hạt vừng, chúng cứ bay theo thuyền từng bầy như những đám mây nhỏ, ta bị nó đốt vào da thịt chỗ nào là chỗ đó ngứa ngáy nổi mẩn đỏ tấy lên ; gọi kênh Ba Khía vì ở đó hai bên bờ tập trung toàn những con ba khía, chúng bám đặc sệt quanh các gốc cây (Ba khía là một loại còng biển lai cua, càng sắc tím đỏ, làm mắm xé ra trộn tỏi ớt ăn rất ngon).

(Đoàn Giỏi, *Đất rừng phương Nam*)

Các sự vật và hiện tượng trên được đặt tên theo cách nào (đặt từ ngữ mới để gọi riêng sự vật, hiện tượng đó hay dùng từ ngữ đã có sẵn theo một nội dung mới) ? Hãy tìm năm ví dụ về những sự vật, hiện tượng được gọi tên theo cách dựa vào *đặc điểm riêng biệt* của chúng.

6. Truyện cười sau đây phê phán điều gì ?

Một ông sính chữ bất chợt lên cơn đau ruột thừa. Bà vợ hốt hoảng bảo con :

– Mau đi gọi bác sĩ ngay !

Trong cơn đau quằn quại, ông ta vẫn gượng dậy nói với theo :

– Đừng... đừng gọi bác sĩ, gọi cho bố đốc tờ !

(Theo *Truyện cười dân gian*)

LUYỆN TẬP VIẾT ĐOẠN VĂN TỰ SỰ CÓ SỬ DỤNG YẾU TỐ NGHỊ LUẬN

I – THỰC HÀNH TÌM HIỂU YẾU TỐ NGHỊ LUẬN TRONG ĐOẠN VĂN TỰ SỰ

1. Đọc đoạn văn sau :

LỖI LẦM VÀ SỰ BIẾT ƠN

Hai người bạn cùng đi qua sa mạc. Trong chuyến đi, giữa hai người có xảy ra một cuộc tranh luận, và một người nổi nóng không kiềm chế được mình đã nặng lời miệt thị người kia. Cảm thấy bị xúc phạm, anh không nói gì, chỉ viết lên cát : "Hôm nay người bạn tốt nhất của tôi đã làm khác đi những gì tôi nghĩ".

Họ đi tiếp, tìm thấy một ốc đảo, và quyết định đi bơi. Người bị miệt thị lúc nãy bây giờ bị đuối sức và chìm dần xuống. Người bạn kia đã tìm cách cứu anh. Khi đã lên bờ, anh lấy một miếng kim loại khắc lên đá : "Hôm nay người bạn tốt nhất của tôi đã cứu sống tôi".

Người kia hỏi : "Tại sao khi tôi xúc phạm anh, anh viết lên cát, còn bây giờ anh lại khắc lên đá" ?

Anh ta trả lời : "Những điều viết lên cát sẽ mau chóng xoá nhoà theo thời gian, nhưng không ai có thể xoá được những điều tốt đẹp đã được ghi tạc trên đá, trong lòng người".

Vậy mỗi chúng ta hãy học cách viết những nỗi đau buồn, thù hận lên cát và khắc ghi những ân nghĩa lên đá.

(*Hạt giống tâm hồn*, tập 4,
NXB Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh, 2004)

2. Trả lời câu hỏi :

Trong đoạn văn trên, yếu tố nghị luận thể hiện ở những câu văn nào ? Chỉ ra vai trò của các yếu tố ấy trong việc làm nổi bật nội dung của đoạn văn.

II – THỰC HÀNH VIẾT ĐOẠN VĂN TỰ SỰ CÓ SỬ DỤNG YẾU TỐ NGHỊ LUẬN

1. Viết một đoạn văn kể lại buổi sinh hoạt lớp. Trong buổi sinh hoạt đó, em đã phát biểu ý kiến để chứng minh Nam là một người bạn rất tốt.

2. Viết đoạn văn kể về những việc làm hoặc những lời dạy bảo giản dị mà sâu sắc của người bà kính yêu đã làm cho em cảm động (trong đoạn văn có sử dụng yếu tố nghị luận).

Có thể tham khảo văn bản sau đây :

BÀ NỘI

(Trích)

Tôi ngẩng cao đầu mới thấy tuổi của bà ; chứ cứ nhìn bà chặt củi, nhổ sắn, nhìn bà đứng, bà đi thì không ai biết bà đã gần bảy mươi. Bà làm nhanh, đi nhanh, lưng thẳng. Bà không hút thuốc lào như u tôi, không ăn giầu.

Bà như một chiếc bóng ; lặng lẽ, đi không ai biết, về không ai hay. Bà tất bật, khi đi giồng sắn ở trại, khi đi bắt cua bán, lúc đi cấy thuê. Có lần bà bỏ nhà bốn năm ngày. Tôi hỏi Lĩnh, nó rớm nước mắt. Tuần phu đi rầm rập bắt thuế. Trống dồn sôi cả bụng, đập thình thịch vào cái ngực bé nhỏ của tôi.

Cả làng đã im ắng. Bà như chiếc bóng giở về. Ít khi tôi thấy bà nói chuyện nói trò với ai ngoài các cháu ra. Ít khi tôi thấy bà đôi co với ai. Dân làng bảo bà hiền như đất. Nói cho đúng, bà hiền như chiếc bóng. Nếu ai lành chanh lành chói, bà rủ rỉ khuyên. Bà nói nhiều bằng ca dao, tục ngữ. Những chị mồm năm miệng mười, sau khi bà khuyên chỉ còn mồm một, mồm hai.

Người ta bảo : "Con hư tại mẹ, cháu hư tại bà". Bà như thế thì chúng tôi hư làm sao được. [...]

Bà tôi có học hành gì đâu, một chữ cắn đôi không biết. Bà lặng lẽ, cứ tưởng bà không biết gì. Bà thuộc như cháo hàng trăm hàng nghìn câu ca. Bà nói những câu sao mà đúng thế. Bà bảo u tôi :

Dạy con từ thuở còn thơ
Dạy vợ từ thuở bơ vơ mới về.

Người ta như cây. Uốn cây phải uốn từ non. Nếu để lớn lên mới uốn, nó gãy.

(*Theo* Duy Khán, *Tuổi thơ im lặng*,
NXB Kim Đồng, Hà Nội, 1996)

BÀI 13

Kết quả cần đạt

- *Cảm nhận được tình yêu làng quê thống nhất với lòng yêu nước và tinh thần kháng chiến ở nhân vật ông Hai trong truyện* ***Làng****, qua đó hiểu được tinh thần yêu nước của nhân dân ta trong thời kì kháng chiến. Nắm được những đặc sắc trong nghệ thuật truyện : xây dựng tình huống tâm lí, miêu tả sinh động diễn biến tâm trạng và ngôn ngữ nhân vật quần chúng.*
- *Hiểu được sự khác biệt giữa phương ngữ mà học sinh đang sử dụng với các phương ngữ khác và với ngôn ngữ toàn dân thể hiện qua những từ ngữ chỉ sự vật, hoạt động, trạng thái, đặc điểm, tính chất,...*
- *Hiểu được tác dụng của các yếu tố đối thoại, độc thoại và độc thoại nội tâm trong văn bản tự sự.*

Luyện nói : kể lại được một câu chuyện, trong đó có kết hợp miêu tả nội tâm và nghị luận, có đối thoại và độc thoại.

VĂN BẢN

LÀNG

(Trích)

Buổi trưa hôm ấy ông Hai ở nhà một mình. Con bé lớn gánh hàng ra quán cho mẹ chưa thấy về. Hai đứa bé thì ông cắt chúng nó ra vườn trông mấy luống rau mới cấy lại chẳng gà vặt hết.

Ông Hai hì hục vỡ một vạt đất rậm ngoài bờ suối từ sáng đến giờ, ông tính để trồng thêm vài trăm gốc sắn[1] ăn vào những tháng đói sang năm. Có một mình, ông phải làm cố, hai vai ông mỏi nhừ. Ông nằm vật trên giường vắt tay lên trán nghĩ ngợi vẩn vơ. Ông lại nghĩ về cái làng của ông, lại nghĩ đến những ngày cùng làm việc với anh em. Ồ, sao mà độ ấy vui thế. Ông thấy mình như trẻ ra.

Cũng hát hỏng, bông phèng[2], cũng đào, cũng cuốc mê man suốt ngày. Trong lòng ông lão lại thấy náo nức hẳn lên. Ông lại muốn về làng, lại muốn được cùng anh em đào đường đắp ụ, xẻ hào, khuân đá... Không biết cái chòi gác ở đầu làng đã dựng xong chưa ? Những đường hầm bí mật chắc còn là khướt[3] lắm. Chao ôi ! Ông lão nhớ làng, nhớ cái làng quá.

Bên ngoài, ánh nắng rọi xuống mặt sân sáng loá, có mấy tiếng gà trưa cất lên eo éo. Gian nhà càng như lịm đi, mờ mờ hơi đất. Giờ này là mụ chủ sắp đi làm đồng về đây. Ông lại sắp phải nằm trong này mà nghe mụ chửi con mắng cái, kêu vại nước chóng cạn, cái bếp bừa bộn nheo nhéo lên đây.

Tấm liếp che cửa bỗng kêu lạch xạch, gian nhà sáng bừng lên. Ông Hai giật mình, ngóc đầu nhìn ra. Đứa con gái lớn gồng đôi thúng không bước vào. Ông cất tiếng hỏi :

– Ở ngoài ấy làm gì mà lâu thế mày ?

Không để đứa con kịp trả lời, ông lão nhỏm dậy vơ lấy cái nón :

– Ở nhà trông em nhá ! Đừng có đi đâu đấy.

Ông lão giơ tay chỉ lên nhà trên :

– Nó thì rút ruột ra, biết chửa !

Dứt lời, ông bước vội ra ngoài. Trời xanh lồng lộng, có những tảng mây sáng chói, lừ đừ. Đường vắng hẳn người qua lại. Họ dạt cả vào các khoảnh bóng cây tránh nắng. Một vài tiếng động nhẹ khẽ gợn lên, oi ả.

Ông Hai đi nghênh ngang giữa đường vắng, cái đầu cung cúc[4] lao về phía trước. Hai tay vung vẩy, nhấp nhổm. Gặp ai quen ông lão cũng níu lại, cười cười :

– Nắng này là bỏ mẹ chúng nó !

Có người bỡ ngỡ hỏi lại : "Chúng nó nào ?" thì ông lão bật cười, giơ tay trỏ về phía tiếng súng :

– Tây ấy chứ còn chúng nó nào nữa. Ngồi trong vị trí[5] giờ bằng ngồi tù.

Dứt lời, ông lão lại đi, làm như đang bận nhiều công việc lắm. Cũng như mọi hôm, việc đầu tiên là ông vào phòng thông tin nghe đọc báo. Ông cứ đứng vờ vờ xem tranh ảnh chờ người khác đọc rồi nghe lỏm. Điều này ông khổ tâm hết sức.

Ông cũng đã có học được một khoá bình dân học vụ[6] ở làng, cũng đã biết đọc, biết viết. Nhưng chữ in khó nhận mặt chữ, ông đọc nó cứ bập bõm, câu được, câu chăng, mà chả lẽ cứ nghếch mãi cổ lên giữ chịt lấy tờ báo không cho người khác xem nữa ? Ông ghét thậm những anh cậy ta đây lắm chữ, đọc báo lại cứ đọc thầm một mình, không đọc ra thành tiếng cho người khác nghe nhờ mấy.

Hôm nay may quá, vớ được anh dân quân đọc rất to, dõng dạc, rành rọt từng tiếng một. Cơ chừng[7] anh ta cũng mới học, đánh vần được chữ nào anh ta đọc luôn chữ ấy. Ông lão nghe chẳng sót một câu nào. Bao nhiêu là tin hay. Một em nhỏ trong ban tuyên truyền xung phong bơi ra giữa hồ Hoàn Kiếm cắm quốc kì lên Tháp Rùa. "Đấy, cứ kêu chúng nó trẻ con mãi đi, liệu đã bằng chúng nó chưa ?". Một anh trung đội trưởng sau khi giết được bảy tên giặc đã tự sát bằng một quả lựu đạn cuối cùng. Đội nữ du kích Trưng Trắc giả làm người đi mua hàng đã bắt sống một tên quan hai bốt[8] Thao ngay giữa chợ. "Khiếp thật, tinh những người tài giỏi cả". Lại còn bao nhiêu tin đột kích[9] nữa, chỗ này giết được năm Pháp với hai Việt gian ; chỗ kia phá đổ một xe tăng và một xe díp[10]. "Cứ thế, chỗ này giết một tí, chỗ kia giết một tí, cả súng ống cũng vậy, hôm nay dăm khẩu, ngày mai dăm khẩu, tích tiểu thành đại[11], làm gì mà rồi thằng Tây không bước sớm". Ruột gan ông lão cứ múa cả lên, vui quá !

Ông lão náo nức bước ra khỏi phòng thông tin, rẽ vào quán dặn vợ mấy việc rồi đi thẳng ra lối huyện cũ. Ở đây, những tốp người tản cư[12] mới ở dưới xuôi lên đứng ngồi lố nhố cả dưới mấy gốc đa xù xì, cành lá rườm rà ken vào nhau, rải xuống mặt đường và bãi cỏ một vùng bóng mát rộng. Ông lão ngồi vào một cái quán gần đấy. Hút một điếu thuốc lào, uống một hụm chè tươi nóng, ông chóp chép cái miệng ngẫm nghĩ ; bao nhiêu ý nghĩ vui thích chen chúc trong đầu óc. Tiếng quạt, tiếng thở, tiếng trẻ con khóc, cùng với tiếng cười nói của cánh đi phá đường về râm ran một góc đường. Dưới chân đồi, những thửa ruộng lúa xanh mượt, uốn quanh co dưới trời nắng, lấp loáng như một khúc sông. Có mấy bóng cò trắng bay dật dờ...

– Các ông, các bà ở đâu ta lên đấy ạ ?

Ông Hai đặt bát nước xuống chõng hỏi. Một người đàn bà mau miệng trả lời :

– Thưa ông, chúng cháu ở Gia Lâm[13] lên đấy ạ. Đi bốn năm hôm mới lên đến đây, vất vả quá !

– Ở Gia Lâm lên ạ ! Lúa má dưới ta thế nào, liệu có cấy được không bác ?

– Chả cấy thì lấy gì mà ăn. Cấy tất ông ạ. Chân ruộng dưới chúng cháu còn tốt hơn trên này nhiều.

– Thì vưỡn ! Lúa dưới ta tốt nhiều chứ.

Ông lão rít một hơi thuốc lào nữa, gật gù cái đầu : "Hừ, đánh nhau cứ đánh nhau, cày cấy cứ cày cấy, tản cư cứ tản cư... Hay đáo để".

– Này, bác có biết mấy hôm nay súng nó bắn ở đâu mà nghe rát thế không ?

Một người đàn bà cho con bú mé bên kia nói xen vào :

– Nó rút ở Bắc Ninh[14] về qua Chợ Dầu[15], nó khủng bố ông ạ.

Ông Hai quay phắt lại lắp bắp hỏi :

– Nó... Nó vào làng Chợ Dầu hở bác ? Thế ta giết được bao nhiêu thằng ?

Người đàn bà ẵm con cong môi lên đỏng đảnh :

– Có giết được thằng nào đâu. Cả làng chúng nó Việt gian[16] theo Tây còn giết gì nữa !

Cổ ông lão nghẹn ắng hẳn lại, da mặt tê rân rân. Ông lão lặng đi, tưởng như đến không thở được. Một lúc lâu ông mới rặn è è, nuốt một cái gì vướng ở cổ, ông cất tiếng hỏi, giọng lạc hẳn đi :

– Liệu có thật không hở bác ? Hay là chỉ lại...

– Thì chúng tôi vừa ở dưới ấy lên đây mà lại. Việt gian từ thằng chủ tịch mà đi cơ ông ạ. Tây vào làng, chúng nó bảo nhau vác cờ thần ra hoan hô. Thằng chánh Bệu thì khuân cả tủ chè, đỉnh đồng, vải vóc lên xe cam-nhông[17], đưa vợ con lên vị trí với giặc ở ngoài tỉnh mà lại.

Có người hỏi :

– Sao bảo làng Chợ Dầu tinh thần[18] lắm cơ mà ?...

– Ấy thế mà bây giờ đổ đốn ra thế đấy !

Ông Hai trả tiền nước, đứng dậy, chèm chẹp miệng, cười nhạt một tiếng, vươn vai nói to :

– Hà, nắng gớm, về nào...

Ông lão vờ vờ đứng lảng ra chỗ khác, rồi đi thẳng. Tiếng cười nói xôn xao của đám người mới tản cư lên ấy vẫn dõi theo. Ông nghe rõ cái giọng chua lanh lảnh của người đàn bà cho con bú :

– Cha mẹ tiên sư nhà chúng nó ! Đói khổ ăn cắp ăn trộm bắt được người ta còn thương. Cái giống Việt gian bán nước thì cứ cho mỗi đứa một nhát !

Ông Hai cúi gằm mặt xuống mà đi. Ông thoáng nghĩ đến mụ chủ nhà.

Về đến nhà, ông Hai nằm vật ra giường, mấy đứa trẻ thấy bố hôm nay có vẻ khác, len lét đưa nhau ra đầu nhà chơi sậm chơi sụi[19] với nhau.

Nhìn lũ con, tủi thân, nước mắt ông lão cứ giàn ra. Chúng nó cũng là trẻ con làng Việt gian đấy ư ? Chúng nó cũng bị người ta rẻ rúng hắt hủi đấy ư ? Khốn nạn, bằng ấy tuổi đầu... Ông lão nắm chặt hai tay lại mà rít lên :

– Chúng bay ăn miếng cơm hay miếng gì vào mồm mà đi làm cái giống Việt gian bán nước để nhục nhã thế này.

Ông lão bỗng ngừng lại, ngờ ngợ như lời mình không được đúng lắm. Chả nhẽ cái bọn ở làng lại đốn đến thế được. Ông kiểm điểm từng người trong óc. Không mà, họ toàn là những người có tinh thần cả mà. Họ đã ở lại làng, quyết tâm một sống một chết với giặc, có đời nào lại cam tâm làm điều nhục nhã ấy !...

Nhưng sao lại nảy ra cái tin như vậy được ? Mà thằng chánh Bệu thì đích là người làng không sai rồi. Không có lửa làm sao có khói ?[20] Ai người ta hơi đâu bịa tạc ra những chuyện ấy làm gì. Chao ôi ! Cực nhục chưa, cả làng Việt gian ! Rồi đây biết làm ăn, buôn bán ra sao ? Ai người ta chứa. Ai người ta buôn bán mấy. Suốt cả cái nước Việt Nam này người ta ghê tởm, người ta thù hằn cái giống Việt gian bán nước... Lại còn bao nhiêu người làng, tan tác mỗi người một phương nữa, không biết họ đã rõ cái cơ sự này chưa ?...

Chiều hôm ấy bà Hai về cũng có vẻ khác. Bà bước từng bước uể oải, cái mặt cúi xuống bần thần. Đôi quang thúng thõng thẹo trên hai mấu đòn gánh. Bà đi thẳng vào trong nhà lúi húi xếp hàng vào một xó, rồi lẳng lặng ra bậc cửa ngồi ôm má nghĩ ngợi. Trẻ con cũng không đứa nào dám vòi quà. Trong nhà có cái im lặng thật là khó chịu, không ai dám cất tiếng lên nói, cả đến nhìn nhau họ cũng không dám nhìn nhau nữa.

Mãi khuya, bà Hai mới chống gối đứng dậy. Bà lẳng lặng xuống bếp châm lửa ngồi tính tiền hàng. Vẫn những tiền cua, tiền bún, tiền đỗ, tiền kẹo... Vẫn cái giọng rì rầm, rì rầm thường ngày.

– Này, thầy nó ạ.

Ông Hai nằm rũ ra ở trên giường không nói gì.

– Thầy nó ngủ rồi à ?

– Gì ?

Ông lão khẽ nhúc nhích.

– Tôi thấy người ta đồn...

Ông lão gắt lên :

– Biết rồi !

Bà Hai nín bặt. Gian nhà lặng đi, hiu hắt. Ánh lửa vàng nhờ nhờ ở ngọn đèn dầu lạc vờn trên nét mặt lo âu của bà lão. Tiếng thở của ba đứa trẻ chụm đầu vào nhau ngủ nhẹ nhàng nổi lên, nghe như tiếng thở của gian nhà.

– Thế nhưng người ta đồn trên này người ta không chứa những người Chợ Dầu nữa thầy nó ạ.

Nghe ngóng một chút, không thấy chồng trả lời, bà lão lại cúi xuống lầm bầm tính. Nét mặt bà lặng đi, chịu đựng và nhẫn nhục.

Bên gian bác Thứ đã ngủ từ lâu, chung quanh đều im lặng... Một vài tiếng chó nhúc nhắc sủa phía xa, và có tiếng trẻ khóc văng vẳng trong tiếng gió.

Ông Hai vẫn trằn trọc không sao ngủ được. Ông hết trở mình bên này lại trở mình bên kia, thở dài. Chợt ông lão lặng hẳn đi, chân tay nhủn ra, tưởng chừng như không cất lên được... Có tiếng nói léo xéo ở gian trên. Tiếng mụ chủ... Mụ nói cái gì vậy ? Mụ nói cái gì mà lào xào thế ? Trống ngực ông lão đập thình thịch. Ông lão nín thở, lắng tai nghe ra bên ngoài...

Bà Hai bỗng lại cất tiếng :

– Thầy nó ngủ rồi ư ? Dậy tôi bảo cái này đã.

Ông Hai bật ngóc đầu dậy, giơ tay trỏ lên nhà trên, ông sít hai hàm răng lại mà nghiến :

– Im ! Khổ lắm ! Nó mà nghe thấy lại không ra cái gì bây giờ.

Ông lão lại ngả mình nằm xuống, không nhúc nhích.

Đã ba bốn hôm nay, ông Hai không bước chân ra đến ngoài, cả đến bên bác Thứ ông cũng không dám sang. Suốt ngày ông chỉ quanh quẩn ở trong cái gian nhà chật chội ấy mà nghe ngóng. Nghe ngóng xem binh tình[21] bên ngoài ra sao. Một đám đông túm lại, ông cũng để ý, dăm bảy tiếng cười nói xa xa, ông cũng chột dạ. Lúc nào ông cũng nơm nớp tưởng như người ta đang để ý, người ta đang bàn tán đến "cái chuyện ấy". Cứ thoáng nghe những tiếng Tây, Việt gian, cam-nhông... là ông lủi ra một góc nhà, nín thít. Thôi lại chuyện ấy rồi !

Nhưng còn cái này nữa mà ông sợ, có lẽ còn ghê rợn hơn cả những tiếng kia nhiều. Ấy là mụ chủ nhà. Từ ngày xảy ra chuyện ấy, hình như mụ ta lấy điều làm cho vợ chồng ông khổ ngấm khổ ngầm là mụ thích.

Sáng chiều bốn buổi đi làm đồng về, mụ kéo lê cái nạo cỏ quèn quẹt dưới đất, qua cửa, mụ nhòm vào nói những câu bóng gió xa xôi, như khía vào thịt ông lão. Thôi thì bây giờ thế nào mà chả phải chịu. Có được chỗ chui ra chui vào là may lắm rồi. Mỗi lần mụ nói, ông lão chỉ cười gượng làm như không biết chuyện gì.

Ông thì ông muốn lặng đi như thế, nhưng mụ chủ nhà có để cho ông yên đâu.

Sáng hôm nay, lúc bà Hai sắp sửa quang gánh ra hàng thì mụ chủ nhà không biết đi đâu về, mụ đứng dạng háng ở ngoài sân nói chõ vào :

– Bà lão chưa đi hàng cơ à ? Muộn mấy ?...

– Chưa bà ạ. Mời bà vào chơi trong này.

– Vâng bà để mặc em... À bà Hai này !...

Mụ chạy sát vào bực cửa, thân mật :

– Trên này họ đồn giăng giăng ra rằng thì là làng dưới nhà ta đi Việt gian theo Tây đấy, ông bà đã biết chưa nhỉ ?... Nghe nói, bảo có lệnh đuổi hết những người làng Chợ Dầu khỏi vùng này không cho ở nữa.

Mụ chủ chép miệng, giọng ngọt xớt :

– Em cứ khó nghĩ quá... ông bà cũng là người làm ăn tử tế cả. Nhưng mà có lệnh biết làm thế nào. Đành nhẽ là ông bà kiếm chỗ khác vậy... Này, ở với nhau đang vui vẻ, ông bà dọn đi, em lại cứ nhớ đáo để đấy nhớ.

Bà Hai cúi mặt xuống rân rấn nước mắt, bà nói :

– Vâng... thôi thì dân làng đã chả cho ở nữa, chúng tôi cũng đành phải đi nơi khác chứ biết làm thế nào. Nhưng xin ông bà trên ấy nghĩ lại thư thư cho vợ chồng chúng tôi vài ba hôm nữa. Bây giờ bảo đi, vợ chồng chúng tôi cũng không biết là đi đâu...

Mụ chủ đi rồi, bà Hai và con bé lớn nước mắt ròng ròng, lẳng lặng gánh hàng ra quán. Vợ chồng cũng chẳng dám nói với nhau câu gì.

Ông Hai ngồi lặng trên một góc giường. Bao nhiêu ý nghĩ đen tối, ghê rợn, nối tiếp bời bời trong đầu óc ông lão. Biết đem nhau đi đâu bây giờ ? Biết đâu người ta chứa bố con ông mà đi bây giờ ?...

Thật là tuyệt đường sinh sống ! Mà không một gì cái đất Thắng này. Ở Đài, ở Nhã Nam, ở Bố Hạ, Cao Thượng[22]... đâu đâu có người Chợ Dầu người ta cũng đuổi như đuổi hủi[23]. Mà cho dẫu vì chính sách Cụ Hồ người ta chẳng đuổi đi nữa, thì mình cũng chẳng còn mặt mũi nào đi đến đâu.

"Cả làng chúng nó Việt gian theo Tây...", cái câu nói của người đàn bà tản cư hôm trước lại dội lên trong tâm trí ông.

Hay là quay về làng ?...

Vừa chớm nghĩ như vậy, lập tức ông lão phản đối ngay. Về làm gì cái làng ấy nữa. Chúng nó theo Tây cả rồi. Về làng tức là bỏ kháng chiến, bỏ Cụ Hồ...

Nước mắt ông giàn ra. Về làng tức là chịu quay lại làm nô lệ cho thằng Tây. Ông lão nghĩ ngay đến mấy thằng kì lí[24] chuyên môn khua khoét ngày trước lại ra vào hống hách ở trong cái đình. Và cái đình lại như của riêng chúng nó, lại thâm nghiêm ghê gớm, chứa toàn những sự ức hiếp, đè nén. Ngày ngày chúng dong ra, dong vào, đánh tổ tôm mà bàn tư việc làng với nhau ở trong ấy. Những hạng khố rách áo ôm như ông có đi qua cũng chỉ dám liếc trộm vào, rồi cắm đầu xuống mà lủi đi. Anh nào ho he, hóc hách một tí thì chúng nó tìm hết cách để hại, cất phần ruộng, truất ngôi, trừ ngoại[25], tống ra khỏi làng...

Ông Hai nghĩ rợn cả người. Cả cuộc đời đen tối, lầm than cũ nổi lên trong ý nghĩ ông. Ông không thể về cái làng ấy được nữa. Về bây giờ ra ông chịu mất hết à ?

Không thể được ! Làng thì yêu thật, nhưng làng theo Tây mất rồi thì phải thù.

Ông lão ôm thằng con út lên lòng, vỗ nhè nhẹ vào lưng nó, khẽ hỏi :

– Húc kia ! Thầy hỏi con nhé, con là con ai ?

– Là con thầy mấy lị con u.

– Thế nhà con ở đâu ?

– Nhà ta ở làng Chợ Dầu.

– Thế con có thích về làng Chợ Dầu không ?

Thằng bé nép đầu vào ngực bố trả lời khe khẽ :

– Có.

Ông lão ôm khít thằng bé vào lòng, một lúc lâu ông lại hỏi :

– À, thầy hỏi con nhé. Thế con ủng hộ ai ?

Thằng bé giơ tay lên, mạnh bạo và rành rọt :

– Ủng hộ Cụ Hồ Chí Minh muôn năm !

Nước mắt ông lão giàn ra, chảy ròng ròng trên hai má. Ông nói thủ thỉ :

– Ừ đúng rồi, ủng hộ Cụ Hồ con nhỉ.

Mấy hôm nay ru rú ở xó nhà, những lúc buồn khổ quá chẳng biết nói cùng ai, ông lão lại thủ thỉ với con như vậy. Ông nói như để ngỏ lòng mình, như để mình lại minh oan cho mình nữa.

Anh em đồng chí biết cho bố con ông.

Cụ Hồ trên đầu trên cổ xét soi cho bố con ông.

Cái lòng bố con ông là như thế đấy, có bao giờ dám đơn sai[26]. Chết thì chết có bao giờ dám đơn sai. Mỗi lần nói ra được đôi câu như vậy nỗi khổ trong lòng ông cũng vợi đi được đôi phần.

Khoảng ba giờ chiều hôm ấy, có một người đàn ông đến chơi nhà ông Hai. Hắn cũng là người làng Chợ Dầu. Hai người thì thầm ở góc nhà một lúc lâu rồi thấy ông Hai đóng khăn áo chỉnh tề tất tả theo hắn đi. Ông vội vã đến quên cả dặn trẻ coi nhà.

Ông Hai đi mãi đến sẩm tối mới về. Cái mặt buồn thỉu mọi ngày bỗng tươi vui, rạng rỡ hẳn lên. Mồm bỏm bẻm nhai trầu, cặp mắt hung hung đỏ, hấp háy... Vừa đến ngõ, ông lão đã lên tiếng :

– Chúng mày đâu rồi, ra thầy chia quà cho nào.

Lũ trẻ ở trong nhà ùa ra, ông lão rút vội cái gói bọc lá chuối khô cho con bé lớn :

– Bánh rán đường đây, chia cho em mỗi đứa một cái.

Dứt lời ông lão lại lật đật đi thẳng sang bên gian bác Thứ.

Chưa đến bực cửa, ông lão đã bô bô :

– Bác Thứ đâu rồi ? Bác Thứ làm gì đấy ? Tây nó đốt nhà tôi rồi bác ạ. Đốt nhẵn ! Ông chủ tịch làng tôi vừa mới lên trên này cải chính[27], ông ấy cho biết... cải chính cái tin làng Chợ Dầu chúng tôi đi Việt gian ấy mà. Láo ! Láo hết ! Toàn là *sai sự mục đích*[28] cả.

Bác Thứ chưa nghe thủng câu chuyện ra sao, ông lão đã lại lật đật bỏ lên nhà trên.

– Tây nó đốt nhà tôi rồi ông chủ ạ. Đốt nhẵn. Ông chủ tịch làng em vừa lên cải chính... cải chính cái tin làng Chợ Dầu chúng em Việt gian ấy mà. Ra láo ! Láo hết, chẳng có gì sất. Toàn là *sai sự mục đích* cả !

Cũng chỉ được bằng ấy câu, ông lão lại lật đật bỏ đi nơi khác. Còn phải để cho người khác biết chứ. Ông lão cứ múa tay lên mà khoe cái tin ấy với mọi người. Ai ai cũng mừng cho ông lão.

Đến cả mụ chủ nhà là người ông lão yên trí nghe tin này thế nào mặt mụ cũng sa sầm xuống mà nói tức nói xóc, thì trái lại, mụ lại tỏ vẻ rất vui sướng. Mụ giương tròn cả hai mắt lên mà reo :

– A, thế chứ ! Thế mà tớ cứ tưởng dưới nhà đi Việt gian thật, tớ ghét ghê ấy... Thôi, bây giờ thì ông bà lại cứ ở tự nhiên ai bảo sao. Ăn hết nhiều chứ ở hết là bao nhiêu.

Mụ cười khì khì :

– Này, rồi cũng phải nuôi lấy con lợn... mà ăn mừng đấy !...

Ông Hai gật gật :

– Được, được, chuyến này rồi phải nuôi chứ...

Tối hôm ấy, ông Hai lại sang bên gian bác Thứ, lại ngồi trên chiếc chõng tre, vén quần lên tận bẹn mà nói chuyện về cái làng của ông.

Ông kể lại hôm Tây vào khủng bố. Chúng nó có bao thằng, bao nhiêu Tây, bao nhiêu Việt gian, đi những đường nào, đốt phá những đâu đâu, và dân quân, tự vệ làng ông bố trí, cầm cự ra sao, rành rọt, tỉ mỉ như chính ông lão vừa dự trận đánh giặc ấy xong thật...

(Kim Lân(*), *Văn tuyển tập 1945 – 1956*,
NXB Văn nghệ, Hà Nội, 1956)

Chú thích

(*) Kim Lân (1920 – 2007), tên khai sinh là Nguyễn Văn Tài, quê ở huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh. Ông là nhà văn chuyên viết truyện ngắn và đã có sáng tác đăng báo từ trước Cách mạng tháng Tám 1945. Vốn gắn bó và am hiểu sâu sắc

cuộc sống ở nông thôn, Kim Lân hầu như chỉ viết về sinh hoạt làng quê và cảnh ngộ của người nông dân. Năm 2001, ông được tặng Giải thưởng Nhà nước về văn học nghệ thuật.

Truyện ngắn *Làng* được viết trong thời kì đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp và đăng lần đầu trên tạp chí *Văn nghệ* năm 1948. Văn bản truyện khi đưa vào sách giáo khoa có lược bỏ phần đầu (phần giới thiệu về hoàn cảnh phải rời làng lên nơi tản cư của ông Hai và cái tính thích khoe làng của ông).

(1) *Sắn* : ở miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ gọi là *mì* hoặc *khoai mì*.

(2) *Bông phèng* : nói đùa một cách dễ dãi, không cần có ý nghĩa.

(3) *Khướt* : có hai nghĩa : 1. Mệt lắm, vất vả lắm, lâu lắm ; 2. Từ biểu thị mức độ rất cao của một tính chất, trạng thái. Ở đây dùng với nghĩa thứ nhất.

(4) *Cung cúc* : dáng đi cắm cúi và nhanh, vội.

(5) *Vị trí* : ở đây nói tắt vị trí đóng quân hay đồn, bốt.

(6) *Bình dân học vụ* : phong trào dạy chữ quốc ngữ, thanh toán nạn mù chữ cho nhân dân lao động sau Cách mạng tháng Tám 1945 và trong thời kì kháng chiến chống Pháp.

(7) *Cơ chừng* : từ biểu thị ý phỏng đoán (như *chừng như, có lẽ, chắc là*).

(8) *Bốt* (phiên âm từ tiếng Pháp) : đồn nhỏ hoặc trạm gác (*đồn* : vị trí đóng quân cố định, được xây dựng kiên cố). *Bốt* ở đây là đồn địch.

(9) *Đột kích* : đánh bất ngờ, nhanh chóng.

(10) *Xe díp* (*díp* : phiên âm từ tiếng Pháp *jeep*) : xe quân sự nhỏ, thường dùng chở sĩ quan.

(11) *Tích tiểu thành đại* : góp nhiều cái nhỏ thành cái lớn.

(12) *Tản cư* : tạm rời nơi cư trú để đến ở vùng khác, chủ yếu vì chiến sự. Trong thời kì kháng chiến chống Pháp, nhân dân ở những vùng bị giặc chiếm hoặc có chiến sự ác liệt thường tản cư đến những vùng tự do, dưới sự kiểm soát của chính quyền kháng chiến.

(13) *Gia Lâm* : huyện ở phía nam tỉnh Bắc Ninh, nay thuộc Hà Nội.

(14) *Bắc Ninh* : tỉnh ở phía bắc Hà Nội, tỉnh lị Bắc Ninh cách Hà Nội khoảng 30 km.

(15) *Chợ Dầu* : làng thuộc huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh, có tên chữ là Phù Lưu. Làng Phù Lưu nổi tiếng về sự sầm uất, trù phú, đường làng lát toàn đá xanh.

(16) *Việt gian* : từ để chỉ những kẻ là người Việt Nam nhưng theo giặc, chống lại Tổ quốc.

(17) *Cam-nhông* (phiên âm từ tiếng Pháp *camion*) : xe vận tải quân sự, dùng chở binh lính hoặc vũ khí, quân trang.

(18) *Tinh thần* : ở đây là cách nói tắt, chỉ tinh thần hăng hái kháng chiến.

(19) *Chơi sậm chơi sụi* : chơi một cách lặng lẽ, kín đáo.

(20) *Không có lửa làm sao có khói* (thành ngữ) : biểu thị sự khẳng định nguyên nhân hay tính xác thực của một hiện tượng, sự việc.

(21) *Bình tình* : nghĩa gốc là tình hình quân sự, nhưng thường được dùng với nghĩa mở rộng là tình hình nói chung. Ở đây dùng với nghĩa mở rộng.

(22) *Đài, Nhã Nam, Bố Hạ, Cao Thượng* : những địa danh thuộc tỉnh Bắc Giang, đều là những nơi thuộc vùng trung du hay vùng rừng núi.

(23) *Hủi* : bệnh phong (tiếng địa phương miền Nam gọi là *cùi*).

(24) *Kì lí* : kì mục và hào lí – những người nắm giữ chức quyền, có vai vế trong làng xã thời trước Cách mạng tháng Tám (hội đồng kì mục bao gồm những người già có ngôi thứ trong làng xã ; hào lí : kẻ có chức vị, quyền thế ở làng xã).

(25) *Truất ngôi, trừ ngoại* : truất khỏi ngôi thứ trong làng xã, không được tham dự vào mọi hoạt động chung ở đình làng. Đây là một hình phạt nặng với những người dân ở làng quê xưa.

(26) *Đơn sai* : không giữ đúng như lời, thiếu trung thực, thay lòng đổi dạ.

(27) *Cải chính* : sửa lại, nói lại cho đúng sự thật.

(28) *Sai sự mục đích* : dùng với nghĩa là sai sự thật. Đúng ra phải dùng từ *mục kích* (nhìn thấy rõ ràng, tận mắt). Tác giả để cho ông Hai thích nói chữ, nhưng dùng từ không chính xác.

ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN

1. Truyện ngắn *Làng* đã xây dựng được một tình huống truyện làm bộc lộ sâu sắc tình yêu làng quê và lòng yêu nước ở nhân vật ông Hai. Đó là tình huống nào ?

2. Thuật lại diễn biến tâm trạng và hành động của nhân vật ông Hai từ lúc nghe tin làng mình theo giặc đến kết thúc truyện.

Vì sao ông Hai lại thấy đau đớn, tủi hổ khi nghe tin làng mình theo giặc ? Tâm trạng ấy của nhân vật đã được biểu hiện như thế nào ?

3. Em hãy đọc lại đoạn ông Hai trò chuyện với đứa con út ("Ông lão ôm thằng con út lên lòng... cũng vợi đi được đôi phần"). Vì sao ông Hai lại trò chuyện như thế với đứa con nhỏ ? Qua những lời trò chuyện ấy, em cảm nhận được điều gì về tấm lòng của ông Hai với làng quê, đất nước, với cuộc kháng chiến ?

Tình yêu làng quê và lòng yêu nước ở ông Hai có quan hệ như thế nào ?

4. Nhận xét về nghệ thuật miêu tả tâm lí và ngôn ngữ nhân vật ông Hai của tác giả.

Ghi nhớ

- *Tình yêu làng quê và lòng yêu nước, tinh thần kháng chiến của người nông dân phải rời làng đi tản cư đã được thể hiện chân thực, sâu sắc và cảm động ở nhân vật ông Hai trong truyện* ***Làng****.*
- *Tác giả đã thành công trong việc xây dựng tình huống truyện, trong nghệ thuật miêu tả tâm lí và ngôn ngữ nhân vật.*

LUYỆN TẬP

1. Chọn phân tích một đoạn miêu tả tâm lí nhân vật ông Hai trong truyện. Trong đoạn văn ấy, tác giả đã sử dụng những biện pháp nào để miêu tả tâm lí nhân vật ?

2. Em có nhớ truyện ngắn hay bài thơ nào cũng viết về tình cảm quê hương, đất nước ? Hãy nêu nét riêng của truyện *Làng* so với những tác phẩm ấy.

CHƯƠNG TRÌNH ĐỊA PHƯƠNG (phần Tiếng Việt)

1. Hãy tìm trong phương ngữ em đang sử dụng hoặc trong một phương ngữ mà em biết những từ ngữ :

a) Chỉ các sự vật, hiện tượng,... không có tên gọi trong các phương ngữ khác và trong ngôn ngữ toàn dân.

Mẫu : *nhút* (phương ngữ Trung), *bồn bồn* (phương ngữ Nam).

b) Đồng nghĩa nhưng khác về âm với những từ ngữ trong các phương ngữ khác hoặc trong ngôn ngữ toàn dân.

Mẫu :

Phương ngữ Bắc	**Phương ngữ Trung**	**Phương ngữ Nam**
cá quả	*cá tràu*	*cá lóc*
lợn	*heo*	*heo*
ngã	*bổ*	*té*

c) Đồng âm nhưng khác về nghĩa với những từ ngữ trong các phương ngữ khác hoặc trong ngôn ngữ toàn dân.

Mẫu :

Phương ngữ Bắc	**Phương ngữ Trung**	**Phương ngữ Nam**
ốm : bị bệnh	*ốm* : gầy	*ốm* : gầy

2. Cho biết vì sao những từ ngữ địa phương như ở bài tập 1.a không có từ ngữ tương đương trong phương ngữ khác và trong ngôn ngữ toàn dân. Sự xuất hiện những từ ngữ đó thể hiện tính đa dạng về điều kiện tự nhiên và đời sống xã hội trên các vùng miền của đất nước ta như thế nào ?

3. Quan sát hai bảng mẫu ở bài tập 1 và cho biết những từ ngữ nào (ở trường hợp b) và cách hiểu nào (ở trường hợp c) được coi là thuộc về ngôn ngữ toàn dân.

4. Đọc đoạn trích sau (trong bài thơ *Mẹ Suốt* của Tố Hữu) và chỉ ra những từ ngữ địa phương có trong đoạn trích. Những từ ngữ đó thuộc phương ngữ nào ? Việc sử dụng những từ ngữ địa phương trong đoạn thơ có tác dụng gì ?

Gan chi gan rứa, mẹ nờ ?
Mẹ rằng : Cứu nước, mình chờ chi ai ?
Chẳng bằng con gái, con trai
Sáu mươi còn một chút tài đò đưa
Tàu bay hắn bắn sớm trưa
Thì tui cứ việc nắng mưa đưa đò...
Ghé tai mẹ, hỏi tò mò :
Cớ răng ông cũng ưng cho mẹ chèo ?
Mẹ cười : Nói cứng, phải xiêu
Ra khơi ông còn dám, tui chẳng liều bằng ông !
Nghe ra ông cũng vui lòng
Tui đi, còn chạy ra sông dặn dò :
"Coi chừng sóng lớn, gió to
Màn xanh đây mụ, đắp cho kín mình !".

ĐỐI THOẠI, ĐỘC THOẠI VÀ ĐỘC THOẠI NỘI TÂM TRONG VĂN BẢN TỰ SỰ

I – TÌM HIỂU YẾU TỐ ĐỐI THOẠI, ĐỘC THOẠI VÀ ĐỘC THOẠI NỘI TÂM TRONG VĂN BẢN TỰ SỰ

1. Đọc đoạn trích sau :

Có người hỏi :

– Sao bảo làng Chợ Dầu tinh thần lắm cơ mà ?...

– Ấy thế mà bây giờ đổ đốn ra thế đấy !

Ông Hai trả tiền nước, đứng dậy, chèm chẹp miệng, cười nhạt một tiếng, vươn vai nói to :

– Hà, nắng gớm, về nào...

Ông lão vờ vờ đứng lảng ra chỗ khác, rồi đi thẳng. Tiếng cười nói xôn xao của đám người mới tản cư lên ấy vẫn dõi theo. Ông nghe rõ cái giọng chua lanh lảnh của người đàn bà cho con bú :

– Cha mẹ tiên sư nhà chúng nó ! Đói khổ ăn cắp ăn trộm bắt được người ta còn thương. Cái giống Việt gian bán nước thì cứ cho mỗi đứa một nhát !

Ông Hai cúi gằm mặt xuống mà đi. Ông thoáng nghĩ đến mụ chủ nhà.

Về đến nhà, ông Hai nằm vật ra giường, mấy đứa trẻ thấy bố hôm nay có vẻ khác, len lét đưa nhau ra đầu nhà chơi sậm chơi sụi với nhau.

Nhìn lũ con, tủi thân, nước mắt ông lão cứ giàn ra. Chúng nó cũng là trẻ con làng Việt gian đấy ư ? Chúng nó cũng bị người ta rẻ rúng hắt hủi đấy ư ? Khốn nạn, bằng ấy tuổi đầu... Ông lão nắm chặt hai tay lại mà rít lên :

– Chúng bay ăn miếng cơm hay miếng gì vào mồm mà đi làm cái giống Việt gian bán nước để nhục nhã thế này.

(Kim Lân, *Làng*)

2. Suy nghĩ và trả lời câu hỏi :

a) Trong ba câu đầu đoạn trích, ai nói với ai ? Tham gia câu chuyện có ít nhất mấy người ? Dấu hiệu nào cho ta thấy đó là một cuộc trò chuyện trao đổi qua lại ?

b) Câu "– Hà, nắng gớm, về nào... " ông Hai nói với ai ? Đây có phải là một câu đối thoại không ? Vì sao ? Trong đoạn trích còn có câu nào kiểu này không ? Hãy dẫn ra các câu đó.

c) Những câu như : "Chúng nó cũng là trẻ con làng Việt gian đấy ư ? Chúng nó cũng bị người ta rẻ rúng hắt hủi đấy ư ? Khốn nạn, bằng ấy tuổi đầu..." là những câu ai hỏi ai ? Tại sao trước những câu này không có gạch đầu dòng như những câu đã nêu ở điểm (a) và (b) ?

d) Các hình thức diễn đạt trên có tác dụng như thế nào trong việc thể hiện diễn biến của câu chuyện và thái độ của những người tản cư trong buổi trưa ông Hai gặp họ ? Đặc biệt chúng đã giúp nhà văn thể hiện thành công những diễn biến tâm lí của nhân vật ông Hai như thế nào ?

Ghi nhớ

• *Đối thoại, độc thoại, độc thoại nội tâm là những hình thức quan trọng để thể hiện nhân vật trong văn bản tự sự.*

• ***Đối thoại** là hình thức đối đáp, trò chuyện giữa hai hoặc nhiều người. Trong văn bản tự sự, đối thoại được thể hiện bằng các gạch đầu dòng ở đầu lời trao và lời đáp (mỗi lượt lời là một lần gạch đầu dòng).*

• ***Độc thoại** là lời của một người nào đó nói với chính mình hoặc nói với một ai đó trong tưởng tượng. Trong văn bản tự sự, khi người độc thoại nói thành lời thì phía trước câu nói có gạch đầu dòng ; còn khi không thành lời thì không có gạch đầu dòng. Trường hợp sau gọi là **độc thoại nội tâm**.*

II – LUYỆN TẬP

1. Phân tích tác dụng của hình thức đối thoại trong đoạn trích sau đây :

Mãi khuya, bà Hai mới chống gối đứng dậy. Bà lẳng lặng xuống bếp châm lửa ngồi tính tiền hàng. Vẫn những tiền cua, tiền bún, tiền đỗ, tiền kẹo... Vẫn cái giọng rì rầm, rì rầm thường ngày.

– Này, thầy nó ạ.

Ông Hai nằm rũ ra ở trên giường không nói gì.

– Thầy nó ngủ rồi à ?

– Gì ?

Ông lão khẽ nhúc nhích.

– Tôi thấy người ta đồn...

Ông lão gắt lên :

– Biết rồi !

Bà Hai nín bặt. Gian nhà lặng đi, hiu hắt.

(Kim Lân, *Làng*)

2. Viết một đoạn văn kể chuyện theo đề tài tự chọn, trong đó sử dụng cả hình thức đối thoại, độc thoại và độc thoại nội tâm.

LUYỆN NÓI : TỰ SỰ KẾT HỢP VỚI NGHỊ LUẬN VÀ MIÊU TẢ NỘI TÂM

I – CHUẨN BỊ Ở NHÀ

Lập đề cương cho các bài tập sau và tập nói để trình bày trước lớp.

1. Tâm trạng của em sau khi để xảy ra một chuyện có lỗi đối với bạn (xem lại phần Tập làm văn, tr. 117).

2. Kể lại buổi sinh hoạt lớp, ở đó em đã phát biểu ý kiến để chứng minh Nam là một người bạn rất tốt (xem lại phần Tập làm văn, tr. 161).

3. Dựa vào nội dung phần đầu tác phẩm *Chuyện người con gái Nam Xương* (từ đầu đến "Bấy giờ chàng mới tỉnh ngộ, thấu nỗi oan của vợ, nhưng việc trót đã qua rồi !"), hãy đóng vai Trương Sinh để kể lại câu chuyện và bày tỏ niềm ân hận.

Lưu ý

a) Sử dụng yếu tố nghị luận, miêu tả nội tâm, các hình thức đối thoại, độc thoại.

b) Không viết thành bài văn, chỉ nêu ra các ý chính mà mình sẽ nói.

c) Luyện tập nói ở nhà, hình dung trước : mở đầu nên nói gì, sau đó lần lượt nói về các nội dung gì và kết thúc như thế nào.

II – LUYỆN NÓI TRÊN LỚP

1. Chủ động xin được trình bày trước lớp những nội dung đã chuẩn bị ở nhà hoặc sẵn sàng đáp ứng khi thầy, cô giáo yêu cầu.

2. Nói rõ ràng, mạch lạc, có giọng điệu, tư thế ngay ngắn, mắt hướng vào người nghe.

3. Chú ý rút kinh nghiệm về các lỗi (cả nội dung và hình thức) trong phần trình bày miệng của mình trên lớp.

BÀI 14

Kết quả cần đạt

- *Cảm nhận được vẻ đẹp bình dị của các nhân vật trong truyện ngắn* ***Lặng lẽ Sa Pa****, nhất là nhân vật anh thanh niên. Từ đó thấu hiểu tư tưởng của tác phẩm : công việc đem lại ý nghĩa trong cuộc sống và niềm vui cho con người, dù trong hoàn cảnh đơn độc. Phân tích được những điểm đặc sắc trong nghệ thuật truyện : xây dựng tình huống, miêu tả nhân vật từ nhiều điểm nhìn, kết hợp tự sự và trữ tình.*
- *Củng cố một số nội dung của phần Tiếng Việt đã học ở học kì I : các phương châm hội thoại, xưng hô trong hội thoại, lời dẫn trực tiếp và lời dẫn gián tiếp.*
- *Viết được bài văn tự sự có sử dụng các yếu tố miêu tả nội tâm và nghị luận.*

Hiểu rõ vai trò của người kể chuyện trong văn bản tự sự.

VĂN BẢN

LẶNG LẼ SA PA[1]

(Trích)

– Chúng ta vừa qua Sa Pa, bác không nhận ra ư ? – Người lái xe bỗng nhiên lại hỏi.

– Có. Tôi có nhận ra. Sa Pa bắt đầu với những rặng đào. Và với những đàn bò lang cổ có đeo chuông ở các đồng cỏ trong lũng hai bên đường. Chỗ ấy là Tả Phình phải không bác ? – Nhà hoạ sĩ trả lời.

– Vâng. Bác không thích dừng lại Sa Pa ạ ?

– Thích chứ, thích lắm. Thế nào tôi cũng về ở hẳn đấy. Tôi đã định thế. Nhưng bây giờ chưa phải lúc.

– Bác sợ Sa Pa buồn chứ gì ?

Nhà hoạ sĩ phá lên cười :

– Buồn thì ai mà chả sợ ? Nó như con gián gặm nhấm người ta ? Tốt hơn là tránh nó để làm việc đời.

Những nét hớn hở trên mặt người lái xe chợt duỗi ra rồi bẵng đi một lúc, bác không nói gì nữa. Còn nhà hoạ sĩ và cô gái cũng nín bặt, vì cảnh trước mặt bỗng hiện lên đẹp một cách kì lạ. Nắng bây giờ bắt đầu len tới, đốt cháy rừng cây. Những cây thông chỉ cao quá đầu, rung tít trong nắng những ngón tay bằng bạc dưới cái nhìn bao che của những cây tử kinh thỉnh thoảng nhô cái đầu màu hoa cà lên trên màu xanh của rừng. Mây bị nắng xua, cuộn tròn lại từng cục, lăn trên các vòm lá ướt sương, rơi xuống đường cái, luồn cả vào gầm xe. Giữa lúc đó, xe dừng sít lại. Hai ba người kêu lên một lúc :

– Cái gì thế ?

Bác lái xe xướng to :

– Cho xe nghỉ một lúc lấy nước. Luôn tiện bà con lót dạ. Nửa tiếng, các ông, các bà nhé.

Trong lúc mọi người xôn xao vui vẻ phía sau lưng, bác lái xe quay sang nhà hoạ sĩ nói vội vã :

– Tôi sắp giới thiệu với bác một trong những người cô độc nhất thế gian. Thế nào bác cũng thích vẽ hắn.

Không hiểu sao nói đến đấy, bác lái xe lại liếc nhìn cô gái. Cô bất giác đỏ mặt lên.

– Một anh thanh niên hai mươi bảy tuổi ! Đây là đỉnh Yên Sơn, cao hai nghìn sáu trăm mét. Anh ta làm công tác khí tượng kiêm vật lí địa cầu[(2)]. Cách đây bốn năm, có hôm tôi cũng đang đi thế này chợt thấy một khúc thân cây chắn ngang đường, phải hãm lại. Một anh thanh niên ở đâu chạy đến, hè với tôi và khách đi xe đẩy khúc cây ra một bên cho xe đi. Hỏi ở đây mà ai đẩy cây ra giữa đường thế này, anh chỉ đỏ mặt. Thì ra anh ta mới lên nhận việc, sống một mình trên đỉnh núi, bốn bề chỉ cây cỏ và mây mù lạnh lẽo, chưa quen, thèm người quá, anh ta kiếm kế dừng xe lại để gặp chúng tôi, nhìn trông và nói chuyện một lát. Kìa, anh ta kia.

Những lời giới thiệu trước ấy làm nhà hoạ sĩ già xúc động mạnh khi nhìn thấy người con trai tầm vóc bé nhỏ, nét mặt rạng rỡ từ trên sườn núi trước mặt

chạy lại chỗ xe đỗ. Ông không chú ý cô con gái cũng víu chặt vào vai ông, nửa vì tò mò, nửa để tự vệ chống lại một cái gì đó. Người con trai đưa cho bác lái xe một gói nhỏ :

– Cái gì thế này ? – Bác lái xe hỏi.

– Củ tam thất[3] cháu vừa đào thấy. Cháu gửi bác gái ngâm rượu uống. Hôm nọ bác chẳng bảo bác gái vừa ốm dậy là gì ?

Bác lái xe cũng rút từ túi cửa xe ra một gói giấy :

– Còn đây là sách tôi mua hộ anh.

Người con trai mừng quýnh cầm cuốn sách còn đang cười cười nhìn khắp khách đi xe bây giờ đã xuống đất tất cả. Kẻ đang vươn vai, người ngồi bệt xuống ven đường giở thức ăn mang theo ra. Bác lái xe dắt anh ta lại chỗ nhà hội hoạ và cô gái :

– Đây, tôi giới thiệu với anh một hoạ sĩ lão thành nhé. Và cô đây là kĩ sư nông nghiệp. Anh đưa khách về nhà đi. Tuổi già cần nước chè : ở Lào Cai đi sớm quá. Anh hãy đưa ra cái món chè pha nước mưa thơm như nước hoa của Yên Sơn nhà anh.

Anh thanh niên đỏ mặt, rõ ràng luống cuống :

– Vâng, mời bác và cô lên chơi. Nhà cháu kia. Lên cái bậc cấp kia, trên ấy có cái nhà đấy. Nước sôi đã có sẵn, nhưng cháu về trước một tí. Bác và cô lên ngay nhé.

Nói xong, anh chạy vụt đi, cũng tất tả như khi đến.

– Bác và cô lên với anh ấy một tí. Thế nào bác cũng thích vẽ anh ta. – Người lái xe lại nói.

Hoạ sĩ nghĩ thầm : "Khách tới bất ngờ, chắc cu cậu chưa kịp quét tước dọn dẹp, chưa kịp gấp chăn chẳng hạn". Ông rất ngạc nhiên khi bước lên bậc thang bằng đất, thấy người con trai đang hái hoa. Còn cô kĩ sư chỉ "ô" lên một tiếng ! Sau gần hai ngày, qua ngót bốn trăm cây số đường dài cách xa Hà Nội, đứng trong mây mù ngang tầm với chiếc cầu vồng kia, bỗng nhiên lại gặp hoa dơn, hoa thược dược, vàng, tím, đỏ, hồng phấn, tổ ong... ngay lúc dưới kia là mùa hè, đột ngột và mừng rỡ, quên mất e lệ, cô chạy đến bên người con trai đang cắt hoa. Anh con trai, rất tự nhiên như với một người bạn đã quen thân, trao bó hoa đã cắt cho người con gái, và cũng rất tự nhiên, cô đỡ lấy.

– Tôi cắt thêm mấy cành nữa. Rồi cô muốn lấy bao nhiêu nữa, tuỳ ý. Cô cứ cắt một bó rõ to vào. Có thể cắt hết, nếu cô thích. Tôi không biết kỉ niệm thế nào cho thật long trọng ngày hôm nay. Bác và cô là đoàn khách thứ hai đến thăm nhà tôi từ Tết. Và cô là cô gái thứ nhất từ Hà Nội lên tới nhà tôi từ bốn năm nay.

Người con trai nói to những điều đáng lẽ người ta chỉ nghĩ. Cũng là những điều ta ít nghĩ. Việc ấy làm bác già và cô gái cảm động và bị cuốn hút ngay. Cô ôm bó hoa vào ngực, bạo dạn nhìn thẳng vào mặt anh. Anh thanh niên bắt gặp cái nhìn đó, phủi vội giọt mồ hôi trên sống mũi, mỉm cười, hạ giọng hỏi :

– Cũng đoàn viên, phỏng ?

– Vâng. – Cô gái nói sẽ.

– Thôi, chấm dứt tiết mục hái hoa – Người con trai bất chợt quyết định – Bác lái xe chỉ cho ba mươi phút thôi. Hết năm phút rồi. Cháu nói qua công việc của cháu, năm phút. Còn hai mươi phút, mời bác và cô vào nhà uống chè, cho cháu nghe chuyện. Cháu thèm nghe chuyện dưới xuôi lắm. Công việc của cháu cũng quanh quẩn ở mấy chiếc máy ngoài vườn này thôi. Những cái máy vườn trạm khí tượng nào cũng có. Dãy núi này có một ảnh hưởng quyết định tới gió mùa đông bắc đối với miền Bắc nước ta. Cháu ở đây có nhiệm vụ đo gió, đo mưa, đo nắng, tính mây, đo chấn động mặt đất, dự vào việc báo trước thời tiết hằng ngày, phục vụ sản xuất, phục vụ chiến đấu. Đây là máy móc của cháu. Cái thùng đo mưa này, ở đâu bác cũng trông thấy, mưa xong đổ nước ra cái cốc li phân mà đo. Cái này là máy nhật quang kí[4], ánh nắng mặt trời xuyên qua cái kính này, đốt các mảnh giấy này, cứ theo mức độ, hình dáng vết cháy mà định nắng. Đây là máy Vin, nhìn khoảng cách giữa các răng cưa mà đoán gió. Ban đêm không nhìn máy, cháu nhìn gió lay lá hay nhìn trời, thấy sao nào khuất, sao nào sáng, có thể nói được mây, tính được gió. Cái máy nằm dưới sâu kia là máy đo chấn động vỏ quả đất. Cháu lấy những con số, mỗi ngày báo về "nhà" bằng máy bộ đàm[5] bốn giờ, mười một giờ, bảy giờ tối, lại một giờ sáng. Bản báo ấy trong ngành gọi là "ốp". Công việc nói chung dễ, chỉ cần chính xác. Gian khổ nhất là lần ghi và báo về lúc một giờ sáng. Rét, bác ạ. Ở đây có cả mưa tuyết đấy. Nửa đêm đang nằm trong chăn, nghe chuông đồng hồ chỉ muốn đưa tay tắt đi. Chui ra khỏi chăn, ngọn đèn bão vặn to đến cỡ nào vẫn thấy là không đủ sáng. Xách đèn ra vườn, gió tuyết và lặng im ở bên ngoài như chỉ chực đợi mình ra là ào ào xô tới. Cái lặng im lúc đó mới thật dễ sợ : nó như bị gió chặt ra từng khúc, mà gió thì giống những nhát chổi lớn muốn

quét đi tất cả, ném vứt lung tung... Những lúc im lặng lạnh cóng mà lại hừng hực như cháy. Xong việc, trở vào, không thể nào ngủ lại được.

Anh thanh niên đang nói, dừng lại. Và tại sao hoạ sĩ cảm giác mình bối rối ? Vì nhác thấy người con gái nhỏ nhẻ, e lệ, đứng giữa các luống dơn, không cần hái hoa nữa, ôm nguyên bó hoa trong tay, lắng tai nghe ? Vì hoạ sĩ đã bắt gặp một điều thật ra ông vẫn ao ước được biết, ôi, một nét thôi đủ khẳng định một tâm hồn, khơi gợi một ý sáng tác, một nét mới đủ là giá trị một chuyến đi dài.

– Anh nói nữa đi. – Ông giục.

– Báo cáo hết ! – Người con trai vụt trở lại giọng vui vẻ. – Năm phút nữa là mười. Còn hai mươi phút thôi. Bác và cô vào trong nhà. Chè đã ngấm rồi đấy.

Thì giờ ngắn ngủi còn lại thúc giục cả chính người hoạ sĩ già. Ông theo liền anh thanh niên vào trong nhà, đảo nhìn qua một lượt trước khi ngồi xuống ghế. Một căn nhà ba gian, sạch sẽ, với bàn ghế, sổ sách, biểu đồ, thống kê, máy bộ đàm. Cuộc đời riêng của anh thanh niên thu gọn lại một góc trái gian với chiếc giường con, một chiếc bàn học, một giá sách. Hoạ sĩ còn đang nheo mắt cố đọc tên các sách trên giá thì cô gái đã bước tới, dường như làm việc ấy hộ bố. Cô không trở lại bàn giữa và ngồi ngay xuống trước chiếc bàn học con, lật xem bìa một cuốn sách rồi để lại nguyên lật mở như cũ. Anh thanh niên rót nước chè mời bác già, ngoảnh lại tìm cô gái, thấy cô đang đọc, liền bưng cái chén con đến yên lặng đặt trước mặt cô.

Hoạ sĩ nhấp chén trà nóng ba ngày nay ông mới lại gặp, không giấu vẻ thích thú, tự rót lấy một chén nữa, nói luôn :

– Ta thoả thuận thế này. Chuyện dưới xuôi, mươi ngày nữa trở lại đây, tôi sẽ kể anh nghe. Tôi sẽ trở lại, danh dự đấy. Tôi cũng muốn biết cái yên lặng lúc một giờ sáng chon von trên cao nó thế nào. Bây giờ có cả ba chúng ta đây, anh hãy kể chuyện anh đi. Sao người ta bảo anh là người cô độc nhất thế gian ? Rằng anh "thèm" người lắm ?

Anh thanh niên bật cười khanh khách :

– Các từ ấy đều là của bác lái xe. Không, không đúng đâu. Một mình thì anh bạn trên trạm đỉnh Phan-xi-păng ba nghìn một trăm bốn mươi hai mét kia mới một mình hơn cháu. Làm khí tượng, ở được cao thế mới là lí tưởng chứ.

Anh hạ giọng, nửa tâm sự, nửa đọc lại một điều rõ ràng đã ngẫm nghĩ nhiều :

– Hồi chưa vào nghề, những đêm bầu trời đen kịt, nhìn kĩ mới thấy một ngôi sao xa, cháu cũng nghĩ ngay ngôi sao kia lẻ loi một mình. Bây giờ làm nghề này cháu không nghĩ như vậy nữa. Vả, khi ta làm việc, ta với công việc là đôi, sao gọi là một mình được ? Huống chi việc của cháu gắn liền với việc của bao anh em, đồng chí dưới kia. Công việc của cháu gian khổ thế đấy, chứ cất nó đi, cháu buồn đến chết mất. Còn người thì ai mà chả "thèm" hở bác ? Mình sinh ra là gì, mình để ở đâu, mình vì ai mà làm việc ? Đấy, cháu tự nói với cháu thế đấy. Bác lái xe đi, về Lai Châu cứ đến đây dừng lại một lát. Không vào giờ "ốp" là cháu chạy xuống chơi, lâu thành lệ. Cháu bỗng dưng tự hỏi : Cái nhớ xe, nhớ người ấy thật ra là cái gì vậy ? Nếu là nỗi nhớ phồn hoa đô hội thì xoàng. Cháu ở liền trong trạm hàng tháng. Bác lái xe bao lần dừng, bóp còi toe toe, mặc, cháu gan lì nhất định không xuống. Ấy thế là một hôm, bác lái phải thân hành lên trạm cháu. Cháu nói : "Đấy, bác cũng chẳng "thèm" người là gì ? ".

Anh xoay sang người con gái đang một mắt đọc cuốn sách, một mắt lắng nghe, chân cô đung đưa khe khẽ, nói :

– Và cô cũng thấy đấy, lúc nào tôi cũng có người trò chuyện. Nghĩa là có sách ấy mà. Mỗi người viết một vẻ.

– Quê anh ở đâu thế ? – Hoạ sĩ hỏi.

– Quê cháu ở Lào Cai này thôi. Năm trước, cháu tưởng cháu được đi xa lắm cơ đấy, hoá lại không. Cháu có ông bố tuyệt lắm. Hai bố con cùng viết đơn xin ra lính đi mặt trận. Kết quả : bố cháu thắng cháu một – không. Nhân dịp Tết, một đoàn các chú lái máy bay lên thăm cơ quan cháu ở Sa Pa. Không có cháu ở đấy. Các chú lại cử một chú lên tận đây. Chú ấy nói : nhờ cháu có góp phần phát hiện một đám mây khô mà ngày ấy, tháng ấy, không quân ta hạ được bao nhiêu phản lực Mĩ trên cầu Hàm Rồng. Đối với cháu, thật là đột ngột, không ngờ lại là như thế. Chú lái máy bay có nhắc đến bố cháu, ôm cháu mà lắc "Thế là một – hoà nhé !". Chưa hoà đâu bác ạ. Nhưng từ hôm ấy cháu sống thật hạnh phúc. Ơ, bác vẽ cháu đấy ư ? Không, không, đừng vẽ cháu ! Để cháu giới thiệu với bác những người khác đáng cho bác vẽ hơn.

Phải, người hoạ sĩ già vừa nói chuyện, tay vừa bất giác hí hoáy vào cuốn sổ tì lên đầu gối. Hơn bao nhiêu người khác, ông biết rất rõ sự bất lực của nghệ thuật, của hội hoạ trong cuộc hành trình

vĩ đại là cuộc đời. Ông thấy ngòi bút của ông bất lực trên từng chặng đường đi nhỏ của ông, nhưng nó như là một quả tim nữa của ông, hay chính là quả tim cũ được "đề cao" lên, do đó mà ông khao khát, mà ông yêu thêm cuộc sống. Thế nhưng, đối với chính nhà hoạ sĩ, vẽ bao giờ cũng là một việc khó, nặng nhọc, gian nan. Làm một bức chân dung, phác hoạ như ông làm đây, hay rồi vẽ dầu, làm thế nào làm hiện lên được mẫu người ấy ? Cho người xem hiểu được anh ta, mà không phải hiểu như một ngôi sao xa ? Và làm thế nào đặt được chính tấm lòng của nhà hoạ sĩ vào giữa bức tranh đó ? Chao ôi, bắt gặp một con người như anh ta là một cơ hội hãn hữu cho sáng tác, nhưng hoàn thành sáng tác còn là một chặng đường dài. Mặc dù vậy, ông đã chấp nhận sự thử thách.

Để khỏi vô lễ, người con trai vẫn ngồi yên cho ông vẽ, nhưng cho là mình không xứng với thử thách ấy, anh vẫn nói :

– Không, bác đừng mất công vẽ cháu ! Cháu giới thiệu với bác ông kĩ sư ở vườn rau dưới Sa Pa ! Ngày này sang ngày khác ông ngồi im trong vườn su hào, rình xem cách ong lấy phấn, thụ phấn cho hoa su hào. Rồi, để được theo ý mình, tự ông cầm một chiếc que, mỗi ngày chín mười giờ sáng, lúc hoa tung cánh, đi từng cây su hào làm thay cho ong. Hàng vạn cây như vậy. Để củ su hào nhân dân toàn miền Bắc nước ta ăn được to hơn, ngọt hơn trước. Ông kĩ sư làm cháu thấy cuộc đời đẹp quá. Bác về Sa Pa vẽ ông ta đi, bác. Hay là, đồng chí nghiên cứu khoa học ở cơ quan cháu ở dưới ấy đấy. Có thể nói đồng chí ấy trong tư thế sẵn sàng suốt ngày chờ sét. Nửa đêm mưa gió rét buốt, mặc, cứ nghe sét là đồng chí choáng choàng chạy ra. Như thế mười một năm. Mười một năm không một ngày xa cơ quan. Không đi đến đâu mà tìm vợ. Đồng chí cứ sợ nhỡ có sét lại vắng mặt mình. Đồng chí đang làm một cái bản đồ sét riêng cho nước ta. Có cái bản đồ ấy thì lắm của lắm bác ạ. Của chìm nông, của chìm sâu trong lòng đất đều có thể biết, quý giá lắm. Trán đồng chí cứ hói dần đi. Nhưng cái bản đồ sét thì sắp xong rồi.

Trong cái lặng im của Sa Pa, dưới những dinh thự cũ kĩ của Sa Pa, Sa Pa mà chỉ nghe tên, người ta đã nghĩ đến chuyện nghỉ ngơi, có những con người làm việc và lo nghĩ như vậy cho đất nước.

Cũng may mà bằng mấy nét, hoạ sĩ ghi xong lần đầu gương mặt của người thanh niên. Người con trai ấy đáng yêu thật, nhưng làm cho ông nhọc quá. Với những điều làm cho người ta suy nghĩ về anh. Và về những điều anh suy nghĩ trong cái vắng vẻ vòi vọi hai nghìn sáu trăm mét trên mặt biển, cuồn cuộn tuôn ra khi gặp người. Những điều suy nghĩ đúng đắn bao giờ cũng có những vang âm, khơi gợi bao điều suy nghĩ khác trong óc người khác, có sẵn mà chưa rõ hay chưa được đúng. Ví dụ như quan niệm về cái đất Sa Pa mà ông quyết định sẽ chỉ đến để nghỉ ngơi giai đoạn cuối trong đời, mà ông yêu nhưng vẫn còn tránh.

Những băn khoăn ấy làm cho nhà hội hoạ không nhận xét được gì ở cô con gái ngồi trước mặt đằng kia. Những điều cô cùng nghe, cộng với những điều cô khám phá thấy trên hai trang sách hay đang đọc dở của người con trai làm cô bàng hoàng. Có phải cái ánh sáng trong quyển sách rọi sang, làm cho cô hiểu thêm cuộc sống một mình dũng cảm tuyệt đẹp của người thanh niên, về cái thế giới những con người như anh mà anh kể, và về con đường cô đang đi tới ? Có phải cái cảm giác bàng hoàng, đáng lẽ cô phải biết khi cô yêu, bây giờ cô mới biết, giúp cô đánh giá đúng hơn mối tình nhạt nhẽo mà cô đã bỏ, và yên tâm hơn về quyết định của mình ? Một ấn tượng hàm ơn khó tả dạt lên trong lòng cô gái. Không phải chỉ vì bó hoa rất to sẽ đi theo cô trong chuyến đi thứ nhất ra đời. Mà vì một bó hoa nào khác nữa, bó hoa của những háo hức và mơ mộng ngẫu nhiên anh cho thêm cô. Và vì một cái gì đó nữa mà lúc này cô chưa kịp nghĩ kĩ. Cô loay hoay tìm trong túi xách. Nhà hoạ sĩ thì còn trở lại, nhưng cô, trong trời đất Tây Bắc bạt ngàn, trong cuộc đời mông mênh nói chung, chốc nữa, chắc là cô sẽ đi luôn, biến mất, có cái gì tặng lại anh ta để, như anh ta nói, kỉ niệm lần gặp gỡ này. Một cái cỏn con gì rồi ra có thể biến thành một chút xíu dịu dàng, một chút xíu dũng cảm trong cuộc sống của anh ta ? Một cuốn sách, một món trang trí nhỏ chẳng hạn ? Không, hiện giờ trong cái túi xách của cô không có vật gì như thế.

– Trời ơi, chỉ còn có năm phút !

Chính là anh thanh niên giật mình nói to, giọng cười nhưng đầy tiếc rẻ. Anh chạy ra nhà phía sau, rồi trở vào liền, tay cầm một cái làn. Nhà hoạ sĩ tặc lưỡi đứng dậy. Cô gái cũng đứng lên, đặt lại chiếc ghế, thong thả đi đến chỗ bác già.

– Ô ! Cô còn quên chiếc mùi soa đây này !

Anh thanh niên vừa vào, kêu lên. Để người con gái khỏi trở lại bàn, anh lấy chiếc khăn tay còn vo tròn cặp giữa cuốn sách tới trả cho cô gái. Cô kĩ sư mặt đỏ ửng, nhận lại chiếc khăn và quay vội đi.

– Chào anh. – Đến bậu cửa, bỗng nhà hoạ sĩ già quay lại chụp lấy tay người thanh niên lắc mạnh. – Chắc chắn rồi tôi sẽ trở lại. Tôi ở với anh ít hôm được chứ ?

Đến lượt cô gái từ biệt. Cô chìa tay ra cho anh nắm, cẩn trọng, rõ ràng, như người ta cho nhau cái gì chứ không phải là cái bắt tay. Cô nhìn thẳng vào mắt anh – những người con gái sắp xa ta, biết không bao giờ gặp ta nữa, hay nhìn ta như vậy.

– Chào anh.

Lần đầu, chính là anh thanh niên quay mặt đi. Anh ấn cái làn vào tay bác già và nói vội vã :

– Cái này để ăn trưa cho bác, cho cô và bác lái xe. Cháu có bao nhiêu là trứng, ăn không xuể. Cháu không tiễn bác và cô ra xe được, vì gần tới giờ "ốp" rồi. Thôi chào bác, chào cô. Bác sẽ trở lại nhé.

Hai ông con theo bậc cấp bước xuống đồi, đến mặt đường nhìn lên, không thấy người con trai đứng đấy nữa. Anh ta đã vào nhà trong. Ông xách cái làn trứng, cô ôm bó hoa to. Lúc bấy giờ, nắng đã mạ bạc cả con đèo, đốt cháy rừng cây hừng hực như một bó đuốc lớn. Nắng chiếu làm cho bó hoa càng thêm rực rỡ và làm cho cô gái cảm thấy mình rực rỡ theo. Hai người lững thững đi về phía chiếc xe đỗ, im lặng rất lâu. Bỗng bác già nhìn đồng hồ nói một mình :

– Thanh niên bây giờ lạ thật ! Các anh chị cứ như con bướm. Mà đã mười một giờ, đến giờ "ốp" đâu ? Tại sao anh ta không tiễn mình đến tận xe nhỉ ?

Cô gái liếc nhìn bác già một cái rất nhanh, tự nhiên hồi hộp, nhưng vẫn im lặng.

Lào Cai tháng sáu, Hà Nội tháng bảy – 1970

(*Theo* Nguyễn Thành Long(*),
trong *33 truyện ngắn chọn lọc 1945 – 1975,*
NXB Tác phẩm mới, Hà Nội, 1976)

Chú thích

(*) Nguyễn Thành Long (1925 – 1991), quê ở huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam, viết văn từ thời kì kháng chiến chống Pháp. Ông là cây bút chuyên về truyện ngắn và kí. Truyện ngắn *Lặng lẽ Sa Pa* là kết quả của chuyến đi lên Lào Cai trong mùa hè 1970 của tác giả. Truyện rút từ tập *Giữa trong xanh* in năm 1972.

(1) *Sa Pa* : một huyện thuộc tỉnh Lào Cai, nằm trong khu vực dãy núi Hoàng Liên Sơn, có thị trấn nghỉ mát Sa Pa nổi tiếng. Dãy Hoàng Liên Sơn có nhiều núi cao, trong đó có đỉnh Phan-xi-păng cao nhất nước ta (3 143 mét).

(2) *Vật lí địa cầu* : khoa học nghiên cứu những tính chất vật lí của trái đất và các quá trình vật lí xảy ra trong trái đất và khí quyển.

(3) *Tam thất* : cây dược liệu, chỉ trồng được ở một số vùng núi cao, khí hậu mát, trồng lâu năm mới có củ, củ dùng làm thuốc bổ dưỡng và chữa bệnh.

(4) *Máy nhật quang kí* : máy đo cường độ ánh sáng mặt trời.

(5) *Máy bộ đàm* : máy liên lạc vô tuyến điện thoại loại nhỏ, có thể di chuyển dễ dàng.

ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN

1. Nhận xét về cốt truyện và tình huống cơ bản của truyện ngắn *Lặng lẽ Sa Pa*. Tác phẩm này, theo lời tác giả, là "một bức chân dung". Đó là bức chân dung của ai, hiện ra trong cái nhìn và suy nghĩ của những nhân vật nào ?

2. Phân tích nhân vật anh thanh niên trong truyện.

(*Chú ý* : tình huống nhân vật xuất hiện, quan hệ với các nhân vật khác ; hoàn cảnh sống và làm việc, suy nghĩ của anh về công việc và cuộc sống ; nét đẹp đáng chú ý nhất ở nhân vật này.)

3. Phân tích nhân vật ông hoạ sĩ.

(*Chú ý* : vị trí của nhân vật trong truyện, những suy nghĩ về nghệ thuật và về con người ; cảm xúc trước người thanh niên một mình ở trạm khí tượng.)

Nhân vật này cùng với các nhân vật phụ khác đã góp phần tô đậm hình ảnh người thanh niên trong truyện như thế nào ?

4. Trong truyện ngắn này có sự kết hợp các yếu tố trữ tình, bình luận với tự sự. Em hãy chỉ ra các chi tiết tạo nên chất trữ tình của tác phẩm và nêu tác dụng của chất trữ tình đó.

5. Phát biểu chủ đề của truyện.

Ghi nhớ

• *Truyện ngắn* ***Lặng lẽ Sa Pa*** *khắc hoạ thành công hình ảnh những người lao động bình thường, mà tiêu biểu là anh thanh niên làm công tác khí tượng ở một mình trên đỉnh núi cao. Qua đó, truyện khẳng định vẻ đẹp của con người lao động và ý nghĩa của những công việc thầm lặng.*

• *Truyện đã xây dựng được tình huống hợp lí, cách kể chuyện tự nhiên, có sự kết hợp giữa tự sự, trữ tình với bình luận.*

LUYỆN TẬP

Phát biểu cảm nghĩ về một trong hai nhân vật : anh thanh niên, ông hoạ sĩ.

ÔN TẬP PHẦN TIẾNG VIỆT

I – CÁC PHƯƠNG CHÂM HỘI THOẠI

1. Ôn lại nội dung của các phương châm hội thoại.

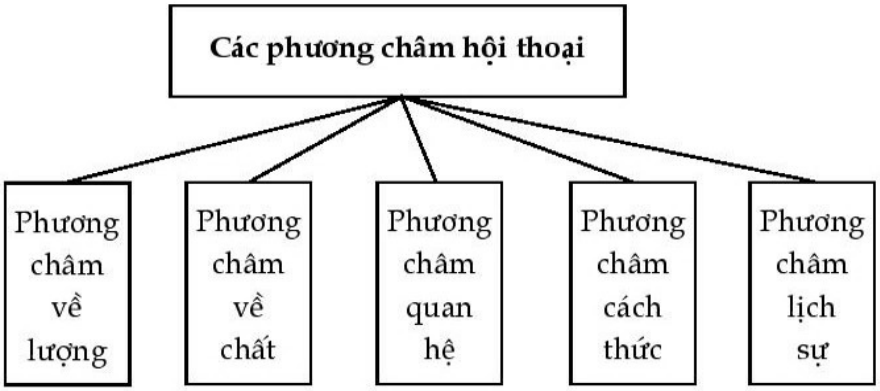

2. Hãy kể một tình huống giao tiếp trong đó có một hoặc một số phương châm hội thoại nào đó không được tuân thủ.

II – XƯNG HÔ TRONG HỘI THOẠI

1. Ôn lại các từ ngữ xưng hô thông dụng trong tiếng Việt và cách dùng chúng.

2. Trong tiếng Việt, xưng hô thường tuân theo phương châm "xưng khiêm, hô tôn". Em hiểu phương châm đó như thế nào ? Cho ví dụ minh hoạ.

3. Thảo luận vấn đề : Vì sao trong tiếng Việt, khi giao tiếp, người nói phải hết sức chú ý đến sự lựa chọn từ ngữ xưng hô ?

III – CÁCH DẪN TRỰC TIẾP VÀ CÁCH DẪN GIÁN TIẾP

1. Ôn lại sự phân biệt giữa cách dẫn trực tiếp và cách dẫn gián tiếp.

2. Đọc đoạn trích sau và thực hiện yêu cầu nêu ở dưới.

Vua Quang Trung tự mình đốc suất đại binh, cả thuỷ lẫn bộ cùng ra đi. Ngày 29 đến Nghệ An, vua Quang Trung cho vời người cống sĩ ở huyện La Sơn là Nguyễn Thiếp vào dinh và hỏi :

– Quân Thanh sang đánh, tôi sắp đem binh ra chống cự. Mưu đánh và giữ, cơ được hay thua, tiên sinh nghĩ như thế nào ?

Thiếp nói :

– Bây giờ trong nước trống không, lòng người tan rã. Quân Thanh ở xa tới đây, không biết tình hình quân ta yếu hay mạnh, không hiểu rõ thế nên đánh nên giữ ra sao. Chúa công đi ra chuyến này, không quá mười ngày, quân Thanh sẽ bị dẹp tan.

(Ngô gia văn phái, *Hoàng Lê nhất thống chí*)

Hãy chuyển những lời đối thoại trong đoạn trích thành lời dẫn gián tiếp. Phân tích những thay đổi về từ ngữ trong lời dẫn gián tiếp so với lời đối thoại.

VIẾT BÀI TẬP LÀM VĂN SỐ 3 – VĂN TỰ SỰ

I – ĐỀ BÀI THAM KHẢO

Đề 1. Hãy kể về một lần em trót xem nhật kí của bạn.

Đề 2. Hãy tưởng tượng mình gặp gỡ và trò chuyện với người lính lái xe trong tác phẩm *Bài thơ về tiểu đội xe không kính* của Phạm Tiến Duật. Viết bài văn kể lại cuộc gặp gỡ và trò chuyện đó.

Đề 3. Nhân ngày 20 – 11, kể cho các bạn nghe về một kỉ niệm đáng nhớ giữa mình và thầy, cô giáo cũ.

Đề 4. Kể về một cuộc gặp gỡ với các anh bộ đội nhân Ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam (22 – 12). Trong buổi gặp đó, em được thay mặt các bạn phát biểu những suy nghĩ của thế hệ mình về thế hệ cha anh đã chiến đấu, hi sinh để bảo vệ Tổ quốc.

II – YÊU CẦU

Bài làm cần phải kết hợp sử dụng yếu tố nghị luận và miêu tả nội tâm.

NGƯỜI KỂ CHUYỆN TRONG VĂN BẢN TỰ SỰ

I – VAI TRÒ CỦA NGƯỜI KỂ CHUYỆN TRONG VĂN BẢN TỰ SỰ

1. Đọc đoạn trích sau :

– Trời ơi, chỉ còn có năm phút !

Chính là anh thanh niên giật mình nói to, giọng cười nhưng đầy tiếc rẻ. Anh chạy ra nhà phía sau, rồi trở vào liền, tay cầm một cái làn. Nhà hoạ sĩ tặc lưỡi đứng dậy. Cô gái cũng đứng lên, đặt lại chiếc ghế, thong thả đi đến chỗ bác già.

– Ô ! Cô còn quên chiếc mùi soa đây này !

Anh thanh niên vừa vào, kêu lên. Để người con gái khỏi trở lại bàn, anh lấy chiếc khăn tay còn vo tròn cặp giữa cuốn sách tới trả cho cô gái. Cô kĩ sư mặt đỏ ửng, nhận lại chiếc khăn và quay vội đi.

– Chào anh. – Đến bậu cửa, bỗng nhà hoạ sĩ già quay lại chụp lấy tay người thanh niên lắc mạnh. – Chắc chắn rồi tôi sẽ trở lại. Tôi ở với anh ít hôm được chứ ?

Đến lượt cô gái từ biệt. Cô chìa tay ra cho anh nắm, cẩn trọng, rõ ràng, như người ta cho nhau cái gì chứ không phải là cái bắt tay. Cô nhìn thẳng vào mắt anh – những người con gái sắp xa ta, biết không bao giờ gặp ta nữa, hay nhìn ta như vậy.

– Chào anh.

(*Theo* Nguyễn Thành Long, *Lặng lẽ Sa Pa*)

2. Suy nghĩ và trả lời câu hỏi :

a) Đoạn trích kể về ai và về sự việc gì ?

b) Ở đây, ai là người kể về các nhân vật và sự việc trên ? (*Gợi ý* : Có phải là một trong các nhân vật : ông hoạ sĩ già, cô kĩ sư, anh thanh niên hay là một người nào đó ?) Những dấu hiệu nào cho ta biết ở đây các nhân vật không phải là người kể chuyện ? (*Gợi ý* : Chuyện được kể theo ngôi thứ mấy ? Nếu là một trong ba nhân vật trên thì ngôi kể và lời văn phải thay đổi như thế nào ?...)

c) Những câu "giọng cười nhưng đầy tiếc rẻ " ; "những người con gái sắp xa ta, biết không bao giờ gặp ta nữa, hay nhìn ta như vậy",... là nhận xét của người nào, về ai ?

d*) Hãy nêu những căn cứ để có thể nhận xét : Người kể chuyện ở đây dường như thấy hết và biết tất mọi việc, mọi hành động, tâm tư, tình cảm của các nhân vật.

Ghi nhớ

• *Trong văn bản tự sự, ngoài hình thức kể chuyện theo ngôi thứ nhất (xưng "tôi") còn có hình thức kể chuyện theo ngôi thứ ba. Đó là người kể chuyện giấu mình nhưng có mặt khắp nơi trong văn bản. Người kể này dường như biết hết mọi việc, mọi hành động, tâm tư, tình cảm của các nhân vật.*

• *Người kể chuyện có vai trò dẫn dắt người đọc đi vào câu chuyện : giới thiệu nhân vật và tình huống, tả người và tả cảnh vật, đưa ra các nhận xét, đánh giá về những điều được kể.*

II – LUYỆN TẬP

1. Đọc đoạn trích sau :

Xe chạy chầm chậm... Mẹ tôi cầm nón vẫy tôi, vài giây sau, tôi đuổi kịp. Tôi thở hồng hộc, trán đẫm mồ hôi, và khi trèo lên xe, tôi ríu cả chân lại. Mẹ tôi vừa kéo tay tôi, xoa đầu tôi hỏi, thì tôi oà lên khóc rồi cứ thế nức nở. Mẹ tôi cũng sụt sùi theo :

– Con nín đi ! Mợ đã về với các con rồi mà.

Mẹ tôi lấy vạt áo nâu thấm nước mắt cho tôi rồi xốc nách tôi lên xe. Đến bấy giờ tôi mới kịp nhận ra mẹ tôi không còm cõi xơ xác quá như cô tôi nhắc lại lời người họ nội của tôi. Gương mặt mẹ tôi vẫn tươi sáng với đôi mắt trong và nước da mịn, làm nổi bật màu hồng của hai gò má. Hay tại sự sung sướng bỗng được trông nhìn và ôm ấp cái hình hài máu mủ của mình mà mẹ tôi lại tươi đẹp như thuở còn sung túc ? Tôi ngồi trên đệm xe, đùi áp đùi mẹ tôi, đầu ngả vào cánh tay mẹ tôi, tôi thấy những cảm giác ấm áp đã bao lâu mất đi bỗng lại mơn man khắp da thịt. Hơi quần áo mẹ tôi và những hơi thở ở khuôn miệng xinh xắn nhai trầu phả ra lúc đó thơm tho lạ thường.

Phải bé lại và lăn vào lòng một người mẹ, áp mặt vào bầu sữa nóng của người mẹ, để bàn tay người mẹ vuốt ve từ trán xuống cằm, và gãi rôm ở sống lưng cho, mới thấy người mẹ có một êm dịu vô cùng.

(Nguyên Hồng, *Trong lòng mẹ*)

2. Suy nghĩ và trả lời câu hỏi :

a) So với đoạn trích ở mục I (trong *Lặng lẽ Sa Pa*), cách kể ở đoạn trích này có gì khác ? Hãy làm sáng tỏ bằng việc trả lời các câu hỏi sau : Người kể chuyện ở đây là ai ? Ngôi kể này có ưu điểm gì và có hạn chế gì so với ngôi kể ở đoạn trên ?

b) Chọn một trong ba nhân vật (người hoạ sĩ già, anh thanh niên hoặc cô kĩ sư nông nghiệp) là người kể chuyện, sau đó chuyển đoạn văn trích ở mục I thành một đoạn khác, sao cho nhân vật, sự kiện, lời văn và cách kể phù hợp với ngôi thứ nhất.

BÀI 15

Kết quả cần đạt

- *Cảm nhận được tình cha con sâu nặng trong hoàn cảnh éo le của cha con ông Sáu trong truyện* ***Chiếc lược ngà****. Nắm được nghệ thuật miêu tả tâm lí nhân vật, đặc biệt là nhân vật trẻ em ; nghệ thuật xây dựng tình huống truyện bất ngờ mà tự nhiên của tác giả.*

  Nắm được những kiến thức cơ bản về các tác phẩm thơ, truyện hiện đại vừa học trong chương trình lớp 9 (từ bài 10 đến bài 15). Vận dụng được những hiểu biết ấy cùng với kiến thức và kĩ năng làm văn, tiếng Việt để giải quyết những câu hỏi và bài tập kiểm tra tại lớp.

- *Thực hiện tốt bài kiểm tra phần Tiếng Việt học kì I.*

- *Nắm được các nội dung chính của phần Tập làm văn đã học trong học kì I lớp 9, thấy được tính chất tích hợp của chúng với các văn bản đã học ; thấy được tính kế thừa và phát triển của các nội dung Tập làm văn học ở lớp 9 bằng cách so sánh với nội dung các kiểu văn bản đã học ở những lớp dưới.*

VĂN BẢN

CHIẾC LƯỢC NGÀ

(Trích)

Các bạn ! Mỗi lần nhìn thấy cây lược ngà nhỏ ấy là mỗi lần tôi băn khoăn và ngậm ngùi. Trong cuộc đời kháng chiến của tôi, tôi chứng kiến không biết bao nhiêu cuộc chia tay, nhưng chưa bao giờ tôi bị xúc động như lần ấy. Trong những ngày hoà bình vừa lập lại[1], tôi cùng về thăm quê với một người bạn. Nhà chúng tôi ở cạnh nhau, gần vàm kinh[2] nhỏ đổ ra sông Cửu Long. Chúng tôi cùng thoát li[3] đi kháng chiến đầu năm 1946, sau khi tỉnh nhà bị chiếm. Lúc đi, đứa con gái đầu lòng của anh – và cũng là đứa con duy nhất của anh, chưa đầy một tuổi. Anh thứ sáu và cũng tên Sáu. Suốt mấy năm kháng chiến, chị Sáu có đến thăm anh mấy lần. Lần nào anh cũng bảo chị đưa con đến. Nhưng cái cảnh đi thăm chồng ở chiến trường miền Đông[4] không đơn giản. Chị không dám đưa con qua rừng. Nghe chị nói có lí anh không trách được. Anh chỉ thấy con qua tấm ảnh nhỏ thôi. Đến lúc được về, cái tình người cha cứ nôn nao trong người anh. Xuống vào bến, thấy một đứa bé độ tám tuổi tóc cắt ngang vai, mặc quần đen, áo bông[5] đỏ đang chơi nhà chòi[6] dưới bóng cây xoài trước sân nhà, đoán biết là con, không thể chờ xuống cặp lại bến, anh nhún chân nhảy thót lên, xô chiếc xuồng tạt ra, khiến tôi bị chới với. Anh bước vội vàng với những bước dài, rồi dừng lại kêu to :

– Thu ! Con.

Vừa lúc ấy, tôi đã đến gần anh. Với lòng mong nhớ của anh, chắc anh nghĩ rằng, con anh sẽ chạy xô vào lòng anh, sẽ ôm chặt lấy cổ anh. Anh vừa bước, vừa khom người đưa tay đón chờ con. Nghe gọi, con bé giật mình, tròn mắt nhìn. Nó ngơ ngác, lạ lùng. Còn anh, anh không ghìm nổi xúc động. Mỗi lần bị xúc động, vết thẹo[7] dài bên má phải lại đỏ ửng lên, giần giật, trông rất dễ sợ. Với vẻ mặt xúc động ấy và hai tay vẫn đưa về phía trước, anh chầm chậm bước tới, giọng lặp bặp run run :

– Ba đây con !

– Ba đây con !

Con bé thấy lạ quá, nó chớp mắt nhìn tôi như muốn hỏi đó là ai, mặt nó bỗng tái đi, rồi vụt chạy và kêu thét lên : "Má ! Má !". Còn anh, anh đứng sững lại đó, nhìn theo con, nỗi đau đớn khiến mặt anh sầm lại trông thật đáng thương và hai tay buông xuống như bị gãy.

Vì đường xa, chúng tôi chỉ ở nhà được có ba ngày. Trong ba ngày ngắn ngủi đó, con bé không kịp nhận ra anh là cha... Suốt ngày anh chẳng đi đâu xa, lúc nào cũng vỗ về con. Nhưng càng vỗ về con bé càng đẩy ra. Anh mong được nghe một tiếng "ba" của con bé, nhưng con bé chẳng bao giờ chịu gọi. Nghe mẹ nó bảo gọi ba vào ăn cơm thì nó bảo lại :

– Thì má cứ kêu đi.

Mẹ nó đâm nổi giận quơ đũa bếp doạ đánh, nó phải gọi nhưng lại nói trổng[8] :

– Vô ăn cơm !

Anh Sáu vẫn ngồi im, giả vờ không nghe, chờ nó gọi "Ba vô ăn cơm". Con bé cứ đứng trong bếp nói vọng ra :

– Cơm chín rồi !

Anh cũng không quay lại. Con bé bực quá, quay lại mẹ và bảo :

– Con kêu rồi mà người ta không nghe.

Anh quay lại nhìn con vừa khe khẽ lắc đầu vừa cười. Có lẽ vì khổ tâm đến nỗi không khóc được, nên anh phải cười vậy thôi. Bữa sau, đang nấu cơm thì mẹ nó chạy đi mua thức ăn. Mẹ nó dặn, ở nhà có gì cần thì gọi ba giúp cho. Nó không nói không rằng, cứ lui cui[9] dưới bếp. Nghe nồi cơm sôi, nó giở nắp, lấy đũa bếp sơ qua – nồi cơm hơi to, nhắm không thể nhắc xuống để chắt nước được, đến lúc đó nó mới nhìn lên anh Sáu. Tôi nghĩ thầm, con bé đang bị dồn vào thế bí, chắc nó phải gọi ba thôi. Nó nhìn dáo dác một lúc rồi kêu lên :

– Cơm sôi rồi, chắt nước giùm cái ! – Nó cũng lại nói trổng.

Tôi lên tiếng mở đường cho nó :

– Cháu phải gọi "Ba chắt nước giùm con", phải nói như vậy.

Nó như không để ý đến câu nói của tôi, nó lại kêu lên :

– Cơm sôi rồi, nhão bây giờ !

Anh Sáu cứ vẫn ngồi im. Tôi doạ nó :

– Cơm mà nhão, má cháu về thế nào cũng bị đòn. Sao cháu không gọi ba cháu. Cháu nói một tiếng "ba" không được sao ?

Lúc đó nồi cơm sôi lên sùng sục. Nó hơi sợ, nó nhìn xuống, vẻ nghĩ ngợi, nhắc không nổi, nó lại nhìn lên. Tiếng cơm sôi như thúc giục nó. Nó nhăn nhó muốn khóc. Nó nhìn nồi cơm, rồi nhìn lên chúng tôi. Thấy nó luýnh quýnh tôi vừa tội nghiệp vừa buồn cười, nghĩ chắc thế nào nó cũng chịu thua. Nó loay hoay rồi nhón gót lấy cái vá[10] múc ra từng vá nước, miệng lẩm bẩm điều gì không rõ. Con bé đáo để thật.

Trong bữa cơm đó, anh Sáu gắp một cái trứng cá to vàng để vào chén nó. Nó liền lấy đũa xoi vào chén, để đó rồi bất thần hất cái trứng ra, cơm văng tung toé cả mâm. Giận quá và không kịp suy nghĩ, anh vung tay đánh vào mông nó và hét lên :

– Sao mày cứng đầu quá vậy, hả ?

Tôi tưởng con bé sẽ lăn ra khóc, sẽ giẫy, sẽ đạp đổ cả mâm cơm, hoặc sẽ chạy vụt đi. Nhưng không, nó ngồi im, đầu cúi gằm xuống. Nghĩ thế nào nó cầm đũa, gắp lại cái trứng cá để vào chén, rồi lặng lẽ đứng dậy, bước ra khỏi mâm. Xuống bến, nó nhảy xuống xuồng, mở lòi tói[11] cố làm cho dây lòi tói khua rổn rảng, khua thật to, rồi lấy dầm bơi qua sông. Nó sang qua nhà ngoại, mét với ngoại và khóc ở bên ấy. Chiều đó, mẹ nó sang dỗ dành mấy nó cũng không về. Ngày mai anh Sáu phải đi, đó là đêm cuối cùng của hai anh chị, chị cũng không muốn bắt nó về.

Sáng hôm sau, bà con bên nội, bên ngoại đến rất đông. Cả con bé cũng theo ngoại nó về. Anh Sáu phải lo tiếp khách, anh như không chú ý đến con nữa. Còn chị Sáu thì lo chuẩn bị đồ đạc cho chồng, chị lo xếp từng chiếc áo, gói ghém đồ đạc vụn vặt vào cái túi nhỏ, chị cứ lúi húi bên chiếc ba lô. Con bé như bị bỏ rơi, lúc đứng vào góc nhà, lúc đứng tựa cửa và cứ nhìn mọi người đang vây quanh ba nó. Vẻ mặt của nó có cái gì hơi khác, nó không bướng bỉnh hay nhăn mày cau có nữa, vẻ mặt nó sầm lại buồn rầu, cái vẻ buồn trên gương mặt ngây thơ của con bé trông rất dễ thương. Với đôi mi dài uốn cong, và như không bao giờ chớp, đôi mắt nó như to hơn, cái nhìn của nó không ngơ ngác, không lạ lùng, nó nhìn với vẻ nghĩ ngợi sâu xa.

Đến lúc chia tay, mang ba lô lên vai, sau khi bắt tay hết mọi người, anh Sáu mới đưa mắt nhìn con, thấy nó đứng trong góc nhà.

Chắc anh cũng muốn ôm con, hôn con, nhưng hình như cũng lại sợ nó giẫy lên lại bỏ chạy, nên anh chỉ đứng nhìn nó. Anh nhìn với đôi mắt trìu mến lẫn buồn rầu. Tôi thấy đôi mắt mênh mông của con bé bỗng xôn xao.

– Thôi ! Ba đi nghe con ! – Anh Sáu khe khẽ nói.

Chúng tôi, mọi người – kể cả anh, đều tưởng con bé sẽ đứng yên đó thôi. Nhưng thật lạ lùng, đến lúc ấy, tình cha con như bỗng nổi dậy trong người nó, trong lúc không ai ngờ đến thì nó bỗng kêu thét lên :

– Ba... a... a... ba !

Tiếng kêu của nó như tiếng xé, xé sự im lặng và xé cả ruột gan mọi người, nghe thật xót xa. Đó là tiếng "ba" mà nó cố đè nén trong bao nhiêu năm nay, tiếng "ba" như vỡ tung ra từ đáy lòng nó, nó vừa kêu vừa chạy xô tới, nhanh như một con sóc, nó chạy thót lên và dang hai tay ôm chặt lấy cổ ba nó. Tôi thấy làn tóc tơ sau ót nó như dựng đứng lên.

Nó vừa ôm chặt lấy cổ ba nó vừa nói trong tiếng khóc :

– Ba ! Không cho ba đi nữa ! Ba ở nhà với con !

Ba nó bế nó lên. Nó hôn ba nó cùng khắp. Nó hôn tóc, hôn cổ, hôn vai và hôn cả vết thẹo dài bên má của ba nó nữa.

Trong lúc đó, ngoại nó cho tôi biết, đêm qua, bà đã tìm hiểu được vì sao nó không chịu nhận ba nó. Bà hỏi :

– Ba con, sao con không nhận ?

– Không phải. – Đang nằm mà nó cũng giẫy lên.

– Sao con biết là không phải ? Ba con đi lâu, con quên rồi chứ gì !

– Ba không giống cái hình ba chụp với má.

– Sao không giống, đi lâu, ba con già hơn trước thôi.

– Cũng không phải già, mặt ba con không có cái thẹo trên mặt như vậy.

À ra vậy, bây giờ bà mới biết. Té ra nó không nhận ba nó là vì cái vết thẹo, và bà cho nó biết, ba nó đi đánh Tây bị Tây bắn bị thương – bà nhắc lại tội ác mấy thằng Tây ở đồn đầu vàm cho nó nhớ. Nghe bà kể nó nằm im, lăn lộn

và thỉnh thoảng lại thở dài như người lớn. Sáng hôm sau, nó lại bảo ngoại đưa nó về. Nó vừa nhận ra thì ba nó đã đến lúc phải đi rồi.

Trong lúc đó, nó vẫn ôm chặt lấy ba nó. Không ghìm được xúc động và không muốn cho con thấy mình khóc, anh Sáu một tay ôm con, một tay rút khăn lau nước mắt, rồi hôn lên mái tóc con :

– Ba đi rồi ba về với con.

– Không ! – Con bé hét lên, hai tay nó siết chặt lấy cổ, chắc nó nghĩ hai tay không thể giữ được ba nó, nó dang cả hai chân rồi câu chặt lấy ba nó, và đôi vai nhỏ bé của nó run run.

Nhìn cảnh ấy, bà con xung quanh có người không cầm được nước mắt, còn tôi bỗng thấy khó thở như có bàn tay ai nắm lấy trái tim tôi. Tôi bỗng nảy ra ý nghĩ, muốn bảo anh ở lại vài hôm. Nhưng thật khó, chúng tôi chưa biết mình sẽ đi tập kết[12] hay ở lại. Chúng tôi cần về đúng ngày nhận lệnh để kịp chuẩn bị. Thế là đã đến lúc phải đi rồi, mọi người phải xúm lại vỗ về nó, mẹ nó bảo :

– Thu ! Để ba con đi. Thống nhất rồi ba con về.

Bà ngoại nó vừa vuốt tóc nó vừa dỗ :

– Cháu của ngoại giỏi lắm mà ! Cháu để ba cháu đi rồi ba sẽ mua về cho cháu một cây lược.

Con bé lại ôm chầm ba nó một lần nữa và mếu máo :

– Ba về ! Ba mua cho con một cây lược nghe ba ! – Nó nói trong tiếng nấc, vừa nói vừa từ từ tuột xuống.

Sau đó hai chúng tôi trở lại miền Đông. Chúng tôi là cán bộ đoàn thể, chúng tôi không đi tập kết. Từ năm năm mươi tư đến năm năm mươi tám, năm mươi chín là những năm khó khăn, các bạn đã biết rồi. Về công việc và đời sống ở rừng, tôi có thể kể cho đến sáng, có đêm bị biệt kích vây bắt đến ba lần, có ngày không gạo ăn, ăn toàn là bắp, nhưng thôi, đó là chuyện khác. Tôi xin trở lại mối tình cha con của bạn tôi. Những đêm rừng, nằm trên võng, mắt chỉ thấy tấm ni lông nóc, lúc nhớ con anh cứ ân hận sao mình lại đánh con. Nỗi khổ tâm đó cứ giày vò anh.

[...] Tôi hãy còn nhớ buổi chiều hôm đó – buổi chiều sau một ngày mưa rừng, giọt mưa còn đọng trên lá, rừng sáng lấp lánh. Đang ngồi làm việc dưới tấm

ni lông nóc, tôi bỗng nghe tiếng kêu. Từ con đường mòn chạy lẫn trong rừng sâu, anh hớt hải chạy về, tay cầm khúc ngà[13] đưa lên khoe với tôi. Mặt anh hớn hở như một đứa trẻ được quà.

Sau đó anh lấy vỏ đạn hai mươi li của Mĩ, đập mỏng làm thành một cây cưa nhỏ, cưa khúc ngà thành từng miếng nhỏ. Những lúc rỗi, anh cưa từng chiếc răng lược, thận trọng, tỉ mỉ và cố công như người thợ bạc. Chẳng hiểu sao tôi thích ngồi nhìn anh làm và cảm thấy vui vui khi thấy bụi ngà rơi mỗi lúc một nhiều. Một ngày, anh cưa được một vài răng. Không bao lâu sau, cây lược được hoàn thành. Cây lược dài độ hơn một tấc[14], bề ngang độ ba phân rưỡi, cây lược cho con gái, cây lược dùng để chải mái tóc dài, cây lược chỉ có một hàng răng thưa. Trên sống lưng lược có khắc một hàng chữ nhỏ mà anh đã gò lưng, tẩn mẩn khắc từng nét : "Yêu nhớ tặng Thu con của ba". Cây lược ngà ấy chưa chải được mái tóc của con, nhưng nó như gỡ rối được phần nào tâm trạng của anh. Những đêm nhớ con, anh ít nhớ đến nỗi hối hận đánh con, nhớ con, anh lấy cây lược ra ngắm nghía rồi mài lên tóc cho cây lược thêm bóng, thêm mượt. Có cây lược, anh càng mong gặp lại con. Nhưng rồi một chuyện không may xảy ra. Một ngày cuối năm năm mươi tám – năm đó ta chưa võ trang – trong một trận càn lớn của quân Mĩ – nguỵ, anh Sáu bị hi sinh. Anh bị viên đạn của máy bay Mĩ bắn vào ngực. Trong giờ phút cuối cùng, không còn đủ sức trăng trối lại điều gì, hình như chỉ có tình cha con là không thể chết được, anh đưa tay vào túi, móc cây lược, đưa cho tôi và nhìn tôi một hồi lâu. Tôi không đủ lời lẽ để tả lại cái nhìn ấy, chỉ biết rằng, cho đến bây giờ, thỉnh thoảng tôi cứ nhớ lại đôi mắt của anh.

– Tôi sẽ mang về trao tận tay cho cháu.

Tôi cúi xuống gần anh và khẽ nói. Đến lúc ấy, anh mới nhắm mắt đi xuôi[15].

(**Tóm tắt đoạn cuối** : Bác Ba – nhân vật kể chuyện, trong một chuyến đi công tác đã tình cờ gặp Thu tại một trạm giao liên ở vùng Đồng Tháp Mười. Thu đã thành một cô giao liên dũng cảm, dẫn đoàn cán bộ vượt qua đoạn đường nguy hiểm. Bác Ba đã thực hiện được nguyện vọng cuối cùng của người đồng đội cũ (ông Sáu), trao tận tay cho Thu chiếc lược ngà. Một tình cảm giống như tình cha con đã nảy nở giữa bác Ba với Thu.)

1966

(Nguyễn Quang Sáng[4], *25 truyện ngắn Nguyễn Quang Sáng*,
NXB Thông tin, Hà Nội, 1990)

Chú thích

(★) Nguyễn Quang Sáng (1932 – 2014), quê ở huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang. Trong kháng chiến chống Pháp, ông tham gia bộ đội, hoạt động ở chiến trường Nam Bộ. Từ sau năm 1954, tập kết ra miền Bắc, Nguyễn Quang Sáng bắt đầu viết văn. Những năm chống Mĩ, ông trở về Nam Bộ tham gia kháng chiến và tiếp tục sáng tác văn học. Sau năm 1975, ông là Tổng thư kí Hội Nhà văn Thành phố Hồ Chí Minh, Phó Tổng thư kí Hội Nhà văn Việt Nam khóa IV. Tác phẩm của Nguyễn Quang Sáng có nhiều thể loại : truyện ngắn, tiểu thuyết, kịch bản phim và hầu như chỉ viết về cuộc sống và con người Nam Bộ trong hai cuộc kháng chiến cũng như sau hoà bình. Năm 2000, ông được Nhà nước tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật.

Truyện ngắn *Chiếc lược ngà* được viết năm 1966 (khi tác giả hoạt động ở chiến trường Nam Bộ) và được đưa vào tập truyện cùng tên. Văn bản trong sách giáo khoa là đoạn trích phần giữa của truyện.

(1) *Hoà bình vừa lập lại* : chỉ sự kiện hoà bình được lập lại theo Hiệp nghị Giơ-ne-vơ tháng 7 năm 1954, sau thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Pháp.

(2) *Vàm kinh* (từ địa phương Nam Bộ) : vùng cửa kênh (kinh), rạch đổ ra sông.

(3) *Thoát li* : rời gia đình đi tham gia công tác hay chiến đấu.

(4) *Miền Đông* : miền Đông Nam Bộ, nơi có căn cứ kháng chiến và cũng là vùng chiến trường vô cùng gian khổ trong cuộc kháng chiến chống Pháp.

(5) *Áo bông* : áo vải hoa (*bông* : hoa, theo phương ngữ Nam Bộ).

(6) *Chơi nhà chòi* (từ địa phương) : trò chơi cất lều con của trẻ em.

(7) *Vết thẹo* (từ địa phương Nam Bộ) : vết sẹo.

(8) *Nói trổng* (từ địa phương Nam Bộ) : nói trống không với người khác, không dùng đại từ xưng hô.

(9) *Lui cui* (từ địa phương Nam Bộ) : lúi húi (chăm chú, luôn tay làm một việc gì đó, không để ý đến xung quanh).

(10) *Cái vá* (từ địa phương Nam Bộ) : cái muôi.

(11) *Lòi tói* (từ địa phương Nam Bộ) : dây xích sắt hoặc dây chão lớn dùng để buộc tàu, thuyền.

(12) *Tập kết* : theo Hiệp nghị Giơ-ne-vơ năm 1954, các lực lượng kháng chiến ở phía nam vĩ tuyến 17 tập kết ra miền Bắc và ngược lại, các lực lượng của đối phương ở miền Bắc chuyển vào miền Nam.

(13) *Khúc ngà* : đây là khúc ngà voi.

(14) *Tấc* : đơn vị đo chiều dài, bằng 1/10 thước. Một thước ta dài khoảng 1/3 mét, nhưng trong cách nói quen thuộc hằng ngày thì thước cũng thường được gọi thay thế cho mét (thước tây). Một tấc ở đây là khoảng 10 cm.

(15) *Nhắm mắt đi xuôi* : chết.

ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN

1. Em hãy kể tóm tắt cốt truyện của đoạn trích. Tình huống nào đã bộc lộ sâu sắc và cảm động tình cha con của ông Sáu và bé Thu ?

2. Tìm hiểu và phân tích diễn biến tâm lí, hành động của bé Thu trong lần gặp cha cuối cùng, khi ông Sáu được về phép. Qua đó hãy nhận xét về tính cách của nhân vật bé Thu và nghệ thuật miêu tả tâm lí của tác giả.

3. Tình cảm sâu nặng và cao đẹp của ông Sáu đối với con đã được thể hiện qua những chi tiết, sự việc nào ? Điều đó đã bộc lộ thêm nét đẹp gì trong tâm hồn của người cán bộ cách mạng ấy ?

4. Truyện được kể theo lời trần thuật của nhân vật nào ? Cách chọn vai kể như vậy có tác dụng gì trong việc xây dựng nhân vật và thể hiện nội dung tư tưởng của truyện ?

Ghi nhớ

- *Bằng việc sáng tạo tình huống bất ngờ mà tự nhiên, hợp lí, đoạn trích truyện* ***Chiếc lược ngà*** *đã thể hiện thật cảm động tình cha con sâu nặng và cao đẹp trong cảnh ngộ éo le của chiến tranh.*
- *Truyện đã thành công trong việc miêu tả tâm lí và xây dựng tính cách nhân vật, đặc biệt là nhân vật bé Thu.*

LUYỆN TẬP

1. Thái độ và hành động của bé Thu đối với ba rất trái ngược trong những ngày đầu khi ông Sáu về thăm nhà và lúc ông sắp ra đi, nhưng vẫn nhất quán trong tính cách của nhân vật. Em hãy giải thích điều đó.

2. Em hãy viết lại đoạn truyện kể về cuộc gặp gỡ cuối cùng của hai cha con ông Sáu theo lời hồi tưởng của một nhân vật khác (ông Sáu hoặc bé Thu).

KIỂM TRA VỀ THƠ VÀ TRUYỆN HIỆN ĐẠI

I – CHUẨN BỊ Ở NHÀ

1. Đọc kĩ lại các tác phẩm thơ, truyện hiện đại trong sách *Ngữ văn 9*, từ bài 10 đến bài 15. Đọc lại vở ghi các bài học tương ứng.

2. Làm vào vở bài tập một bảng thống kê các tác phẩm thơ, truyện hiện đại vừa học từ bài 10 đến bài 15, theo các mục sau : tên tác phẩm (đoạn trích), thể loại, tác giả, tóm tắt nội dung (cốt truyện hoặc tình cảm, cảm xúc chính), nét nghệ thuật đặc sắc.

3. Đọc lại phần lí thuyết về văn biểu cảm trong sách *Ngữ văn 7*, *Ngữ văn 8* và cách làm bài văn kết hợp tự sự với biểu cảm, nghị luận trong sách *Ngữ văn 9*.

II – LÀM BÀI KIỂM TRA TRÊN LỚP

Gợi ý một số nội dung kiểm tra

1. Sắp xếp lại cho đúng hoặc điền vào những chỗ trống trong bảng thống kê các dữ kiện về từng tác phẩm (tên tác phẩm, thể loại, năm sáng tác, tác giả, nội dung chính).

2. Tóm tắt cốt truyện, tình huống chính và nêu chủ đề của các truyện ngắn : *Làng* (Kim Lân), *Lặng lẽ Sa Pa* (Nguyễn Thành Long), *Chiếc lược ngà* (Nguyễn Quang Sáng).

3. Phân tích nét nổi bật trong tính cách nhân vật ông Hai (truyện ngắn *Làng* của Kim Lân). Nghệ thuật miêu tả tâm lí nhân vật này của tác giả. Quan hệ giữa tình yêu làng quê và lòng yêu nước của nhân vật ông Hai.

4. Vẻ đẹp trong cách sống, trong tâm hồn và những suy nghĩ của nhân vật anh thanh niên một mình trên trạm khí tượng giữa núi cao trong truyện *Lặng lẽ Sa Pa* của Nguyễn Thành Long.

5. Cảm nghĩ của em về nhân vật bé Thu và tình cha con trong chiến tranh ở truyện *Chiếc lược ngà* của Nguyễn Quang Sáng.

6. Cảm nhận của em về hình ảnh người lính trong hai bài thơ : *Đồng chí* (Chính Hữu), *Bài thơ về tiểu đội xe không kính* (Phạm Tiến Duật).

7. Tình yêu con và lòng yêu nước, gắn bó với cách mạng của người mẹ Tà-ôi biểu hiện trong những lời ru ở bài thơ *Khúc hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ* của Nguyễn Khoa Điềm.

8. Phân tích bút pháp xây dựng hình ảnh thơ trong các bài thơ : *Đồng chí* (Chính Hữu), *Đoàn thuyền đánh cá* (Huy Cận), *Ánh trăng* (Nguyễn Duy).

9. Phân tích những hình ảnh biểu tượng : đầu súng trăng treo (trong bài *Đồng chí*), trăng (trong bài *Ánh trăng*). Chọn bình một đoạn (hoặc khổ) thơ đặc sắc trong các bài thơ đã học.

KIỂM TRA PHẦN TIẾNG VIỆT

Một số đề luyện tập

1. Vận dụng kiến thức đã học về từ láy để phân tích nét nổi bật của việc dùng từ trong những câu thơ sau :

Nao nao dòng nước uốn quanh,
Dịp cầu nho nhỏ cuối ghềnh bắc ngang.
Sè sè nấm đất bên đường,
Rầu rầu ngọn cỏ nửa vàng nửa xanh.

(Nguyễn Du, *Truyện Kiều*)

2. Đọc lại đoạn trích *Mã Giám Sinh mua Kiều* (tr. 97–98). Tìm lời dẫn trực tiếp trong đoạn trích. Nêu nhận xét về cách xưng hô, nói năng của Mã Giám Sinh và bà mối.

3. Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi.

Chúng kể cho tôi nghe ***cuộc sống buồn tẻ của chúng****, và những chuyện đó làm tôi buồn lắm ; chúng kể cho tôi nghe* ***về những con chim tôi bẫy được đang sống ra sao và nhiều chuyện trẻ con khác****, nhưng tôi nhớ lại thì chưa bao giờ chúng nói một lời nào về bố và về dì ghẻ. Thường thì chúng chỉ đề nghị* ***tôi kể truyện cổ tích*** *; tôi kể lại những truyện bà tôi đã kể, và nếu quên chỗ nào, tôi bảo chúng đợi, rồi chạy về nhà hỏi lại bà tôi. Thấy thế bà tôi thường rất hài lòng.*

Tôi cũng kể cho chúng nghe nhiều về bà tôi ; một hôm thằng lớn thở dài nói :

– ***Có lẽ tất cả các bà đều rất tốt, bà tớ ngày trước cũng rất tốt****...*

Nó thường nói một cách buồn bã : ***ngày trước, trước kia, đã có thời****... dường như nó đã sống trên trái đất này một trăm năm, chứ không phải mười một năm.*

(M. Go-rơ-ki, *Thời thơ ấu*)

a) Trong số những từ ngữ hoặc câu được in đậm, đâu là lời dẫn trực tiếp, đâu là lời dẫn gián tiếp, đâu không phải là lời dẫn ?

b) Vận dụng những phương châm hội thoại đã học, giải thích vì sao nhân vật "thằng lớn" phải dùng từ *có lẽ* trong lời nhận xét của mình.

4. Vận dụng kiến thức đã học về một số phép tu từ từ vựng để phân tích nét nghệ thuật độc đáo trong những câu (đoạn) sau :

a) *Một dãy núi mà hai màu mây*
Nơi nắng nơi mưa, khí trời cũng khác
Như anh với em, như Nam với Bắc
Như đông với tây một dải rừng liền.

(Phạm Tiến Duật,
Trường Sơn Đông, Trường Sơn Tây)

b) *Khi tâm hồn ta đã rèn luyện thành một sợi dây đàn sẵn sàng rung động trước mọi vẻ đẹp của vũ trụ, trước mọi cái cao quý của cuộc đời, chúng ta là người một cách hoàn toàn hơn.*

(Thạch Lam, *Theo dòng*)

c) *Gậy tre, chông tre chống lại sắt thép của quân thù. Tre xung phong vào xe tăng, đại bác. Tre giữ làng, giữ nước, giữ mái nhà tranh, giữ đồng lúa chín. Tre hi sinh để bảo vệ con người. Tre, anh hùng lao động ! Tre, anh hùng chiến đấu !*

(Thép Mới, *Cây tre Việt Nam*)

5. Cho biết cách nói nào trong số những cách nói sau có sử dụng phép nói quá : *chưa ăn đã hết, đẹp tuyệt vời, một tấc đến trời, không một ai có mặt, một chữ bẻ đôi không biết, sợ vã mồ hôi, cười vỡ bụng, rụng rời chân tay, tức lộn ruột, tiếc đứt ruột, ngáy như sấm, nghĩ nát óc, đứt từng khúc ruột.*

ÔN TẬP PHẦN TẬP LÀM VĂN

Câu hỏi ôn tập

1. Phần Tập làm văn trong *Ngữ văn 9*, tập một có những nội dung lớn nào ? Những nội dung nào là trọng tâm cần chú ý ?

2. Vai trò, vị trí, tác dụng của các biện pháp nghệ thuật và yếu tố miêu tả trong văn bản thuyết minh như thế nào ? Cho một ví dụ cụ thể.

3. Văn bản thuyết minh có yếu tố miêu tả, tự sự giống và khác với văn bản miêu tả, tự sự ở điểm nào ?

4. Sách *Ngữ văn 9,* tập một nêu lên những nội dung gì về văn bản tự sự ? Vai trò, vị trí và tác dụng của các yếu tố miêu tả nội tâm và nghị luận trong văn bản tự sự như thế nào ? Hãy cho ví dụ một đoạn văn tự sự trong đó có sử dụng yếu tố miêu tả nội tâm ; một đoạn văn tự sự có sử dụng yếu tố nghị luận và một đoạn văn tự sự có sử dụng cả yếu tố miêu tả nội tâm và nghị luận. (Có thể lấy trong các tác phẩm văn học đã học, đã đọc hoặc trong các bài văn tham khảo của bạn cũng như của mình,...)

5. Thế nào là đối thoại, độc thoại và độc thoại nội tâm ? Vai trò, tác dụng và hình thức thể hiện của các yếu tố này trong văn bản tự sự như thế nào ? Tìm các ví dụ về đoạn văn tự sự có sử dụng các yếu tố đối thoại, độc thoại và độc thoại nội tâm.

6. Tìm hai đoạn văn tự sự, trong đó một đoạn người kể chuyện kể theo ngôi thứ nhất, một đoạn kể theo ngôi thứ ba. Nhận xét vai trò của mỗi loại người kể chuyện đã nêu.

BÀI 16

Kết quả cần đạt

- *Thấy được tinh thần phê phán sâu sắc xã hội cũ và niềm tin trong sáng vào sự xuất hiện tất yếu của cuộc sống mới qua **Cố hương**, thấy được vị trí của hình tượng nhân vật "tôi", tác dụng của sự kết hợp nhiều phương thức biểu đạt trong việc thể hiện nội dung tư tưởng tác phẩm và xây dựng tính cách nhân vật.*
- *Tiếp tục thực hiện tốt yêu cầu ôn tập phần Tập làm văn đã nêu ở bài 15.*
- *Nắm vững các nội dung cơ bản của cả ba phần (Văn, Tiếng Việt, Tập làm văn) trong sách giáo khoa **Ngữ văn 9**, tập một ; biết cách vận dụng những kiến thức, kĩ năng đã học một cách tổng hợp, toàn diện theo nội dung và cách thức kiểm tra, đánh giá mới.*

VĂN BẢN

CỐ HƯƠNG

Tôi không quản trời lạnh giá, về thăm làng cũ, xa những hai ngàn dặm mà tôi đã từ biệt hơn hai mươi năm nay[1].

Đang độ giữa đông. Gần về đến làng, trời lại càng u ám. Gió lạnh lùa vào khoang thuyền, vi vu. Nhìn qua các khe hở mui thuyền, thấy xa gần thấp thoáng mấy thôn xóm tiêu điều, hoang vắng, nằm im lìm dưới vòm trời màu vàng úa. Không nén được, lòng tôi se lại.

A, đây thật có phải là làng cũ mà hai mươi năm trời nay tôi hằng ghi lấy hình ảnh trong kí ức[2] không ?

Hình ảnh làng cũ trong kí ức tôi không giống hẳn như thế này. Làng cũ tôi đẹp hơn kia ! Nhưng nếu phải nhớ rõ đẹp như thế nào, nói rõ đẹp ở chỗ nào thì thật không có hình ảnh ngôn ngữ nào diễn tả ra cho được. Phảng phất thì cũng có hơi giống đấy. Tôi nghĩ bụng : Hẳn làng cũ mình vốn chỉ như thế kia thôi, tuy chưa tiến bộ hơn xưa, nhưng cũng vị tất đến nỗi thê lương như mình tưởng. Chẳng qua là tâm tình mình đã đổi khác, bởi vì về thăm chuyến này, lòng mình vốn đã không vui.

Về thăm quê chuyến này, ý định là để từ giã nó lần cuối cùng. Ngôi nhà cũ nơi cả đại gia đình chúng tôi đời đời ở chung với nhau, mà chúng tôi đã phải đồng tình bán cho người ta rồi, nội năm nay phải giao cho họ. Vì thế, tôi cần phải về trước Tết, vĩnh biệt ngôi nhà yêu dấu và từ giã làng cũ thân yêu, đem gia đình đến nơi đất khách tôi đang làm ăn, sinh sống.

LỖ TẤN

Tinh mơ sáng hôm sau, tôi về tới cổng nhà. Trên mái ngói, mấy cọng tranh khô phất phơ trước gió, đủ rõ nhà không đổi chủ không được. Những gia đình khác có lẽ đã dọn đi rồi, cho nên cảnh tượng càng hiu quạnh.

Tôi vừa bước vào gian nhà chúng tôi ở thì mẹ tôi đã chạy ra đón. Hoàng, đứa cháu vừa mới lên tám tuổi, cũng chạy theo.

Mẹ tôi rất mừng rỡ, nhưng nét mặt vẫn ẩn một nỗi buồn thầm kín. Mẹ tôi bảo tôi ngồi xuống, nghỉ ngơi, uống trà, không đả động gì đến chuyện dọn nhà cả. Cháu Hoàng chưa gặp tôi bao giờ chỉ dám đứng đằng xa nhìn tôi chòng chọc.

Nhưng rồi chúng tôi cũng bàn đến chuyện dọn nhà. Tôi nói nhà trên kia đã thuê xong, cũng đã sắm được ít đồ đạc, giờ hãy đem các thứ đồ gỗ ở nhà này bán đi hết lấy tiền mua thêm sau. Mẹ tôi cho cũng phải và bảo hành lí đã thu xếp gọn gàng đâu vào đấy cả rồi, đồ gỗ không tiện chuyên chở cũng bán được một ít rồi, nhưng tiền chưa thu vén được đủ.

Mẹ tôi nói :

– Con hãy nghỉ ngơi vài hôm, đi thăm các nhà bà con một chút rồi mẹ con mình lên đường.

– Vâng.

– Có anh Nhuận Thổ lần nào đến chơi cũng nhắc đến con và rất mong có ngày được gặp con. Mẹ đã nhắn tin cho anh ấy biết chừng ngày nào con về. Có lẽ anh ấy cũng sắp đến thôi.

Lúc bấy giờ, trong kí ức tôi bỗng hiện ra một cảnh tượng thần tiên, kì dị : Một vầng trăng tròn vàng thắm treo lửng lơ trên nền trời xanh đậm, dưới là một bãi cát bên bờ biển, trồng toàn dưa hấu, bát ngát một màu xanh rờn. Giữa ruộng dưa, một đứa bé trạc mười một, mười hai tuổi, cổ đeo vòng bạc, tay lăm lăm cầm chiếc đinh ba[3], đang cố sức đâm theo một con tra[4]. Con vật bỗng quay lại, luồn qua háng đứa bé, chạy mất.

Đứa bé ấy chính là Nhuận Thổ. Khi tôi quen Nhuận Thổ cách đây khoảng chừng hai mươi năm, Nhuận Thổ chỉ độ lên mười. Lúc đó thầy tôi hãy còn, cảnh nhà sung túc, tôi đàng hoàng là một cậu ấm[5]. Năm ấy là năm đến lượt nhà tôi lo giỗ tổ. Nghe nói thì cứ hơn ba mươi năm mới đến lượt lo giỗ này một lần, cho nên rất linh đình. Giỗ vào tháng giêng, lễ vật rất nhiều, các đồ tế rất sang, người đến lễ cũng rất đông, vì thế phải đề phòng mất cắp. Nhà tôi chỉ nuôi một người ở tháng (địa phương tôi, người đi làm thuê chia làm ba hạng, ở năm gọi là "trường niên", làm thuê từng ngày gọi là "đoản công", nhà mình cũng có cày, chỉ giỗ tết, hay vụ thu tô, đến làm mướn cho người ta thì gọi là "ở tháng"). Người ở bận quá, làm không hết việc, liền xin thầy tôi cho gọi thằng con là Nhuận Thổ đến để nó trông coi các thứ đồ tế cho.

Thầy tôi bằng lòng. Tôi cũng rất thích vì đã có nghe nói đến Nhuận Thổ, lại biết Nhuận Thổ với tôi tuổi cũng suýt soát bằng nhau. Hắn sinh tháng nhuận, ngũ hành khuyết thổ[6] nên bố hắn đặt tên là Nhuận Thổ. Hắn bẫy chim sẻ thì tài lắm.

Thế là ngày nào tôi cũng mong cho mau đến năm mới. Năm mới đến thì Nhuận Thổ cũng đến mà ! Chờ mãi mới hết năm. Một hôm, mẹ tôi bảo : "Thằng Nhuận Thổ đến rồi đấy !". Tôi liền chạy ra xem. Hắn đang đứng trong bếp, khuôn mặt tròn trĩnh, nước da bánh mật, đầu đội mũ lông chiên bé tí tẹo, cổ đeo vòng bạc sáng loáng. Đủ biết bố hắn quý hắn như thế nào : Sợ hắn khó nuôi, bố hắn đã nguyện trước thần phật làm vòng xích, xích lại. Hắn thấy ai là bẽn lẽn, chỉ không bẽn lẽn với một mình tôi thôi. Khi vắng người, hắn mới nói chuyện với tôi. Thế là chưa đầy nửa ngày, chúng tôi đã thân nhau. Không biết bấy giờ chúng tôi nói với nhau những gì, chỉ nhớ rằng Nhuận Thổ thích chí lắm. Hắn bảo lên tỉnh hắn mới được trông thấy những điều hắn chưa bao giờ trông thấy cả.

Hôm sau, tôi rủ hắn bẫy chim. Hắn nói :

– Không được đâu ! Phải chờ tuyết xuống cho nhiều đã. Làng em toàn đất cát, hễ tuyết xuống là em quét lấy một khoảng đất trống, dùng một cái que ngắn chống một cái nong lớn, rắc ít lúa lép, thấy chim tước xuống ăn, đứng đằng xa giật mạnh sợi dây buộc vào cái que, thế là chim bị chụp vào nong hết. Thứ nào cũng có : sẻ đồng, chào mào, "bột cô", sẻ xanh lưng.

Thế là tôi lại càng chờ ngày tuyết xuống.

Nhuận Thổ lại nói :

– Bây giờ trời đang rét lắm. Đến mùa hè, anh xuống nhà em chơi. Ban ngày, chúng mình ra biển nhặt vỏ sò, màu đỏ có, màu xanh có, đủ cả. Có cả sò "mặt quỷ", sò "tay phật"[7]. Tối đến, em và thầy em đi canh dưa thì anh cũng đi...

– Canh trộm à ?

– Không phải. Ở làng em, người đi qua đường khát nước hái một quả dưa ăn, không kể là lấy trộm. Canh là canh lợn rừng, nhím, tra. Này nhé ! Sáng trăng. Có tiếng sột soạt. Tra đang ngốn dưa đấy ! Thế là cầm đinh ba khe khẽ tiến lên...

Hồi đó và cho cả đến bây giờ nữa, tôi vẫn chưa biết con tra là con gì. Chẳng căn cứ vào đâu, tôi cứ tưởng tượng hình thù nó như con chó con nhưng dữ tợn hơn.

– Nó không cắn à ?

– Đã có đinh ba rồi. Tiến lên gần, thấy tra là đâm ngay. Giống ấy tinh khôn lắm. Nó quay lại, đâm thẳng về phía mình rồi luồn qua háng mình biến mất. Lông, da nó trơn như mỡ.

Tôi chưa hề biết trên đời này lại có những chuyện mới lạ như vậy : bên bờ biển có những vỏ sò đủ màu sắc như thế kia, và có được quả dưa hấu ăn cũng phải trải qua bao nhiêu là nguy hiểm. Trước đây tôi chỉ biết quả dưa hấu bán ở hàng hoa quả mà thôi !

– Ở đất cát chúng em, lúc thuỷ triều dâng lên, có rất nhiều những con "cá nhảy", cứ nhảy lung tung, hai chân như chân nhái.

Trời ! Nhuận Thổ hẳn biết nhiều chuyện lạ lùng lắm, kể không xiết ! Những chuyện đó, bạn bè tôi từ trước đến nay, không ai biết cả. Chúng nó không biết là vì trong khi Nhuận Thổ sống bên bờ biển thì chúng nó, cũng như tôi, chỉ nhìn một mảnh trời vuông trên bốn bức tường cao bao bọc lấy cái sân mà thôi !

Nhưng tiếc thay, đã hết tháng giêng. Nhuận Thổ phải về quê hắn. Lòng tôi xốn xang, tôi khóc to lên. Hắn lẩn trong bếp, cũng khóc mà không chịu về. Nhưng rồi bố hắn cũng lôi hắn đi. Sau đó, hắn có nhờ bố hắn mang lên cho tôi một bọc vỏ sò và mấy thứ lông chim rất đẹp. Tôi cũng có vài lần gửi cho hắn ít quà. Nhưng từ đấy chúng tôi không hề gặp mặt nhau nữa.

Bây giờ mẹ tôi nhắc đến Nhuận Thổ, kí ức tôi bỗng như bừng sáng lên trong chốc lát. Tôi cảm thấy tựa hồ tôi đã tìm ra được quê hương tôi đẹp ở chỗ nào rồi. Tôi trả lời mẹ tôi :

– Thế thì hay quá ! Anh ta... ra sao ?

– Anh ta ấy à ? Tình cảnh cũng chẳng ra gì. – Mẹ tôi vừa nói vừa nhìn ra phía ngoài. – Mấy người kia lại đến ! Nói mua đồ gỗ nhưng cứ tiện tay mang bừa đi. Mẹ phải ra xem xem sao.

Mẹ tôi đứng dậy, đi ra. Ngoài cửa có tiếng đàn bà đang hỏi chuyện. Tôi gọi cháu Hoàng đến gần, hỏi vớ vẩn : hỏi nó đã biết viết chưa, có thích đi xa không.

– Chúng ta có đi tàu hoả không bác ?

– Có, chúng ta đi tàu hoả.

– Thế có đi thuyền không, bác ?

– Có, đi thuyền trước...

Bỗng có tiếng ai lạ, the thé nói to lên :

– Thế này rồi kia à ! Râu mọc dài thế này rồi kia à ?

Tôi giật mình, vội ngẩng đầu lên thì trông thấy một người đàn bà, trên dưới năm mươi tuổi, lưỡng quyền[8] nhô ra, môi mỏng dính, hai tay chống nạnh, không buộc thắt lưng, chân đứng chạng ra, giống hệt cái com-pa trong bộ đồ vẽ, có hai chân bé tí.

Tôi rất lấy làm ngạc nhiên.

– Không nhận ra à ! Ngày bé tôi vẫn bế anh đấy !

Tôi lại càng ngạc nhiên hơn. May mà lúc đó mẹ tôi bước vào, đỡ lời cho :

– Cháu nó đi xa lâu ngày thành ra quên hết cả. Con nhớ nhá !

Rồi ngoảnh về phía tôi nói :

– Đây là thím Hai Dương ở xế cửa nhà ta đây mà ! Thím mở hàng bán đậu phụ.

A ! Nhớ ra rồi. Hồi tôi còn bé, quả có một chị Hai Dương vẫn ngồi trong quán bán đậu phụ xế cửa nhà tôi, người ta gọi chị là "nàng Tây Thi[9] đậu phụ". Nhưng hồi đó, chị xoa phấn, lưỡng quyền không cao như thế này, môi cũng không mỏng như bây giờ. Và chị cứ ngồi suốt buổi nên tôi

cũng chưa hề được nhìn thấy cái dáng điệu "com-pa" của chị. Hồi đó người ta nói, sở dĩ hàng đậu phụ bán chạy là vì có chị ta. Song có lẽ vì tôi không cùng lứa tuổi với chị, cũng chưa bao giờ bị chị ta làm cho đắm đuối, nên mới quên bẵng đi. Nhưng cái "com-pa" kia lấy làm bất bình lắm, tỏ vẻ khinh bỉ, cười khảy tôi như cười khảy một người Pháp không biết đến Nã Phá Luân[10], một người Mĩ không biết đến Hoa Thịnh Đốn[11] vậy ! Rồi nói :

– Quên à ! Phải, bây giờ cao sang rồi thì để ý đâu đến bọn chúng tôi nữa !

Tôi hoảng hốt, đứng dậy nói :

– Đâu có phải thế ! Tôi...

– Thế thì tôi nói anh nghe nhé ! Anh Tấn này ! Anh bây giờ sang trọng rồi, còn cần quái gì các thứ đồ gỗ hư hỏng này nữa. Chuyên chở lại lịch kịch lắm. Cho chúng tôi khuân đi thôi. Chúng tôi nhà nghèo dùng được tất.

– Có gì đâu mà sang trọng ! Chúng tôi cần phải bán các thứ này đi để...

– Ái chà ! Anh bây giờ làm quan rồi mà bảo là không sang trọng ? Những ba nàng hầu. Mỗi lần đi đâu là ngồi kiệu lớn tám người khiêng, còn bảo là không sang trọng ? Hừ ! Chẳng cái gì giấu nổi chúng tôi đâu !

Tôi biết không thể nói làm sao được đành ngậm miệng, đứng trầm ngâm.

– Ôi dào ! Thật là càng giàu có càng không dám rời một đồng xu ! Càng không dám rời một đồng xu lại càng giàu có !

Mụ "com-pa" tức giận, miệng lẩm bẩm, quay gót thong thả đi ra, tiện tay giật luôn đôi bít tất tay của mẹ tôi giắt vào lưng quần, cút thẳng.

Sau đó, lại có mấy người bà con hàng xóm và mấy người thân thuộc đến thăm. Tôi vừa tiếp khách vừa tìm chút thì giờ rảnh sửa soạn hành lí. Như thế mất ba bốn ngày.

Một hôm, trời rét lắm. Quá trưa, tôi vừa ăn cơm xong, đang ngồi uống trà, bỗng nghe như có tiếng ai ở ngoài đi vào. Ngoảnh ra xem tôi ngạc nhiên vô cùng vội vàng đứng dậy ra đón.

Người đi vào là Nhuận Thổ. Tuy tôi nhận ra ngay là Nhuận Thổ, nhưng lại không phải là Nhuận Thổ trong kí ức tôi. Anh cao gấp hai trước, khuôn mặt tròn trĩnh, nước da bánh mật trước kia nay đổi thành vàng sạm, lại có thêm những nếp răn sâu hoắm. Cặp mắt giống hệt cặp mắt bố anh ngày trước, mi mắt viền đỏ húp mọng lên. Tôi không lấy làm lạ, ở miền biển, gió thổi suốt ngày, đại để ai cũng thế cả. Anh đội một cái mũ lông chiên rách tươm, mặc một chiếc áo bông mỏng dính, người co ro cúm rúm, tay cầm một bọc giấy và một tẩu thuốc lá dài.

Bàn tay này cũng không phải là bàn tay tôi còn nhớ, hồng hào, lanh lẹn, mập mạp, cứng rắn, mà vừa thô kệch vừa nặng nề, nứt nẻ như vỏ cây thông.

Lúc bấy giờ tôi mừng rỡ vô cùng, nhưng chưa biết nói thế nào cho phải, đành chỉ hỏi :

– À anh Nhuận Thổ, anh đã đến đấy à !

Tôi còn có rất nhiều chuyện để nói tiếp, tưởng chừng có thể tuôn ra như nước chảy "nào là chim chào mào, nào là cá nhảy, vỏ sò, tra..." nhưng không biết hình như có cái gì chẹn lại, chỉ loanh quanh trong đầu óc, không thốt ra thành lời được.

Nhuận Thổ đứng dừng lại, nét mặt vừa hớn hở vừa thê lương, môi mấp máy, nhưng cũng nói không ra tiếng. Rồi bỗng anh lấy một dáng điệu cung kính, chào rất rành mạch :

– Bẩm ông !

Tôi như điếng người đi. Thôi đúng rồi ! Giữa chúng tôi đã có một bức tường khá dày ngăn cách. Thật là bi đát. Tôi cũng nói không nên lời.

Anh ta ngoảnh đầu lại gọi :

– Thuỷ Sinh. Con không lạy ông đi kìa !

Anh liền kéo đứa bé nấp sau lưng anh ra. Trông nó giống hệt anh hai mươi năm về trước, chỉ có điều vàng vọt, gầy còm hơn một tí, và cổ không đeo vòng bạc mà thôi.

– Thưa, đây là cháu thứ năm đấy ạ ! Chưa đi đâu bao giờ, cứ thấy ai là lẩn tránh...

Mẹ tôi và cháu Hoàng chừng đã nghe thấy tiếng từ trên gác đi xuống.

Anh Nhuận Thổ nói :

– Lạy cụ ạ ! Thư cụ con đã nhận được, biết ông có về chơi, thật mừng quá !

Mẹ tôi vui vẻ nói :

– Ấy, sao lại khách tình thế ! Chẳng phải là trước kia, vẫn gọi nhau bằng anh em cơ mà ? Cứ gọi là anh Tấn như trước thôi !

– Ái chà ! Cụ thật là... Như thế thì còn ra thể thống nào nữa. Hồi đó, còn nhỏ dại, chưa hiểu...

Anh Nhuận Thổ vừa nói vừa gọi Thuỷ Sinh lại chào, nhưng thằng bé bẽn lẽn, bám sát vào lưng bố.

Mẹ tôi nói :

– Cháu Thuỷ Sinh đấy à ? Cháu thứ năm phải không nhỉ ? Toàn là người lạ, chả trách rụt rè là phải. Hoàng đâu, dẫn em ra chơi đi !

Hoàng nghe nói liền gọi Thuỷ Sinh. Thuỷ Sinh nhẹ nhàng khoan khoái cùng Hoàng đi ra. Mẹ tôi bảo Nhuận Thổ ngồi. Anh ngập ngừng một lát rồi cũng ngồi xuống, để cái tẩu thuốc dựa vào mé bàn, đưa cái giấy ra nói :

– Ngày đông tháng giá, chẳng có gì. Đây chỉ là ít đậu xanh của nhà phơi khô, xin ông...

Tôi hỏi thăm gia đình anh. Anh chỉ lắc đầu :

– Bẩm, vất vả lắm ! Cháu thứ sáu cũng đã giúp được việc, nhưng nhà vẫn không đủ ăn, lại có được sống yên ổn đâu !... Chỗ nào cũng hỏi tiền, chẳng có luật lệ gì cả. Mùa lại mất. Trồng được gì là gánh đi bán tất. Chỉ đóng góp vài lần là cụt vốn rồi. Không đem bán thì lại thối mục hết.

Anh cứ lắc đầu. Những nếp răn khắc sâu trên mặt anh tuyệt nhiên không động đậy. Trông anh phẳng phất như một pho tượng đá. Có lẽ anh chỉ cảm thấy khổ nhưng không nói ra được hết, ngồi trầm ngâm một lúc, rồi cầm lấy dọc tẩu, lặng lẽ hút thuốc.

Mẹ tôi hỏi chuyện anh, biết nhà anh bận lắm việc, ngày mai phải về, lại chưa ăn cơm trưa, liền bảo anh xuống bếp rang cơm ăn.

Anh đi ra. Mẹ tôi và tôi đều than thở, buồn cho cảnh nhà anh : con đông, mùa mất, thuế nặng, lính tráng, trộm cướp, quan lại, thân hào đày đoạ thân anh khiến anh trở thành đần độn, mụ mẫm đi ! Mẹ tôi bàn với tôi :

– Cái gì không cần chở đi thì cho anh ta hết. Cứ để cho tuỳ ý chọn, lấy cái nào thì lấy.

Đến chiều anh chọn xong mấy thứ : một đôi bàn dài, bốn chiếc ghế dựa, một bộ tam sự và một cái cân. Anh lại xin tất cả các đống tro (ở quê tôi, người ta nấu

bằng rơm, rạ, tro có thể dùng bón ruộng), chờ khi nào chúng tôi lên đường là đem thuyền đến chở.

Đêm đến, chúng tôi cũng có nói vài ba câu chuyện phiếm, toàn là những chuyện chẳng quan trọng gì. Sáng hôm sau, Thuỷ Sinh về. Chín ngày sau, chúng tôi lên đường. Sáng sớm, Nhuận Thổ đã đến rồi. Thuỷ Sinh không đi theo. Anh chỉ đem theo một đứa cháu gái năm tuổi để trông thuyền. Chúng tôi bận rộn suốt ngày, không có thì giờ trò chuyện. Khách khứa cũng nhiều. Kẻ đến đưa chân, người đến lấy đồ đạc. Có kẻ vừa đưa chân vừa lấy đồ đạc. Gần tối, chúng tôi xuống thuyền thì tất cả đồ đạc trong ngôi nhà cũ, hư hỏng, to nhỏ, xấu tốt đều mang đi sạch trơn như quét.

Thuyền chúng tôi thẳng tiến. Trong hoàng hôn, những dãy núi xanh hai bên bờ sông đen sẫm lại, nối tiếp nhau chạy lùi về phía sau lái.

Tôi và cháu Hoàng ngồi tựa cửa thuyền, cũng nhìn phong cảnh mờ ảo bên ngoài. Bỗng cháu Hoàng hỏi :

– Bác này ! Lúc nào chúng ta lại trở về nhỉ ?

– Trở về ? Sao cháu chưa đi đã nghĩ đến chuyện trở về ?

– Nhưng mà thằng Thuỷ Sinh nó hẹn cháu đến nhà nó chơi cơ mà !

Hoàng giương to đôi mắt đen nháy nhìn tôi, ngây người suy nghĩ.

Tôi và mẹ tôi cũng đều có ý buồn, thế là lại nhắc đến Nhuận Thổ. Mẹ tôi nói :

– Cái chị Hai Dương, "nàng Tây Thi đậu phụ" ấy mà ! Từ khi nhà ta bắt đầu sửa soạn hành lí, chẳng ngày nào là chị ta không đến. Hôm trước, chị ta đứng cạnh đống tro, moi ra hơn mười chiếc, cả bát lẫn đĩa, bàn tán một hồi rồi nói quyết rằng Nhuận Thổ vùi vào đấy để khi nào xúc tro là mang đi luôn. Chị ta khám phá ra việc đó, tự cho mình là có công, liền lấy ngay cái "cẩu khí sát" (một dụng cụ ở quê tôi người ta dùng nuôi gà làm bằng một tấm ván, trên có chấn song, trong đựng thức ăn, gà chỉ việc thò cổ vào mổ còn chó thì đứng nhìn, chịu chết), rồi chạy biến. Tuy chị ta lùn và chân bé tí teo thế mà chạy cũng nhanh đáo để !

Ngôi nhà cũ xa dần, phong cảnh làng cũ cũng mờ dần, nhưng lòng tôi không chút lưu luyến. Tôi chỉ cảm thấy chung quanh tôi là bốn bức tường vô hình, nhưng rất cao, làm cho tôi vô cùng lẻ loi, ngột ngạt. Hình ảnh đứa trẻ oai hùng,

cổ đeo vòng bạc, đứng giữa ruộng dưa hấu, tôi vốn nhớ rõ lắm, nhưng bây giờ bỗng nhiên cũng mờ nhạt đi, khiến tôi lại càng thêm ảo não.

Mẹ tôi và cháu Hoàng đã ngủ rồi.

Tôi nằm xuống, nghe nước róc rách vỗ vào mạn thuyền, biết là tôi đang đi theo con đường của tôi. Tôi nghĩ bụng : tôi và Nhuận Thổ, tuy cách bức đến như thế này, nhưng con cháu chúng tôi vẫn còn thân thiết với nhau. Chẳng phải là cháu Hoàng đang mơ tưởng nhớ đến Thuỷ Sinh đó ư ? Tôi mong ước chúng nó sẽ không giống chúng tôi, không bao giờ phải cách bức nhau cả... Nhưng tôi cũng không muốn chúng nó vì thân thiết với nhau mà phải vất vả, chạy vạy như tôi, cũng không muốn chúng nó phải khốn khổ mà đần độn như Nhuận Thổ ; cũng không muốn chúng nó phải khốn khổ mà tàn nhẫn như bao nhiêu người khác. Chúng nó cần phải sống một cuộc đời mới, một cuộc đời mà chúng tôi chưa từng được sống.

Tôi nghĩ đến những niềm hi vọng, bỗng nhiên hoảng sợ. Khi Nhuận Thổ xin chiếc lư hương và đôi đèn nến, tôi cười thầm, cho rằng anh ta lúc nào cũng không quên sùng bái tượng gỗ.

Nhưng bây giờ, điều tôi đang gọi là hi vọng đây, biết đâu không phải là một thứ tượng gỗ tự tay tôi chế tạo ra ? Có khác chăng là những điều anh ta mong ước thì gần gũi, còn những điều tôi mong ước thì xa vời đó thôi. Tôi đang mơ màng thì trước mắt tôi hiện ra cảnh tượng một cánh đồng cát, màu xanh biếc, cạnh bờ biển, trên vòm trời xanh đậm, treo lơ lửng một vừng trăng tròn vàng thắm. Tôi nghĩ bụng : Đã gọi là hi vọng thì không thể nói đâu là thực, đâu là hư. Cũng giống như những con đường trên mặt đất ; kì thực trên mặt đất vốn làm gì có đường. Người ta đi mãi thì thành đường thôi.

(Lỗ Tấn(*), *Truyện ngắn tuyển tập*, theo bản dịch của Trương Chính, NXB Văn học, Hà Nội, 1977)

Chú thích

(*) Lỗ Tấn (1881 – 1936) là nhà văn nổi tiếng của Trung Quốc, lúc nhỏ tên là Chu Chương Thọ, tên chữ là Dự Tài, sau đổi tên là Chu Thụ Nhân, quê ở phủ Thiệu Hưng, tỉnh Chiết Giang. Sinh trưởng trong một gia đình quan lại sa sút, mẹ xuất thân nông dân nên từ nhỏ ông đã có nhiều cơ hội tiếp xúc với đời sống

nông thôn. Từ lúc còn trẻ, ông đã từ giã gia đình, quyết tâm đi tìm con đường lập thân mới, khác với những thanh niên cùng quê đương thời. Thoạt đầu, nghĩ rằng sức mạnh của khoa học và kĩ thuật có thể cứu được nước, ông lần lượt theo học các ngành hàng hải, địa chất rồi y học. Nhưng rồi ông dần thấy rằng một mình khoa học không thể làm thay đổi được xã hội một cách triệt để. Ông bỏ ngành y, chuyển sang hoạt động văn học vì nghĩ rằng văn học là vũ khí lợi hại để "biến đổi tinh thần" dân chúng đang ở tình trạng "ngu muội" và "hèn nhát". Công trình nghiên cứu và tác phẩm văn chương của Lỗ Tấn rất đồ sộ và đa dạng, trong đó có 17 tập tạp văn và hai tập truyện ngắn xuất sắc là *Gào thét* (1923) và *Bàng hoàng* (1926). *Cố hương* là một trong những truyện ngắn tiêu biểu nhất của tập *Gào thét*. Năm 1981, toàn thế giới đã kỉ niệm 100 năm ngày sinh Lỗ Tấn như một danh nhân văn hoá.

(1) Thực tế không phải như vậy. Trong khoảng hai mươi năm ấy, Lỗ Tấn có về quê một số lần. Đặc biệt từ năm 1909 đến năm 1911, Lỗ Tấn đã dạy học tại các trường trung học và sư phạm ở quê nhà. Không gian, thời gian được trình bày như trong tác phẩm có tác dụng vừa làm nổi bật sự thay đổi của cố hương, vừa tô đậm thêm tình cảm của nhân vật "tôi" đối với cố hương.

Dù nhiều chi tiết trong tác phẩm là sự việc có thực trong cuộc đời Lỗ Tấn song không nên đồng nhất nhân vật "tôi" và tác giả. *Cố hương* là một *truyện ngắn có yếu tố hồi kí* chứ không phải là *hồi kí*.

(2) *Kí ức* : trí nhớ (về những việc đã qua).

(3) *Đinh ba* : loại vũ khí có cán dài, đầu bằng sắt chĩa ra nhiều mũi nhọn để đâm, xỉa.

(4) *Tra* : tên một giống thú thuộc loài lợn rừng.

(5) *Cậu ấm* : từ thời trước chỉ con trai nhà quan, ở đây chỉ con trai nhà giàu sang.

(6) *Ngũ hành khuyết thổ* : theo quan niệm của các nhà tư tưởng xưa ở Trung Quốc, *ngũ hành* là năm nguyên tố cấu tạo nên mọi vật trong thế giới : *nước* (thuỷ), *lửa* (hoả), *gỗ* (mộc), *kim loại* (kim), *đất* (thổ). Theo cách lí giải duy tâm về tướng số thì cơ thể con người phải có đủ ngũ hành : kim, mộc, thuỷ, hoả, thổ. Nhân vật trong truyện này sinh vào tháng nhuận nên thiếu mất một hành là hành thổ, vì thế phải đặt tên là Nhuận Thổ.

(7) *Sò "mặt quỷ", sò "tay phật"* : các giống sò được đặt tên theo hình dáng vỏ ngoài của chúng, ở vùng ven biển Chiết Giang trước đây, vỏ sò thường được xâu thành chuỗi để làm vật trang sức cho trẻ con.

(8) *Lưỡng quyền* : hai gò má.

(9) *Tây Thi* : tên một phụ nữ rất đẹp ở nước Việt (nay thuộc tỉnh Chiết Giang) thời Xuân Thu, sau lấy vua nước Ngô là Phù Sai. Người ta thường ví một phụ nữ đẹp với Tây Thi. Ở đây dùng điển Tây Thi rất đúng chỗ vì thím Hai Dương là "đồng hương" với Tây Thi song đặt chữ "đậu phụ" bên cạnh tên Tây Thi lại gây nên giọng điệu hài hước, một nét ta thường thấy ở trong truyện ngắn Lỗ Tấn, dù là tác phẩm mang đậm màu sắc trữ tình như *Cố hương*.

(10) *Nã Phá Luân* : Na-pô-lê-ông (1769 – 1821), hoàng đế nước Pháp nổi tiếng thế giới đầu thế kỉ XIX.

(11) *Hoa Thịnh Đốn* : Oa-sinh-tơn (1732 – 1799), năm 1789 được bầu làm tổng thống đầu tiên của nước Mĩ.

ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN

1. Tìm bố cục của truyện. (*Gợi ý* : căn cứ vào trình tự thời gian chuyến về thăm quê của nhân vật "tôi".)

2. Trong truyện, có mấy nhân vật chính ? Nhân vật nào là nhân vật trung tâm ? Vì sao ?

3. Tác giả đã dùng những biện pháp nghệ thuật nào để làm nổi bật sự thay đổi ở nhân vật Nhuận Thổ ? Ngoài sự thay đổi của Nhuận Thổ, tác giả còn miêu tả sự thay đổi nào khác của những con người và cảnh vật ở *Cố hương* ? Tác giả đã biểu hiện tình cảm, thái độ như thế nào và đặt ra vấn đề gì qua sự miêu tả đó ?

4. Đọc kĩ ba đoạn văn sau và trả lời câu hỏi :

a) "Nhưng tiếc thay, đã hết tháng giêng ... Nhưng từ đấy chúng tôi không hề gặp mặt nhau nữa".

b) "Người đi vào là Nhuận Thổ ... vừa thô kệch vừa nặng nề, nứt nẻ như vỏ cây thông".

c) "Tôi nghĩ bụng ... Người ta đi mãi thì thành đường thôi".

Trong ba đoạn văn trên :

– Đoạn nào chủ yếu dùng phương thức miêu tả và thông qua đó, tác giả muốn biểu hiện điều gì ?

– Đoạn nào chủ yếu dùng phương thức tự sự ? Ngoài tự sự, tác giả còn sử dụng các yếu tố của những phương thức biểu đạt nào khác ? Nêu hiệu quả của sự kết hợp đó trong việc thể hiện tính cách nhân vật.

– Đoạn nào chủ yếu dùng phương thức nghị luận và thông qua đó, tác giả muốn nói lên điều gì ?

Ghi nhớ

*Trong truyện ngắn **Cố hương**, thông qua việc thuật lại chuyến về quê lần cuối cùng của nhân vật "tôi", những rung cảm của "tôi" trước sự thay đổi của làng quê, đặc biệt là của Nhuận Thổ, Lỗ Tấn đã phê phán xã hội phong kiến, lễ giáo phong kiến, đặt ra vấn đề con đường đi của nông dân và của toàn xã hội để mọi người suy ngẫm.*

LUYỆN TẬP

1. Chọn đoạn văn mà em thích nhất trong tác phẩm để học thuộc.

2. Tìm những từ ngữ thích hợp trong tác phẩm điền theo bảng mẫu dưới đây :

	Sự thay đổi ở nhân vật Nhuận Thổ	
	Nhuận Thổ lúc còn nhỏ (20 năm trước)	Nhuận Thổ lúc đứng tuổi (lúc "tôi" trở về)
Hình dáng		
Động tác		
Giọng nói		
Thái độ đối với "tôi"		
Tính cách		

ÔN TẬP PHẦN TẬP LÀM VĂN (tiếp theo)

7. Các nội dung về văn bản tự sự đã học ở lớp 9 có gì giống và khác so với các nội dung về kiểu văn bản này đã học ở những lớp dưới ?

8. Giải thích tại sao trong một văn bản có đủ các yếu tố miêu tả, biểu cảm, nghị luận mà vẫn được gọi là văn bản tự sự. Theo em, liệu có một văn bản nào chỉ vận dụng một phương thức biểu đạt duy nhất hay không ?

9. Kẻ lại bảng sau vào vở và đánh dấu (×) vào các ô trống mà kiểu văn bản chính có thể kết hợp với các yếu tố tương ứng trong nó (chẳng hạn tự sự có thể kết hợp với miêu tả thì đánh dấu vào ô thứ hai).

STT	Kiểu văn bản chính	Các yếu tố kết hợp với văn bản chính					
		Tự sự	Miêu tả	Nghị luận	Biểu cảm	Thuyết minh	Điều hành
1	*Tự sự*		×				
2	*Miêu tả*						
3	*Nghị luận*						
4	*Biểu cảm*						
5	*Thuyết minh*						
6	*Điều hành*						

10. Một số tác phẩm tự sự được học trong sách giáo khoa Ngữ văn từ lớp 6 đến lớp 9 không phải bao giờ cũng phân biệt rõ bố cục ba phần : Mở bài, Thân bài và Kết bài. Tại sao bài tập làm văn tự sự của học sinh vẫn phải có đủ ba phần đã nêu ?

11. Những kiến thức và kĩ năng về kiểu văn bản tự sự của phần Tập làm văn có giúp được gì trong việc đọc – hiểu các văn bản tác phẩm văn học tương ứng trong sách giáo khoa Ngữ văn không ? Phân tích một vài ví dụ để làm sáng tỏ.

12. Những kiến thức và kĩ năng về các tác phẩm tự sự của phần Đọc – hiểu văn bản và phần Tiếng Việt tương ứng đã giúp em những gì trong việc viết bài văn tự sự ? Phân tích một vài ví dụ để làm sáng tỏ.

KIỂM TRA TỔNG HỢP CUỐI HỌC KÌ I

I – NHỮNG NỘI DUNG CƠ BẢN CẦN CHÚ Ý

1. Phần Đọc – hiểu văn bản

a) Nội dung đọc – hiểu trong *Ngữ văn 9*, tập một tập trung vào bốn phần lớn sau đây :

– ***Truyện trung đại*** : gồm *truyện văn xuôi* như *Chuyện người con gái Nam Xương* của Nguyễn Dữ, *Hoàng Lê nhất thống chí* của Ngô gia văn phái ; *truyện văn vần* (truyện thơ Nôm) như *Truyện Kiều* của Nguyễn Du, *Truyện Lục Vân Tiên* của Nguyễn Đình Chiểu.

– ***Truyện hiện đại*** : gồm một số tác phẩm văn xuôi tiêu biểu như *Làng* (Kim Lân), *Lặng lẽ Sa Pa* (Nguyễn Thành Long), *Chiếc lược ngà* (Nguyễn Quang Sáng). Ngoài ra, *Ngữ văn 9,* tập một còn giới thiệu để học sinh đọc – hiểu hai truyện văn xuôi nước ngoài là *Cố hương* (Lỗ Tấn) và đoạn trích *Những đứa trẻ* (*Thời thơ ấu* – M. Go-rơ-ki).

– ***Thơ hiện đại*** sau năm 1945 : gồm một số bài thơ trữ tình tiêu biểu như *Đồng chí* (Chính Hữu), *Đoàn thuyền đánh cá* (Huy Cận), *Bếp lửa* (Bằng Việt), *Khúc hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ* (Nguyễn Khoa Điềm), *Ánh trăng* (Nguyễn Duy), *Bài thơ về tiểu đội xe không kính* (Phạm Tiến Duật).

– ***Văn bản nhật dụng*** : tập trung vào các chủ đề lớn như : *vấn đề chiến tranh và hoà bình, vấn đề hội nhập và bảo vệ bản sắc văn hoá dân tộc, vấn đề quyền sống của con người,...*

b) Khi ôn tập để chuẩn bị cho bài kiểm tra tổng hợp cuối học kì I, học sinh cần chú ý nắm được một số yêu cầu về nội dung và hình thức cơ bản sau đây :

– Văn bản (tác phẩm) ấy là của ai (tác giả nào), ra đời trong hoàn cảnh nào ? Viết về cái gì, về chuyện gì, về ai và có những nhân vật nào ? Nội dung chính mà văn bản muốn làm nổi bật là nội dung nào ? Ca ngợi hay phê phán điều gì ? (Kết hợp xem lại các nội dung ôn tập, tổng kết trước khi kiểm tra về văn học trung đại và văn học hiện đại ở phần Văn.)

– Trong văn bản đó, tác giả dùng phương thức biểu đạt nào là chính ? Các yếu tố nghệ thuật nổi bật nào đã giúp tác giả thể hiện thành công nội dung tư tưởng của văn bản ? (Kết hợp vận dụng các kiến thức và kĩ năng về tiếng Việt

như từ loại, câu, các phép tu từ, các dấu câu,... để nhận diện và phân tích vai trò, tác dụng của các yếu tố đó ở những tác phẩm đã được học trong phần Văn.)

– Tìm những câu, những đoạn văn (thơ) hay ở các văn bản trong *Ngữ văn 9*, tập một (kể cả các văn bản phụ, văn bản đọc thêm của phần Tiếng Việt, phần Tập làm văn) ; sau đó chép lại, học thuộc và tập nhận diện, phân tích vai trò, tác dụng của các yếu tố nghệ thuật ngôn từ trong việc thể hiện nội dung văn bản.

2. Phần Tiếng Việt

a) Phần Tiếng Việt trong *Ngữ văn 9*, tập một có hai nội dung :

– Tiếp tục cung cấp một số kiến thức chưa được học ở các lớp dưới như : các phương châm hội thoại, cách dẫn trực tiếp và cách dẫn gián tiếp, thuật ngữ, sự phát triển của từ vựng, trau dồi vốn từ,...

– Tổng kết các kiến thức từ vựng tiếng Việt đã học ở cả bốn lớp cấp THCS.

Để làm tốt bài kiểm tra tổng hợp cuối học kì I, các em vừa phải nắm được những kiến thức mới bổ sung, vừa phải ôn lại toàn bộ kiến thức về từ vựng đã được học ở các năm học trước như : từ và cấu tạo từ, nghĩa của từ, từ mượn, một số phép tu từ từ vựng,...

b) Yêu cầu cần đạt về kiến thức và kĩ năng tiếng Việt trong bài kiểm tra tổng hợp là :

– Nhận diện được các đơn vị tiếng Việt trong văn bản ;

– Nêu được vai trò và tác dụng của các đơn vị tiếng Việt đó ;

– Biết vận dụng các đơn vị này trong thực hành nói và viết.

Để đáp ứng yêu cầu nói trên, các em không nên chỉ học lí thuyết mà cần tập trung nhiều vào thực hành (thực hành nhận diện, thực hành phân tích, thực hành nói và viết gắn với các văn bản trong phần Văn và với các tình huống giao tiếp cụ thể,...).

3. Phần Tập làm văn

a) Phần Tập làm văn trong *Ngữ văn 9*, tập một tập trung vào hai nội dung lớn :

– Một là tiếp tục học về *văn bản thuyết minh* với yêu cầu kết hợp phương thức biểu đạt này với các phương thức khác như thuyết minh kết hợp với một số biện pháp nghệ thuật, thuyết minh kết hợp với miêu tả.

– Hai là tiếp tục học về *văn bản tự sự* với các nội dung phát triển cao hơn so với các lớp dưới : kết hợp tự sự với miêu tả nội tâm ; kết hợp tự sự với nghị luận ; về đối thoại và độc thoại trong văn bản tự sự, về người kể chuyện trong văn bản tự sự,...

Ngoài ra còn có nội dung *tóm tắt văn bản tự sự* và *tập làm thơ tám chữ*.

b) Các nội dung tập làm văn vừa nêu tích hợp chặt chẽ với đọc – hiểu văn bản chung, góp phần soi sáng thêm cho giờ đọc – hiểu văn bản.

Tuy nhiên, mục đích và nhiệm vụ chính mà phần Tập làm văn hướng tới là giúp học sinh biết vận dụng các kiến thức và kĩ năng đã học về tự sự (cũng như các phương thức biểu đạt khác) vào việc tạo lập văn bản ; nghĩa là cuối cùng học sinh phải biết vận dụng để viết được một kiểu văn bản nào đó đáp ứng đúng yêu cầu của cuộc sống. Chính vì thế, trong mỗi bài học về tập làm văn đều có hai phần : nhận diện và luyện tập. Cả hai phần đều thông qua thực hành. Thông qua thực hành phân tích, tìm hiểu các văn bản cụ thể, học sinh rút ra kết luận về những kiến thức và kĩ năng cơ bản cần đạt ; sau đó thực hành luyện tập nhận diện và tạo lập văn bản để củng cố kiến thức và kĩ năng vừa hình thành ở trên.

II – CÁCH ÔN TẬP VÀ HƯỚNG KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

1. Các kiến thức đọc – hiểu văn bản, tiếng Việt, tập làm văn đều dựa vào cùng một hệ thống văn bản chung để khai thác và hình thành. Khi ôn tập, cần liên hệ và gắn các kiến thức của mỗi phần với các văn bản chung có trong sách giáo khoa.

2. Do yêu cầu đổi mới đánh giá, bài kiểm tra áp dụng một phần hình thức thi trắc nghiệm kết hợp với tự luận. Phần trắc nghiệm sẽ kiểm tra một cách tổng hợp trên một diện khá rộng các kiến thức đã học, vì thế không nên học tủ, học lệch mà phải học ôn toàn diện, đầy đủ.

3. Cấu trúc một bài kiểm tra thường gồm hai phần : phần trắc nghiệm chiếm từ 30% đến 40% số điểm, nhằm kiểm tra các kiến thức về đọc – hiểu văn bản, về tiếng Việt ; phần tự luận chiếm từ 60% đến 70% số điểm, nhằm kiểm tra kiến thức và kĩ năng tập làm văn qua một bài (đoạn) văn ngắn.

4. Theo tinh thần trên, việc kiểm tra, đánh giá kiến thức và kĩ năng tập làm văn trong *Ngữ văn 9*, tập một tập trung vào hai phương diện :

– Đánh giá những kiến thức của học sinh về các vấn đề mở rộng, nâng cao ở hai kiểu văn bản thuyết minh và tự sự. Những nội dung này (đã nêu ở mục I. 3 (a) trên đây) có thể kiểm tra bằng hình thức trắc nghiệm. Hình thức và nội dung kiểm tra trắc nghiệm học sinh đã được làm quen ở các lớp dưới (lớp 6, 7, 8).

– Đánh giá khả năng tạo lập văn bản của học sinh theo các kiểu văn bản được học với những nội dung nâng cao đã nói ở trên. Những nội dung này cần kiểm tra bằng hình thức tự luận (viết một bài, đoạn văn) nêu rõ yêu cầu cần vận dụng, chẳng hạn :

+ Viết một đoạn văn kể chuyện theo đề tài tự chọn, trong đó sử dụng cả hình thức đối thoại, độc thoại và độc thoại nội tâm.

+ Viết một đoạn văn kể lại buổi sinh hoạt lớp, ở đó em đã phát biểu ý kiến để chứng minh Nam là một người bạn rất tốt.

+ Viết một đoạn văn kể về những việc làm hoặc những lời dạy bảo giản dị mà sâu sắc của người bà kính yêu đã làm cho em cảm động.

5. Có thể tham khảo đề kiểm tra sau đây :

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I – MÔN NGỮ VĂN LỚP 9

Thời gian làm bài : 90 phút (không kể thời gian phát đề)

Đề bài (gồm 2 phần)

Phần I : Trắc nghiệm (12 câu, mỗi câu trả lời đúng được 0,25 điểm, tổng 3 điểm)

Đọc kĩ đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi bằng cách chỉ khoanh tròn một chữ cái ở đầu *câu trả lời đúng*.

Ông Hai đi mãi đến sẩm tối mới về. Cái mặt buồn thỉu mọi ngày bỗng tươi vui, rạng rỡ hẳn lên. Mồm bỏm bẻm nhai trầu, cặp mắt hung hung đỏ, hấp háy... Vừa đến ngõ, ông lão đã lên tiếng :

– Chúng mày đâu rồi, ra thầy chia quà cho nào.

Lũ trẻ ở trong nhà ùa ra, ông lão rút vội cái gói bọc lá chuối khô cho con bé lớn :

– Bánh rán đường đây, chia cho em mỗi đứa một cái.

Dứt lời ông lão lại lật đật đi thẳng sang bên gian bác Thứ.

Chưa đến bực cửa, ông lão đã bô bô :

– Bác Thứ đâu rồi ? Bác Thứ làm gì đấy ? Tây nó đốt nhà tôi rồi bác ạ. Đốt nhẫn ! Ông chủ tịch làng tôi vừa mới lên trên này cải chính, ông ấy cho biết... cải chính cái tin làng Chợ Dầu chúng tôi đi Việt gian ấy mà. Láo ! Láo hết ! Toàn là sai sự mục đích cả.

Bác Thứ chưa nghe thủng câu chuyện ra sao, ông lão đã lại lật đật bỏ lên nhà trên.

– Tây nó đốt nhà tôi rồi ông chủ ạ. Đốt nhẫn. Ông chủ tịch làng em vừa lên cải chính... cải chính cái tin làng Chợ Dầu chúng em Việt gian ấy mà. Ra láo ! Láo hết, chẳng có gì sất. Toàn là sai sự mục đích cả !

Cũng chỉ được bằng ấy câu, ông lão lại lật đật bỏ đi nơi khác. Còn phải để cho người khác biết chứ. Ông lão cứ múa tay lên mà khoe cái tin ấy với mọi người. Ai ai cũng mừng cho ông lão.

(*Ngữ văn 9*, tập một)

1. Đoạn văn trên được trích từ tác phẩm nào ?

A – *Làng*

B – *Chiếc lược ngà*

C – *Lặng lẽ Sa Pa*

D – *Cố hương*

2. Nội dung chính tác giả muốn làm nổi bật qua đoạn trích trên là gì ?

A – Cảnh ông Hai chia quà cho các con

B – Việc ông Hai khoe với bác Thứ chuyện nhà mình bị đốt

C – Việc ông Hai khoe với ông chủ nhà tin mới biết về làng Chợ Dầu

D – Niềm vui của ông Hai khi biết tin làng mình không phải là Việt gian

3. Chi tiết nào thể hiện rõ nhất tâm trạng vui sướng của ông Hai ?

A – "Vừa đến ngõ, ông lão đã lên tiếng"

B – "Ông Hai đi mãi đến sẩm tối mới về."

C – "Ông lão cứ múa tay lên mà khoe cái tin ấy với mọi người."

D – "Dứt lời ông lão lại lật đật đi thẳng sang bên gian bác Thứ."

4. Người kể chuyện trong đoạn trích trên là ai ?

A – Ông Hai

B – Bác Thứ

C – Ông chủ tịch

D – Người kể giấu mình

5. Tác giả để ông Hai nhắc lại câu "*Toàn là sai sự mục đích cả.*" nhằm mục đích gì ?

A – Chế giễu, châm biếm nhân vật

B – Khắc hoạ sinh động tính cách nhân vật

C – Miêu tả tâm trạng vui sướng của nhân vật

D – Thể hiện sự nhiệt tình của ông Hai đối với cuộc kháng chiến

6. Trong đoạn trích chỉ thấy ông Hai nói, không thấy người khác nói lại, hình thức đó đã giúp nhà văn thể hiện được điều gì ?

A – Thể hiện được thái độ xa lánh của mọi người đối với ông Hai

B – Thể hiện được thái độ tôn trọng của mọi người đối với ông Hai

C – Thể hiện được trạng thái đau khổ của ông Hai

D – Thể hiện được niềm vui sướng vô bờ của ông Hai

7. Các lời thoại trong đoạn trích được diễn ra dưới hình thức nào ?

A – Đối thoại

B – Độc thoại nội tâm

C – Độc thoại dưới hình thức đối thoại

D – Không thuộc ba hình thức trên

8. Câu : "*Bác Thứ chưa nghe thủng câu chuyện ra sao,...*" có nghĩa là gì ?

A – Bác Thứ chưa nghe hết câu chuyện của ông Hai

B – Bác Thứ nghe nhưng chưa hiểu hết câu chuyện của ông Hai

C – Bác Thứ không nghe được câu chuyện của ông Hai

D – Bác Thứ không hiểu được câu chuyện của ông Hai

9. Dòng nào dưới đây liệt kê đúng và đủ các từ ngữ xưng hô trong lời ông Hai nói với bác Thứ ?

A – *Bác Thứ, nó, tôi, bác (ạ), ông chủ tịch, ông ấy, chúng tôi*

B – *Nó, tôi, bác (ạ), ông chủ tịch, ông ấy, chúng tôi*

C – *Bác Thứ, nó, tôi, bác (ạ), ông ấy, chúng tôi*

D – *Nó, tôi, bác (ạ), ông ấy, chúng tôi*

10. Dòng nào dưới đây liệt kê đúng và đủ các từ ngữ địa phương (phương ngữ) trong đoạn trích ?

A – *Thầy, bực cửa, (chẳng có gì) sất*

B – *Trầu, thầy, bực cửa, (chẳng có gì) sất*

C – *Trầu, thầy, bực cửa, sự mục đích, (chẳng có gì) sất*

D – *Bỏm bẻm, trầu, thầy, bực cửa, sự mục đích, (chẳng có gì) sất*

11. Trong lời ông Hai nói với bác Thứ có những loại câu nào ?

A – Chỉ có câu trần thuật

B – Có hai loại câu : trần thuật và nghi vấn

C – Có ba loại câu : trần thuật, nghi vấn và cảm thán

D – Có đủ bốn loại câu : trần thuật, nghi vấn, cảm thán và cầu khiến

12. Các câu nghi vấn trong lời ông Hai nói với bác Thứ dùng để làm gì ?

A – Cả hai câu đều dùng để hỏi.

B – Cả hai câu đều dùng để chào.

C – Câu đầu dùng để hỏi, câu sau dùng để chào.

D – Câu đầu dùng để gọi, câu sau dùng để chào.

Phần II : Tự luận (7 điểm)

Câu 1 (2 điểm) : Tóm tắt truyện *Lặng lẽ Sa Pa* của Nguyễn Thành Long (hoặc truyện *Cố hương* của Lỗ Tấn) trong nửa trang giấy thi.

Câu 2 (5 điểm) : Chọn một trong hai đề sau :

– Viết bài thuyết minh giới thiệu những nét chính về tác phẩm *Truyện Kiều* của Nguyễn Du.

– Kể lại một câu chuyện đáng nhớ của bản thân, trong đó có sử dụng các yếu tố nghị luận và miêu tả nội tâm.

BÀI 17

Kết quả cần đạt

• *Rung cảm với những đứa trẻ đáng yêu sống thiếu tình thương và hiểu rõ tài kể chuyện của Go-rơ-ki trong đoạn trích tiểu thuyết tự thuật* ***Thời thơ ấu****.*

Qua giờ trả bài kiểm tra Văn, củng cố kiến thức về các tác phẩm thơ, truyện hiện đại, tự rút ra được ưu, khuyết điểm của bài viết để tìm cách phát huy, khắc phục.

• *Qua giờ trả bài tập làm văn số 3, củng cố kiến thức và kĩ năng viết bài văn tự sự có sử dụng yếu tố miêu tả nội tâm và nghị luận.*

• *Qua giờ trả bài kiểm tra tổng hợp cuối học kì I, củng cố và tích luỹ thêm kinh nghiệm về việc làm bài theo hướng tích hợp.*

VĂN BẢN

NHỮNG ĐỨA TRẺ[*]

(Trích *Thời thơ ấu*)

Có đến gần một tuần[1] không thấy ba anh em nhà ấy[2] ra sân chơi, nhưng sau đó chúng lại xuất hiện, ồn ào hơn trước. Thằng anh lớn nhìn thấy tôi[3] trên cây[4], nó gọi, giọng thân mật :

– Xuống đây chơi với chúng tớ !

Chúng tôi trèo lên cái xe trượt tuyết[5] cũ để ở dưới mái hiên nhà kho rồi vừa ngắm nghía nhau, vừa nói chuyện rất lâu.

– Các cậu có bị ăn đòn không ? [6]

– Có – Thằng anh lớn trả lời.

Tôi thấy khó mà tin được rằng những đứa trẻ này cũng bị đánh đòn như tôi[7], tôi thấy tức thay cho chúng.

– Sao anh lại bắt chim ? – Thằng bé nhất hỏi.

– Vì chúng nó hót hay lắm.

– Không nên bắt, cứ để cho chúng muốn bay đi đâu thì bay.

– Được, mình sẽ không bắt nữa !

– Nhưng anh hãy bắt cho em một con đã.

– Em muốn chim gì ?

– Chim gì hót vui vui ấy. Để nhốt vào lồng.

– Thế thì chim bạch yến[8] nhé ?

– Mèo nó bắt mất – Thằng thứ hai nói – Mà bố cũng chẳng cho nuôi.

Thằng anh lớn tán thành :

– Đúng đấy, bố chẳng cho nuôi đâu...

– Thế các cậu có mẹ không ?

– Không – Thằng anh lớn đáp.

Nhưng thằng thứ hai chữa lại :

– Có, nhưng là mẹ khác, không phải là mẹ chúng tớ, chúng tớ không còn mẹ, mẹ chúng tớ chết rồi.

– Mẹ khác thì gọi là dì ghẻ – Tôi nói.

Thằng anh lớn gật đầu :

– Ừ.

Và cả ba đứa có vẻ nghĩ ngợi, gương mặt sầm lại.

Qua những truyện cổ tích của bà tôi, tôi đã biết thế nào là dì ghẻ, nên tôi rất thông cảm với sự im lặng, nghĩ ngợi của bọn nó. Chúng ngồi sát vào nhau, giống như những chú gà con. Tôi nhớ lại truyện mụ dì ghẻ phù thuỷ đã dùng mưu đánh lừa để giả làm mẹ thật, tôi liền bảo chúng :

– Mẹ thật của các cậu thế nào cũng sẽ về, rồi các cậu xem !

Thằng anh lớn nhún vai :

– Chết rồi cơ mà, về làm sao được...

Không được ư ? Trời ơi, biết bao nhiêu lần những người chết, thậm chí đã bị xả[9] ra từng mảnh, mà chỉ cần vẩy cho ít nước phép[10] là sống lại ; có biết bao nhiêu người chết mà không phải là chết thật, vì phép của bọn phù thuỷ.

Tôi bèn kể lại một cách sôi nổi cho chúng nghe những câu chuyện của bà tôi. Lúc đầu thằng anh lớn chỉ mỉm cười, sau nó nhẹ nhàng bảo :

– Những chuyện ấy chúng tớ biết cả rồi, đấy là những truyện cổ tích...

Hai em nó im lặng nghe, thằng bé nhất mím chặt môi và phồng má lên, còn thằng kia thì chống khuỷu tay lên đầu gối, cúi về phía tôi, tay kia quàng lên vai em nó, ấn em nó cúi xuống.

Trời đã bắt đầu tối, những đám mây đỏ treo lơ lửng trên các mái nhà, bỗng trước mắt chúng tôi hiện ra một ông già[11] với bộ ria trắng, mình vận chiếc áo dài lùng thùng màu nâu nhạt như của thầy tu, đầu đội chiếc mũ xù lông.

– Đứa nào đây ? – Ông ta hỏi và chỉ vào tôi.

Thằng anh lớn đứng dậy, hất đầu về phía nhà ông tôi :

– Nó ở... bên kia sang...

– Đứa nào gọi nó sang ?

Tức thì cả mấy đứa trẻ lặng lẽ bước ra khỏi chiếc xe và đi vào nhà, khiến tôi lại nghĩ đến những con ngỗng ngoan ngoãn[12].

Ông già nắm chặt lấy vai tôi và dẫn tôi qua sân ra cổng ; ông ta làm tôi sợ đến phát khóc, nhưng ông bước dài và nhanh đến nỗi tôi chưa kịp khóc oà lên thì đã ở ngoài đường rồi, còn ông ta đứng trước cổng, giơ ngón tay doạ tôi và nói :

– Cấm không được đến nhà tao !

[...] Tôi vẫn tiếp tục chơi với mấy đứa trẻ ấy và cảm thấy rất vui thích. Trong một ngách hẹp giữa bức tường nhà tôi và hàng rào nhà Ốp-xi-an-ni-cốp có một cây du, một cây bồ đề và một bụi hương mộc rậm rạp. Nấp sau bụi cây đó, tôi khoét một lỗ hổng hình bán nguyệt ở hàng rào, mấy thằng bé, lần lượt từng đứa hay hai đứa một, lại gần, và chúng tôi ngồi xổm hoặc quỳ xuống nói chuyện khe khẽ với nhau. Một đứa trong số ba anh em chúng phải luôn đứng canh để đề phòng ông đại tá bất chợt bắt gặp chúng tôi.

Chúng kể cho tôi nghe cuộc sống buồn tẻ của chúng, và những chuyện đó làm tôi buồn lắm ; chúng kể cho tôi nghe về những con chim tôi bẫy được đang sống ra sao và nhiều chuyện trẻ con khác, nhưng tôi nhớ lại thì chưa bao giờ chúng nói một lời nào về bố và về dì ghẻ. Thường thì chúng chỉ đề nghị tôi kể truyện cổ tích ; tôi kể lại những truyện bà tôi đã kể, và nếu quên chỗ nào, tôi bảo chúng đợi, rồi chạy về nhà hỏi lại bà tôi. Thấy thế bà tôi thường rất hài lòng.

Tôi cũng kể cho chúng nghe nhiều về bà tôi ; một hôm thằng lớn thở dài nói :

– Có lẽ tất cả các bà đều rất tốt, bà tớ ngày trước cũng rất tốt...

Nó thường nói một cách buồn bã : ngày trước, trước kia, đã có thời... dường như nó đã sống trên trái đất này một trăm năm, chứ không phải mười một năm. Tôi còn nhớ nó có đôi bàn tay nhỏ nhắn, những ngón tay thon thon và người mảnh dẻ, yếu ớt, cặp mắt rất sáng, nhưng dịu dàng như ánh sáng của những ngọn đèn trong nhà thờ. Hai em nó cũng rất dễ thương, tôi tin yêu lắm, tôi luôn muốn làm cho chúng vui thích, nhưng tôi ưa thằng lớn hơn cả...

(M. Go-rơ-ki[4], *Thời thơ ấu*, theo bản dịch
của Trần Khuyến – Cẩm Tiêu, NXB Văn học, Hà Nội, 1976.
Tên bài do NBS đặt)

Chú thích

(♦) Mác-xim Go-rơ-ki (1868 – 1936) là bút danh của A-lếch-xây Pê-scốp, một trong những nhà văn lớn của Nga và của thế giới trong thế kỉ XX. Pê-scốp mồ côi bố khi mới ba tuổi và sống với ông bà ngoại ; lớn lên, lại phải đi làm rất nhiều nghề để kiếm ăn. Bút danh "Go-rơ-ki", theo tiếng Nga, có nghĩa là "cay đắng". Go-rơ-ki là tác giả của bộ ba tiểu thuyết tự thuật, loại tiểu thuyết nhà văn dùng ngôi thứ nhất (xưng "tôi") kể chuyện đời mình : *Thời thơ ấu* (1913 – 1914), *Kiếm sống* (1916), *Những trường đại học của tôi* (1923). Một tác phẩm quan trọng khác của ông là *Người mẹ* (1906 – 1907), tiểu thuyết viết về sự chuyển biến tư tưởng của nhân vật chính, một bà mẹ Nga, về phía chủ nghĩa xã hội.

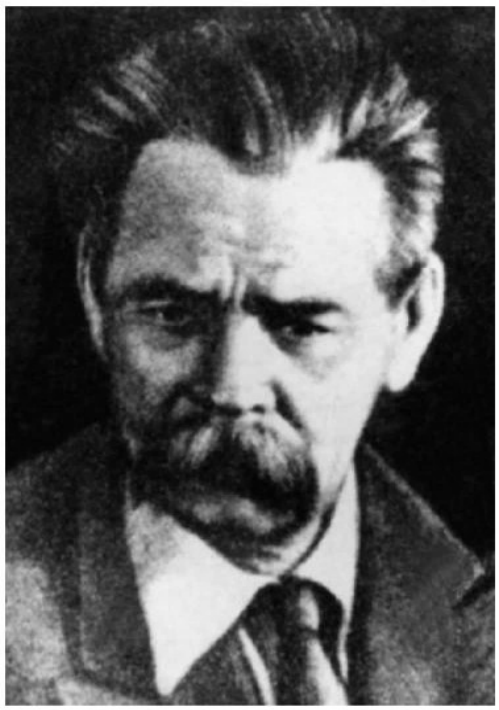

M. GO-RƠ-KI

Văn bản *Những đứa trẻ* trích ở chương IX tác phẩm *Thời thơ ấu* (gồm mười ba chương). Dạo ấy, dưới thời Nga hoàng, A-li-ô-sa (tên thân mật thường gọi ở nhà của Mác-xim Go-rơ-ki) ở với ông bà ngoại vì bố mất sớm, mẹ đi lấy chồng khác. Bên hàng xóm là nhà ông đại tá Ốp-xi-an-ni-cốp đã già, sống với người vợ kế và ba đứa con nhỏ mồ côi mẹ khoảng trên dưới mười tuổi, trạc tuổi với A-li-ô-sa. Do tình cờ có lần A-li-ô-sa cùng hai đứa lớn con ông đại tá kéo dây gàu lên cứu được thằng nhỏ chơi nghịch nhảy vào gàu rơi xuống giếng, nên mấy đứa trẻ chơi thân với A-li-ô-sa, bất chấp sự cấm đoán của bố. Đoạn trích *Những đứa trẻ* tiếp theo sự kiện ấy.

(1) Sau sự kiện thằng bé ngã xuống giếng (xem chú thích ♦).

(2) Ba đứa trẻ con đại tá Ốp-xi-an-ni-cốp (xem chú thích ♦).

(3) Nhân vật người kể chuyện ; ở đây là Mác-xim Go-rơ-ki.

(4) Cái cây bên nhà A-li-ô-sa sát ngay hàng rào nhà đại tá Ốp-xi-an-ni-cốp.

(5) *Xe trượt tuyết* : loại xe không có bánh, di chuyển bằng cách trượt trên tuyết ở những miền băng giá.

(6) Bị đòn vì chơi đùa nghịch ngợm để thằng em ngã xuống giếng.

(7) Ông ngoại của A-li-ô-sa là người rất khó tính, nên A-li-ô-sa thường bị đe nẹt và ăn đòn một cách oan uổng.

(8) *Chim bạch yến* : loài chim yến lông trắng muốt, hót rất hay.

(9) *Xả* : chặt ra thành từng mảnh lớn (thường nói về thịt gia súc).

(10) *Nước phép* : loại nước thuốc có thể làm cho người chết sống lại (theo mê tín hoặc trong các truyện dân gian).

(11) Đại tá Ốp-xi-an-ni-cốp, bố của ba đứa trẻ.

(12) Ở đoạn trước khi xảy ra chuyện thằng bé ngã xuống giếng, A-li-ô-sa đang ngồi trên cành cây nhìn mấy đứa trẻ chơi ngoài sân thì nghe tiếng đại tá ở trong nhà gọi các con vào, Go-rơ-ki kể : "Chúng thong thả và ngoan ngoãn đi vào hệt như những chú ngỗng".

ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN

1. Thử chia văn bản này thành ba phần và đặt tiêu đề cho mỗi phần. Tìm những chi tiết xuất hiện ở cả phần 1 và phần 3 tạo nên sự kết nối chặt chẽ.

2. Xem xét hoàn cảnh của chú bé A-li-ô-sa, ba đứa con đại tá Ốp-xi-an-ni-cốp và quan hệ giữa hai gia đình để lí giải vì sao tình bạn tuổi thơ trong trắng ấy để lại ấn tượng sâu sắc cho nhà văn, khiến hơn ba mươi năm sau ông vẫn còn nhớ như in và thuật lại hết sức xúc động.

3. Tìm trong văn bản một số hình ảnh của ba đứa trẻ hàng xóm qua sự cảm nhận tinh tế của A-li-ô-sa ; sau đó phân tích và bình luận những hình ảnh đó.

4. Chuyện đời thường và truyện cổ tích được lồng vào nhau trong nghệ thuật kể chuyện của Go-rơ-ki như thế nào qua các chi tiết liên quan đến những người mẹ và những người bà trong văn bản này ?

Ghi nhớ

Trong đoạn trích ***Những đứa trẻ****, bằng tài kể chuyện giàu hình ảnh, đan xen chuyện đời thường với truyện cổ tích, Mác-xim Go-rơ-ki đã thuật lại hết sức sinh động tình bạn thân thiết nảy sinh giữa ông hồi còn nhỏ với mấy đứa trẻ sống thiếu tình thương bên hàng xóm, bất chấp những cản trở trong quan hệ xã hội lúc bấy giờ.*

TRẢ BÀI KIỂM TRA VỀ THƠ VÀ TRUYỆN HIỆN ĐẠI

1. Đọc kĩ lại đề bài, bài làm của mình, nhận xét của giáo viên. Đối chiếu với các yêu cầu về nội dung và hình thức của bài kiểm tra mà thầy (cô) giáo đã nêu, nhận ra những chỗ đã đáp ứng được và những điểm còn thiếu sót trong bài.

2. Sửa chữa (bằng bút chì) những chỗ sai kiến thức trong phần kiểm tra trắc nghiệm, hoặc những câu hỏi kiểm tra kiến thức đơn giản.

3. Xem lại văn bản tác phẩm được đề cập trong đề tập làm văn, đối chiếu với yêu cầu của đề, làm lại một dàn ý chi tiết cho bài.

4. Sửa chữa hoặc viết lại một đoạn trong bài tập làm văn của mình theo dàn ý đã lập.

TRẢ BÀI TẬP LÀM VĂN SỐ 3

Bài tập làm văn số 3 yêu cầu học sinh viết một bài văn tự sự trong đó có sử dụng các yếu tố miêu tả nội tâm và nghị luận. Để giờ trả bài trên lớp đạt kết quả tốt, học sinh cần chú ý một số điểm sau đây :

1. Đọc lại (ở nhà) phần Tập làm văn của các bài học về văn tự sự kết hợp với miêu tả nội tâm và tự sự kết hợp với nghị luận để nắm vững đặc điểm, yêu cầu và cách thức làm các kiểu bài kết hợp đó.

2. Nhớ lại bài viết của mình và tự suy nghĩ, đối chiếu với các yêu cầu về kiểu bài này, từ đó phân tích và tự đánh giá những gì mình đã làm được và những gì chưa làm được.

– Bài viết có đủ ba phần không ? Thiếu phần nào ? Phần nào làm chưa tốt ? Tại sao ?

– Bài viết kể chuyện gì ? Nhân vật, sự việc và quá trình diễn biến của câu chuyện có sinh động không ?

– Những yếu tố miêu tả nội tâm và nghị luận đã được vận dụng vào chỗ nào, có tự nhiên và phù hợp không ? Những yếu tố miêu tả nội tâm và nghị luận ấy đã làm cho bài văn thêm sinh động và sâu sắc như thế nào ? Nếu không có các yếu tố ấy thì câu chuyện được kể có ảnh hưởng gì không ?

3. Xem lại bài viết đã được trả, đọc kĩ lời phê và suy nghĩ về những chỗ ghi lỗi của thầy, cô giáo. Thống kê các lỗi bài mình mắc phải :

– Lỗi về bố cục ;

– Lỗi về diễn đạt, dùng từ ;

– Lỗi về chính tả, ngữ pháp ;

– Lỗi về thiếu ý, thừa ý, lặp ý (trong đó có yếu tố miêu tả nội tâm và nghị luận).

4. Tìm hiểu nguyên nhân và sửa các lỗi trong bài viết của mình.

TRẢ BÀI KIỂM TRA TỔNG HỢP CUỐI HỌC KÌ I

Bài kiểm tra tổng hợp có hình thức kết hợp giữa trắc nghiệm và tự luận. Nội dung kiểm tra theo hướng tích hợp và toàn diện hơn. Những kiến thức và kĩ năng của cả ba phần Văn, Tiếng Việt và Tập làm văn đều được kiểm tra và có liên quan với nhau. Để giờ trả bài kiểm tra này được tốt, học sinh cần chú ý mấy điểm sau đây :

1. Xem lại bài hướng dẫn ôn tập và kiểm tra tổng hợp cuối học kì trong sách giáo khoa để nắm vững nội dung, yêu cầu và cách thức làm kiểu bài tổng hợp đó.

2. Từ bài viết của mình, suy nghĩ, đối chiếu với các yêu cầu về kiểu bài này, từ đó phân tích và tự đánh giá những gì đã làm được và những gì chưa làm được.

– Về phần trắc nghiệm :

+ Các câu trắc nghiệm kiểm tra những nội dung kiến thức và kĩ năng nào ?

+ Để trả lời đúng được các câu trắc nghiệm ấy, cần chú ý những gì ?

+ Bài làm của em đã trả lời đúng được những câu nào ? Những câu nào em đã trả lời sai ? Vì sao sai ?

– Về phần tự luận :

+ Đề bài yêu cầu viết kiểu văn bản nào ? Có yêu cầu kết hợp với các phương thức biểu đạt khác không ? Nếu có thì đó là những phương thức nào ?

+ Bố cục bài viết có đầy đủ không ?

+ Nội dung còn thiếu những gì ? Các yếu tố của các phương thức kết hợp có vận dụng được không ?

3. Xem lại bài viết đã được trả, đọc kĩ và suy nghĩ về nhận xét của thầy, cô giáo. Thống kê các lỗi bài mình mắc phải (lỗi về bố cục, về diễn đạt, dùng từ, về chính tả, ngữ pháp, lỗi về thiếu ý, thừa ý).

4. Tìm hiểu nguyên nhân và sửa các lỗi trong bài làm của mình.

MỤC LỤC

Bài	Nội dung	Trang
1	• *Phong cách Hồ Chí Minh*	5
	• Các phương châm hội thoại	8
	• Sử dụng một số biện pháp nghệ thuật trong văn bản thuyết minh	12
	• Luyện tập sử dụng một số biện pháp nghệ thuật trong văn bản thuyết minh	15
2	• *Đấu tranh cho một thế giới hoà bình*	17
	• Các phương châm hội thoại (*tiếp theo*)	21
	• Sử dụng yếu tố miêu tả trong văn bản thuyết minh	24
	• Luyện tập sử dụng yếu tố miêu tả trong văn bản thuyết minh	28
3	• *Tuyên bố thế giới về sự sống còn, quyền được bảo vệ và phát triển của trẻ em*	31
	• Các phương châm hội thoại (*tiếp theo*)	36
	• Xưng hô trong hội thoại	38
	• Viết bài tập làm văn số 1 – Văn thuyết minh	42
4	• *Chuyện người con gái Nam Xương* (trích *Truyền kì mạn lục*)	43
	• Cách dẫn trực tiếp và cách dẫn gián tiếp	53
	• Sự phát triển của từ vựng	55
	• Luyện tập tóm tắt văn bản tự sự	58
5	• *Chuyện cũ trong phủ chúa Trịnh* (trích *Vũ trung tuỳ bút*)	60
	• *Hoàng Lê nhất thống chí* – Hồi thứ mười bốn (trích)	64
	• Sự phát triển của từ vựng (*tiếp theo*)	72
	• Trả bài tập làm văn số 1	76

6	• *Truyện Kiều* của Nguyễn Du • *Chị em Thuý Kiều* (trích *Truyện Kiều*) • *Cảnh ngày xuân* (trích *Truyện Kiều*) • Thuật ngữ • Miêu tả trong văn bản tự sự	77 81 84 87 91
7	• *Kiều ở lầu Ngưng Bích* (trích *Truyện Kiều*) • *Mã Giám Sinh mua Kiều* (trích *Truyện Kiều*) (Tự học có hướng dẫn) • Trau dồi vốn từ • Viết bài tập làm văn số 2 – Văn tự sự	93 97 99 105
8	• *Thuý Kiều báo ân báo oán* (trích *Truyện Kiều*) • *Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga* (trích *Truyện Lục Vân Tiên*) • Miêu tả nội tâm trong văn bản tự sự	106 109 117
9	• *Lục Vân Tiên gặp nạn* (trích *Truyện Lục Vân Tiên*) • Chương trình địa phương (phần Văn) • Tổng kết về từ vựng • Trả bài tập làm văn số 2	118 122 122 127
10	• *Đồng chí* • *Bài thơ về tiểu đội xe không kính* • Kiểm tra về truyện trung đại • Tổng kết về từ vựng (*tiếp theo*) • Nghị luận trong văn bản tự sự	128 131 134 135 137
11	• *Đoàn thuyền đánh cá* • *Bếp lửa* (Tự học có hướng dẫn) • Tổng kết về từ vựng (*tiếp theo*) • Tập làm thơ tám chữ	139 143 146 148
12	• *Khúc hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ* • *Ánh trăng* • Tổng kết về từ vựng (Luyện tập tổng hợp) • Luyện tập viết đoạn văn tự sự có sử dụng yếu tố nghị luận	152 155 158 160

13	• *Làng* (trích) • Chương trình địa phương (phần Tiếng Việt) • Đối thoại, độc thoại và độc thoại nội tâm trong văn bản tự sự • Luyện nói : Tự sự kết hợp với nghị luận và miêu tả nội tâm	162 175 176 179
14	• *Lặng lẽ Sa Pa* (trích) • Ôn tập phần Tiếng Việt • Viết bài tập làm văn số 3 – Văn tự sự • Người kể chuyện trong văn bản tự sự	180 190 191 192
15	• *Chiếc lược ngà* (trích) • Kiểm tra về thơ và truyện hiện đại • Kiểm tra phần Tiếng Việt • Ôn tập phần Tập làm văn	195 203 204 206
16	• *Cố hương* • Ôn tập phần Tập làm văn (*tiếp theo*) • Kiểm tra tổng hợp cuối học kì I	207 220 221
17	• *Những đứa trẻ* (trích *Thời thơ ấu*) • Trả bài kiểm tra về thơ và truyện hiện đại • Trả bài tập làm văn số 3 • Trả bài kiểm tra tổng hợp cuối học kì I	229 234 234 235

Chịu trách nhiệm xuất bản : Chủ tịch Hội đồng Thành viên **NGUYỄN ĐỨC THÁI**
Tổng Giám đốc **HOÀNG LÊ BÁCH**
Chịu trách nhiệm nội dung : Tổng biên tập **PHAN XUÂN THÀNH**

Biên tập lần đầu : **KIM CHUNG – NGỌC KHANH – HIỀN TRANG**
Biên tập tái bản : **NGUYỄN THỊ KIM HẰNG**
Biên tập kĩ thuật và trình bày : **TRẦN THANH HẰNG – ĐINH XUÂN DUNG**
Trình bày bìa và minh hoạ : **TRẦN TIỂU LÂM**
Sửa bản in : **NGUYỄN TRÍ SƠN**
Chế bản : **CÔNG TY CP DỊCH VỤ XUẤT BẢN GIÁO DỤC HÀ NỘI**

NGỮ VĂN 9 – TẬP MỘT

Mã số : 2H912T0

In.....bản (QĐ ...), khổ 17 x 24cm.

Đơn vị in: ... địa chỉ ...

Cơ sở in: ... địa chỉ ...

Số ĐKXB: 01-2020/CXBIPH/333-869/GD

Số QĐXB: ... /QĐ-GD ngày ... tháng ... năm ...

In xong và nộp lưu chiểu quý ... năm .....

Mã số ISBN : Tập một : 978-604-0-18612-6

Tập hai : 978-604-0-18613-3